



BỘ XÂY DỰNG – CỤC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

UN HABITAT

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH CƯ CON NGƯỜI LIÊN HỢP QUỐC

# KỶ YẾU KHÓA TẬP HUẤN THIẾT LẬP HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ DỰA TRÊN KẾT QUẢ ÁP DỤNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (DỰ ÁN VNM8P01)

Hà Nội, ngày 20-21 tháng 3 năm 2014



# MỤC LỤC

<b>A. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KHÓA ĐÀO TẠO</b>	<b>1</b>
1. Bối cảnh chương trình tập huấn	1
2. Tổng quan chương trình tập huấn	1
3. Kết quả dự kiến	2
4. Giảng viên bao gồm	2
5. Chương trình tập huấn	3
<b>B. CÁC BÀI THUYẾT TRÌNH (NGÀY 1)</b>	<b>5</b>
1. Các bước xây dựng một hệ thống theo dõi và đánh giá đô thị dựa trên kết quả [Ông Nguyễn Quang – Giám đốc chương trình, UN-Habitat]	6
2. Theo dõi và đánh giá thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [Ông Phạm Đăng Quyết – Viện Khoa học Thống kê, GSO]	39
3. Các khái niệm chính và phương pháp luận của hệ thống Quan trắc đô thị (UOS) + Chỉ số Thành phố Thịnh vượng + Các nghiên cứu quốc tế về UOS [Ông. Claudio Acioly]	59
4. Phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả trong việc thực hiện các dự án đô thị [Ông Trần Quốc Thái – Phó Cục trưởng Cục PTĐT]	119
<b>C. CÁC BÀI THUYẾT TRÌNH (NGÀY 2)</b>	<b>127</b>
1. Nghiên cứu điểm về hệ thống chỉ số thống kê đô thị và chỉ số đô thị bền vững [Bà Đỗ Minh Huyền & JuHyun Lee – UNH]	128
2. Đề xuất xây dựng hệ thống chỉ số đô thị tại Việt Nam [UDA]	142
3. Đề xuất xây dựng hệ thống chỉ số đô thị tại Việt Nam [Bà Nguyễn Hồng Hạnh_Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu KTXD và Đô thị]	156
4. Khung tiêu chí “Thành phố đáng sống” cho thành phố Đà Nẵng đến năm 2020 [Ông Ngô Tấn Hưng - Phó phòng Nghiên cứu Đô thị - DISED]	170
<b>D. THẢO LUẬN NHÓM</b>	<b>182</b>
<b>E. ĐÁNH GIÁ KHÓA HỌC</b>	<b>198</b>
<b>F. TƯ LIỆU ẢNH CỦA KHÓA HỌC</b>	<b>209</b>

# KHÓA TẬP HUẤN VỀ THIẾT LẬP HỆ THỐNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ DỰA TRÊN KẾT QUẢ TRONG LĨNH VỰC ĐÔ THỊ

Hà Nội, 20-21 tháng 3, 2014 (2 ngày)

## 1. Bối cảnh chương trình tập huấn

Để đáp ứng nhu cầu của Bộ Xây dựng về hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao chất lượng của bộ cơ sở dữ liệu đô thị, tạo điều kiện đánh giá một cách toàn diện tình hình đô thị hóa cho quy hoạch và phát triển đô thị bền vững cũng như xây dựng Chiến lược Phát triển Đô thị Quốc gia, UN-Habitat phối hợp cùng Cục Phát triển Đô thị (Bộ Xây dựng) và Tổng Cục Thống kê (GSO) đã thiết lập hợp phần dự án về Tăng cường hệ thống Quan trắc và Thống kê đô thị cho Chính sách và Quy hoạch Phát triển dựa trên bằng chứng. Nhằm nâng cao năng lực theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả ở cả cấp quốc gia và cấp địa phương, cùng năng lực hoạch định chính sách và quy hoạch đô thị dựa trên bằng chứng, UN-Habitat dự định phối hợp với các đối tác trong nước để tổ chức một loạt khóa tập huấn về thiết lập hệ thống theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả và các chỉ số đô thị.

Khóa tập huấn đầu tiên về hệ thống Chỉ số Đô thị, đã được UN-Habitat phối hợp với Cục Phát triển Đô thị (UDA) tổ chức vào tháng 12 năm 2013, nhằm mục đích mở rộng quan điểm của nhóm lãnh đạo dự án (gồm Tổ công tác từ Cục Phát triển Đô thị, Bộ Xây dựng, Tổng cục Thống kê, và Hiệp Hội các Đô thị Việt Nam), cùng các chuyên viên kỹ thuật cấp thành phố, với kiến thức về xu hướng toàn cầu và kinh nghiệm phong phú trong việc xây dựng một hệ thống chỉ số mới. Khóa tập huấn này đồng thời tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận về tiềm năng và các thách thức trong việc thể chế hóa hệ thống chỉ số đô thị tại Việt Nam, và củng cố nền tảng vững chắc cho việc lên kế hoạch hành động xây dựng hệ thống chỉ số đô thị.

Đây là khóa tập huấn thứ 2, nhằm mục đích tạo điều kiện thảo luận sâu về quá trình xây dựng hệ thống theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả trong lĩnh vực đô thị tại Việt Nam dựa trên kết quả thảo luận của khóa tập huấn đầu tiên. Khóa tập huấn thứ 2 này cũng thông qua thảo luận, giới thiệu đến các học viên, sáng kiến gần đây của UN-Habitat về Chỉ số thành phố thịnh vượng (CPI), nhằm hướng dẫn lồng ghép các biện pháp can thiệp bằng chính sách để cải thiện chất lượng và tính bền vững của tăng trưởng kinh tế đô thị.

## 2. Tổng quan chương trình tập huấn

Mục tiêu chính của khóa tập huấn:

- 1) Để mở rộng quan niệm, hiểu biết và kiến thức về hệ thống theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả và sáng kiến chỉ số đô thị bằng cách chia sẻ các xu hướng và kinh nghiệm toàn cầu.
- 2) Để thảo luận và phát triển quá trình thiết lập hệ thống theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả và xây dựng bộ chỉ số đô thị Việt Nam.
- 3) Để tăng cường cam kết và phối hợp giữa các cơ quan Chính phủ và các sở ban ngành của các thành phố nhằm xây dựng hệ thống chỉ số đô thị.

### **3. Kết quả dự kiến**

Thông qua khóa tập huấn, Cục Phát triển Đô thị và Tổng cục Thống kê và các đối tác chính sẽ:

- 1) Nâng cao hiểu biết ở cấp quốc gia và địa phương trong việc thiết lập hệ thống theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả và xây dựng bộ chỉ số đô thị Việt Nam tập trung nhiều hơn vào chất lượng cuộc sống và các vấn đề xã hội
- 2) Xây dựng lộ trình thiết lập hệ thống theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả và xây dựng bộ chỉ số đô thị Việt Nam
- 3) Môi quan hệ hợp tác giữa các cá nhân làm việc trong các lĩnh vực khác nhau.

### **4. Giảng viên bao gồm**

- 1) Các chuyên gia từ UN-Habitat
- 2) Các chuyên gia quốc tế và chuyên gia trong nước
  - Thành viên Tổ công tác để thiết lập hệ thống chỉ số đô thị
  - Cán bộ kỹ thuật từ Tổng Cục Thống kê và Bộ Xây dựng
  - Cán bộ kỹ thuật từ Cục Thống kê, Phòng Thống kê và Phòng Quản lý Đô thị cấp thành phố (các thành phố được lựa chọn trong quá trình thảo luận với đối tác địa phương)
  - Các cơ quan liên quan từ các Bộ ban ngành
  - Một số khách mời từ các tổ chức phi chính phủ, các trường đại học, học viện, Bộ Xây dựng, các tổ chức, hội nghề nghiệp



## 5. Chương trình tập huấn

**NGÀY 1 (20<sup>th</sup> March 2014)**

**Phiên khai mạc:** Phát biểu giới thiệu, chào mừng và tổng quan khóa tập huấn

- |               |   |
|---------------|---|
| 08:00 – 08:30 | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Giới thiệu đại biểu<br/><i>Cán bộ Cục Phát triển Đô thị Việt Nam</i></li><li>2. Phát biểu khai mạc<br/><i>Ông Đỗ Viết Chiến, Cục trưởng Cục PTĐT, Bộ Xây dựng</i></li><li>3. Phát biểu chào mừng<br/><i>Ông Nguyễn Quang, Giám đốc Chương trình UN-Habitat tại Việt nam.</i></li><li>4. Phát biểu chào mừng<br/><i>Ông Claudio Acioly – Trưởng ban Đào tạo Chương trình UN-Habitat toàn cầu.</i></li></ol> |
|---------------|---|

### I. Xây dựng hệ thống theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả

Nắm được các bước xây dựng một hệ thống theo dõi và đánh giá đô thị dựa trên kết quả

- |               |   |
|---------------|---|
| 08:30 – 10:00 | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Các bước xây dựng một hệ thống theo dõi và đánh giá đô thị dựa trên kết quả<br/><i>[Ông Nguyễn Quang – Giám đốc chương trình, UN-Habitat]</i></li><li>2. Theo dõi và đánh giá thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030<br/><i>[Ông Phạm Đăng Quyết – Viện Khoa học Thống kê, GSO]</i></li><li>3. Hỏi đáp</li></ol> |
|---------------|---|

**Nghỉ giải lao (15’): 10:00 - 10:15**

### II. Bài tập nhóm I về Quản lý dựa trên kết quả

Thảo luận lí do phải thiết lập hệ thống quan trắc đô thị tại Việt Nam và Bài tập về quản lý dựa trên kết quả:

- |               |  |
|---------------|--|
| 10:15 – 12:00 | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Bài tập nhóm về khung Quản lý dựa trên kết quả: Phần I<br/>Làm rõ các khái niệm mục tiêu, tác động, đầu ra, kết quả cuối cùng</li></ol> |
|---------------|--|

**Nghỉ trưa (90’): 12:00 - 13:30**

### III. Giới thiệu hệ thống Quan trắc đô thị

Hiểu rõ việc xây dựng chính sách dựa trên kết quả và theo dõi nguồn tài nguyên tại Việt Nam thông qua các trường hợp nghiên cứu

- |               |  |
|---------------|--|
| 13:30 – 14:35 | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Các khái niệm chính và phương pháp luận của hệ thống Quan trắc đô thị (UOS) + Chỉ số Thành phố Thịnh vượng + Các nghiên cứu quốc tế về UOS<br/><i>[Ông. Claudio Acioly]</i></li><li>2. Phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả trong việc thực hiện các dự án đô thị<br/><i>[Ông Trần Quốc Thái – Phó Cục trưởng Cục PTĐT]</i></li><li>3. Hỏi đáp</li></ol> |
|---------------|--|

**Nghỉ giải lao (15’): 14:35 – 14:50**

### IV. Bài tập nhóm số II về Quản lý dựa trên kết quả

**Bài tập nhóm 1: Xác định mức độ hông kiến thức**  
**Bài tập nhóm 2: Học Quản lý dựa trên kết quả qua thực hành**

- |               |   |
|---------------|---|
| 14:50 – 16:45 | <p><b>Mục tiêu:</b> Thảo luận lí do phải thiết lập hệ thống quan trắc đô thị tại Việt Nam và bài tập về Quản lý dựa trên kết quả</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Bài tập nhóm về khung Quản lý dựa trên kết quả: Phần 2</li><li>- Xác định các chỉ số đo lường kết quả (tác động, kết quả cuối cùng, đầu ra)</li></ol> |
|---------------|---|

**Tổng kết và kết thúc (15’)**

## NGÀY 2 (21<sup>st</sup> March 2014)

### Phiên toàn thể xem xét & đánh giá: Đánh giá công việc của ngày I; Chuẩn bị cho ngày II

- |               |  |
|---------------|--|
| 08:30 – 09:00 | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Xem xét và đánh giá</li><li>2. Hỏi đáp/ Thông báo</li></ol> |
|---------------|--|

### V. Tổng quan các sáng kiến chỉ số đô thị

#### Giới thiệu các hệ thống chỉ số đô thị tại các thành phố khác nhau

- |               |  |
|---------------|--|
| 09:00 – 10:40 | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Nghiên cứu điểm về hệ thống chỉ số thống kê đô thị và chỉ số đô thị bền vững [Bà Đỗ Minh Huyền &amp; JuHyun Lee –UNH]</li><li>2. Đề xuất xây dựng hệ thống chỉ số đô thị tại Việt Nam [UDA]</li><li>3. Đề xuất xây dựng hệ thống chỉ số đô thị tại Việt Nam [Bà Nguyễn Hồng Hạnh_Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu KTXD và Đô thị]</li><li>4. Khung tiêu chí “Thành phố đáng sống” cho thành phố Đà Nẵng đến năm 2020 [Ông Ngô Tấn Hưng - Phó phòng Nghiên cứu Đô thị - DISED]</li><li>5. Hỏi đáp</li></ol> |
|---------------|--|

**Nghỉ giải lao (10’): 10:40 - 10:50**

### VI. Bài tập nhóm số III về Quản lý dựa trên kết quả

#### Thảo luận lí do phải thiết lập hệ thống quan trắc đô thị tại Việt Nam và làm bài tập về Quản lý dựa trên kết quả

- |               |  |
|---------------|--|
| 10:50 – 12:00 | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Bài tập nhóm về Khung Quản lý dựa trên kết quả: Phần 3 – làm rõ cơ sở và mục tiêu, phương pháp thu thập dữ liệu, ai thu thập dữ liệu, tần suất thu thập dữ liệu</li><li>2. Trình bày nhóm</li></ol> |
|---------------|--|

**Nghỉ trưa (90’): 12:00 - 13:30**

### VII. Bài tập nhóm số IV về Quản lý dựa trên kết quả

#### Thảo luận lí do phải thiết lập hệ thống quan trắc đô thị tại Việt Nam và làm bài tập về Quản lý dựa trên kết quả

- |               |  |
|---------------|--|
| 13:30 – 14:15 | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Bài tập nhóm về Khung Quản lý dựa trên kết quả: Phần 4 – ai phân tích dữ liệu, ai báo cáo dữ liệu, ai sẽ sử dụng dữ liệu?</li></ol> |
|---------------|--|

### VIII. Phát triển và hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng

#### Phát triển và hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng

- |               |   |
|---------------|---|
| 14:15 – 15:35 | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Thảo luận toàn thể: Phương pháp tiếp cận có hệ thống nhằm hỗ trợ chính sách phát triển đô thị</li><li>2. Hỏi đáp</li></ol> |
|---------------|---|

**Nghỉ giải lao (15’): 15:35 – 15:50**

### IX. Phiên tổng kết: Góp ý và tổng kết

- |               |                |
|---------------|----------------|
| 15:50 – 16:20 | Tổng kết (UNH) |
|---------------|----------------|

### X. Bế mạc

- |               |                                  |
|---------------|----------------------------------|
| 16:20 – 17:00 | Đánh giá/ Phát chứng chỉ/ Bế mạc |
|---------------|----------------------------------|

# CÁC BÀI THUYẾT TRÌNH (NGÀY 1)

20/03/2014

## **Xây dựng một hệ thống Giám sát và Đánh giá dựa trên kết quả cho lĩnh vực đô thị**

Tiền sỹ Nguyễn Quang  
Cán bộ quản lý chương trình của UNHabitat  
UN-Habitat Việt Nam

**UNHABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

### **Nội dung**

- Các Chỉ số Đô thị và các Mục tiêu Chính sách
  - Nhu cầu phải có các chỉ số về mục tiêu dài hạn và mục tiêu cụ thể
- Tại sao lại áp dụng hệ thống Giám sát & Đánh giá (M&E) dựa trên Kết quả trong lĩnh vực đô thị?
  - M&E dựa trên Kết quả - Một công cụ quản lý công mạnh
- Giám sát và Đánh giá (M&E) dựa trên Kết quả là gì?
  - Khái quát về khái niệm
- Tìm hiểu thuật ngữ Giám sát & Đánh giá (M&E) dựa trên Kết quả
- Áp dụng công cụ Giám sát & Đánh giá dựa trên Kết quả và những thách thức có thể có
- 10 bước để thiết kế, xây dựng và duy trì bền vững một hệ thống Giám sát & Đánh giá dựa trên Kết quả

**UNHABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE



## Chỉ số đô thị & Mục tiêu Chính sách

- Nhu cầu phải có các chỉ số về mục tiêu dài hạn và mục tiêu cụ thể

3

### Nhu cầu phải có các chỉ số về mục tiêu dài hạn và mục tiêu cụ thể

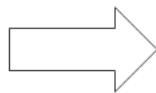
- Cần phải tư duy lại  
"những chỉ số hiện nay phù hợp với chính sách đô thị và các định hướng và chương trình nghị sự về phát triển đô thị ở Việt Nam đến mức nào?"

Các chỉ số chỉ dành cho thống kê



Các chỉ số để giám sát và đánh giá các kết quả của dự án và chương trình

Chuyển từ cách làm hình thức



Sang chú trọng hơn vào mục tiêu

4

## Những thách thức mới trong khu vực công và các động lực cho thay đổi

- Các chính phủ càng ngày càng được đòi hỏi nhiều hơn về việc chứng minh kết quả công việc và trách nhiệm trước các bên liên quan
- Các sáng kiến quốc tế đang thúc đẩy sự thay đổi (Ví dụ: Các Mục tiêu Thiên niên kỷ, Chương trình Môi trường sống, Nghị sự Thế kỷ 21, tư cách thành viên của WTO, v.v.)
- Các sáng kiến trong nội bộ cũng đang thúc đẩy sự thay đổi:
  - phi tập trung hóa, phân cấp, thương mại hóa và tư nhân hóa.
  - Thay đổi trong quy mô và nguồn lực của chính phủ.
- **Các hệ thống M&E dựa trên kết quả có thể là một công cụ quản lý đô thị mạnh để giúp các đô thị đo lường kết quả và giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu mong đợi.**

5

**UN HABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Tại sao lại áp dụng hệ thống Giám sát & Đánh giá (M&E) dựa trên Kết quả trong lĩnh vực đô thị?

M&E dựa trên kết quả - Một công cụ mạnh để quản lý khu vực công

6

## Các đặc điểm chính của một hệ thống M&E dựa trên Kết quả

- **Kết quả** là những **thay đổi** đạt được thông qua một loạt các hoạt động và can thiệp
- **Các hệ thống dựa trên kết quả giúp trả lời các câu hỏi sau:**
  - Mục tiêu cuối cùng của phát triển đô thị là gì?
  - Các đô thị có đạt được các mục tiêu đó không?
  - Làm thế nào để chứng minh việc đạt được mục tiêu

7

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Sức mạnh của việc đo lường kết quả

- Nếu bạn **không** đo lường **kết quả**, bạn **không thể** phân biệt **thành công** với thất bại.
- Nếu bạn **không** nhìn thấy **thành công**, thì bạn **không thể** **khen thưởng** cho thành công.
- Và nếu bạn **không** **khen thưởng thành công**, thì có thể bạn lại đang **khen thưởng thất bại**.
- Nếu bạn **không** nhìn thấy **thành công**, thì bạn **không thể** **học hỏi từ thành công**.
- Nếu bạn **không** nhận ra **thất bại**, thì bạn **không thể** sửa chữa được thất bại.
- Nếu bạn có thể **trình diễn được kết quả**, bạn có thể **dành được sự ủng hộ của công chúng**.

8

Nguồn: Biên soạn theo Osborne & Gaebler, 1992  
UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Giám sát và Đánh giá (M&E) dựa trên Kết quả là gì? - Khái quát về khái niệm

9

### Giới thiệu nhanh: khái niệm Quản lý dựa trên Kết quả (RBM)

#### Kết quả là gì?

- Kết quả là một thay đổi có thể mô tả hoặc đo lường được và đến từ một mối quan hệ nguyên nhân và kết quả.

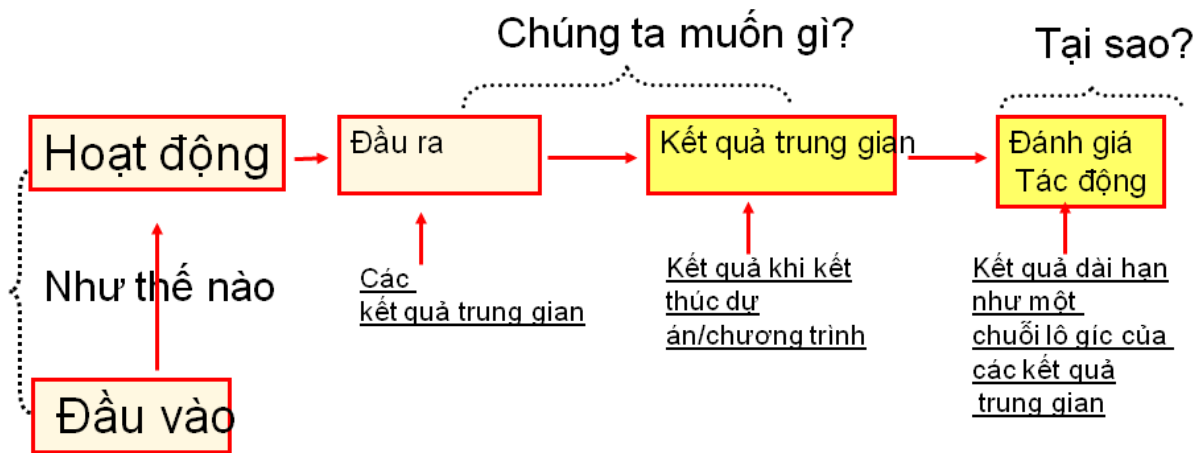
KẾT QUẢ = THAY ĐỔI  
NGUYÊN NHÂN      KẾT QUẢ

10

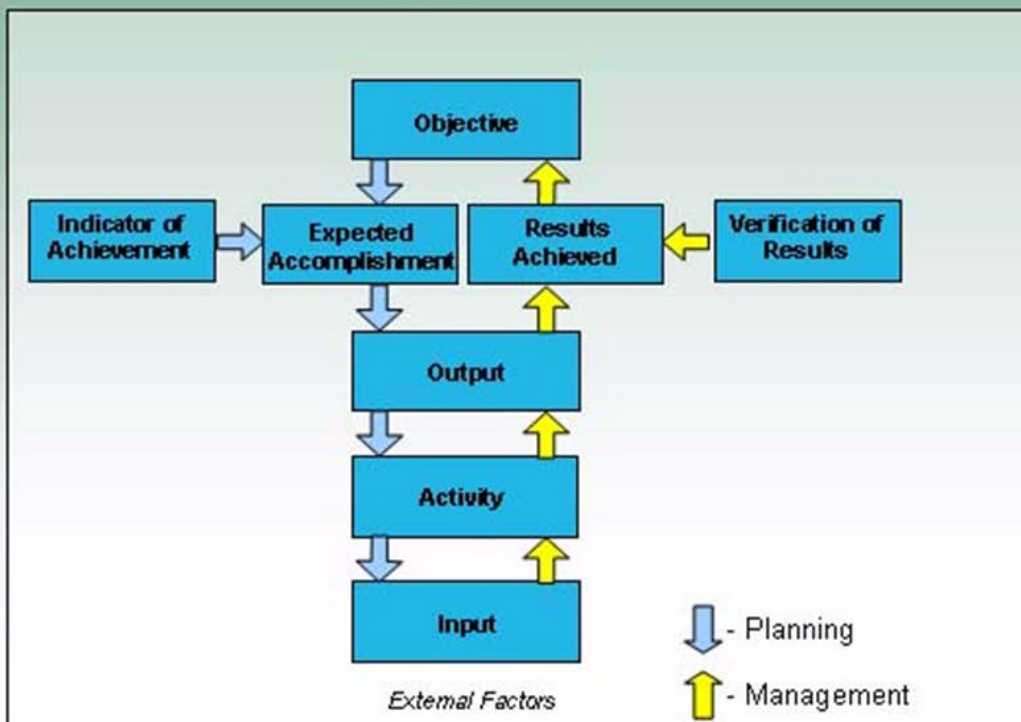


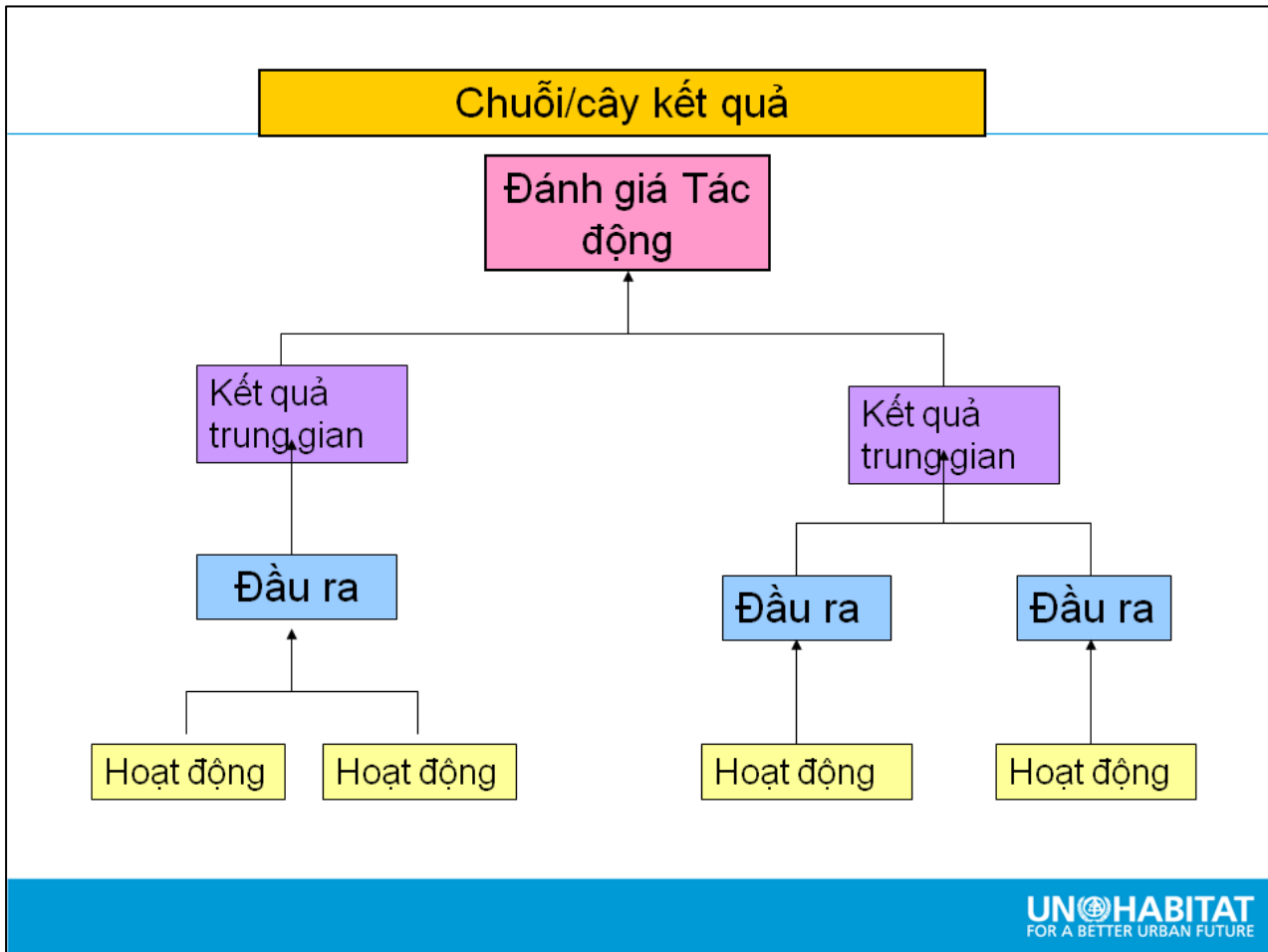
## Giới thiệu nhanh: khái niệm Quản lý dựa trên Kết quả (RBM)

### Các thuật ngữ RBM cơ bản



## The RBM Logframe

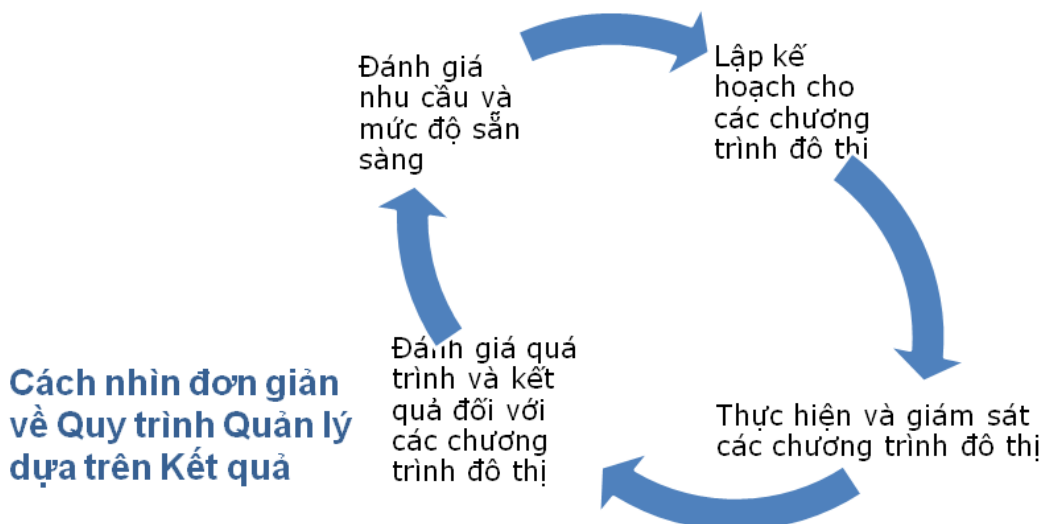




## Quản lý và Giám sát & Đánh giá dựa trên Kết quả

**M&E là một phần của Chu trình Quản lý Chương trình.**

- Giám sát và Đánh giá là một phần không thể tách rời của chu trình phát triển chương trình và việc sử dụng RMB



## Định nghĩa: Giám sát và Đánh giá

- **Giám sát** là một chức năng liên tục sử dụng việc thu thập một cách có hệ thống về một số các chỉ số cụ thể để cung cấp phản hồi thường xuyên và các chỉ số về tiến bộ và thành công trong việc đạt được các kết quả mong muốn. (Giám sát là một quá trình liên tục để báo cáo dựa trên bằng chứng về tiến bộ của chương trình. )

➔ Liệu chúng ta có đang đi đúng hướng để đạt được các kết quả mong muốn không?

- **Đánh giá** là việc xem xét một cách hệ thống và khách quan về một chương trình, dự án, chính sách hoặc một vấn đề phát triển đang được triển khai hoặc đã hoàn tất . Mục tiêu là để xác định tính phù hợp, hiệu quả, tác động, tính bền vững, tính kết nối và tác động của các hoạt động đối với các đối tượng.

➔ Chúng ta có đạt được các kết quả trung gian và kết quả dài hạn không? Nếu không, thì vì sao? Chúng ta có nên tiếp tục không?

15

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

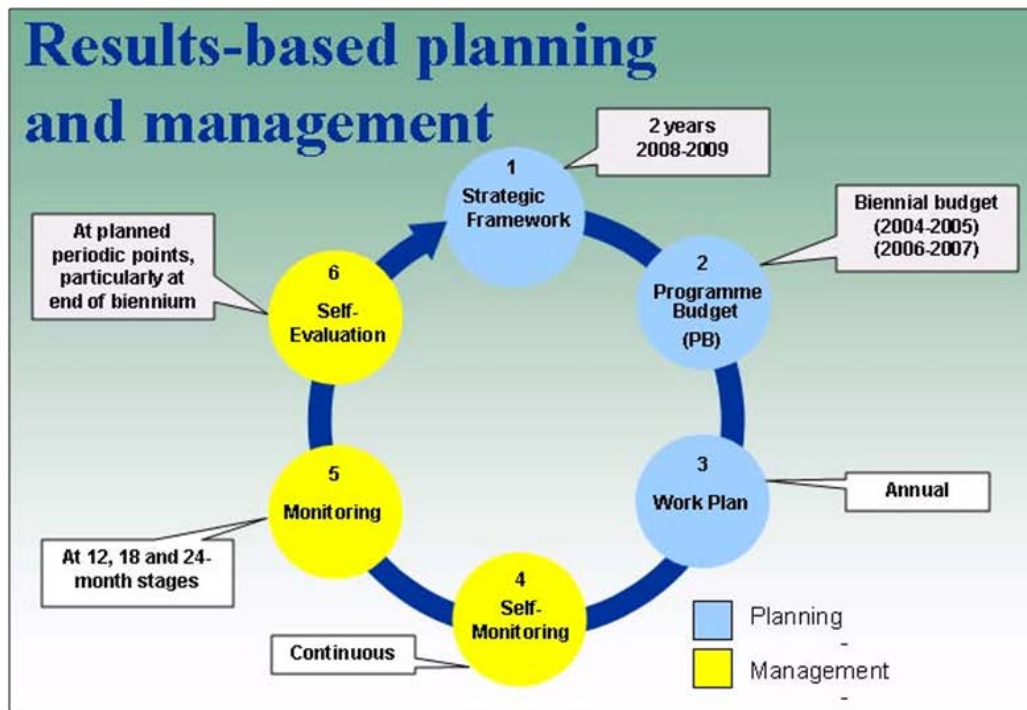
## Định nghĩa: Giám sát và Đánh giá

- **Đánh giá là hoạt động bổ trợ cho giám sát** theo nghĩa là khi một hệ thống giám sát gửi tin hiệu về việc các nỗ lực đang đi lệch hướng thì các thông tin đánh giá tốt có thể giúp làm rõ thực tế và các xu hướng đã được ghi nhận trong hệ thống giám sát.

16

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

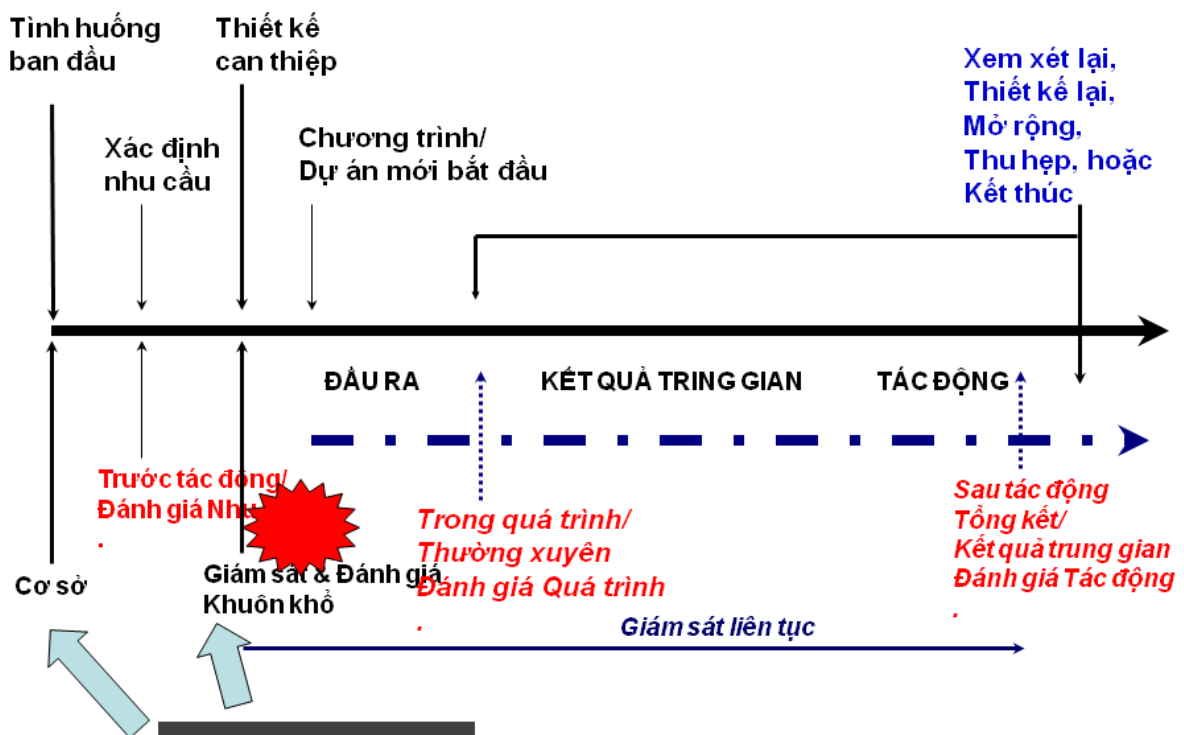
## Khi nào chúng ta cần Giám sát và Đánh giá?



17

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Quản lý dựa trên Kết quả và các Chỉ số đô thị



Sử dụng/Thiết lập  
Các chỉ số đô thị

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE



## Các thành phần của quá trình Giám sát kết quả

- **Dữ liệu cơ sở** để mô tả vấn đề hay hiện trạng trước can thiệp
- **Chỉ số** cho kết quả trung gian
- **Thu thập dữ liệu về đầu ra** and và việc các đầu ra này có đóng góp được và như thế nào cho việc đạt được kết quả trung gian
- **Tập trung hơn vào nhận thức về sự thay đổi** của các bên liên quan
- **Báo cáo một cách có hệ thống** với nhiều thông tin định tính và định lượng hơn về tiến bộ hướng tới kết quả trung gian.
- Thực hiện cùng với các đối tác chiến lược.
- **Nắm bắt thông tin về thành công hay thất bại** của chiến lược đối tác trong việc đạt được các kết quả trung gian mong muốn.

19

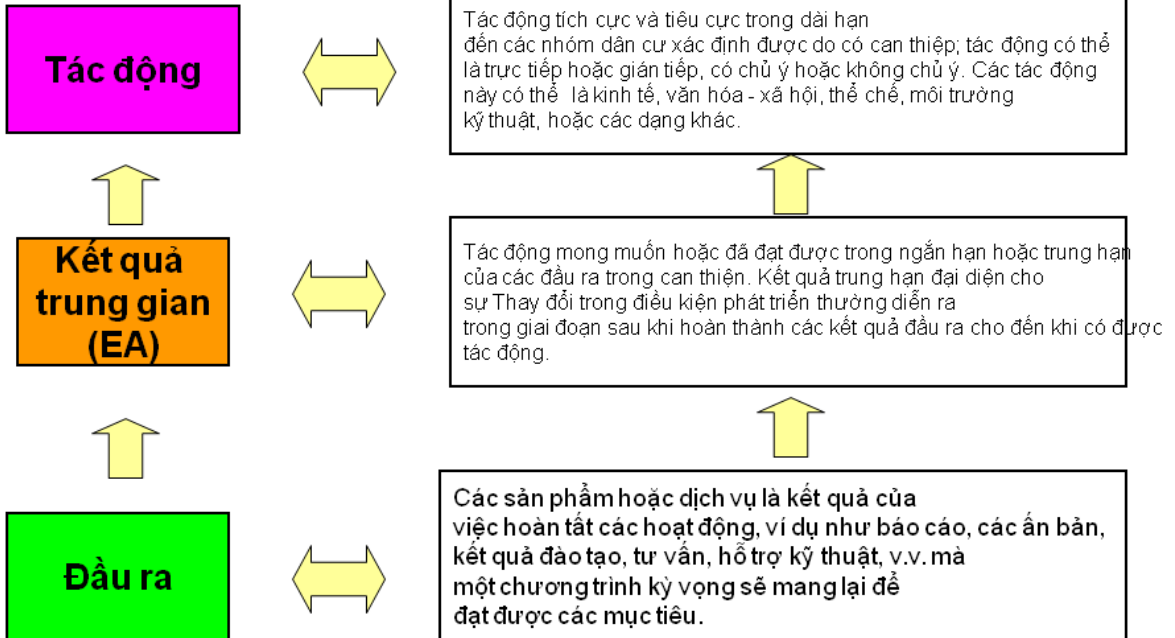
**UN HABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Tìm hiểu thuật ngữ Giám sát & Đánh giá (M&E) dựa trên Kết quả

20

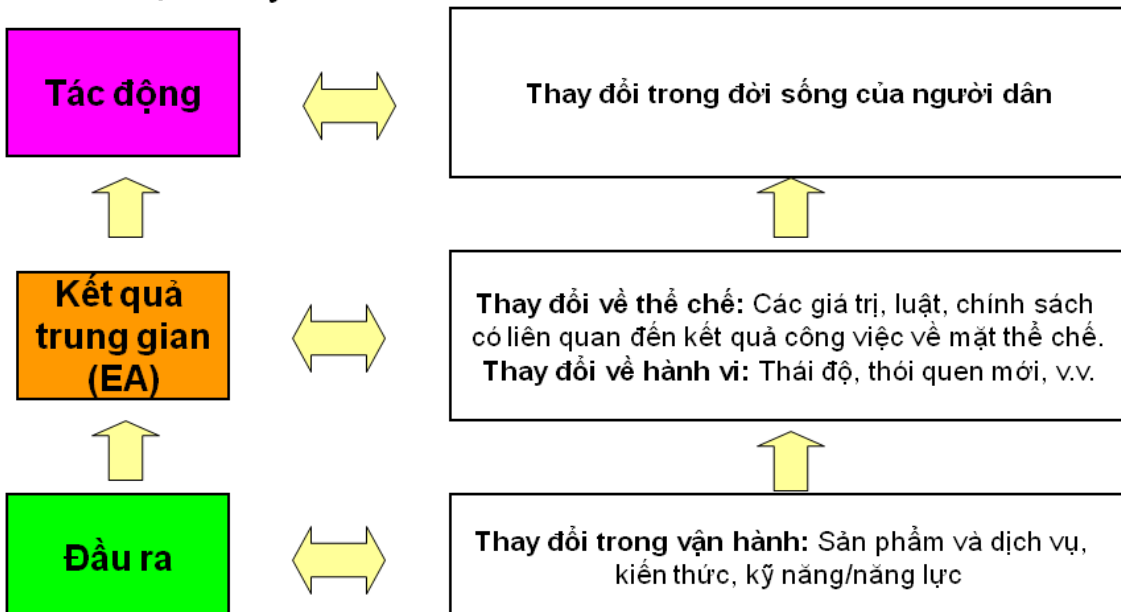
## Kết quả là Thay đổi

Định nghĩa:



## Kết quả là Thay đổi

Các loại thay đổi:



## Mục tiêu của Chương trình = Tác động

- Mục tiêu (dài hạn) là mục đích ở cấp độ cao mà một can thiệp về phát triển mong muốn được đóng góp.
  - Ví dụ về mục tiêu:  
"Quá trình đô thị hóa bền vững ở các đô thị và các vùng để đem lại cho công dân những dịch vụ phù hợp, an ninh và cơ hội việc làm".
- Các mục tiêu của Chương trình luôn tạo cảm hứng - tức là kỳ vọng vượt ra ngoài phạm vi của chu kỳ kế hoạch liên quan.
- Mục tiêu của Chương trình **KHÔNG PHẢI** là kết quả
- Mục tiêu của Chương trình **KHÔNG PHẢI** không cần phải đo lường

## Hoạt động và đầu vào

**Hoạt động:** Hoạt động thực hiện hoặc công việc cần tiến hành để biến đổi đầu vào thành đầu ra.

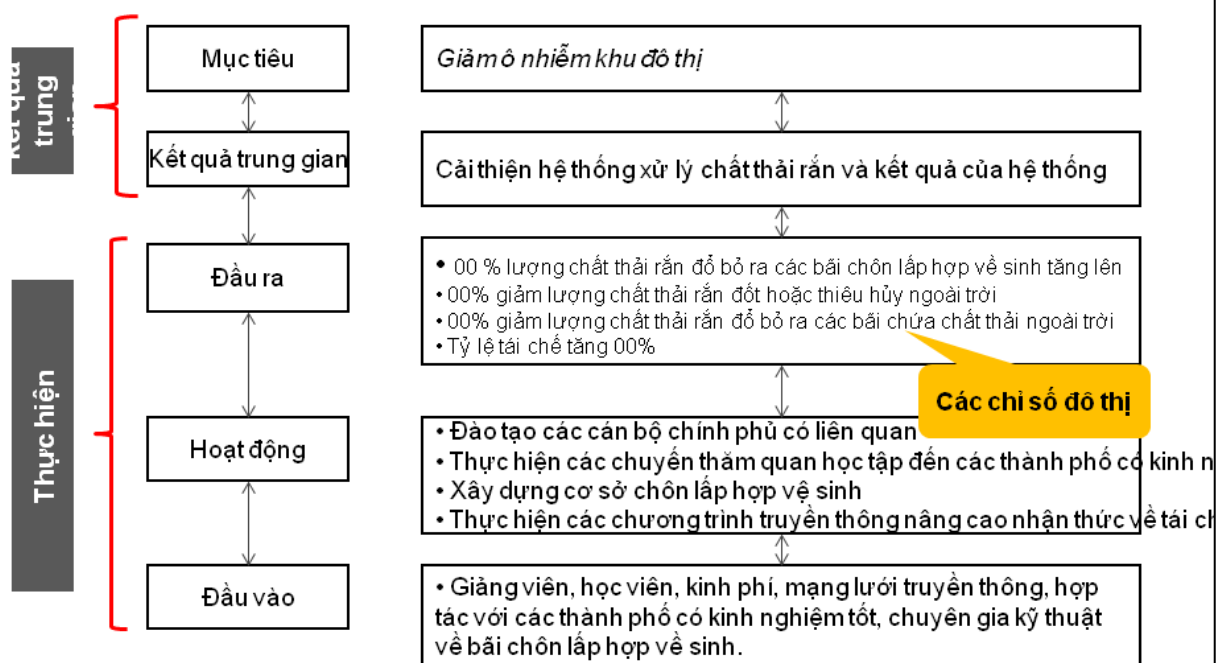


**Đầu vào:** Các nguồn lực tài chính, con người, vật chất, công nghệ và thông tin sử dụng để sản xuất đầu ra và đạt được các thành quả mong đợi.

## Các chỉ số kết quả công việc

- Một chỉ số kết quả công việc là một biến định tính hoặc định lượng cho phép chúng ta kiểm tra sự thay đổi thực tế đến từ một can thiệp so với kế hoạch – **NÓ ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ**
- Kết quả và các Chỉ số cần phải **THÔNG MINH (SMART)**:
  - S – Specific (Cụ thể)**: kết quả có thể trình bày được và mô tả rõ ràng bằng ngôn ngữ của sự thay đổi.
  - M – Measurable (Đo lường được)**: có thể đánh giá được xem kết quả đã đạt được hay chưa
  - A – Achievable (Thực hiện được)**: kết quả phải khả thi
  - R – Relevant (Phù hợp)**: kết quả đại diện cho một điểm mốc trong chuỗi kết quả dẫn đến việc thực hiện được kết quả mục tiêu.
  - T – Time-Bound (Giới hạn về Thời gian)**: khung thời gian có liên quan được xác định.

## Ví dụ:



## Áp dụng công cụ Giám sát & Đánh giá dựa trên Kết quả và những thách thức có thể có

27

### Áp dụng công cụ Giám sát & Đánh giá dựa trên Kết quả

Công cụ Giám sát & Đánh giá dựa trên Kết quả có thể áp dụng cho:

- Các dự án, chương trình, chính sách trong lĩnh vực đô thị
- Áp dụng trong nội bộ và ra bên ngoài trong chính quyền đô thị ở các cấp địa phương, vùng và quốc gia.
- Hệ thống là nguồn vốn tri thức.
  - Công cụ này giúp các cơ quan chính quyền và tổ chức xây dựng được cơ sở tri thức về các loại hình dự án, chương trình và chính sách thành công, và rộng hơn nữa là cái gì thành công, cái gì thất bại và lý do tại sao.
- Giúp đỡ thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình cao hơn trong các tổ chức và cơ quan chính quyền.
- Giúp củng cố các cơ quan chính quyền thông qua việc nhấn mạnh trọng tâm vào các kết quả có thể trình diễn được.
  - Việc xử lý tốt hơn các vấn đề hoạt động và kết quả của các chương trình và chính sách kinh tế của chính phủ có thể đóng góp cho giảm nghèo, giúp tăng trưởng kinh tế cao hơn và đạt được các mục tiêu phát triển rộng hơn.

28

## Thách thức đối việc xây dựng một hệ thống Giám sát & Đánh giá dựa trên Kết quả

- **Các thách thức về chính trị**
  - Các hệ thống M&E có thể tạo ra những thách thức đặc biệt cho các quốc gia trước đây sử dụng mô hình chính trị quản lý tập trung và toàn trị.
  - Việc xây dựng các hệ thống M&E tập trung nhấn mạnh vào kết quả - cả thành công lẫn thất bại - và tạo ra tính minh bạch và trách nhiệm giải trình cao hơn có thể là một thách thức đặc biệt lớn, hoặc thậm chí là một vấn đề hoàn toàn xa lạ đối với các quốc gia này. Việc triển khai một hệ thống M&E như vậy có thể đòi hỏi một khoảng thời gian đủ dài để giới chính trị, người dân và nền văn hóa có thể thích nghi và thay đổi.
- **Các thách thức về kỹ thuật - Xây dựng năng lực thể chế**
  - Năng lực về thống kê là một phần thiết yếu của tiếng trình xây dựng các hệ thống M&E dựa trên Kết quả.
  - Cán bộ và nhân viên được đào tạo về kỹ thuật và tối thiểu phải có kiến thức công nghệ thông tin căn bản cũng là yêu cầu bắt buộc.

## 10 bước

để thiết kế, xây dựng và duy trì một hệ thống Giám sát & Đánh giá dựa trên Kết quả

## 10 bước để thiết kế, xây dựng và duy trì một hệ thống Giám sát & Đánh giá dựa trên Kết quả

<b>Bước 1</b>	•Thực hiện đánh giá mức độ sẵn sàng
<b>Bước 2</b>	•Thống nhất về kết quả trung gian cần được giám sát và đánh giá?
<b>Bước 3</b>	•Lựa chọn các chỉ số chính dùng cho giám sát kết quả trung gian
<b>Bước 4</b>	• <b>Điều tra cơ sở về các Chỉ số:</b> Chúng ta đang ở đâu?
<b>Bước 5</b>	• Lập kế hoạch để cải thiện – <b>lựa chọn các chỉ tiêu kết quả</b>
<b>Bước 6</b>	• <b>Giám sát kết quả</b>
<b>Bước 7</b>	•Vai trò của <b>đánh giá</b>
<b>Bước 8</b>	• <b>Báo cáo</b> về các phát hiện
<b>Bước 9</b>	• <b>Sử dụng các phát hiện này</b>
<b>Bước 10</b>	•Duy trì một hệ thống M&E ở trong một tổ chức

31

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

### Bước 1 Thực hiện đánh giá mức độ sẵn sàng

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

**Bạn đã sẵn sàng ở mức nào để triển khai hệ thống Giám sát & Đánh giá dựa trên Kết quả? – cam kết hiện nay về M&E dựa trên kết quả, năng lực và hệ thống sẵn có**

- Đánh giá mức độ sẵn sàng **khác với đánh giá nhu cầu.**
- Đây là đánh giá về việc các cơ quan chính quyền đã thực sự sẵn sàng và có đủ khả năng tiến lên phía trước để xây dựng, sử dụng, và duy trì các hệ thống đó hay không.
  - Khả năng của chính phủ về Giám sát & Đánh giá nói chung như thế nào?
  - Chính phủ chi đo lường đầu ra một cách đơn giản hay là chính phủ đã sẵn sàng đi xa hơn để chuyển từ đo lường các đầu ra sang đo lường các kết quả trung gian?
  - Có đủ năng lực về mặt tổ chức không?
  - v.v.

32

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE



## Bước 1 Thực hiện đánh giá mức độ sẵn sàng

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- **Động cơ khuyến khích và Nhu cầu để thiết kế và xây dựng một hệ thống M&E dựa trên kết quả**
  - Động cơ là gì? Yêu cầu pháp lý hay do luật định, nhu cầu của công dân, yêu cầu của các nhà tài trợ (Kế hoạch phát triển quốc gia, Chiến lược giảm nghèo quốc gia, v.v.), hay là cải cách chính trị hoặc cải cách khu vực công?
  - Ai sẽ hưởng lợi và ai không được hưởng lợi từ hệ thống này - các nhà chính trị, quản lý, xã hội, các nhà tài trợ, công dân...?
- **Vai trò, trách nhiệm và Tổ chức hiện nay của Chính phủ trong đánh giá kết quả**
  - Các bộ ngành trung ương, quốc hội, kiểm toán nhà nước, xã hội dân sự?
  - Các bộ, ngành có chia sẻ thông tin với nhau không?
  - Liệu đằng sau các số liệu được công bố có mục đích chính trị gì không?
  - Ai trong quốc gia là người chịu trách nhiệm về số liệu? Số liệu được dùng ở đâu trong hệ thống của Chính phủ?
- **Các yêu cầu về xây dựng năng lực cho một hệ thống M&E dựa trên kết quả**
  - Quản lý dự án và chương trình
  - Phân tích số liệu
  - Xác định mục tiêu của dự án và chương trình
  - Quản lý ngân sách
  - Kiểm tra kết quả?
  - Hiện nay, hoặc trong 2 năm vừa qua có hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực hay đào tạo về M&E được thực hiện không?

33

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Bước 2 Thống nhất về kết quả trung gian cần được giám sát và đánh giá?

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- **Mục tiêu chính trị và kết quả trung gian là khác nhau**
  - Mục tiêu thường là dài hạn (VD: các Mục tiêu Thiên niên kỷ)
  - Kết quả trung gian được hình thành từ các mục tiêu và thường được xác định cho trung hạn (VD: các kết quả trung gian trong nhiệm kỳ 5 năm, 10 năm của Mục tiêu Thiên niên kỷ).
  - Chỉ tiêu được hình thành từ các kết quả trung gian (chỉ tiêu trong các nhiệm kỳ 1-3 năm)
- **Tại sao không chuyển ngay sang xác định các chỉ số?**
  - Kết quả trung gian minh họa về thành công.
  - Trong khi đó, các chỉ số chỉ phù hợp khi chúng được đo lường và so sánh với mục tiêu. Do đó, việc đo lường các chỉ số sẽ cho thấy tiến bộ hướng đến việc đạt được các mục tiêu cụ thể.
- **Chúng ta không thể thiết lập các chỉ số trước khi xác định các kết quả bởi vì chính kết quả - chứ không phải chỉ số - mới thực sự đem lại lợi ích.**
- Kết quả cho thấy khi nào chúng ta đạt được thành công. Nói ngắn gọn, kết quả cho chúng ta thấy con đường phải đi.

34

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

### BƯỚC 3

## Thống nhất về kết quả trung gian cần được giám sát và đánh giá?

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- **Các vấn đề cần cân nhắc khi lựa chọn Kết quả để Giám sát và Đánh giá**
  - Các ưu tiên chiến lược là gì?
  - Các kết quả mong muốn là gì?
- **Xây dựng một quy trình tham vấn và có sự tham gia của nhiều bên bao gồm các bên liên quan chính.**
  - Việc lôi cuốn sự tham gia của các bên liên quan chính sẽ giúp xây dựng sự đồng thuận và giúp ta có được cam kết về việc đạt được kết quả mong đợi.

35

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

### BƯỚC 3

## Lựa chọn các chỉ số chính dùng cho giám sát kết quả trung gian

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- **Các chỉ số kết quả** giúp trả lời 2 câu hỏi nền tảng:
  - **Làm thế nào chúng ta nhận ra thành công hay thành tựu khi chúng ta thấy chúng?**
  - **Liệu chúng ta có đang đi đúng hướng để đạt được các kết quả mong đợi không?**
- **Chỉ số** là các biến định tính hoặc định lượng cho chúng ta một công cụ đơn giản và đáng tin cậy để đo lường thành tựu, để phản ánh thay đổi liên quan đến các can thiệp, hoặc để giúp đánh giá kết quả công việc của một tổ chức so sánh với các kết quả mục tiêu đã xác định
- **Cần xây dựng các chỉ số cho cho tất cả các cấp độ của một hệ thống M&E dựa trên kết quả**
  - Các chỉ số là cần thiết để giúp ta theo dõi tiến bộ đạt được so với các đầu vào, hoạt động, đầu ra (đầu ra), kết quả trung gian và mục tiêu cuối cùng.

36

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

### BƯỚC 3

## Lựa chọn các chỉ số chính dùng cho giám sát kết quả trung gian

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

**Hai câu hỏi quan trọng** cần phải trả lời trước khi thay đổi hay bỏ đi một chỉ số:

- Chúng ta đã kiểm tra chỉ số này cẩn thận chưa để biết được là nó có cung cấp thông tin để đo lường, so sánh với kết quả mong muốn hay không?
- Liệu chỉ số này có cung cấp thông tin hữu ích như một công cụ quản lý không?

37

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

### BƯỚC 4

## Thiết lập Điều tra cơ sở và thu thập số liệu về các Chỉ số

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- Điều tra cơ sở cung cấp bằng chứng để những người ra quyết định có thể đo lường được kết quả về sau của các chính sách, chương trình hay dự án.
- Bước này xác định hiện tại chúng ta đang ở đâu so với kết quả mục tiêu chúng ta muốn đạt được.
- Điều tra cơ sở là việc đo lường một chỉ số lần đầu tiên.
- Điều tra cơ sở giúp cho cung cấp thông tin cho những người ra quyết định về tình hình hiện tại trước khi xác định các mục tiêu dự kiến cho một chương trình, chính sách hay dự án?
- Điều tra cơ sở dùng để tìm hiểu về các mức độ hiện nay hoặc gần đây và các quy luật của kết quả công việc.

38

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## BƯỚC 4

### Thiết lập Điều tra cơ sở và thu thập số liệu về các Chỉ số

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

#### Xây dựng thông tin cơ sở

1. Có những nguồn số liệu nào?
2. Các phương pháp thu thập số liệu là gì?
3. Ai sẽ thu thập số liệu?
4. Bao lâu lại thu thập số liệu một lần?
5. Chi phí và khó khăn trong thu thập số liệu là gì?
6. Ai sẽ phân tích số liệu?
7. Ai sẽ báo cáo số liệu?
8. Ai sẽ sử dụng số liệu?

39

UNO HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## BƯỚC 5

### Lập kế hoạch để cải thiện - Lựa chọn các Chỉ tiêu kết quả

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- Xác định các chỉ tiêu kết quả - những gì có thể đạt được trong một khoảng thời gian xác định được hướng đến đạt được kết quả (trung gian).
- Cần xác định **mức độ kết quả dự kiến và mong muốn** của dự án, chương trình, chính sách.
- Cần lựa chọn các chỉ tiêu thực hiện cụ thể. Xác định chỉ tiêu là bước cuối cùng trong quá trình xây dựng khung kết quả trực hiện.
- Và khung này lại dựa trên kết quả (trung gian), các chỉ số và số liệu điều tra cơ bản.
- Quy trình tư duy là suy diễn, **đi ngược từ kết quả mong muốn.**

40

UNO HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

**BƯỚC 5**

**Lập kế hoạch để cải thiện - Lựa chọn các Chỉ tiêu kết quả**

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- Ví dụ: xây dựng các chỉ tiêu cho một lĩnh vực chính sách về giáo dục

Outcomes	Indicators	Baselines	Targets
1. Nation's children have better access to preschool programs	1. Percent of eligible urban children enrolled in preschool education 2. Percent of eligible rural children enrolled in preschool education	1. In 1999, 75 percent of children ages 3-5 2. In 2000, 40 percent of children ages 3-5	1. By 2006, 85 percent of children ages 3-5 2. By 2006, 60 percent of children ages 3-5
2. Primary school learning outcomes for children are improved	1. Percent of Grade 6 students scoring 70% or better on standardized math and science tests	1. In 2002, 75 percent scored 70 percent or better in math, and 61 percent scored 70 percent or better in science	1. By 2006, 80 percent scoring 70 percent or better in math and 67 percent scoring 70 percent or better in science

41

**BƯỚC 5**

**Lập kế hoạch để cải thiện - Lựa chọn các Chỉ tiêu kết quả**

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

**Các yếu tố cần cân nhắc khi lựa chọn các chỉ tiêu thể hiện kết quả đạt được của các chỉ số**

- Nghiêm túc cân nhắc các số liệu cơ sở
- Dự kiến kinh phí và nguồn lực - năng lực hiện tại, ngân sách, nhân sự, nguồn tài trợ, cơ sở vật chất, v.v. - trong suốt quá trình.
- Tính chất chính trị của quy trình này.
- Việc thiết lập các chỉ tiêu có tính thực tế đòi hỏi phải nhận thức rõ ràng rằng phần lớn các kết quả mong đợi đều có tính dài hạn, phức tạp và không thể đạt được một cách nhanh chóng.
- Tính linh hoạt rất quan trọng đối với việc xác định các chỉ tiêu vì các nguồn lực bên trong và bên ngoài có thể bị cắt hoặc giảm bớt trong các chu kỳ ngân sách.

42



## Bước 6 Giám sát kết quả

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- **Sử dụng thông tin để giám sát kết quả**
- Thu thập thông tin cần thiết để thông tin cho quá trình ra quyết định.
- **Thông tin thu được sẽ cung cấp bằng chứng về kết quả công việc và chỉ rõ các thay đổi** có thể cần thiết cho một dự án, chương trình hoặc chính sách cụ thể.
- Chúng ta cần xem lại nhu cầu **quản lý đầu vào cũng như đầu ra và kết quả**.
- Hệ thống M&E dựa trên Kết quả cần đồng bộ với các kế hoạch năm và các kế hoạch công tác khác của tổ chức để có thể thực sự trở thành một hệ thống hướng đến kết quả.

43

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Bước 6 Giám sát kết quả

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- **Một hệ thống dựa trên kết quả không giống việc giám sát theo một loạt các kế hoạch công tác hàng năm.**
- **Hệ thống này khác biệt so với hệ thống giám sát dựa trên hoạt động** → việc hoàn thành một hoạt động không đồng nghĩa với hiệu quả và cải thiện kết quả.
  - Tổng hợp các hoạt động có thể có, mà cũng có thể không có ý nghĩa về việc đạt được các kết quả.
  - Trong một kế hoạch công tác dựa trên hoạt động, người ta hay tìm xem các hoạt động có được hoàn thành đúng thời gian và đúng cách không. Các hệ thống Giám sát dựa trên Kết quả thì lại chỉ ra việc đạt được các kết quả. Sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả để đạt mục tiêu mới là quan trọng, chứ không chỉ là sử dụng nó đúng cách.

44

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## BƯỚC 6 Giám sát kết quả

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

### ***Nhu cầu của mỗi hệ thống Giám sát dựa trên Kết quả***

- Tính sở hữu
- Quản lý
- Duy trì
- Uy tín

45

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## BƯỚC 6 Giám sát kết quả

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

### **Các nguyên tắc cơ bản trong việc Xây dựng một hệ thống Giám sát**

- Có nhu cầu đối với thông tin về kết quả ở cấp độ dự án, chương trình và chính sách.
- Thông tin về kết quả cần được phổ biến theo cả chiều ngang và chiều dọc trong một tổ chức (đôi khi đây là thách thức về mặt chính trị).
- Cần xác định rõ nhu cầu đối với thông tin về kết quả ở mỗi cấp độ.
- Cần phân định rõ trách nhiệm ở mỗi cấp về:
  1. Số liệu nào cần thu thập (nguồn)
  2. Khi nào cần thu thập số liệu (tần suất)
  3. Thu thập số liệu như thế nào (phương pháp)
  4. Ai sẽ thu thập số liệu
  5. Ai báo cáo số liệu
  6. Số liệu được thu thập cho ai?

46

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE



## BƯỚC 7

### Chữ "E" trong M&E - Sử dụng thông tin về Đánh giá để hỗ trợ hệ thống Quản lý dựa trên Kết quả

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- Đánh giá là việc xem xét một can thiệp trong kế hoạch, đang diễn ra hoặc đã hoàn thành để xác định tính phù hợp, hiệu năng, hiệu quả, tác động và tính bền vững.
- Mục đích chính là lồng ghép các bài học có được vào trong quá trình ra quyết định.
- Đánh giá bổ sung cho giám sát.
- Phần tiếp theo không phải là trả lời câu hỏi "làm thế nào" đối với việc thiết kế và thực hiện đánh giá. Điều quan trọng là làm thế nào để **việc xây dựng năng lực đánh giá cho chính phủ hỗ trợ được phương pháp tiếp cận Quản lý dựa trên Kết quả, cũng như hỗ trợ các nhà quản lý sử dụng được thông tin đánh giá.**
- Thông tin đánh giá tốt có thể cung cấp câu trả lời cho một loạt các câu hỏi liên quan đến việc thực hiện và đạt được kết quả.

47

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## BƯỚC 7

### Chữ "E" trong M&E - Sử dụng thông tin về Đánh giá để hỗ trợ hệ thống Quản lý dựa trên Kết quả

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

#### Xác định thời gian đánh giá

- **Chệch hướng giữa kết quả công việc theo kế hoạch và kết quả công việc trên thực tế:** Khi kết quả đo lường thường xuyên của các chỉ số chính cho thấy sự sai lệch rõ ràng giữa kết quả công việc trên thực tế và kế hoạch, thì thông tin đánh giá trở nên đặc biệt quan trọng.
- **Đóng góp của Thiết kế và Thực thi vào Kết quả:** Thông tin đánh giá giúp phân biệt phần đóng góp của Thiết kế và Thực thi vào kết quả.
- **Phân bổ nguồn lực:** Khi nguồn lực được phân bổ cho các chính sách, chương trình hay dự án, thông tin đánh giá có thể giúp cán bộ quản lý phân tích cái gì hoạt động hiệu quả, và cái gì không hiệu quả.
- **Bằng chứng mâu thuẫn về Kết quả:** Thông tin đánh giá có thể rất hữu ích khi các dự án, chương trình hay chính sách tương tự lại báo cáo các kết quả khác nhau.

48

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## BƯỚC 7

### Chữ "E" trong M&E - Sử dụng thông tin về Đánh giá để hỗ trợ hệ thống Quản lý dựa trên Kết quả

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- Bảy loại hình đánh giá
  - Đánh giá theo chuỗi logic trong thực hiện
  - Đánh giá trước khi thực hiện
  - Đánh giá tác động
  - Đánh giá so sánh
  - Đánh giá quá trình trong thực hiện
  - Đánh giá nhanh
  - Nghiên cứu tình huống

49

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## BƯỚC 8 Báo cáo về các phát hiện

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- Phân tích và báo cáo về các phát hiện đối với kết quả công việc là một bước cơ bản bởi vì nó xác định cái gì cần báo cáo, khi nào cần báo cáo và báo cáo cho ai.
- Bước này cần đề cập đến năng lực kỹ thuật hiện nay của tổ chức vì nó tập trung vào các khía cạnh phương pháp luận của việc tập hợp, đánh giá và chuẩn bị các phân tích và báo cáo.

50

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Bước 8 Báo cáo về các phát hiện

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

### Sử dụng các phát hiện của quá trình Giám sát và Đánh giá

- Để thể hiện trách nhiệm giải trình - thực hiện các cam kết chính trị trước công dân và các bên liên quan khác.
- Để thuyết phục - sử dụng bằng chứng từ các phát hiện.
- Để đào tạo - việc báo cáo các phát hiện từ đánh giá sẽ giúp việc học tập trong tổ chức.
- Để tìm hiểu và khám phá - cái gì triển khai tốt, cái gì không và tại sao.
- Để làm tài liệu - ghi chép và tạo ra bộ nhớ của tổ chức.
- Để thu hút - kêu gọi sự tham gia của các bên liên quan thông qua một quy trình mời gọi tham gia.
- Để dành được sự ủng hộ - trình bày kết quả sẽ giúp dành được sự ủng hộ của các bên liên quan.
- Thúc đẩy hiểu biết - việc báo cáo kết quả sẽ củng cố hiểu biết về các dự án, chương trình và chính sách.

51

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Bước 8 Báo cáo về các phát hiện

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

### Hiểu và nhắm đến đối tượng đích

- Ai sẽ nhận được thông tin gì?
- Theo hình thức nào?
- Lúc nào?
- Ai sẽ chuẩn bị thông tin đó?
- Ai cung cấp thông tin đó?

52

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Trình bày số liệu về kết quả công việc bằng Hình thức Rõ ràng và Dễ hiểu

### Những nội dung cần cân nhắc/đưa vào báo cáo

- Chi tiêu hoặc thu nhập - chi phí hoặc lợi nhuận trên đầu tư của dự án, chương trình, chính sách.
- Số liệu thô - những chỉ số ban đầu, dự báo khái quát, ước lượng, v.v..
- Tỷ lệ phần trăm (VD: tỷ lệ người dân được thụ hưởng một dự án).
- Kiểm tra thống kê
- Các đơn vị tổ chức
- Vị trí địa lý
- Đặc điểm dân cư
- Mức độ hài lòng của khách hàng - cao, trung bình, thấp.
- Tóm tắt bằng văn bản
- Tóm tắt nội dung
- Trình bày miệng
- Thể hiện bằng hình ảnh

53

**UN HABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Điều gì sẽ xảy ra nếu hệ thống M&E báo cáo các kết quả công việc không tốt?

- Báo cáo kết quả công việc cần bao gồm phần giải thích (nếu có thể) về kết quả kém xác định các bước đã hoặc dự kiến sẽ thực hiện để sửa chữa vấn đề.
- Không được trừng phạt người đưa tin và đã đưa tin xấu. Nếu chúng ta gây ra nỗi sợ hãi về việc đưa tin xấu thì sẽ không khuyến khích được việc báo cáo và sử dụng thông tin phát hiện được.

54

**UN HABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Bước 9 Sử dụng các phát hiện này

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- Sử dụng các phát hiện cải thiện kết quả công việc là mục đích chính của việc xây dựng một hệ thống đánh giá dựa trên kết quả.
- **Nội dung chính của hệ thống M&E** không phải chỉ đơn giản là tạo ra các thông tin liên tục về kết quả, mà còn là việc đưa thông tin đó đến đúng người sử dụng và đúng lúc để cho những phản hồi về kết quả công việc có thể được sử dụng tốt hơn cho công tác quản lý tổ chức và chính quyền.
- Những lợi ích bổ sung của việc sử dụng các phát hiện: Phản hồi, kiến thức và học tập
- **Sử dụng những phát hiện về kết quả công việc**
- **Hộp 9.1**

55

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Bước 9 Sử dụng các phát hiện này

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- **Sử dụng những phát hiện về kết quả công việc**
  1. Đáp ứng yêu cầu của các bộ phận do dân cử và yêu cầu của công chúng về trách nhiệm giải trình.
  2. Giúp hình thành và bảo vệ các yêu cầu về ngân sách.
  3. Giúp ra quyết định trong hoạt động về phân bổ nguồn lực
  4. Kích hoạt việc kiểm tra ở mức sâu hơn về các vấn đề trong kết quả công việc còn tồn tại và các biện pháp sửa chữa cần thiết.
  5. Giúp tạo động lực cho nhân viên tiếp tục cải tiến chương trình.
  6. Hình thành và giám sát kết quả công việc của nhà thầu và người nhận nguồn lực phân bổ.
  7. Cung cấp số liệu cho các hoạt động đánh giá đặc biệt, đánh giá sâu của chương trình.
  8. Cung cấp dịch vụ hiệu quả hơn.
  9. Hỗ trợ các nỗ lực chiến lược và lập kế hoạch dài hạn (bằng cách cung cấp thông tin cơ sở và sao đó là theo dõi tiến bộ).
  10. Truyền thông tốt hơn với công chúng để xây dựng lòng tin của công chúng.

56

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Chiến lược chia sẻ thông tin

- Trao quyền cho truyền thông
- Thực thi quy định pháp luật về "Tự do thông tin".
- Xây dựng chính phủ điện tử
- Đưa thông tin lên các trang web trên internet nội bộ và bên ngoài
- Phát hành báo cáo ngân sách hàng năm
- Thu hút sự tham gia của xã hội dân sự và các nhóm công dân.
- Cửng cố công tác giám sát của Quốc hội
- Cửng cố hoạt động của Kiểm toán nhà nước
- Chia sẻ và so sánh các phát hiện về kết quả với các đối tác phát triển

57

UNO HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Bước 10 Duy trì hệ thống M&E ở trong một tổ chức

1. > 2. > 3. > 4. > 5. > 6. > 7. > 8. > 9. > 10.

- Một hệ thống M&E cần được xem xét như một nỗ lực dài hạn, thay vì là một công việc theo định kỳ, thực hiện trong một thời gian ngắn, hoặc chỉ trong giai đoạn triển khai một dự án, chương trình, chính sách cụ thể.
- Việc duy trì bền vững những hệ thống như vậy trong chính phủ hoặc tổ chức ghi nhận đây là một quy trình dài hạn trong đó có việc đảm bảo tính hữu dụng (vì nếu không hữu dụng, thì không có logic gì trong việc duy trì một hệ thống như vậy).

58

UNO HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Sáu cấu phần thiết yếu của các hệ thống Giám sát & Đánh giá dựa trên kết quả

- *Nhu cầu*
- *Vai trò và trách nhiệm rõ ràng*
- *Thông tin đáng tin cậy và chính xác*
- *Trách nhiệm giải trình*
- *Năng lực*
- *Khuyến khích*

59

UNO HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Tầm quan trọng của biện pháp Khuyến khích và những yếu tố làm mất động lực trong việc duy trì các hệ thống M&E.

- Chúng ta có thể sử dụng nhiều biện pháp khuyến khích về tổ chức, tài chính, nguồn lực, chính trị, hỗ trợ kỹ thuật để duy trì bền vững
- các hệ thống M&E. Tương tự, lãnh đạo có thể gỡ bỏ các yếu tố gây mất động lực trong việc duy trì bền vững các hệ thống M&E

60

UNO HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE



## Một số vấn đề có thể có trong việc duy trì bền vững các hệ thống M&E dựa trên Kết quả.

- Nhu cầu đào tạo nhân sự
- Tổng chi phí và tính khả thi của hệ thống
- Thay đổi trong các ưu tiên về pháp lý của tổ chức
- Duy trì tính ổn định của chỉ số theo thời gian
- Biên soạn tài liệu về quy trình đo lường kết quả (ai làm việc gì)
- Nỗi sợ hãi và sự chống đối từ phía các cán bộ quản lý chương trình
- Sự tham gia của các cấp chính quyền khác nhau và khu vực tư nhân
- Tổng hợp kết quả của các dự án, chương trình hay địa điểm
- Kết quả rộng đối với cộng đồng hay kết quả cụ thể đối với chương trình.
- Hỗ trợ pháp lý
- Chính trị

61

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Nhu cầu về kiểm định và đánh giá đối với hệ thống M&E

- **Kiểm định và Đánh giá các hệ thống M&E và thông tin:** Bản thân các hệ thống M&E cũng cần được đánh giá theo định kỳ, thông qua các chuyên gia đánh giá nội bộ và bên ngoài. "Các chuyên gia đánh giá có thể hỗ trợ việc kiểm định các số liệu về kết quả công việc và cải thiện hệ thống đo lường kết quả công việc.
- **M&E: Khuyến khích những thay đổi tích cực về văn hóa trong chính quyền và các tổ chức:** Việc tạo ra, thực hiện và duy trì kết quả dựa trên các hệ thống M&E có thể giúp mang lại những thay đổi lớn về văn hóa xét trên khía cạnh các cách thức vận hành của các cấp chính quyền và tổ chức. Các hệ thống M&E có thể mang lại những thay đổi tích cực về văn hóa, dẫn đến việc cải thiện kết quả công việc, tăng trách nhiệm giải trình và minh bạch, và nâng cao kiến thức cũng như kết quả học tập.

62

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Những lưu ý cuối cùng

63

### Những lưu ý cuối cùng

- Nhu cầu xây dựng năng lực không bao giờ kết thúc. Các duy nhất để một tổ chức tăng tốc là phải có đà.
- Hãy giữ những người đi đầu ở bên bạn và giúp đỡ họ.
- Tạo sự hiểu biết ở Bộ Tài chính và quốc hội về việc hệ thống Giám sát & Đánh giá cần có nguồn lực bền vững.
- Tìm mọi cơ hội để kết nối thông tin với kết quả với các quyết định về ngân sách và phân bổ nguồn lực.
- Bắt đầu với các thử nghiệm để trình diễn tính hiệu quả của việc giám sát dựa trên kết quả. Bắt đầu với chiến lược khu vực (có nghĩa là từ những đầu tàu đổi mới trước) thay vì tiếp cận cả Chính phủ.
- Giám sát cả tiến bộ trong thực hiện lẫn kết quả đạt được.
- Bổ sung công tác giám sát kết quả thực hiện bằng công tác đánh giá để đảm bảo cho nhận thức rõ ràng hơn về kết quả của khu vực công.

64

**Xin cảm ơn các quý vị đã chú ý  
lắng nghe!**

65

# **THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

*Trình bày: TS. Phạm Đăng Quyết  
Viện Khoa học Thống kê*

## **NỘI DUNG**

- GIỚI THIỆU
- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ TÍNH CHẤT CỦA HOẠT ĐỘNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ
- CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ
- HỆ THỐNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ
- QUÁ TRÌNH THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ
- ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

## GIỚI THIỆU

- Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011
- Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam đặt ra mục tiêu nhằm tăng cường năng lực thống kê cho toàn bộ Hệ thống Thống kê Việt Nam với mục tiêu tổng quát là:
- “Thống kê Việt Nam phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở hoàn thiện hệ thống tổ chức, bảo đảm đủ số lượng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, áp dụng đồng bộ phương pháp thống kê tiên tiến và tăng cường sử dụng công nghệ hiện đại; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt và hiệu quả với số lượng thông tin ngày càng đầy đủ và chất lượng thông tin ngày càng cao, phục vụ việc hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, lãnh đạo Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp và nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác trong nước và quốc tế; phân đầu đến năm 2020 Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá và năm 2030 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”.

## GIỚI THIỆU

- Chiến lược đưa ra tầm nhìn về vị trí của Thống kê Việt Nam đến năm 2030 và đặt ra các cột mốc để đạt được vị trí đó.
- Quyết định giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu, trong đó có:
- - Làm đầu mối tổ chức thực hiện Chiến lược; xây dựng, ban hành và chỉ đạo Kế hoạch thực hiện các Chương trình hành động.
- - Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược; hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện; năm 2015 tổ chức sơ kết và năm 2020 tổ chức tổng kết việc thực hiện Chiến lược.

## **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ TÍNH CHẤT CỦA HOẠT ĐỘNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ**

- Theo dõi và đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê (TD&ĐG) là hoạt động hết sức quan trọng góp phần thực hiện thành công Chiến lược.
- Hoạt động theo dõi là quá trình rà soát và giám sát liên tục các hoạt động và sử dụng kết quả phát hiện trong quá trình theo dõi để điều chỉnh kế hoạch thực hiện.
- Hoạt động đánh giá được sử dụng để xác định các giải pháp can thiệp có hiệu quả đến mức độ nào? và kết quả của hoạt động đánh giá nhằm đúc kết kinh nghiệm hay để tiếp tục phát huy và chia sẻ kinh nghiệm cùng thực hiện, đồng thời phát hiện ra các bất cập để khắc phục.

## **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ TÍNH CHẤT CỦA HOẠT ĐỘNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ**

- **Mục đích** theo dõi và đánh giá là cung cấp các dữ liệu cần thiết để:
- (1) hướng dẫn việc lập kế hoạch, điều phối và thực hiện các chương trình hành động của Chiến lược,
- (2) đánh giá hiệu quả việc thực hiện các chương trình hành động của Chiến lược và
- (3) xác định các lĩnh vực để cải thiện và thực hiện điều chỉnh khi cần thiết.
- TD&ĐG là một quá trình liên tục bao gồm phản hồi, giám sát và hiệu chỉnh thường xuyên khi các yêu cầu và điều kiện thay đổi.

## **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ TÍNH CHẤT CỦA HOẠT ĐỘNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ**

- **Yêu cầu** đối với theo dõi và đánh giá bao gồm:
- (1) Tiến hành theo dõi, đánh giá Chiến lược thống kê cần phải gắn với quá trình thực hiện kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), các Bộ, ngành, và địa phương;
- (2) Đánh giá quá trình thực hiện đáp ứng nhu cầu quản lý hiệu quả hơn đối với kết quả đầu ra và những tác động;
- (3) Theo dõi và đánh giá phải đưa ra được những cảnh báo sớm để có những điều chỉnh phù hợp nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

## **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ TÍNH CHẤT CỦA HOẠT ĐỘNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ**

- Nguyên tắc theo dõi và đánh giá.
- Theo dõi và đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê phải tuân thủ các nguyên tắc sau:
- Theo dõi và đánh giá cần tham khảo dữ liệu ban đầu hiện có hoặc bắt đầu với nghiên cứu về dữ liệu ban đầu.
- Theo dõi và đánh giá được liên kết chặt chẽ với nhau, và phản ánh phương pháp luận, công tác thẩm định ban đầu các hoạt động của chương trình hành động.
- Theo dõi là một phần tách rời của việc thực hiện chương trình.
- Theo dõi gắn với mục tiêu cụ thể của các nội dung công việc thuộc những chương trình đã được xác định thông qua Khung TD&ĐG và lập kế hoạch chương trình.
- Thông tin theo dõi và đánh giá được sử dụng trong việc ra quyết định.
- Đánh giá được thiết lập theo một phương pháp cụ thể để thu thập thông tin về sự thành công của chương trình.
- Theo dõi và đánh giá tôn trọng các nguyên tắc tham gia và tham dự của tất cả các bên liên quan của chương trình, bao gồm những người thực hiện chương trình, đối tượng thụ hưởng, các quan sát viên như các tổ chức xã hội có liên quan.
- Theo dõi và đánh giá cần tôn trọng và bảo vệ các quyền, lợi ích và bảo mật thông tin của tất cả những người tham gia trong chương trình.



## **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ TÍNH CHẤT CỦA HOẠT ĐỘNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ**

- **Tính chất** của hoạt động theo dõi và đánh giá thực hiện Chiến lược.
- Theo dõi và đánh giá là các công cụ quản lý quan trọng để theo dõi tiến độ thực hiện và hỗ trợ quá trình ra quyết định.
- Về nhận thức, theo dõi phải căn cứ vào những kế hoạch đã đề ra, thu thập những thông tin liên quan đến tính hữu hiệu (từ những dữ liệu đầu vào đến đầu ra) một cách liên tục để đánh giá quá trình tiến triển, tập trung vào quá trình thực hiện.
- Đánh giá là một quá trình cơ bản trong xây dựng và thực hiện Chiến lược thống kê, giúp kết nối giữa những mục tiêu, mục đích đặt ra với những kết quả đạt được, đánh giá hiệu quả (từ những kết quả đầu ra đến những tác động ra bên ngoài), đưa ra những luận cứ và kết luận.

## **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ TÍNH CHẤT CỦA HOẠT ĐỘNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ**

- **Tính chất** của hoạt động theo dõi và đánh giá thực hiện Chiến lược.
- Theo dõi và đánh giá là hai hoạt động liên quan với nhau nhưng có chức năng khác nhau:
- Theo dõi nhằm quản lý tốt các hoạt động và chương trình;
- Đánh giá là việc thẩm định, phân xét dựa trên hoạt động bằng cách sử dụng các dữ liệu từ theo dõi, số liệu thống kê, hoặc bất cứ các nguồn dữ liệu bổ sung được tạo ra một cách định lượng và định tính cần thiết.
- Đánh giá đặt câu hỏi vượt ngoài phạm vi các chỉ tiêu theo dõi về sự phù hợp của chương trình và hiệu quả của nó trong việc đáp ứng các mục tiêu đã nêu, thậm chí cho dù các mục tiêu này là thích hợp.

## MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ TÍNH CHẤT CỦA HOẠT ĐỘNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- **Tính chất** của hoạt động theo dõi và đánh giá thực hiện Chiến lược.
- Để có một cơ sở vững chắc cho ra quyết định điều chỉnh/thay đổi thì phải có kết quả đánh giá tốt, và muốn có kết quả đánh giá tốt thì phải có kết quả theo dõi tốt, ngược lại, yêu cầu của kết quả đánh giá sẽ chỉ ra cần phải theo dõi, giám sát cái gì.

Cấp độ theo dõi và đánh giá	Câu hỏi quan trọng	Thời điểm theo dõi và đánh giá
Quá trình ( <i>Quá trình dẫn chứng những sự kiện gì xảy ra và như thế nào</i> )	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Quản lý/ hệ thống thực hiện các tiêu chuẩn dự kiến hoàn thành đến mức độ nào?</li> <li>• Các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch hoàn thành đến mức độ nào?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Theo dõi mọi lúc, mọi nơi</li> <li>• Đánh giá tại thời điểm giữa và cuối chương trình</li> </ul>
Tác động ( <i>Tác động đo lường những thay đổi xảy ra và mức độ mà sau đó chúng có thể được gán cho một hoạt động can thiệp</i> )	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sự hiểu biết của đối tượng được cải thiện đến mức độ nào?</li> <li>• Hiệu quả chương trình/ sự can thiệp là gì?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đánh giá tại cuối mỗi chương trình</li> </ul>
Kết quả ( <i>Các kết quả thể hiện những thay đổi trong khoảng thời gian từ khi kết thúc đầu ra cho đến khi đạt được tác động</i> )	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hành vi thay đổi thế nào?</li> <li>• Chương trình đóng vai trò thế nào trong những thay đổi này?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Theo dõi sự phù hợp các phương diện của kết quả như kiến thức, thái độ, kỹ năng</li> <li>• Đánh giá tại thời điểm giữa và cuối của chương trình</li> </ul>

## CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Vai trò của TD&ĐG là để đo lường kết quả thực hiện so với mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và được đo bằng các chỉ tiêu.
- Các chỉ tiêu là một phần cốt yếu của một hệ thống theo dõi và đánh giá bởi vì chúng là những gì chúng ta đo lường và/hoặc theo dõi.
- Các chỉ tiêu có thể được kết hợp trong nhiều cách khác nhau để tạo thành bộ chỉ số mô tả tóm tắt công việc chúng ta đang thực hiện như thế nào.
- TD&ĐG được dựa trên các chỉ tiêu đề cập tại Khung TD&ĐG.

## **CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ**

- Thông tin được sử dụng trong theo dõi và đánh giá có thể được phân loại thành thông tin định lượng và thông tin định tính.
- Định lượng đo lường cho biết “có bao nhiêu hay nhiều bao nhiêu”. Đo lường định lượng có thể hiện bằng con số tuyệt đối hoặc tỷ lệ phần trăm hay tỷ số. Bằng cách này hay cách khác, chúng ta nhận được thông tin định lượng (số lượng) bằng cách đếm hay đo lường.
- Đo lường định tính cho biết mọi người cảm nhận về một tình huống như thế nào hoặc về những việc được thực hiện như thế nào hoặc mọi người hành xử như thế nào. Chúng ta nhận được thông tin định lượng bằng cách hỏi, quan sát, giải thích.

## **CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ**

- Như vậy, chỉ tiêu TD&ĐG là một đo lường định tính và định lượng việc thực hiện chương trình, dùng để biểu đạt sự thay đổi và nêu rõ mức độ các kết quả của chương trình đã và đang đạt được.
- Để các chỉ tiêu này thật sự hữu ích trong công tác theo dõi và đánh giá kết quả chương trình, việc xác định các chỉ tiêu trực tiếp, khách quan, thực tiễn, đầy đủ và cập nhật đều đặn là điều rất quan trọng .
- Quá trình theo dõi và đánh giá đòi hỏi một sự kết hợp thông tin định tính và định lượng để có thể nhìn nhận một cách toàn diện.

## CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Chúng ta sử dụng công cụ Khung logic, đưa ra một số hướng dẫn chi tiết về thông tin gì là cần thiết cho hoạt động TD&ĐG, để xác định một cách chính xác tất cả các câu hỏi thực hiện, các chỉ tiêu và nhu cầu thông tin ở tất cả các cấp độ của khung logic

Khung logic	Chỉ số	Đo lường cái gì	Đo lường như thế nào	AI đo lường	Tần suất đo lường	Báo cáo kết quả như thế nào
Mục đích						
Kết quả						
Đầu ra						
Hoạt động						
Đầu vào						

## CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Cái được theo dõi và đánh giá phải là những dấu hiệu thay đổi chỉ ra quá trình và thay đổi trong khi thực hiện một chương trình, dự án.
- Để làm được điều này, phải xác định được nhu cầu thông tin cho từng cấp độ của khung logic: mục tiêu, mục đích, các kết quả, đầu ra và các hoạt động.

Tham chiếu từ khung logic	Theo dõi cái gì
Mục tiêu	Mục đích đã đạt được chưa và điều này có đóng góp gì cho mục tiêu chiến lược quốc gia không?
Mục đích	Những thay đổi nào về mặt định lượng do hoạt động đầu tư tạo ra có thể đóng góp cho các mục tiêu chiến lược quốc gia?
Kết quả	Những thay đổi nào về mặt định lượng đã diễn ra như là kết quả của các đầu ra, và mức độ đóng góp của những thay đổi này đối với mục đích và các tác động mong đợi?
Đầu ra	Sản phẩm và dịch vụ hữu hình nào đã được tạo ra như là kết quả của các hoạt động?
Hoạt động	Các hoạt động đã lên kế hoạch trước có được thực hiện đúng thời gian và trong phạm vi ngân sách không? Các hoạt động nào không nằm trong kế hoạch đã được hoàn thành?
Đầu vào	Các đầu vào theo kế hoạch nào đã được mua và được cung cấp đúng thời gian và trong phạm vi ngân sách? Các đầu vào nào không được lập kế hoạch đã được cung cấp và sử dụng?

Trích từ: IFAD (2002) Hướng dẫn theo dõi và đánh giá dự án



## CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Khung logic TD&ĐG sẽ xác định các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá khách quan liên quan đến các câu hỏi và các tiêu chí được sử dụng trong TD&ĐG.
- Đối với đánh giá các chương trình, dự án tiêu chí được sử dụng phổ biến nhất để lựa chọn chỉ tiêu là hiệu suất, hiệu quả và tác động.

	Hiệu suất	Hiệu quả	Tác động	Tính phù hợp	Tính bền vững
Mục tiêu			Việc thực hiện có những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực gì, dù trực tiếp hay gián tiếp?	Mục đích và mục tiêu tổng thể vẫn đóng vai trò mục tiêu tại thời điểm đánh giá hay không?	Các cơ quan của Việt Nam có thể duy trì được các ảnh hưởng tích cực đến mức độ nào sau khi các hoạt động đã kết thúc?
Mục đích		Mục đích có đạt được hay không, và các đầu ra có những đóng góp ở mức độ nào?			
Kết quả					
Đầu ra	Các đầu vào được chuyển thành các đầu ra ở mức độ nào?				
Hoạt động					
Đầu vào					

Nguồn: FASID (2000) Theo dõi và đánh giá dựa trên phương pháp quản lý chu trình dự án. Nền tảng cho các nghiên cứu tiên tiến về Phát triển quốc tế. Tokyo, Nhật Bản

## CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Để lựa chọn các chỉ tiêu thì cần phải xác định thông tin nào là cần thiết để trả lời các câu hỏi đánh giá.
- Kiểm tra xem câu hỏi có thể được trả lời với một chỉ tiêu đơn giản hay không.
- Việc lựa chọn các chỉ tiêu là một quá trình lặp lại, được xây dựng dựa trên sự bàn bạc giữa các cán bộ quản lý, các bên liên quan và các nhà tài trợ.
- Quá trình lựa chọn chỉ tiêu trải qua một số bước, bao gồm: lấy ý kiến tập thể, đánh giá từng ý kiến và thu hẹp danh sách các ý kiến và cuối cùng lập một bộ chỉ tiêu TD&ĐG.
- Các chỉ tiêu TD&ĐG thực hiện CLTK11-20 được dựa trên những mục tiêu của Chiến lược và các Chương trình hành động đã được xác định tại Công văn số 602/BKHĐT-TCTK ngày 9/2/2012 về Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

## CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Các chỉ tiêu TD&ĐG bao gồm cả chỉ tiêu về quá trình thực hiện và kết quả, chỉ tiêu tác động. Chỉ đưa vào những chỉ tiêu phản ánh rõ ràng các đầu ra, kết quả và mục tiêu của CLTK11-20.
- Khung TD&ĐG xác định các chỉ tiêu cần TD&ĐG.
- Khung theo dõi và đánh giá được xây dựng cho từng hoạt động, từng quá trình thực hiện và từng mức độ đánh giá trong quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược.
- Chỉ tiêu TD&ĐG đo lường định tính và định lượng việc thực hiện 9 chương trình hành động và biểu thị sự thay đổi và nêu rõ mức độ các kết quả của 9 chương trình đã và đang đạt được.

## CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Khung được xây dựng cho từng Chương trình hành động và được thể hiện qua 9 bảng bao gồm các cột và các dòng.
- Các cột biểu thị các hoạt động, mục tiêu, thông tin ban đầu, chỉ tiêu đạt được vào các thời điểm quan trọng thực hiện Chiến lược (năm 2015 giữa kỳ Chiến lược; năm 2020 năm kết thúc Chiến lược), và Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động.
- Các dòng thể hiện tên mỗi hoạt động và nội dung chi tiết của từng hoạt động thuộc 9 Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê.

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Thông tin ban đầu	Chỉ tiêu		Tổ chức chịu trách nhiệm
				Dự kiến vào năm 2015	Dự kiến vào năm 2020	
1	2	3	4	5	6	7

## CHỈ TIÊU VÀ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Khung TD&ĐG thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam gồm có 9 bảng như sau:
- Bảng 1. Khung TD&ĐG Chương trình “Hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý và cơ chế điều phối các hoạt động thống kê”;
- Bảng 2. Khung TD&ĐG Chương trình “Tăng cường nghiên cứu ứng dụng phương pháp luận thống kê và quy trình thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế”;
- Bảng 3. Khung TD&ĐG Chương trình “Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê”;
- Bảng 4. Khung TD&ĐG Chương trình “Đổi mới, hoàn thiện nâng cao chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê”;
- Bảng 5. Khung TD&ĐG Chương trình “Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê”;
- Bảng 6. Khung TD&ĐG Chương trình “Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê”;
- Bảng 7. Khung TD&ĐG Chương trình “Phát triển nhân lực ngành Thống kê”;
- Bảng 8. Khung TD&ĐG Chương trình “Mở rộng và tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê”;
- Bảng 9. Khung TD&ĐG Chương trình “Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động thống kê”.
- [KHUNG TD&ĐG](#)

## HỆ THỐNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Hệ thống TD&ĐG được thiết lập nhằm thực hiện các hoạt động thu thập, tổng hợp, phân tích và sử dụng dữ liệu TD&ĐG với mục đích là đưa ra những hỗ trợ thích hợp và kịp thời trong việc triển khai các chương trình hành động của Chiến lược một cách hiệu quả.
- Do tính chất nhiều mặt của việc thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê, việc TD&ĐG của hệ thống sẽ được thực hiện ở các cấp độ khác nhau.
- Theo kinh nghiệm quốc tế, theo dõi có hiệu quả nhất khi các nhà quản lý và các bên liên quan lồng ghép hoạt động theo dõi trở thành một phần công việc thường ngày thuộc các chức năng quản lý của họ, và có thể được hỗ trợ bởi các chuyên gia tư vấn bên ngoài về phát triển hệ thống TD&ĐG.

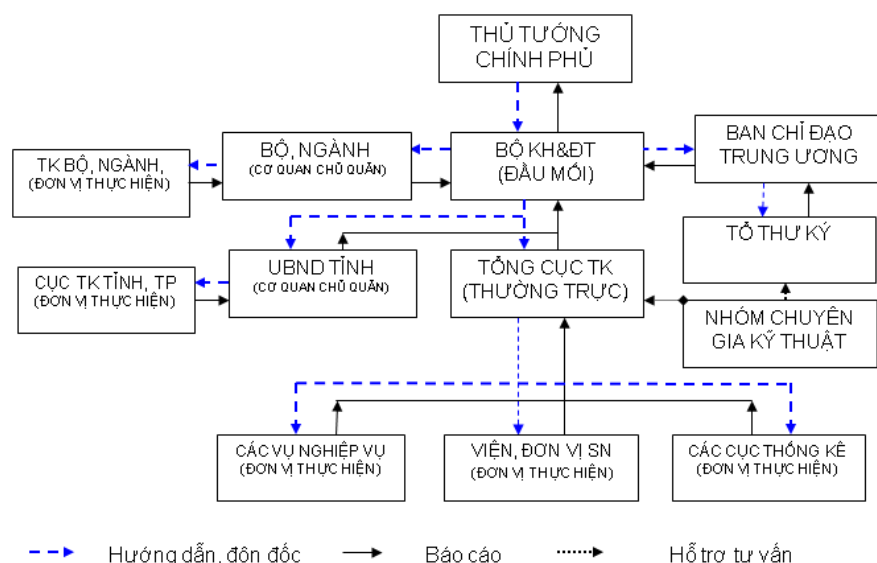


## HỆ THỐNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Hệ thống TD&ĐG thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam được xây dựng dựa trên cấu trúc của Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước như sau:
- **1. Cấp trung ương:** Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 thành lập theo Quyết định số 1548/QĐ-BKH&ĐT ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT.
- **2. Cấp Bộ, ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cơ quan chủ quản):** Các Bộ, ngành có trách nhiệm cụ thể hóa Chiến lược phát triển Thống kê thuộc lĩnh vực quản lý nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động được phân công trong các Chương trình hành động.
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Chiến lược tại địa phương theo các hoạt động được phân công trong các Chương trình hành động và các văn bản hướng dẫn của Bộ KH&ĐT.
- **3. Cấp đơn vị thực hiện (cơ sở):** Các đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các nội dung công việc trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê tại các Bộ, ngành và địa phương sẽ triển khai thực hiện các nội dung công việc (hoạt động) đó, đồng thời thực hiện TD&ĐG nội bộ việc thực hiện các hoạt động của chương trình được phân công thực hiện.

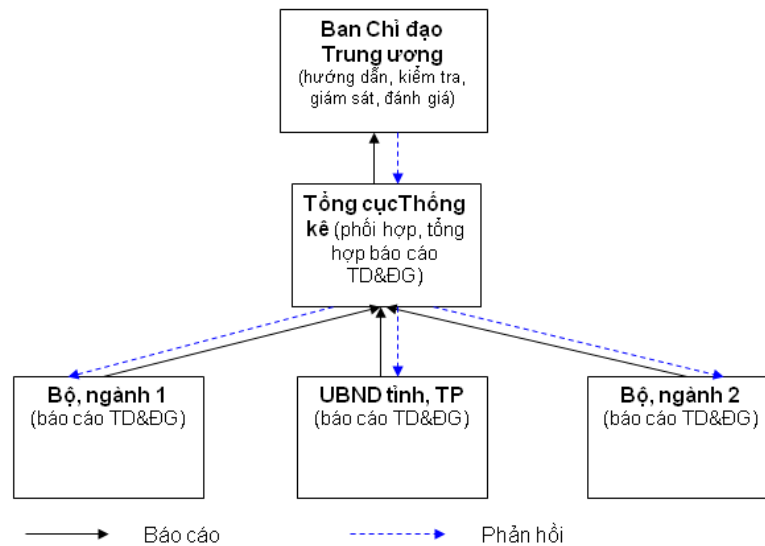
## HỆ THỐNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Sơ đồ Hệ thống TD&ĐG thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê



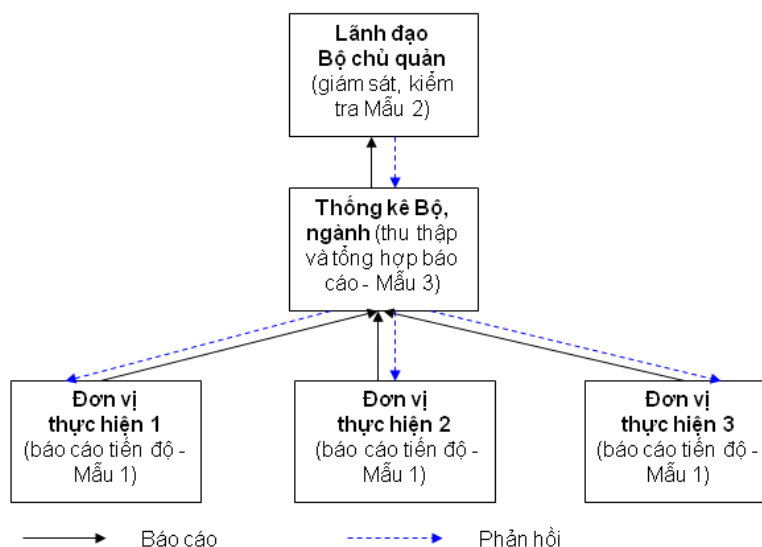
## HỆ THỐNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Hệ thống theo dõi thực hiện Chiến lược giữa Trung ương và Bộ, ngành, địa phương



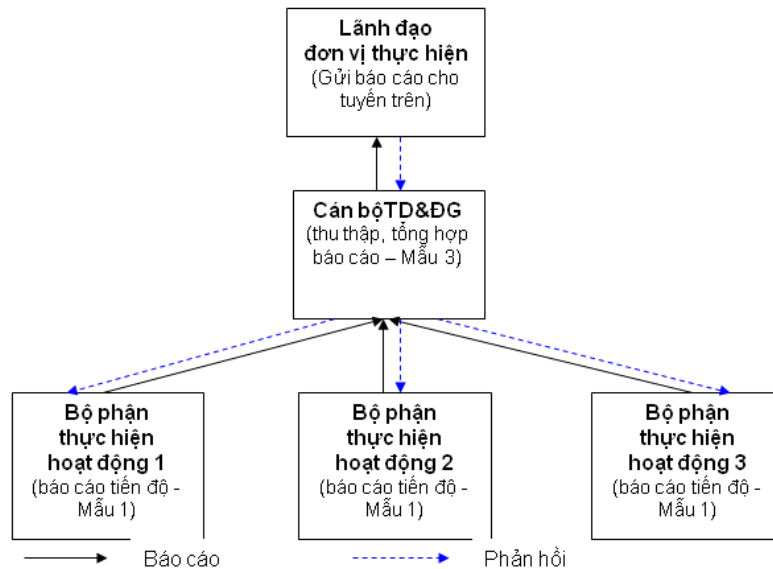
## HỆ THỐNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Hệ thống theo dõi thực hiện Chiến lược trong nội bộ cơ quan chủ quản (Bộ, ngành)



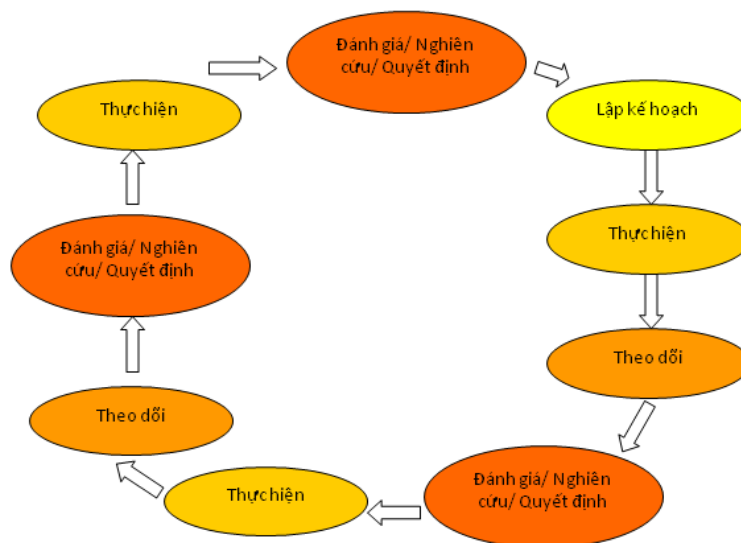
## HỆ THỐNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Hệ thống theo dõi thực hiện Chiến lược trong nội bộ tại các đơn vị (cơ sở) thực hiện Chiến lược



## QUÁ TRÌNH THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Chu trình theo dõi và đánh giá thực hiện Chiến lược



## QUÁ TRÌNH THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- **Quá trình theo dõi**
- Theo dõi là quá trình được thực hiện một cách liên tục và có thể tiến hành theo từng khoảng thời gian nhất định, tùy vào mục đích theo dõi mà có kế hoạch tiến hành theo dõi cho phù hợp.
- Theo dõi thực hiện Chiến lược phát triển thống kê được hoàn toàn lồng ghép vào công tác quản lý thường nhật và được giám sát bởi lãnh đạo trong các đơn vị thực hiện Chiến lược.
- Các chuyên gia bên ngoài - thường hợp tác với cơ quan quản lý và nhà tài trợ, thực hiện xem xét và đánh giá định kỳ.
- Đối với dữ liệu theo dõi, quá trình theo dõi được lồng ghép trong công việc quản lý chương trình và được thực hiện bởi cán bộ chuyên trách công tác TD&ĐG (nội bộ).

## QUÁ TRÌNH THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- **Quá trình theo dõi**
- Theo dõi thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê được thực hiện liên tục định kỳ hàng năm.
- a) Tại đơn vị thực hiện (cơ sở): Hàng năm, đơn vị/bộ phận thực hiện chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu từ các hoạt động thuộc chương trình hành động được phân công và báo cáo tiến độ thực hiện cho cơ quan chủ quản cấp trên theo biểu mẫu quy định (Mẫu số 1. Báo cáo tiến độ).
- b) Tại các Bộ, ngành và địa phương (cơ quan chủ quản): Hàng năm, các Bộ, ngành (Thống kê Bộ, ngành) và UBND các tỉnh, thành phố (Cục Thống kê) chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp dữ liệu về các hoạt động có trong chương trình hành động thuộc phạm vi quản lý và gửi báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện theo biểu mẫu quy định (Mẫu số 1. Báo cáo tiến độ và Mẫu số 3. Báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược) về Ban Chỉ đạo Trung ương (đầu mỗi là Bộ KH&ĐT (TCTK)).

## QUÁ TRÌNH THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- **Quá trình theo dõi**
- c) Tại Trung ương (Ban Chỉ đạo): Hàng năm, Ban Chỉ đạo Trung ương kiểm tra, TD&ĐG kết quả thực hiện Chiến lược phát triển thống kê báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
- Tổ chức các cuộc hội thảo TD&ĐG hàng năm. Tại các thời điểm nhất định hàng năm, việc TD&ĐG được thực hiện để rà soát lại chi tiết việc thực hiện Chiến lược thống kê, xem xét lại những mục tiêu và những câu hỏi mang tính chiến lược, các bài học kinh nghiệm....
- Các kết quả và khuyến nghị thu được thông qua quy trình phân tích dữ liệu sẽ được trình bày cho các cơ quan, các đơn vị liên quan một cách kịp thời và hiệu quả. Các báo cáo này sẽ được chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị trong hệ thống TD&ĐG cũng như các Bộ, ngành, các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ.

## QUÁ TRÌNH THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- **Quá trình đánh giá**
- Quá trình đánh giá có 4 giai đoạn cơ bản là: a) Khảo sát thông tin ban đầu; b) Tổ chức các hội thảo đánh giá hàng năm; c) Tổ chức đánh giá giữa kỳ; d) Đánh giá cuối kỳ.
- a) Khảo sát thông tin ban đầu (Đánh giá độc lập của chuyên gia tư vấn): Là quá trình đầu tiên của việc đánh giá nhằm xem xét thực trạng và sự phát triển của hệ thống thống kê trước khi thực hiện Chiến lược. Những thông tin ở giai đoạn này là mốc để đánh giá quá trình phát triển, từ đó có thể đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện Chiến lược thống kê.
- b) Tổ chức các cuộc hội thảo đánh giá hàng năm (Ban Chỉ đạo Trung ương). Các cuộc hội thảo đánh giá hàng năm dựa vào các báo cáo tiến độ và kết quả những cuộc họp của các nhóm thực hiện công tác theo dõi, đánh giá và của Ban Chỉ đạo Trung ương. Đánh giá hàng năm sẽ chỉ ra những điểm hạn chế, thách thức và cũng như thành công trong quá trình thực hiện, từ đó đề ra những phương hướng cần thiết để đạt được các mục tiêu chiến lược.

## QUÁ TRÌNH THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- **Quá trình đánh giá**
- c) Tổ chức đánh giá giữa kỳ (Đánh giá độc lập của chuyên gia tư vấn). Đánh giá giữa kỳ để cung cấp thông tin giúp cho quá trình thực hiện Chiến lược thống kê, nâng cao hiệu quả và phương pháp thực hiện Chiến lược thống kê. Quá trình đánh giá này là những khảo sát và phân tích toàn diện về những thông tin định tính và định lượng.
- d) Đánh giá cuối kỳ được thực hiện tại thời điểm cuối của quá trình thực hiện Chiến lược thống kê (Đánh giá độc lập của chuyên gia tư vấn). Đối với đánh giá cuối kỳ, việc đánh giá dựa vào mức độ đạt được so với mục tiêu, mục đích đề ra. Mục đích của đánh giá cuối kỳ là đánh giá toàn bộ những kết quả đạt được so với mục đích đề ra và đóng góp của cả quá trình đối với mục tiêu phát triển của Chiến lược thống kê, ngoài ra đánh giá cuối kỳ còn giúp cho quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược cho giai đoạn tiếp theo.

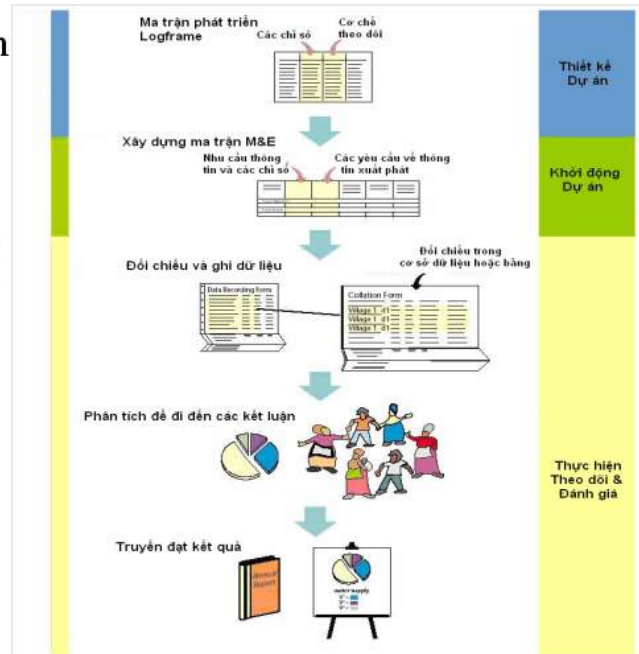
## QUÁ TRÌNH THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- **Quá trình đánh giá**
- Phần lớn các đánh giá đều được đưa ra đấu thầu giữa các nhà cung cấp dịch vụ (các chuyên gia đánh giá độc lập hoặc các nhóm chuyên gia đánh giá).
- Do các chuyên gia đánh giá không phải lúc nào cũng có thể lập một kế hoạch đánh giá hoạt động đầy đủ trong khi đấu thầu cho nên cần phải có giai đoạn khởi đầu cho bước thu thập và phân tích dữ liệu.
- Nhóm đánh giá sẽ phải đi thực tế cùng các bên tham gia hoạt động và các bên liên quan, trong đó có các nhà tài trợ, cơ quan quản lý và các nhóm lân cận.
- Chuyên gia tư vấn đánh giá thực hiện thu thập dữ liệu theo điều khoản tham chiếu đánh giá (Mẫu 4. Điều khoản tham chiếu đánh giá thực hiện Chiến lược) và viết báo cáo đánh giá theo biểu mẫu quy định (Mẫu 5. Phác thảo báo cáo đánh giá thực hiện chiến lược).



## QUÁ TRÌNH THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ

- Quá trình TD&ĐG thực hiện CLTK11-20 bao gồm các bước sau:
- Bước 1: Công tác chuẩn bị
- Bước 2: Thu thập thông tin
- Bước 3: Tổng hợp và xử lý thông tin
- Bước 4: Tổ chức Hội thảo
- Bước 5: Xây dựng báo cáo
- Bước 6: Lưu trữ thông tin, trách nhiệm giải trình và trao đổi thông tin



## ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

- Để triển khai Hệ thống TD&ĐG một cách có hiệu quả liên quan đến nhiều yếu tố: tổ chức, nhân lực, nguồn tài chính và trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho công tác TD&ĐG của cơ quan quản lý/chủ quản, đơn vị thực hiện và các đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm TD&ĐG việc thực hiện Chiến lược.
- **Chuẩn bị về mặt tổ chức:** Bất cứ một cơ quan quản lý hay một đơn vị chủ quản chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động, chương trình hành động của Chiến lược đều cần phải có những cán bộ theo dõi chuyên trách/kiêm nhiệm được cơ quan chủ quản hoặc lãnh đạo đơn vị đề cử để thực hiện việc thu thập các dữ liệu theo dõi từ các bộ phận khác nhau và tổng hợp, báo cáo dữ liệu này với lãnh đạo nhằm hỗ trợ công tác quản lý của lãnh đạo và đáp ứng những yêu cầu báo cáo với các cấp quản lý cao hơn.
- Tổ chức và những người chịu trách nhiệm thu thập, phân tích, và báo cáo việc thực hiện các hoạt động, chương trình hành động của Chiến lược phải được xác định rõ ràng.



## ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

- **Xây dựng năng lực:** Năng lực cần thiết để thực hiện hoạt động TD&ĐG được yêu cầu ở hai chỗ:
  - Các nhà quản lý cần các kỹ năng TD&ĐG chung được yêu cầu theo khuôn khổ quản lý thông tin thực hiện Chương trình.
  - Các chuyên gia TD&ĐG cần các kỹ năng cho các khía cạnh khác của công tác TD&ĐG, để phối hợp và đảm bảo chất lượng.
- Năng lực quan trọng bao gồm các kỹ năng thu thập dữ liệu, phân tích thống kê, sự hiểu biết về chính sách của ngành và phương thức thực hiện, kỹ năng tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia TD&ĐG, đảm bảo chất lượng dữ liệu, các tác động và động thái khác.
- Thu thập dữ liệu cần được dựa trên phương pháp khoa học, bằng cách sử dụng một loạt các công cụ như các chỉ tiêu và các đo lường đáng tin cậy khác. Những dữ liệu này sẽ đưa ra một dấu hiệu rõ ràng tổ chức/đơn vị đang làm tốt như thế nào liên quan đến các biện pháp can thiệp cụ thể, cũng như dịch vụ tổng thể, các dự án và chương trình.

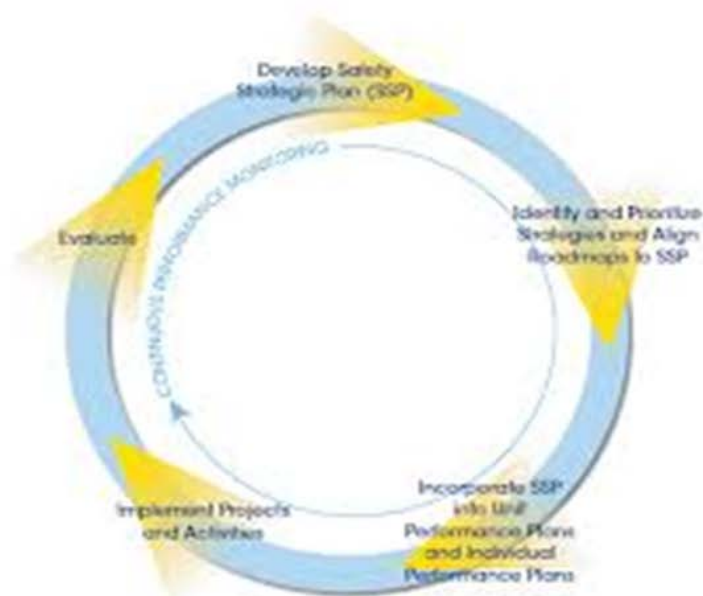
## ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

- **Ngân sách:** Theo thông lệ, ngân sách dành cho hoạt động TD&ĐG cần chiếm 5-10% tổng ngân sách của các chương trình hành động. Trong giai đoạn đầu thực hiện các Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê cần có thêm kinh phí đầu tư cho công tác xây dựng năng lực, cung cấp trang thiết bị và cơ sở hạ tầng, phần mềm máy tính cho các đơn vị.
- Ngân sách TD&ĐG được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước và một phần từ các nhà tài trợ quốc tế được dùng để chi trả cho các hoạt động bao gồm cả các việc nâng cao năng lực cho cán bộ TD&ĐG, việc mua sắm các trang thiết bị, phần mềm dùng cho công tác TD&ĐG, các hoạt động thu thập số liệu, viết báo cáo, các nghiên cứu và đánh giá nội bộ, đánh giá độc lập, các hội thảo, tập huấn, v.v...

## ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

- Hệ thống TD&ĐG hiệu quả được xây dựng trên hệ thống lập kế hoạch và lập ngân sách tốt và cung cấp thông tin phân hồi có giá trị cho những hệ thống đó. Nên xác định rõ ràng quá trình TD&ĐG liên quan thế nào đến việc lập kế hoạch, lập ngân sách, thực hiện chương trình, quản lý chương trình, dự án, quản lý tài chính và quy trình báo cáo.
- Vai trò và trách nhiệm TD&ĐG nên được ghi trong mô tả công việc và thỏa thuận thực hiện gắn việc thi hành của cá nhân với hệ thống tổ chức TD&ĐG.
- Hệ thống TD&ĐG cần được xem xét, điều chỉnh thường xuyên và cần được cải tiến cùng với tiến trình thực hiện các chương trình hành động của Chiến lược.
- Việc xem xét và điều chỉnh danh mục nhu cầu thông tin và các chỉ số sẽ giúp cho việc xây dựng hệ thống TD&ĐG phù hợp và bền vững.

## CÁM ƠN!



*Đo tính đáng sống của các thành phố*  
*Phương pháp tiếp cận, kinh nghiệm và bài học*

# Chỉ số Thành phố Thịnh vượng

## CPI

Claudio Acioly  
Trưởng ban Đào tạo Chương trình UN-Habitat toàn cầu  
Claudio.acioly@unhabitat.org

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

1



## STATE OF THE WORLD'S CITIES 2012/2013

Prosperity of Cities

## Bài trình bày bao gồm

1. Giới thiệu về Quan trắc Đô thị Toàn cầu (GUO) và thu thập dữ liệu
2. Khái niệm về Sự thịnh vượng
3. Đo lường Sự thịnh vượng
4. Các chỉ số của Sự thịnh vượng và Định hướng chính sách
5. Chỉ số Thành phố Thịnh vượng – CPI: mối liên hệ giữa hợp tác kỹ thuật của UN-Habitat và Hỗ trợ các thành phố
6. Các khía cạnh hoạt động và phương pháp luận
7. Chặng đường phía trước: một hiệp ước toàn cầu về CPI

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

3

4

# 1.

## DỮ LIỆU:

**Một tập hợp các chỉ số và thông tin nhằm hỗ trợ cho phân tích, dự đoán, dự báo và xác định lĩnh vực cần quan tâm hiện tại và trong tương lai.**

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

## Quan trắc đô thị toàn cầu: GUO

- Chương trình Chỉ số Đô thị
- Quan trắc Đô thị
- Hệ thống thông tin đô thị
- GIS (Hệ thống Thông tin Địa lý)

## Chương trình Chỉ số Đô thị

### Chương trình Nghị sự Habitat: các chương, mục tiêu & các chỉ số

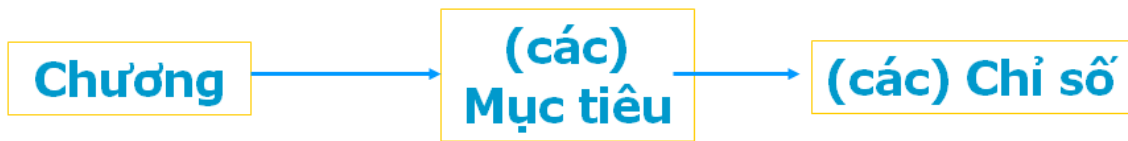
- 1 **Chỗ ở**
- 2 **Phát triển xã hội**
- 3 **Quản lý môi trường**
- 4 **Phát triển kinh tế**
- 5 **Quản trị**



20 chỉ số chính  
9 chỉ số rà soát  
13 chỉ số mở rộng



## Các Chỉ số Đô thị Toàn cầu (Phương pháp luận)



### 1 Chỗ ở

1. Xúc tiến quyền có nhà ở phù hợp
2. Đảm bảo quyền hường dụng
3. Cung cấp tiếp cận bình đẳng tới đất đai
4. Thúc đẩy tiếp cận bình đẳng tới tín dụng
5. Thúc đẩy tiếp cận tới các dịch vụ cơ bản

Chỉ số 1. Kết cấu bền vững  
Chỉ số 2. Tình trạng quá tải  
**Dữ liệu định tính: quyền có nhà ở phù hợp**  
**Chỉ số: giá nhà và giá thuê/ thu nhập**

7

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Chương trình Chỉ số Đô thị

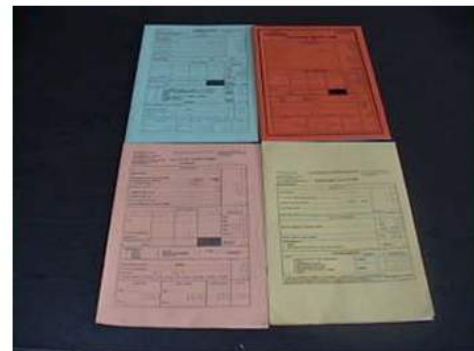
- Các phương tiện giám sát và công cụ: **UIS**

Hình ảnh vệ tinh/GIS

Hồ sơ cộng đồng

Bảng điều tra hộ gia đình

Bảng điều tra phụ nữ/ trẻ em



8

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Quan trắc Đô thị

**Giám sát toàn cầu về Chương trình Nghị sự Đô thị:  
Hỗ trợ quan trắc đô thị địa phương và quốc gia**



9

## Ứng dụng ở nhiều cấp độ khác nhau trong quá trình quy hoạch



### DỮ LIỆU CẤP VÙNG/THÀNH PHỐ

- Vị trí/ quy mô khu định cư
- Sử dụng đất và phân tích môi trường
- Bố trí cơ sở hạ tầng
- Môi quan hệ với các thành phố khác



### DỮ LIỆU CẤP KHU ĐỊNH CƯ

- Tính sẵn có của cơ sở hạ tầng
- Số liệu và loại cấu trúc
- Quy mô dân số và mật độ
- Sử dụng đất/ thay đổi không gian
- Phân tích môi trường và tác động



### CẤP HỘ GIA ĐÌNH

- Dữ liệu kinh tế - xã hội
- Tình tổn thương và tình trạng an sinh xã hội
- Tiếp cận tới các dịch vụ cơ bản
- Điều kiện nhà ở

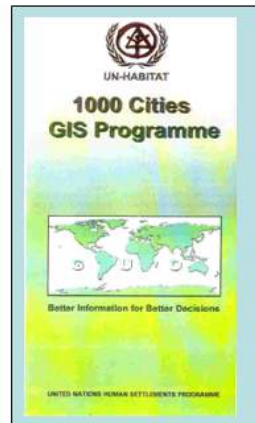
10



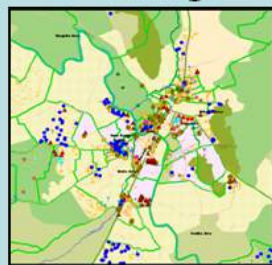
## Chương trình GIS (Lập bản đồ số)

- Chương trình GIS của 1000 thành phố (ESRI)
- Lập bản đồ Khu ổ chuột Toàn cầu (EU)
- GED 4 GEM (EU)
- GIS cho LUO
- Lập bản đồ cộng đồng

Lập bản đồ khu ổ chuột



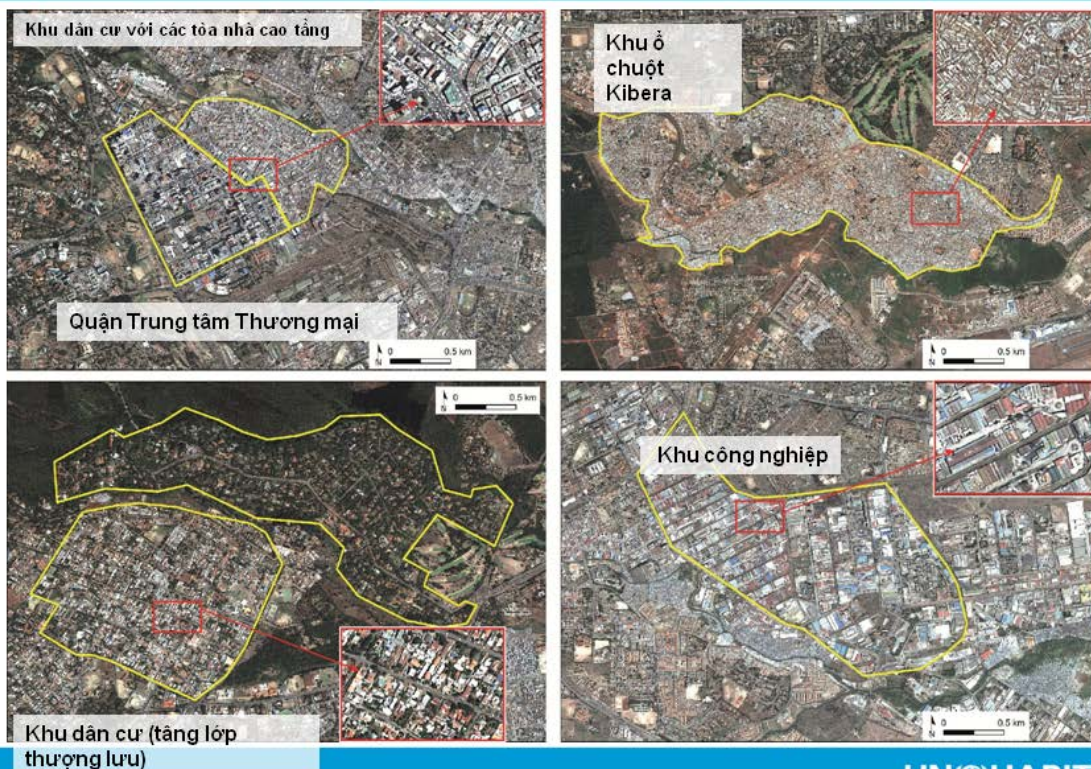
Lập bản đồ cộng đồng



11

UN-HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Ví dụ các loại hình nhà cửa ở Nairobi




12


UN-HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE




**Khu dân cư**




**Khu ổ chuột**



**Đường phố**



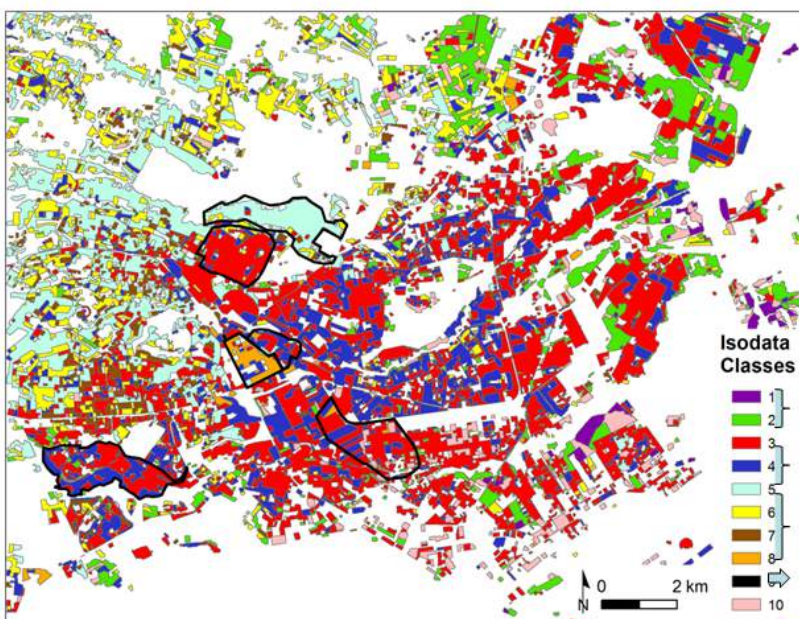
**Khu công nghiệp**



**13** **UN HABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Lập Bản đồ sử dụng Dữ liệu hình ảnh vệ tinh có độ phân giải cao

Phân loại Dữ liệu hình ảnh vệ tinh độ phân giải cao : Quy trình tự động



- 1 Lớp dữ liệu có mật độ thấp nhất (ngoại ô)
- 2 Bao gồm phần lớn các khu ổ chuột và dân cư nghèo
- 3 Các tòa nhà cao tầng (CBD)
- 4 Mạng lưới đường phố



## Lịch sử sử dụng Chỉ số Đô thị để theo dõi Chương trình Nghị sự Habitat

• **1993**

- 46 chỉ số chính
- 237 thành phố

• **1998**

- 23 chỉ số chính
- 242 thành phố

Chu kỳ theo dõi và đánh giá là 5 năm, sau đó là cơ chế theo dõi liên tục

- **2003, 1990-2005**
- 20 chỉ số chính
- 353 thành phố

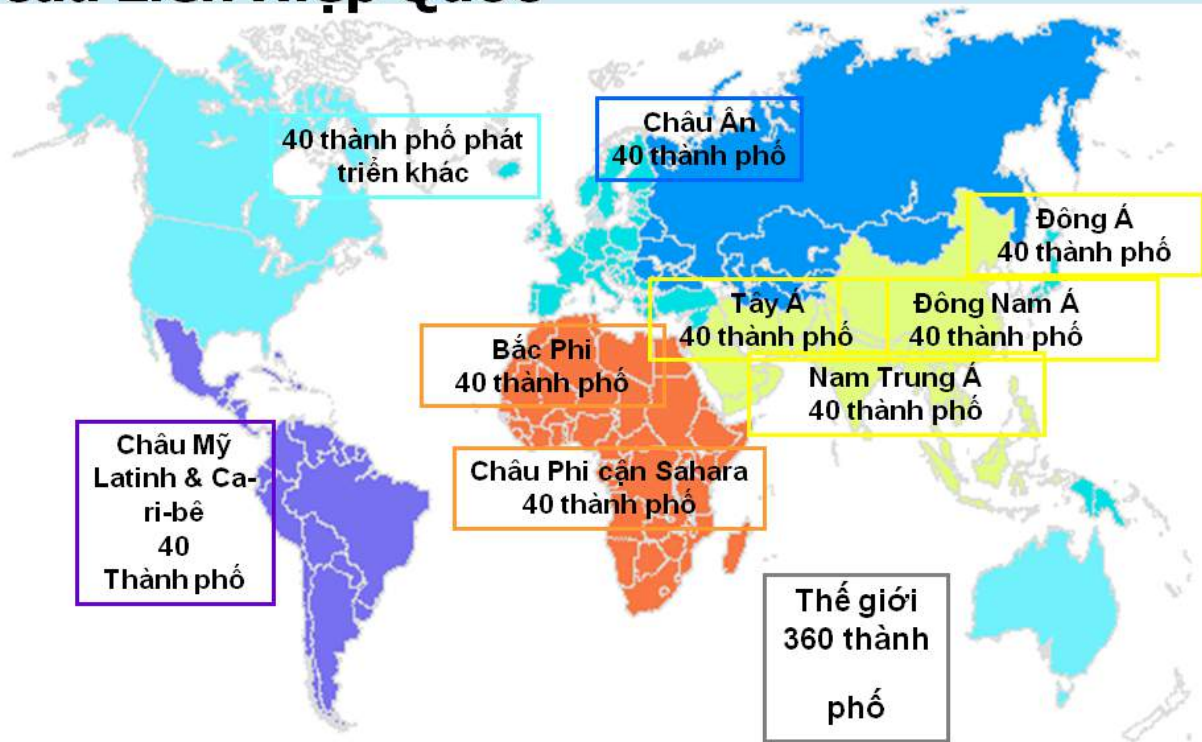


UN-HABITAT

27/03/2014

claudio.acioly@unhab

## Mẫu toàn cầu của 360 thành phố trên thế với 40 thành phố đại diện cho mỗi khu vực của Liên Hiệp Quốc





## Thu thập và giám sát dữ liệu

- Trước năm 2003 (MDG arrival), UN-HABITAT thu thập dữ liệu vào năm 1976 và 2001;
- Hai bộ dữ liệu (1993 và 1998) dựa trên dữ liệu được thu thập 5 năm một lần;
- Sau năm 2003: không chỉ dựa vào dữ liệu các quốc gia cung cấp mà xây dựng bộ dữ liệu riêng;
- Thu thập sớm và cập nhật thường xuyên;
- Hệ thống để xây dựng 3 bộ dữ liệu
- Dữ liệu 2 năm 1 lần được công bố thông qua SWCR và GRHS.
- Mỗi quan hệ đối tác với các tổ chức điều tra và 100 cuộc tổng điều tra trên thế giới
- UN-HABITAT có dữ liệu hộ gia đình (bắt đầu với 300 bộ dữ liệu) và hiện nay có hơn 1,000 bộ dữ liệu thành phố.



# 1a.

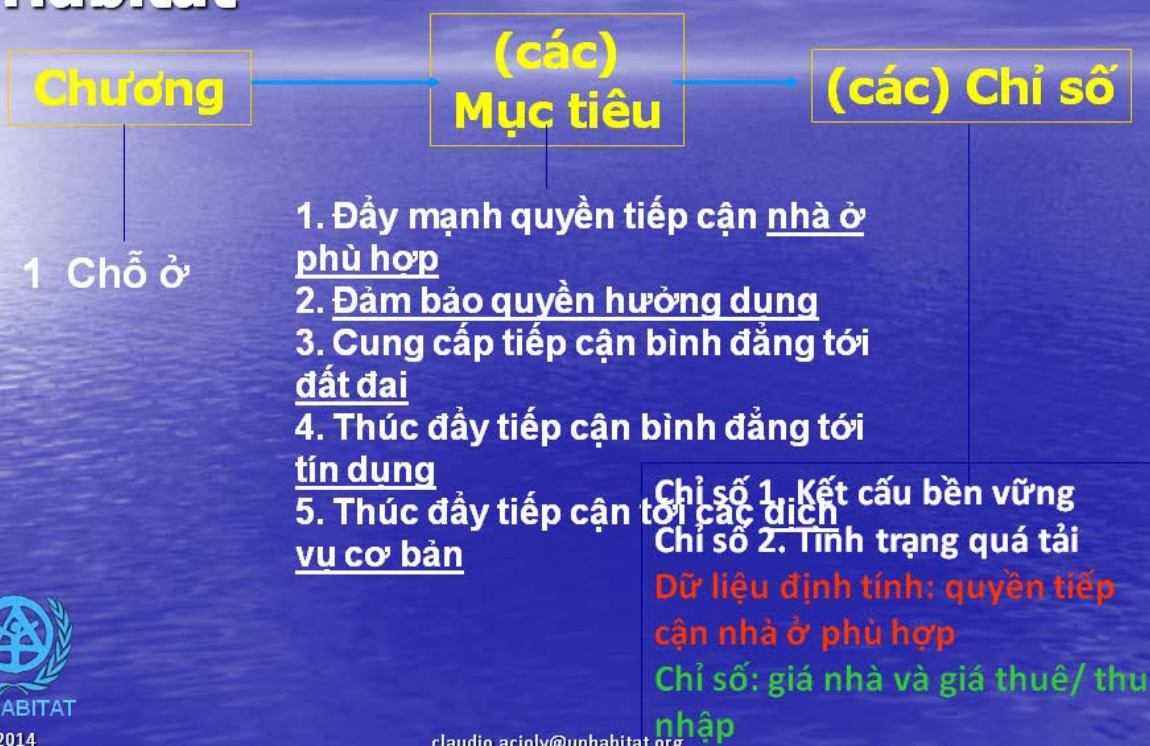
## CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ HABITAT (1996):

**UN-Habitat có nhiệm vụ giám sát tiến độ thực hiện, xây dựng các chỉ số và báo cáo quá trình thực hiện Chương trình Nghị sự Habitat**

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

## Khung chỉ số Chương trình Nghị sự Habitat



UN-HABITAT

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

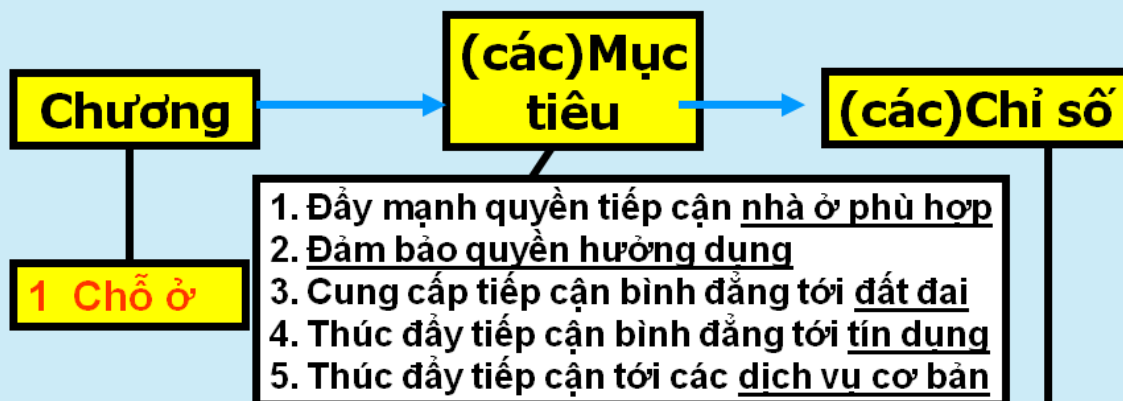
<b>Chỗ ở</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đẩy mạnh quyền tiếp cận nhà ở phù hợp</li> <li>Đảm bảo quyền hưởng dụng</li> <li>Thúc đẩy quyền tiếp cận các dịch vụ cơ bản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ số chính 1: Cấu trúc bền vững</li> <li>Chỉ số chính 2: quá tải</li> <li>Chỉ số chính 3: đảm bảo quyền hưởng dụng</li> <li>Chỉ số chính 4: tiếp cận nước sạch</li> <li>Chỉ số chính 5: tiếp cận dịch vụ vệ sinh cải thiện</li> <li>Chỉ số chính 6: kết nối với các dịch vụ</li> </ul>
<b>Phát triển xã hội và xóa đói giảm nghèo</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cung cấp cơ hội bình đẳng cho một cuộc sống an toàn và khỏe mạnh</li> <li>Thúc đẩy hòa nhập xã hội và hỗ trợ các nhóm đối tượng bị thiệt thòi</li> <li>Thúc đẩy bình đẳng giới trong phát triển định cư con người</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ số chính 7: tỷ lệ tử vong dưới tuổi</li> <li>Chỉ số chính 8: số các vụ giết người</li> <li>Chỉ số chính 9: hộ nghèo</li> <li>Chỉ số chính 10: tỷ lệ biết chữ</li> </ul>
<b>Quản lý môi trường</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thúc đẩy cơ cấu định cư cân bằng địa lý</li> <li>Quản lý cung – cầu nước sạch một cách hiệu quả</li> <li>Giảm thiểu ô nhiễm đô thị</li> <li>Khuyến khích hệ thống giao thông vận tải hiệu quả và thân thiện môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ số chính 11: tăng trưởng kinh tế đô thị</li> <li>Chỉ số chính 12: các khu định cư được quy hoạch</li> <li>Chỉ số chính 13: giá nước</li> <li>Chỉ số chính 14: nước thải được xử lý</li> <li>Chỉ số chính 15: xử lý chất thải rắn</li> <li>Chỉ số chính 16: thời gian di chuyển</li> </ul>
<b>Phát triển kinh tế</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Củng cố, nâng cấp các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là các doanh nghiệp do phụ nữ quản lý</li> <li>Khuyến khích hợp tác khu vực công – tư và kích thích sản xuất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ số chính 17: lao động không chính thức</li> <li>Chỉ số chính 18: sản phẩm của thành phố</li> <li>Chỉ số chính 19: thất nghiệp</li> </ul>
<b>Quản trị</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đẩy mạnh phân cấp và củng cố cơ quan chính quyền địa phương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ số chính 20: thu của chính quyền địa phương</li> </ul>

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

## Chỉ số Đô thị Toàn cầu (Phương pháp luận)

22



27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

## Chương trình Nghị sự Habitat: các chương, mục tiêu và chỉ số

23

- 1 **Chỗ ở**
- 2 **Phát triển xã hội**
- 3 **Quản lý môi trường**
- 4 **Phát triển kinh tế**
- 5 **Quản trị**

20 Chỉ số chính +  
9 chỉ số rà soát +  
13 chỉ số mở rộng

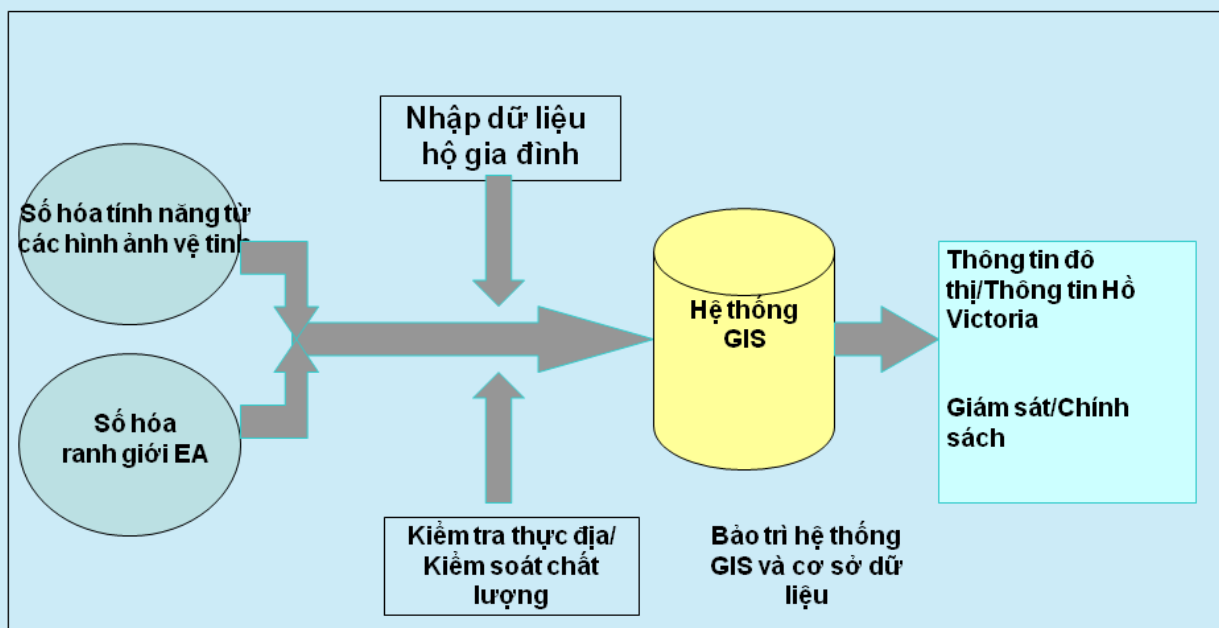
27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Lồng ghép dữ liệu hộ gia đình và thông tin địa lý

24



27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE



## Chỉ số Chương trình Nghị sự Habitat

Chương/ Mục tiêu của Chương trình Nghị sự Habitat	Các chỉ số	Cụm
<b>1. Chỗ ở</b>		
Đẩy mạnh quyền tiếp cận nhà ở phù hợp	<b>Chỉ số chính 1: kết cấu bền vững</b> <b>Chỉ số chính 2: quá tải</b> <b>Rà soát 1: quyền tiếp cận nhà ở phù hợp</b> <b>Chỉ số mở rộng 1: giá nhà và giá thuê trên thu nhập</b>	
Đảm bảo quyền hưởng dụng	<b>Chỉ số chính 3: đảm bảo quyền hưởng dụng</b> <b>Chỉ số mở rộng 2: nhà ở được cấp phép</b> <b>Chỉ số mở rộng 3: trục xuất</b>	
Thúc đẩy khả năng tiếp cận tới tín dụng	<b>Rà soát 2: tài chính nhà ở</b>	
Cung cấp tiếp cận bình đẳng tới đất đai	<b>Chỉ số mở rộng 4: giá đất trên thu nhập</b>	

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

Chương/ Mục tiêu của Chương trình Nghị sự Habitat	Các chỉ số	Cụm
Thúc đẩy tiếp cận tới các dịch vụ cơ bản	<b>Chỉ số chính 4: tiếp cận nước sạch</b> <b>Chỉ số chính 5: tiếp cận dịch vụ vệ sinh cải thiện</b> <b>Chỉ số chính 6: kết nối với các dịch vụ</b>	
<b>2. Phát triển xã hội và giảm nghèo</b>		
Cung cấp cơ hội bình đẳng tiếp cận cuộc sống an toàn và khỏe mạnh	<b>Chỉ số chính 7: tỷ lệ tử vong dưới tuổi</b> <b>Chỉ số chính 8: số vụ giết người</b> <b>Rà soát 3: bạo lực đô thị</b> <b>Chỉ số mở rộng 5: Tỷ lệ nhiễm HIV</b>	
Thúc đẩy hòa nhập xã hội và hỗ trợ các nhóm bị thiệt thòi	<b>Chỉ số chính 9: hộ nghèo</b>	
Thúc đẩy bình đẳng giới trong phát triển định cư con người	<b>Chỉ số chính 10: tỷ lệ biết chữ</b> <b>rà soát 4: lòng ghép giới</b> <b>Chỉ số mở rộng 6: tỷ lệ nhập học</b> <b>Chỉ số mở rộng 7: ủy viên hội đồng nữ</b>	

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Chỉ số Chương trình Nghị sự Habitat 27

Chương/ Mục tiêu của Chương trình Nghị sự Habitat	Các chỉ số	Cụm
<b>3. Quản lý môi trường</b>		
Thúc đẩy cơ cấu định cư cân bằng địa lý	<b>Chỉ số chính 11: tăng trưởng dân số đô thị</b> <b>Chỉ số chính 12: các khu định cư được quy hoạch</b>	
Quản lý cung cầu nước sạch một cách hiệu quả	<b>Chỉ số chính 13: giá nước</b> <b>Chỉ số mở rộng 8: tiêu thụ nước</b>	
Giảm thiểu ô nhiễm đô thị	<b>Chỉ số chính 14: nước thải được xử lý</b> <b>Chỉ số chính 15: xử lý chất thải rắn</b> <b>Chỉ số mở rộng 9: thu gom chất thải rắn một cách thường xuyên</b>	
Phòng chống thiên tai và tái thiết các khu định cư	<b>Chỉ số 5: công cụ phòng chống và giảm nhẹ thiên tai</b> <b>Chỉ số mở rộng 10: nhà ở các vị trí nguy hiểm</b>	

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

**UN HABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Chỉ số Chương trình Nghị sự Habitat 28

Chương/ Mục tiêu của Chương trình Nghị sự Habitat	Các chỉ số	Cụm
Thúc đẩy hệ thống giao thông vận tải hiệu quả và thân thiện với môi trường	<b>Chỉ số chính 16: thời gian di chuyển</b> <b>Chỉ số mở rộng 11: phương thức vận tải</b>	
Hỗ trợ cơ chế nhằm chuẩn bị và thực hiện quy hoạch môi trường và sáng kiến Chương trình Nghị sự 21 trong nước	<b>Chỉ số 6: quy hoạch môi trường trong nước</b>	
<b>4. Phát triển kinh tế</b>		
Củng cố, nâng cấp doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là các doanh nghiệp do phụ nữ thành lập	<b>Chỉ số chính 17: lao động không chính thức</b>	
Khuyến khích hợp tác khu vực công – tư và kích thích cơ hội việc làm hiệu quả	<b>Chỉ số chính 18: sản phẩm của thành phố</b> <b>Chỉ số chính 19: thất nghiệp</b>	

claudio.acioly@unhabitat.org

## Chỉ số Chương trình Nghị sự Habitat 29

Chương/ Mục tiêu của Chương trình Nghị sự Habitat	Các chỉ số	Cụm
<b>5. Quản trị</b>		
Đẩy mạnh phân cấp và củng cố cơ quan chính quyền địa phương	<b>Chỉ số chính 20: thu của chính quyền địa phương</b> <b>rà soát 7: phân cấp</b>	
Khuyến khích và hỗ trợ tham gia và cam kết dân sự	<b>rà soát 8: tham gia của người dân</b> <b>chỉ số mở rộng 12: tham gia của cử tri</b> <b>chỉ số mở rộng 13: các hiệp hội dân sự</b>	
Đảm bảo quản trị minh bạch, có trách nhiệm và hiệu quả của trị trấn, thành phố và khu đô thị	<b>rà soát 9: tính minh bạch và có trách nhiệm</b>	

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

30

# 1b.

## Chương trình chỉ số nhà ở (1990-1992):

Là cuộc khảo sát toàn cầu về nhà ở đầu tiên thực hiện trên 53 quốc gia, 53 thành phố và 30 đô thị lớn nhất

27/03/2014

Claudio Acioly Jr. / UN-HABITAT

# CHƯƠNG TRÌNH CHỈ SỐ NHÀ Ở

- Thực hiện bởi UN – HABITAT (UNCHS), với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Phát triển Hà Lan, USAID
- 1990-1992: phát triển các bộ chỉ số, các đợt nghiên cứu và khảo sát, đào tạo cán bộ và tư vấn hiện trường, kiểm tra, tổ chức hội thảo chuyên gia, tiến hành xác định và báo cáo
- Khung lý thuyết và phân tích các hoạt động của khu vực nhà ở
- Bằng chứng hỗ trợ phát triển chính sách nhà ở và chỉ đạo việc ra quyết định có đầy đủ thông tin
- Các chỉ số: **giá, số lượng, chất lượng, cung, cầu**
- **Quan trọng vẫn là: hàm ý của chính sách**

27/03/2014

Claudio Acioly Jr. / UN-HABITAT

## CHƯƠNG TRÌNH CHỈ SỐ NHÀ Ở

CÁC LOẠI CHỈ SỐ	CÁC CHỈ SỐ NHÀ Ở CHÍNH	Ý NGHĨA	THẤP	TRUNG BÌNH	CAO	GIẢI THÍCH
CHỈ SỐ GIÁ	1. Tỷ lệ giữa giá nhà và thu nhập	Tỷ lệ giữa giá nhà trung bình trên thị trường tự do và thu nhập hàng năm của hộ gia đình	0.9 0.03	5.0 0.18	14.8 0.38	Đo khả năng chi trả nhà ở. Nếu tỷ lệ này cao, hệ thống bị hạn chế. Nếu thấp, quyền hưởng dụng không được đảm bảo.
	2. Tỷ lệ giữa giá thuê nhà và thu nhập	Tỷ lệ giữa giá thuê nhà trung bình và thu nhập của hộ thuê nhà hàng năm				Là cách để kiểm tra khả năng chi trả nhà ở. Nếu thấp, kiểm soát thuê nhà. Nếu cao, nhà cho thuê không đáp ứng được nhu cầu
CHỈ SỐ VỀ SỐ LƯỢNG	3. Sản xuất nhà ở	Tổng số đơn vị nhà ở (chính thức và phi chính thức) được sản xuất/1000 dân (năm ngoài)	2.0 0.009	6.8 0.04	14 0.088	Đo tầm quan trọng của lĩnh vực nhà ở đến nền kinh tế. Khả năng của hệ thống phân phối. Phản ánh số lượng sản xuất và giá cả. Một giá trị cụ thể sẽ phản ánh giá cao, số lượng ít hay giá thấp, số lượng nhiều
	4. Đầu tư nhà ở	Tổng đầu tư vào nhà ở (chính thức và phi chính thức), trong tổng sản phẩm của thành phố				
CHỈ SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG	5. Diện tích sàn/người	Không gian sinh hoạt/người (năm ngoài)	4 0.43 0.0	33 0.90 0.24	69 1.0 0.78	Giá trị thấp phản ánh sự quá tải
	6. Kết cấu kiên cố	Phần trăm nhà ở được xây dựng bằng vật liệu kiên cố				Đo chất lượng và độ bền của nhà ở. Ước lượng cơ bản về nhà ở đầy đủ
	7. Nhà ở trái phép	Phần trăm nhà ở trên tổng số quỹ nhà ở không tuân theo các quy định hiện hành				Nhà ở trái phép giảm mạnh cùng với sự phát triển kinh tế



## CHƯƠNG TRÌNH CHỈ SỐ NHÀ Ở

CÁC LOẠI CHỈ SỐ	CÁC CHỈ SỐ NHÀ Ở CHÍNH	Ý NGHĨA	THẤP	TRUNG BÌNH	CAO	GIẢI THÍCH
CHỈ SỐ BÊN CẦU	8. Danh mục cho vay mua nhà	Tỉ lệ giữa các khoản vay mua nhà trên tổng số khoản vay từ các tổ chức thương mại và Chính phủ	0.01	0.18	0.44	Đo độ lớn của khối tài chính nhà ở và khả năng cung cấp tiền mua nhà cho các hộ gia đình
CHỈ SỐ BÊN CUNG	9. Cấp số của đất phát triển	Tỉ lệ trung bình giữa giá đất đã phát triển và giá đất thô đang phát triển ở khu vực ven đô.	1.1 0.98	5.2 318	16.6 2,201	Đo phí bảo hiểm của việc cung cấp hạ tầng và chuyển đất thô thành đất ở tại khu vực ven đô
	10. Chi phí hạ tầng tính trên đầu người	Tỉ lệ của tổng chi phí (bao gồm vận hành, bảo dưỡng) của tất cả các dịch vụ hạ tầng (đường xá, cống, thoát nước, thu gom rác) trong năm nay trên tổng số dân thành thị. Trung bình là 73\$. Ở các nước thu nhập thấp là 15\$, các nước thu nhập cao là 814\$, cao hơn 54 lần, cho thấy thu nhập trên đầu người khác nhau ở các nhóm thu nhập khác nhau				Là một thước đo gián tiếp của nguồn cung hạ tầng cho việc phát triển các khu dân cư. Nếu tỉ lệ này thấp, nguồn cung đất đai trở nên hạn hẹp, giá đất và giá nhà tăng.

# 1c.

## Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 7/11:

**UN-Habitat có nhiệm vụ giám sát và đo lường thành tựu của MDG 7/11 tập trung cải thiện cuộc sống của ít nhất 100 triệu cư dân khu ổ chuột**

## Theo UN-HABITAT, Cư dân khu ổ chuột là gì? <sup>35</sup>

Định nghĩa thao tác khái niệm

Thiếu một trong các yếu tố sau:

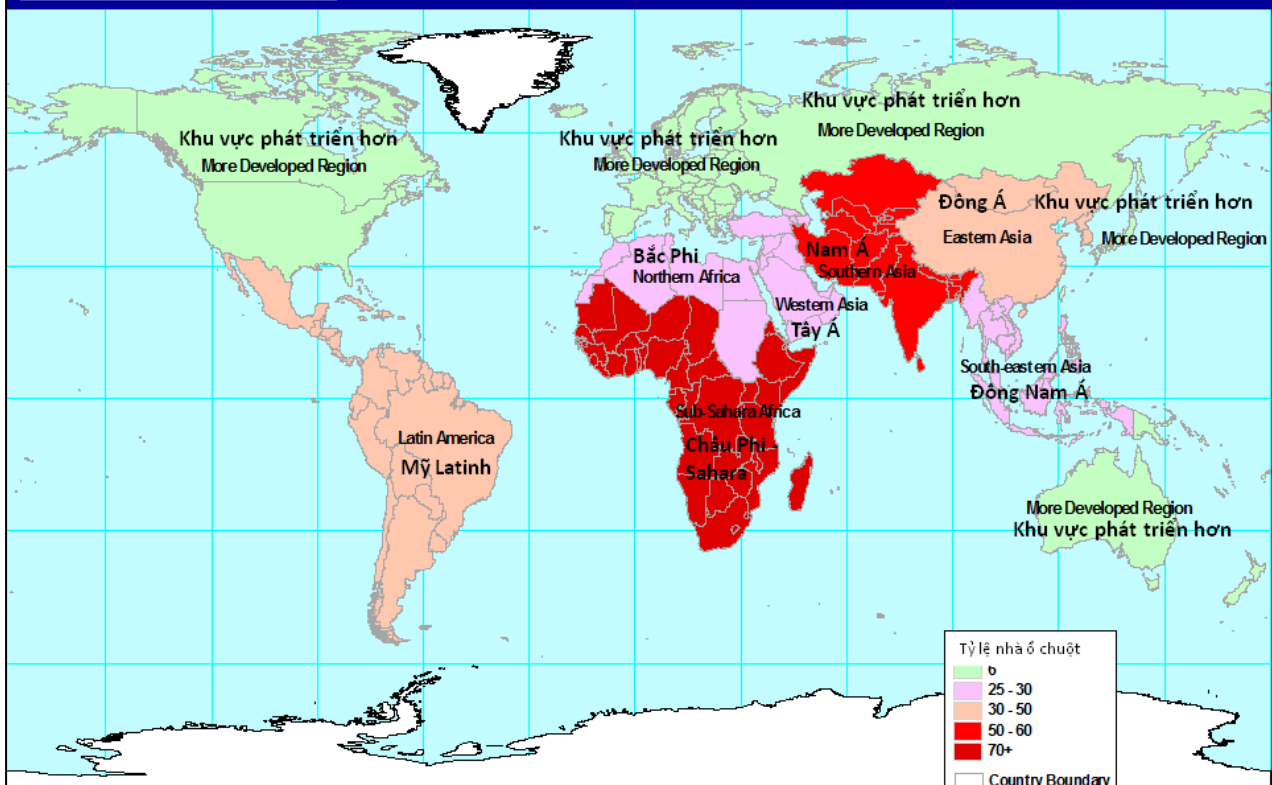
1. Tiếp cận dịch vụ vệ sinh cải thiện
2. Tiếp cận chất lượng nước cải thiện
3. Tiếp cận đảm bảo quyền hưởng dụng
4. Mức độ bền vững của nhà ở
5. Tiếp cận khu vực sinh sống đầy đủ

27/03/2014

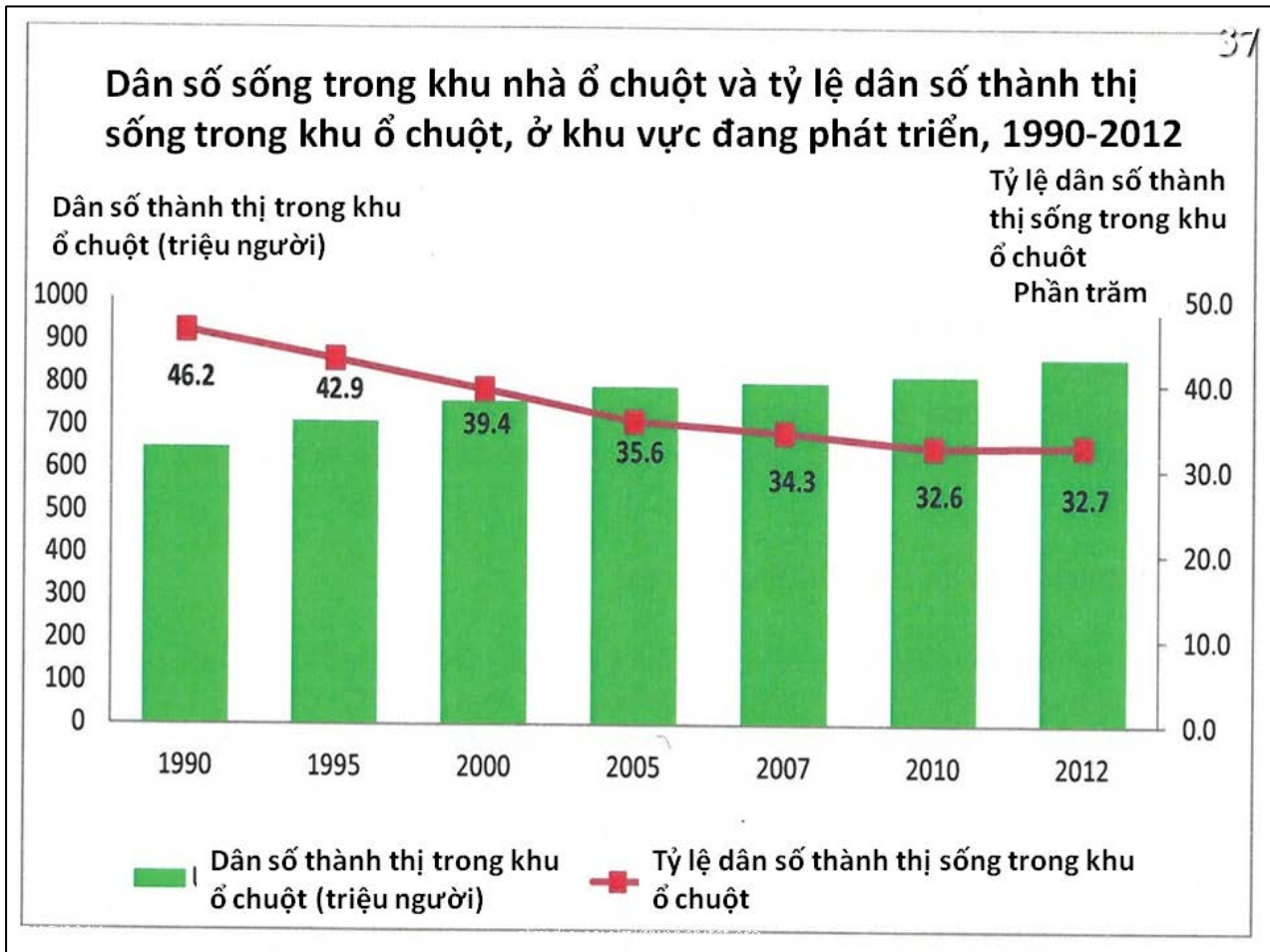
claudio.acioly@unhabitat.org

## Tỷ lệ nhà ổ chuột ở khu vực đô thị theo Vùng 2005

Nguồn: UN-HABITAT, 2008



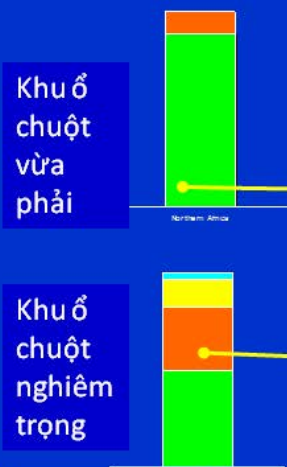




## 3. Đếm những khu vực nhà ở có điều kiện kém

- Tiếp cận nước sạch đã được cải thiện
- Tiếp cận vệ sinh đã được cải thiện
- Khu vực ở tiện nghi
- Độ bền của nhà ở

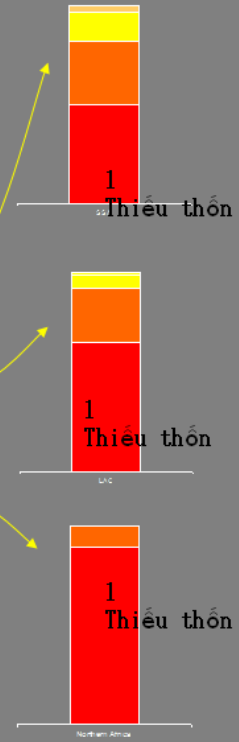
Xác định những khu vực ổ chuột



# Tình trạng Những khu ổ chuột trên thế giới 39

Không phải tất cả các khu ổ chuột đều bị thiếu thốn giống nhau

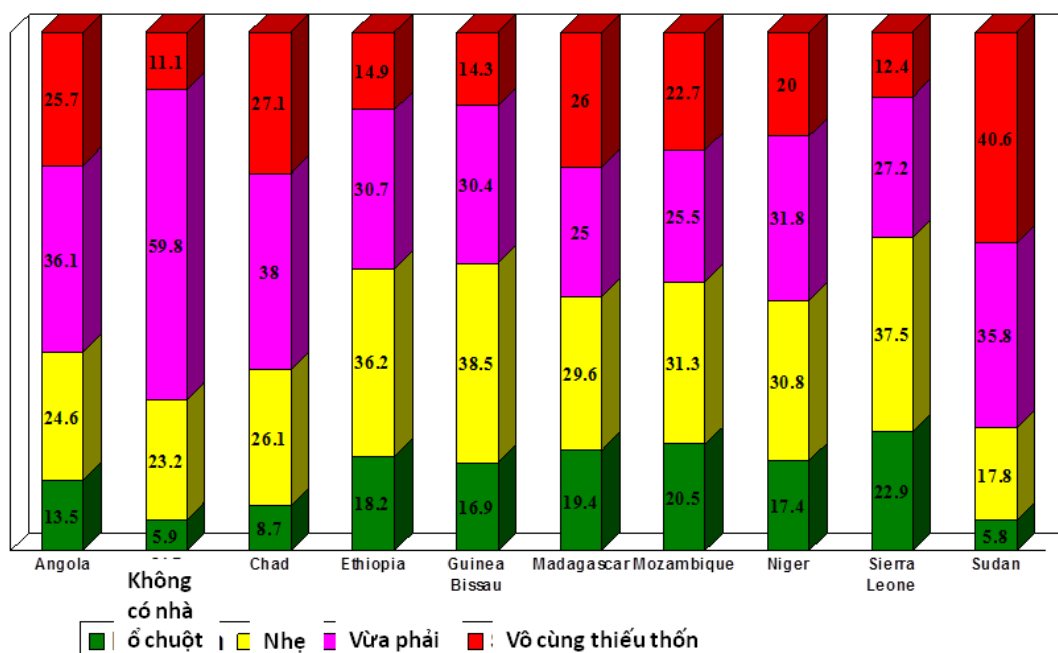
Khu vực	1	2	3	4
Sub-Saharan A	50	32	15	3
LAC	65	27	7	1
Bắc Phi	89	11	0	0



27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

# Những quốc gia tại khu vực Châu Phi cận Sahara với sự thiếu thốn khác nhau 40



27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

## Đô thị hóa phi chính thức và ngoài quy hoạch<sup>41</sup>

### Hình thái chủ yếu của tăng trưởng đô thị

	Tăng trưởng đô thị	Hình thành khu ổ chuột
Châu Phi cận Sahara	4.6	4.5
Nam Á	2.9	2.2
Tây Á	2.9	2.7

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

Nguồn: UN-HABITAT, 2008

# 2

42

**Khả năng Giám sát và Phân tích những xu hướng toàn cầu và Tình trạng đô thị hóa trên thế giới**

**giải đáp cho quy mô và phạm vi của vấn đề đô thị hóa và nhà ổ chuột.**

27/03/2014

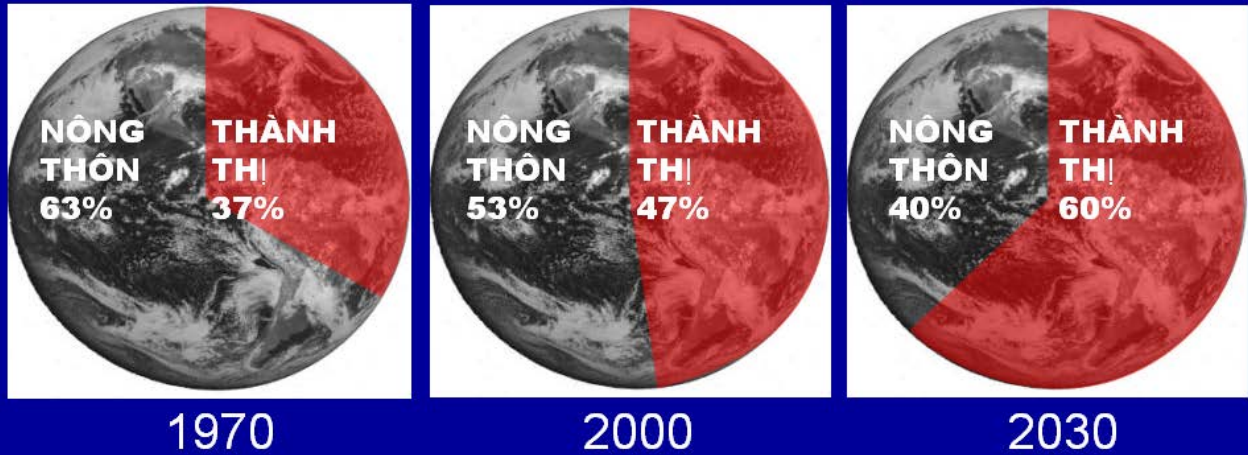
claudio.acioly@unhabitat.org



# ĐÔ THỊ HÓA NHAN

43

## DÂN SỐ NÔNG THÔN/THÀNH THỊ TOÀN CẦU



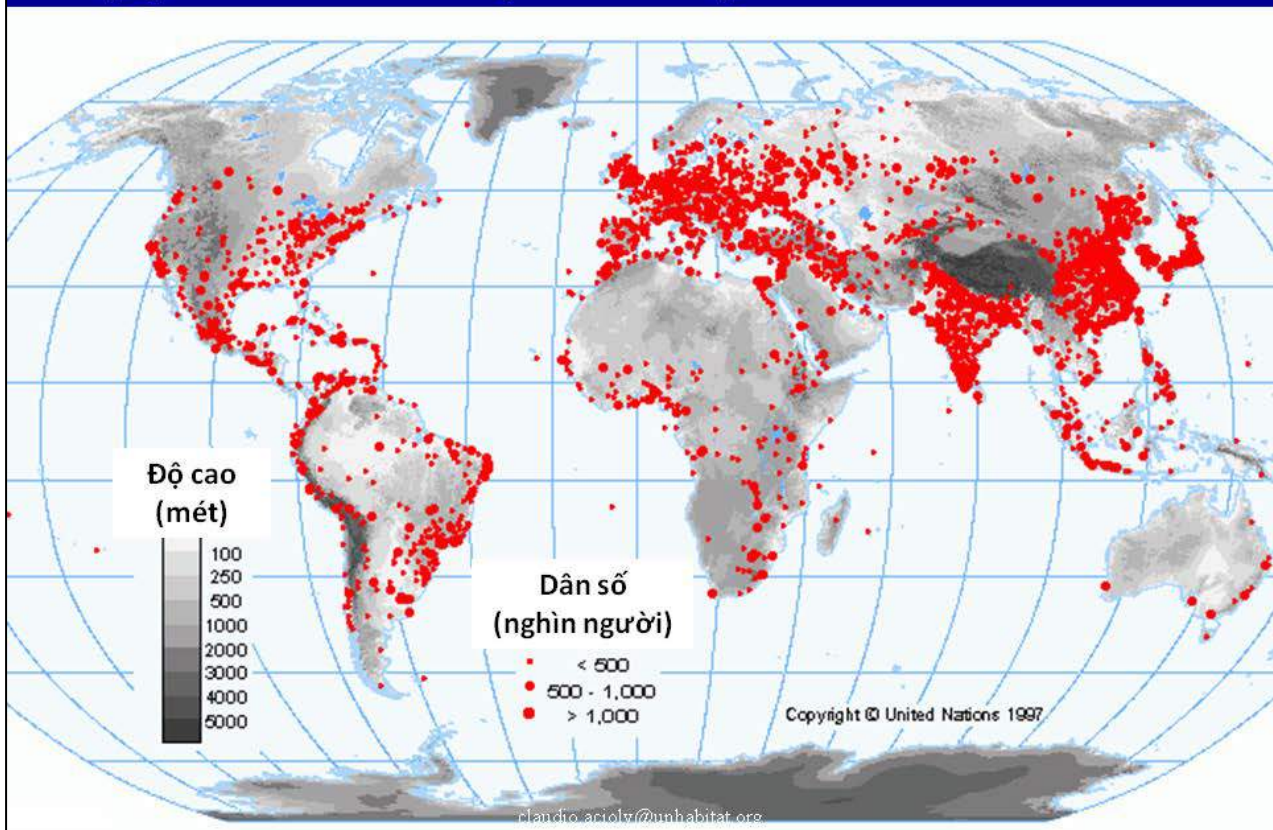
Nguồn: UN-HABITAT, 2008

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

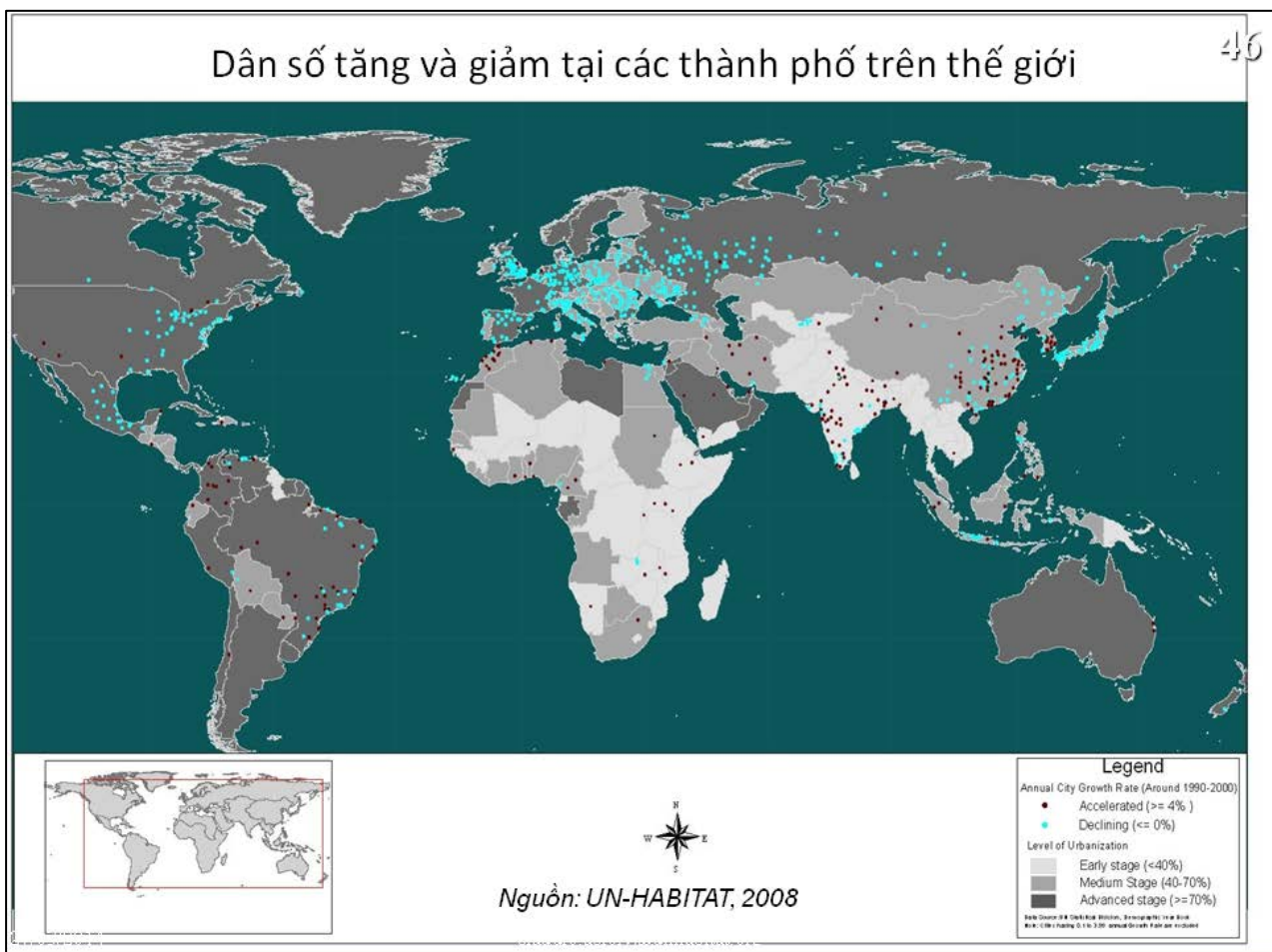
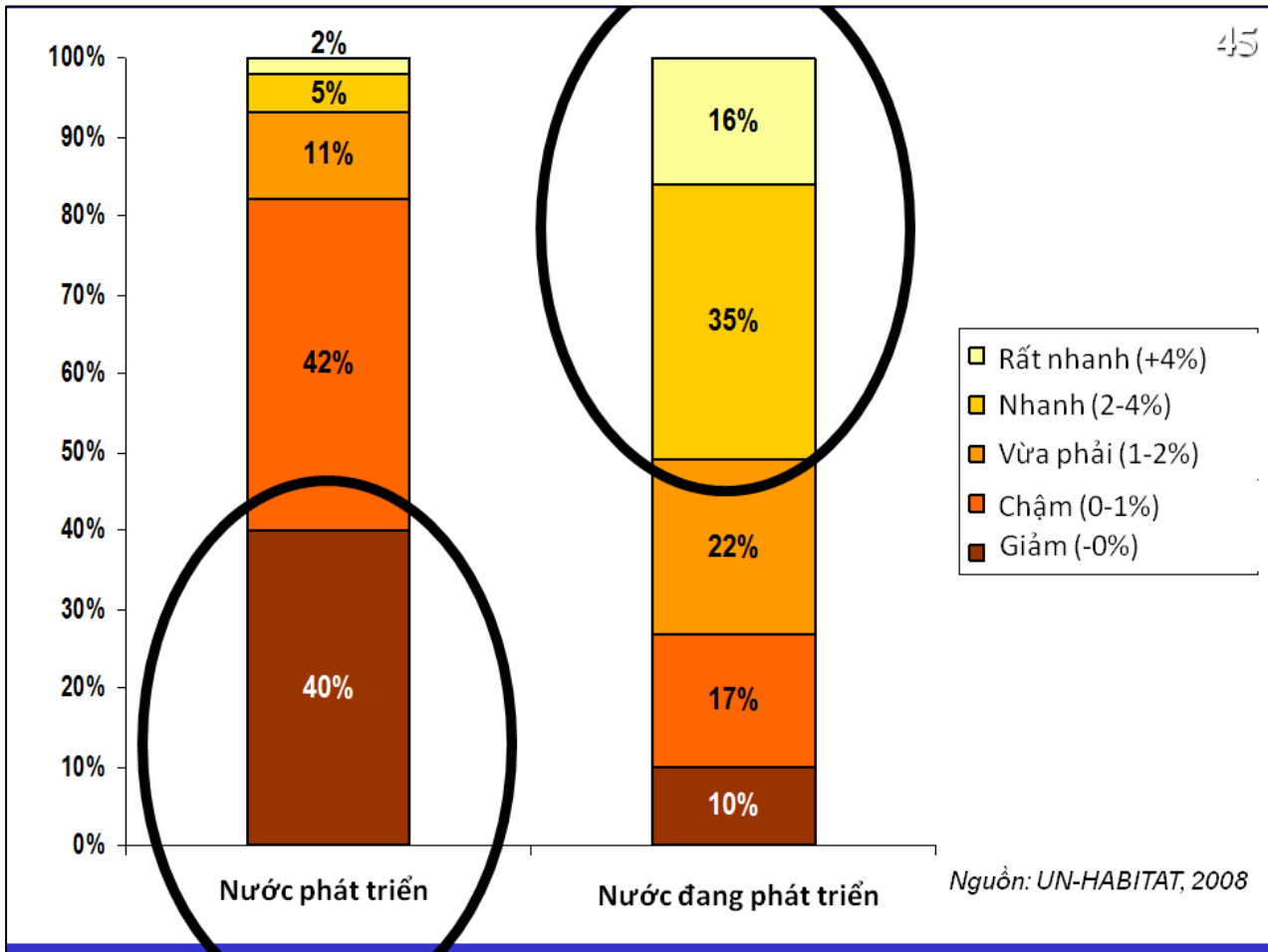
## Sự phân bố thành phố và thị trấn trên toàn cầu

44



**NGÀY 1-3. Các khái niệm chính và phương pháp luận của hệ thống Quan trắc đô thị (UOS)**

+ Chỉ số Thành phố Thịnh vượng + Các nghiên cứu quốc tế về UOS





# ĐÃ ĐẾN LÚC NGHĨ VỀ ĐÔ THỊ!

## THỐNG KÊ ĐÔ THỊ NĂM 2013

### THẾ GIỚI

Tổng dân số: 7 tỷ  
Đô thị: 3,6 tỷ (52%)  
Khu ổ chuột: 862,5 triệu  
(24%)

### CHÂU PHI

Tổng dân số: 1 tỷ  
Đô thị: 413 triệu (40%)  
Khu ổ chuột: 225,9 triệu  
(51%)

### MỸ LATINH

Tổng dân số: 586 triệu  
Đô thị: 472 triệu (79%)  
Khu ổ chuột: 113,4 triệu  
(23,5%)

### CHÂU Á

Tổng dân số: 4,2 tỷ  
Đô thị: 1,9 tỷ (45%)  
Khu ổ chuột: 522,7 triệu  
(27%)

Cứ 2 người trên thế giới thì có 1 người sống trong khu vực đô thị

Cứ 4 người trong khu vực đô thị thì có 1 người sống trong nhà ổ chuột

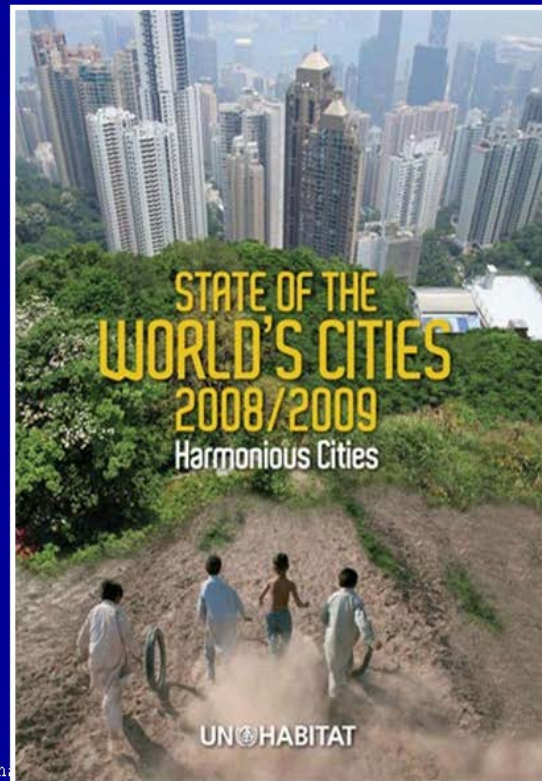
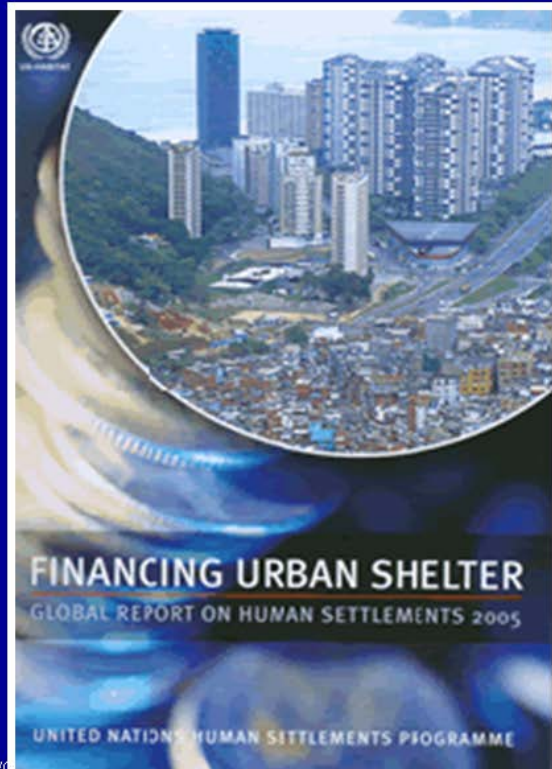
Cứ 2 người sống trong khu vực đô thị ở Châu Phi thì có 1 người sống trong nhà ổ chuột

Cứ 4 người sống trong khu vực đô thị ở Châu Mỹ Latinh thì có 1 người sống trong nhà ổ chuột

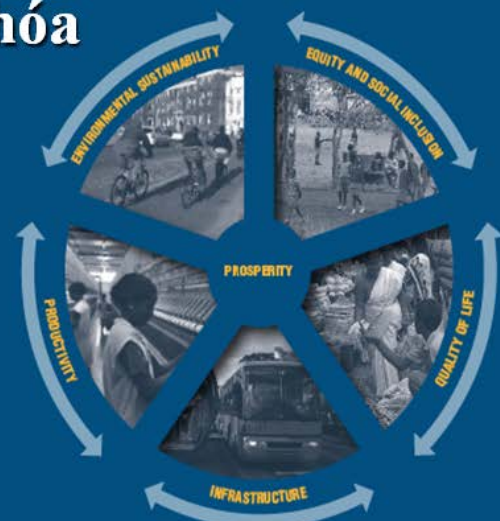
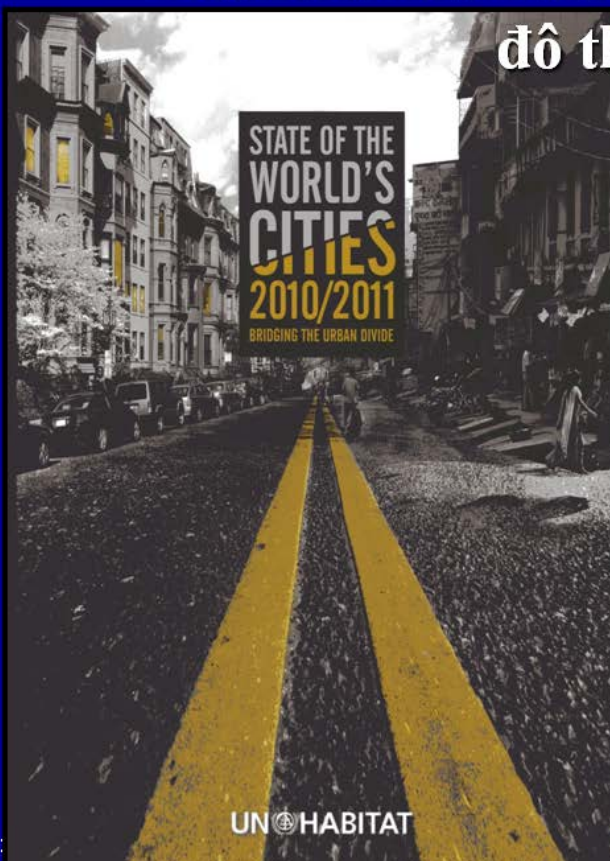
Cứ 3 người sống trong khu vực đô thị ở Châu Á thì có 1 người sống trong nhà ổ chuột

Nguồn: UN-Habitat, Báo cáo về Hiện trạng các thành phố trên thế giới 2012/2013

## Phân tích xu hướng và các điều kiện đô thị hóa <sup>49</sup>



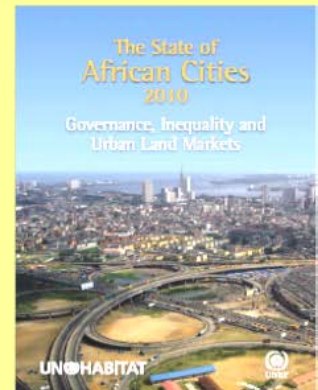
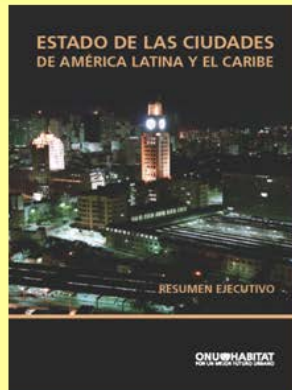
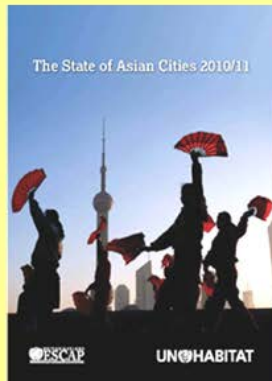
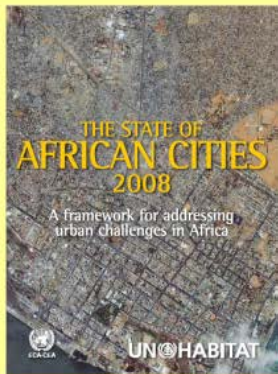
## Phân tích xu hướng và các điều kiện đô thị hóa <sup>50</sup>



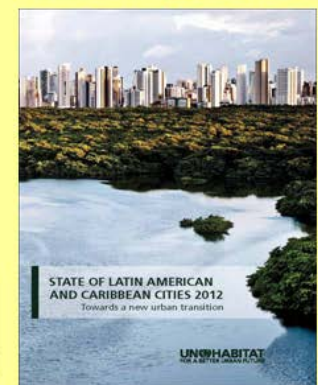
**STATE OF THE  
WORLD'S CITIES  
2012/2013**  
Prosperity of Cities



**BÁO CÁO VỀ HIỆN TRẠNG CÁC THÀNH PHỐ THEO KHU VỰC  
2008-2012**



**UN HABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE



# 3

52

## Khái niệm về Sự thịnh vượng:

**Quy mô kinh tế và những lợi thế cạnh tranh của kết tụ đô thị tạo ra sự giàu có và nếu được quản lý tốt thì sẽ tạo ra sự thịnh vượng và tăng khả năng tiếp cận đối với những dịch vụ công.**

## NHỮNG THÀNH PHỐ THỊNH VƯỢNG

53



tăng cường các lĩnh vực công cộng, mở rộng các loại hàng hóa công cộng và củng cố quyền với 'của công'

27/03/2014

claudio.wardly@unhabitat.org

## **Chỉ số Thịnh vượng Đô thị của UN-Habitat**

54

- Các thành phố có thể lựa chọn những con đường khác nhau để dẫn tới sự thịnh vượng
- UN-Habitat xem xét sự phát triển như là một quá trình phi tuyến tính, không liền mạch, phức tạp và nhận ra rằng con đường phát triển là khác biệt và độc đáo
- Xem xét, hành động và thực hiện chính sách bởi chính phủ để thúc đẩy sự thịnh vượng và các kết quả của các chính sách này có thể được đo lường nhằm đưa ra chỉ số cao hay thấp của các nhân tố của sự thịnh vượng có sẵn cho bất kỳ khu vực đô thị nào

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org



## Mở rộng sự thịnh vượng cho tất cả

### THÀNH PHỐ LÀ MỘT CƠ THỂ SỐNG

Sự can thiệp của con người làm cho thành phố có khả năng nâng cao những tiềm năng của chúng ta như là công cụ của ngày hôm nay và sự thịnh vượng của ngày mai.

### TỪ LỢI THẾ CẠNH TRANH TỚI SỰ THỊNH VƯỢNG CỦA ĐÔ THỊ

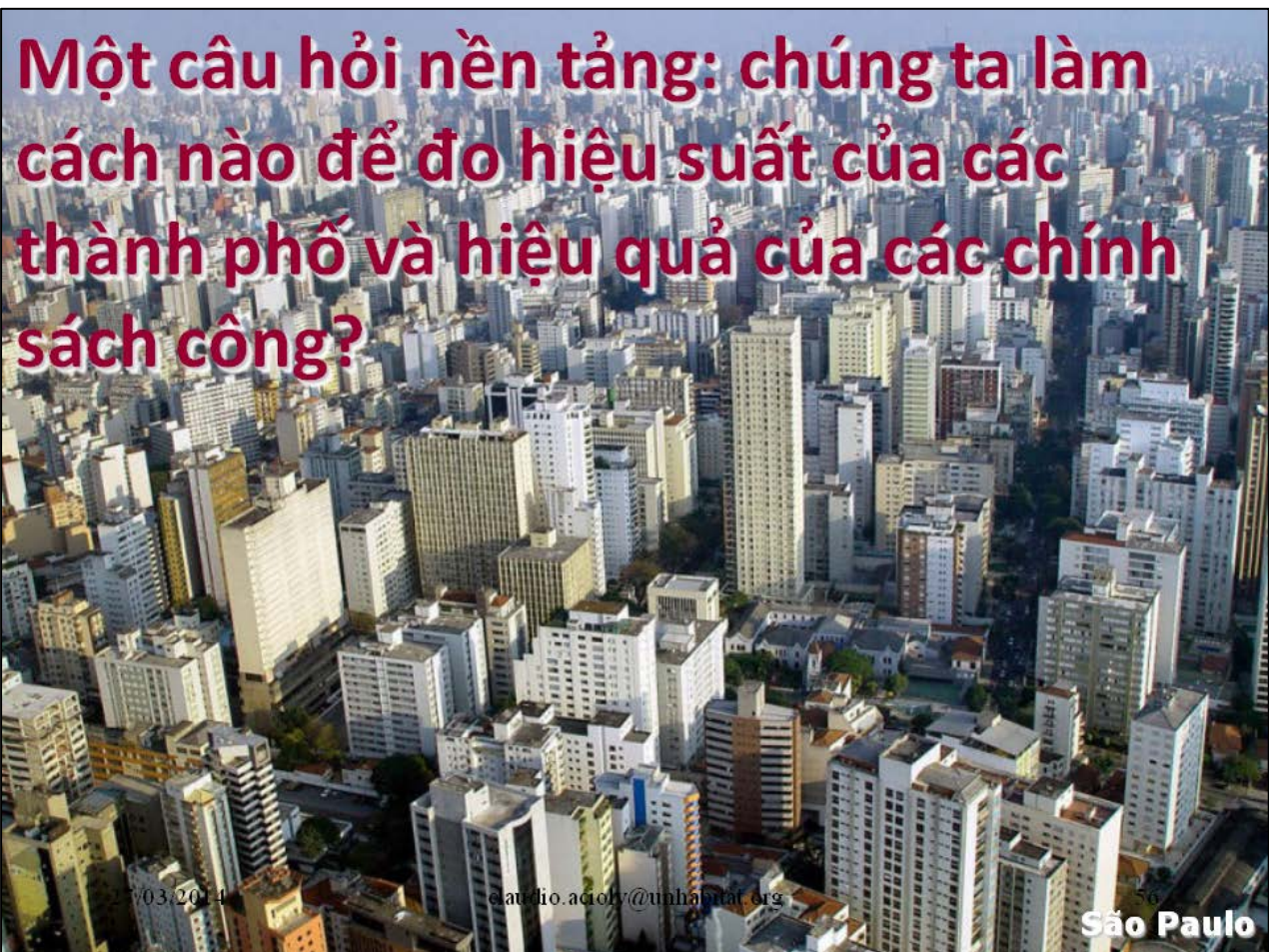
Quản lý đô thị hóa tốt được coi như một lợi thế cạnh tranh ở Thế kỷ 21

Chỉ mình **vị trí địa lý** thì không làm nên sự thịnh vượng đô thị.

Những chính sách của chính phủ những chiến lược hợp tác, vốn con người, sự đầu tư trong khu vực chiến lược, tất cả ảnh hưởng tới số phận của các thành phố.

55

**Một câu hỏi nền tảng: chúng ta làm cách nào để đo hiệu suất của các thành phố và hiệu quả của các chính sách công?**

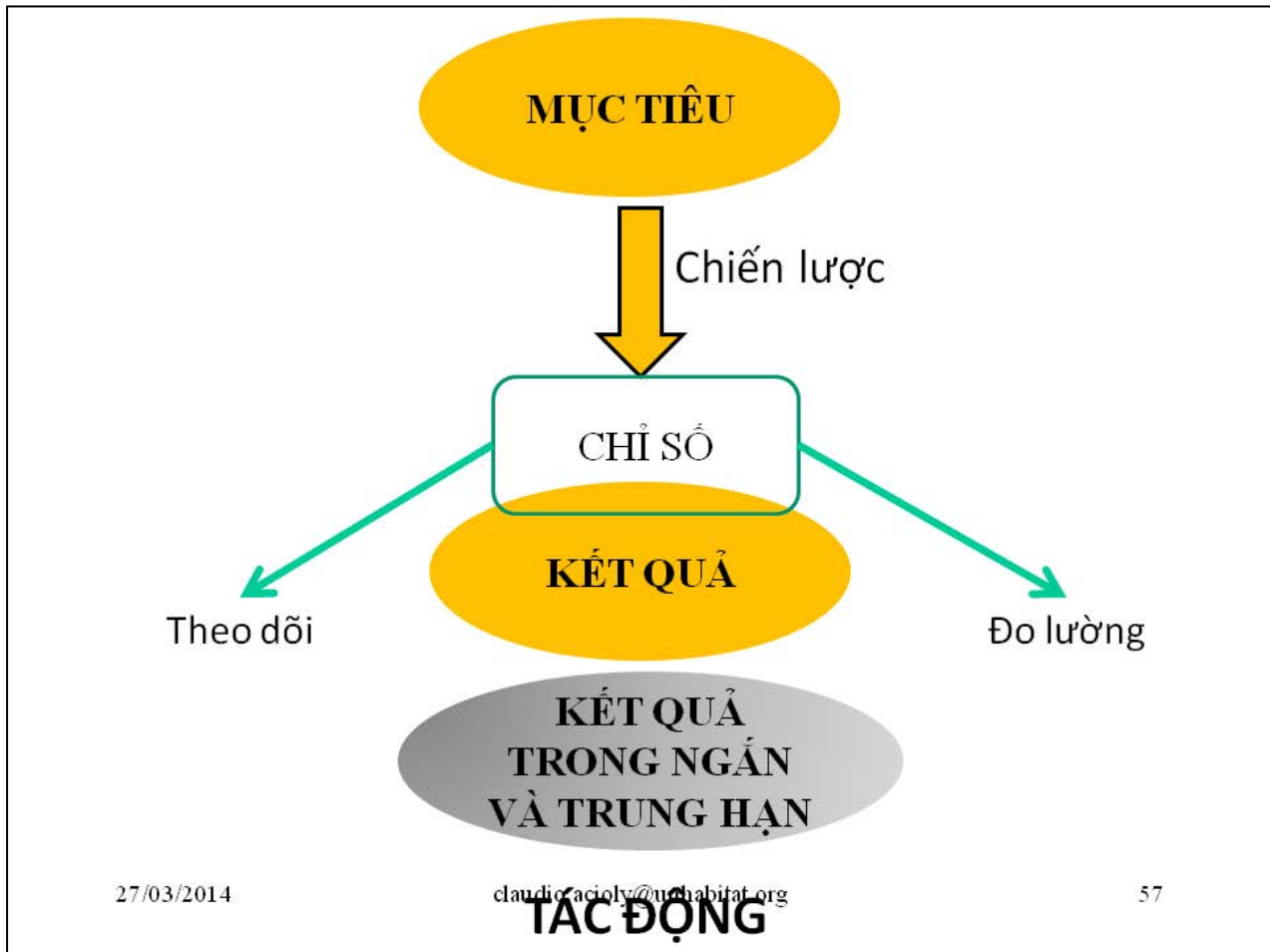


03/2014

audio.aci.org@unhabitat.org

São Paulo

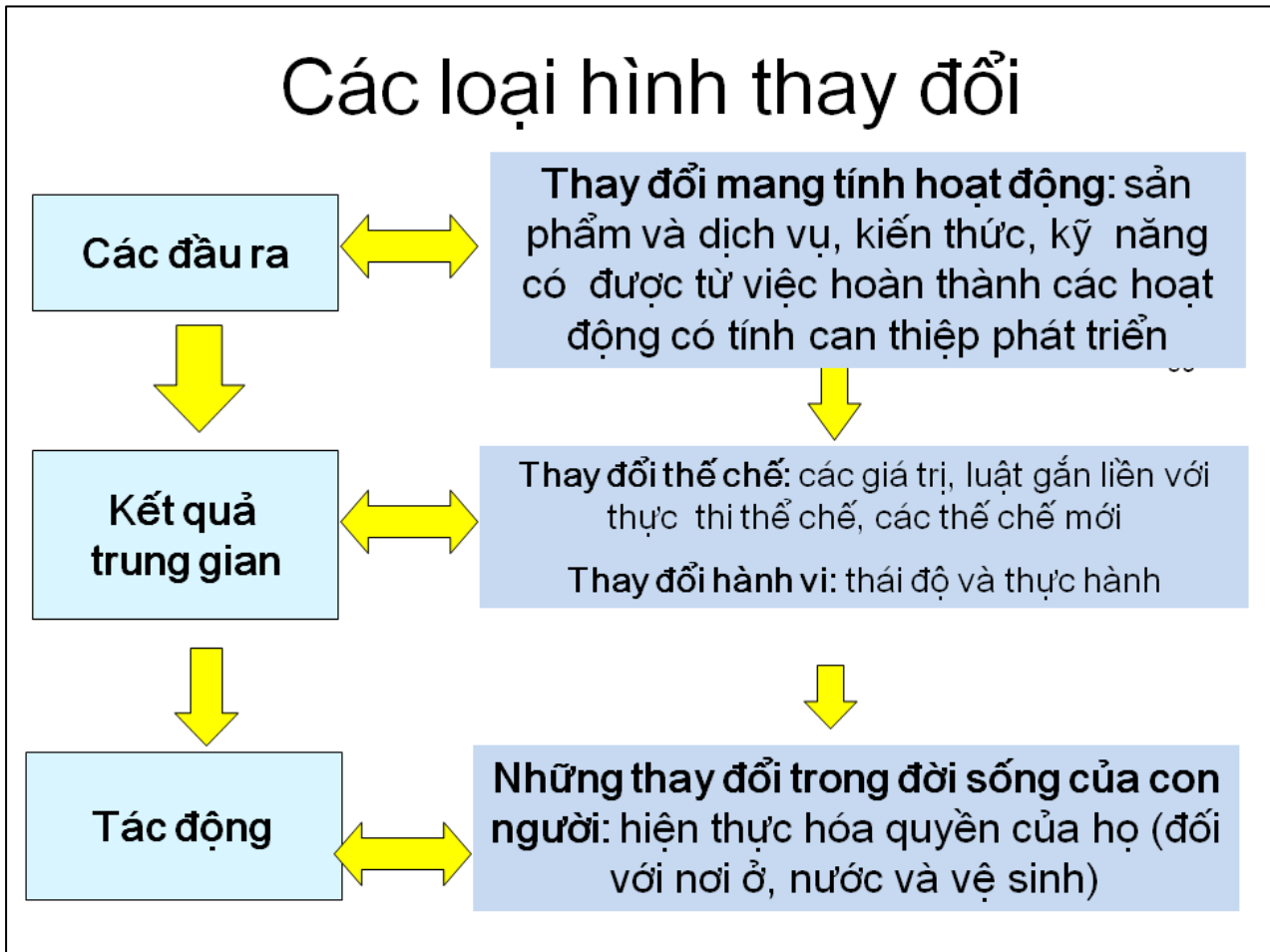




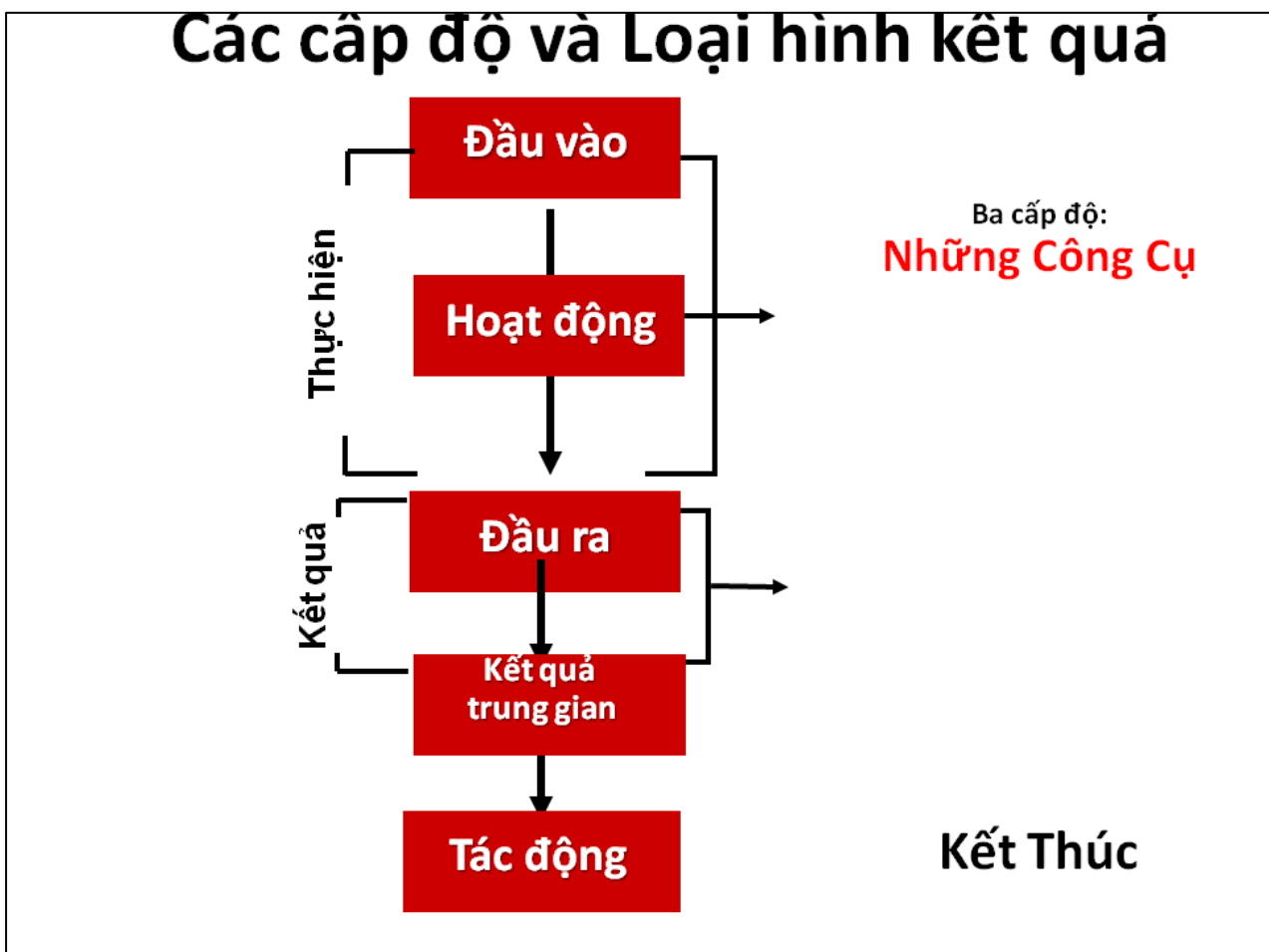
## Chính sách công của các Thành phố

1. Các chính sách khác nhau
2. Các phương pháp tiếp cận khác nhau
3. Các chiến lược khác nhau
4. Kết quả đa dạng và kết quả trong ngắn và trung hạn
5. Một loạt các tác động lên:
  - a. Con người
  - b. Hình thái thành phố,
  - c. Môi trường,
  - d. Giá nhà cửa,
  - e. Tiếp cận việc làm,
  - f. Thị trường đất đai,
  - g. Doanh nghiệp
  - h. Khả năng lưu thông
  - i. Giao thông vận tải

## Các loại hình thay đổi



## Các cấp độ và Loại hình kết quả



## Định nghĩa của OECD (2002)

### Các tác động

- Những ảnh hưởng **tiêu cực hoặc tích cực** sơ cấp và thứ cấp trong dài hạn do một sự can thiệp về phát triển trực tiếp hoặc gián tiếp mang lại.

### Kết quả trung gian

- Những ảnh hưởng trong ngắn hạn và trung hạn có được từ các đầu ra của một sự can thiệp.

### Các đầu ra

Các **sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ** có được từ các can thiệp phát triển; có thể bao gồm những thay đổi từ những can thiệp liên quan đến việc thực hiện các kết quả trung gian.

Nguồn: OECD-DAC (2002)

## Xu hướng:

- Sự tăng trưởng không ngừng của các thành phố ở vùng ngoại vi
- Bất bình đẳng ngày càng gia tăng giữa người giàu và người nghèo
- Sự biến dạng trong hình thái và tính năng của các thành phố
- Ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường
- Khó khăn trong việc lồng ghép các khía cạnh vô hình như...







## TẠI SAO?

### Ngộ nhận về Phát triển – Thịnh vượng

- Mô hình tích lũy của cải
- Tập trung vào sự thịnh vượng về mặt tài chính thuần túy
- Đầu cơ đất và bất động sản
- Mô hình đô thị hóa tạo ra các vấn đề về cơ cấu

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

63

## Định nghĩa Đô thị Thịnh Vượng

Một cảm giác về độ an toàn trước mắt và lâu dài về kinh tế - xã hội nói chung và cho từng cá nhân, cùng với việc thực hiện nguyện vọng và nhu cầu phi vật chất khác.

- Bảo vệ các giá trị chung và cung cấp hàng hóa công
- Thành công
- Cửa cải
- Các điều kiện phát triển phần thịnh
- Hạnh phúc
- Cơ hội

Nguồn: SWCR 2012.

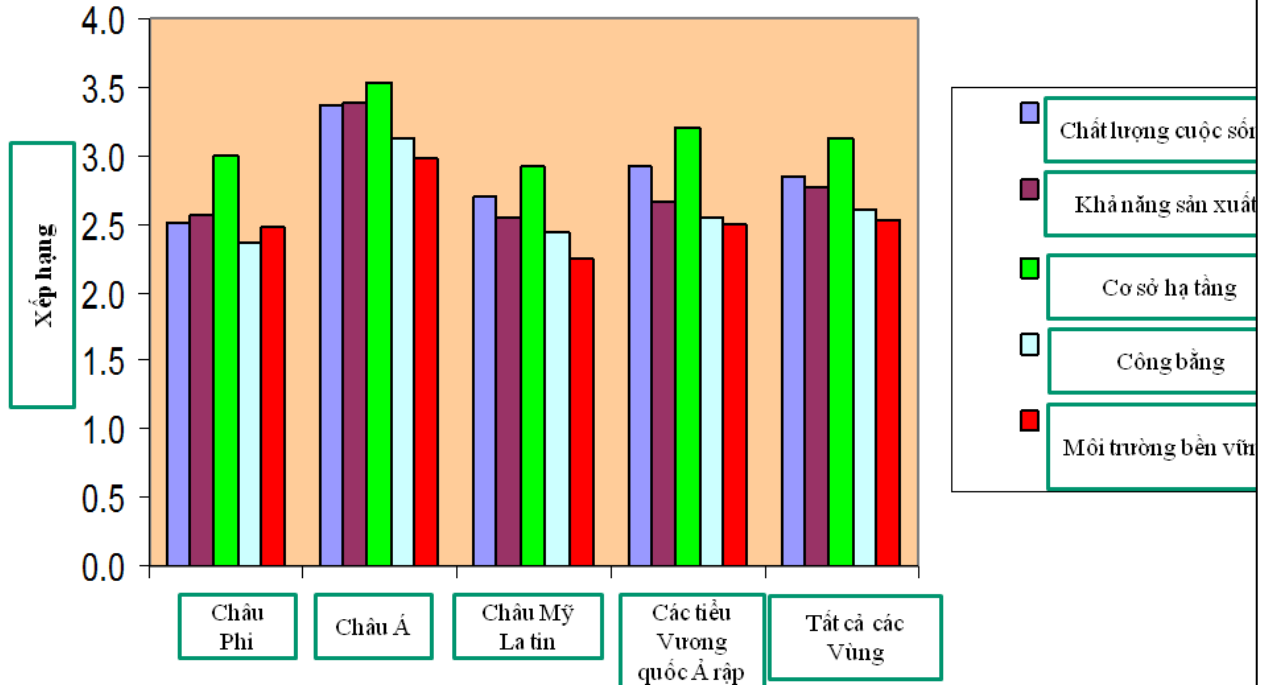
**Không thành phố nào có thể coi là thịnh vượng khi đại bộ phận dân cư sống trong cảnh nghèo đói và thiếu thốn.**

64



## Kết quả Khảo sát

Nguồn: SWCR 2012.



27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

65

## Định nghĩa Một Thành phố Thịnh vượng

Nguồn: SWCR 2012.

<b>1. Khả năng sản xuất:</b>	Đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định và các cơ hội bình đẳng
<b>2. Phát triển cơ sở hạ tầng</b>	Cung cấp hạ tầng cơ sở mở rộng nhằm tăng cường khả năng lưu thông, khả năng sản xuất, tích lưu thông và khả năng kết nối.
<b>3. Chất lượng cuộc sống</b>	Thúc đẩy sử dụng không gian công cộng để gia tăng sự gắn kết cộng đồng, nâng cao bản sắc của người dân.
<b>4. Công bằng và hòa nhập xã hội</b>	Đảm bảo sự phân phối công bằng và phân phối lợi ích của một thành phố thịnh vượng làm giảm tỷ lệ nghèo đói và các khu nhà tạm...
<b>5. Môi trường bền vững</b>	Bảo vệ các giá trị của môi trường đô thị trong khi đảm bảo sự tăng trưởng...

66

# RẤT CẦN MỘT QUAN ĐIỂM MỚI VỀ SỰ THỊNH VƯỢNG

## THAY ĐỔI MANG TÍNH CHUYỂN HÓA

Tổng thể

Toàn diện

Lấy con người làm  
trung tâm

Bền vững

## THÀNH PHỐ CỦA THẾ KỶ 21

67

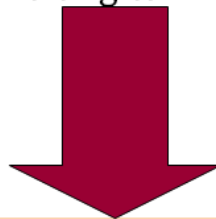
## THAY ĐỔI MANG TÍNH CHUYỂN HÓA

Tổng thể



Lấy con người  
làm trung tâm

Toàn diện  
Bền vững



## THÀNH PHỐ CỦA THẾ KỶ 21

1. Lồng ghép các khía cạnh **hữu hình và vô hình** của sự thịnh vượng
2. Ứng phó các hình thái và các chức năng không bền vững và không hiệu quả của thành phố ở thế kỷ trước.

## THÀNH PHỐ CỦA THẾ KỶ 21

- HÌNH THÁI NHỎ GỌN HƠN
- CÂN BẰNG CÁC CHI PHÍ NĂNG LƯỢNG THẤP HƠN
- TÍNH KHÔNG ĐỒNG NHẤT LỚN HƠN VÀ CÓ TÍNH NĂNG
- CÁC BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ VỚI RỦI RO MỚI
- KHẢ NĂNG DỰ PHÒNG CAO HƠN CỦA HÀNG HÓA CÔNG
- "TỶ LỆ CON NGƯỜI" HƠN

SỰ THỊNH VƯỢNG CỦA  
CÁC THÀNH PHỐ

- ✓ Thúc đẩy tạo c
- ✓ Giảm thiểu rủi
- ✓ Xây dựng khả
- ✓ Tạo ra sự hã
- ✓ Nhận biết tầm

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

79

70

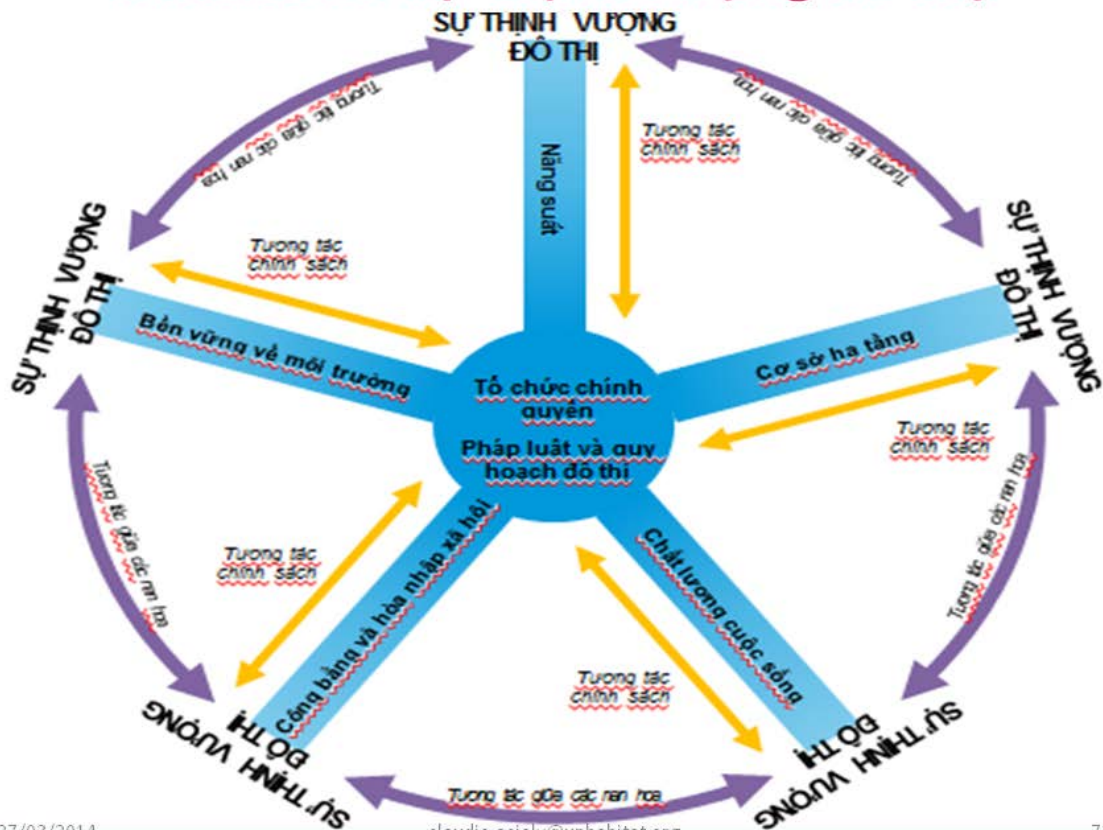
# 4

**Đo sự thịnh vượng:**

**Xác định các yếu tố cơ bản giúp các thành phố trở nên thịnh vượng hơn và tạo ra được các lợi ích của quá trình đô thị hóa.**

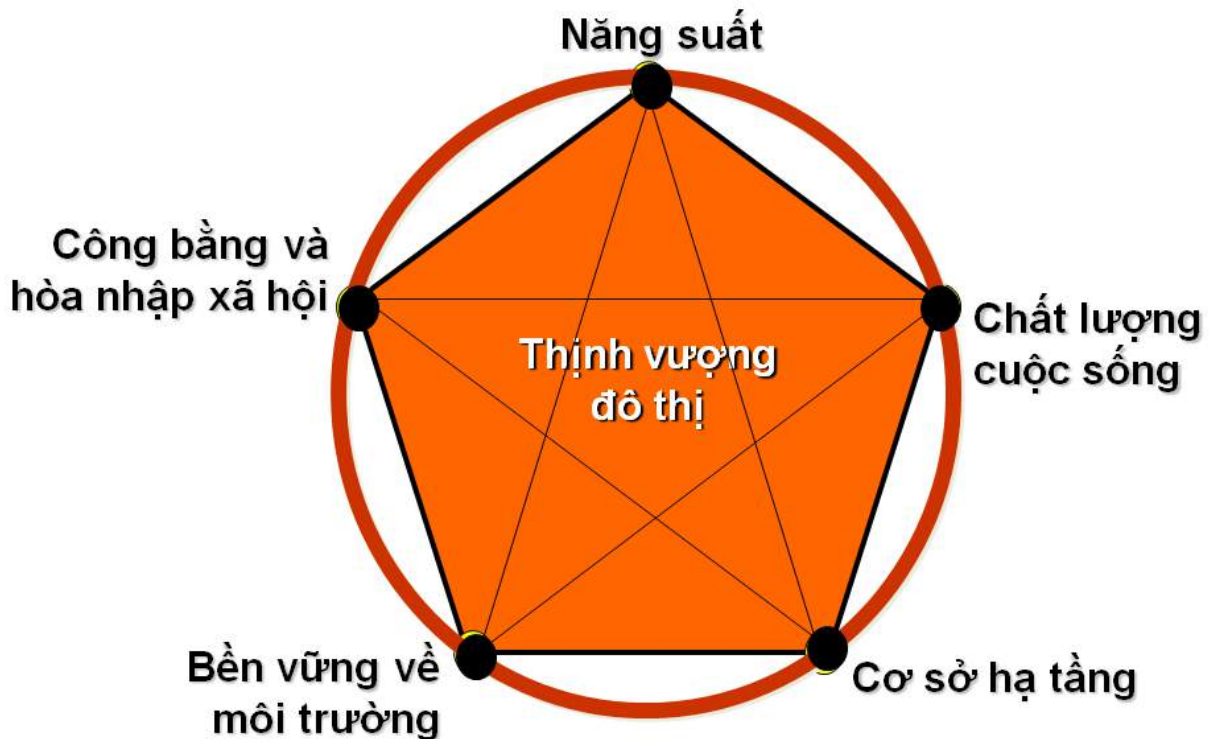
<p><b>Chỉ số Phát triển Con người (HDI)</b> Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc 1990</p>	<p>HDI kết hợp các chỉ số về kỳ vọng cuộc sống, trình độ học vấn và thu nhập thành một chỉ số phát triển con người tổng hợp. Đây là thống kê duy nhất phục vụ như là khung đối chiếu cả mặt phát triển kinh tế lẫn xã hội, xếp hạng quốc gia theo cấp độ của “phát triển con người”</p>
<p><b>Chỉ số tiến bộ thực sự (GPI)</b> Viện chính sách Redefining Progress 1994</p>	<p>GPI được phát triển như là hệ thống thay thế cho thước đo GDP. Đây là một chỉ số bao quát hơn về kinh tế dựa trên “Phí tổn thực tế”, xem xét sự gia tăng sản xuất hàng hóa, và dịch vụ mở rộng có ảnh hưởng như thế nào đến sựw gia tăng phúc lợi và an sinh xã hội của người dân</p>
<p><b>Đo Phát triển bền vững</b> UNECE, OECD, EUROSTAT 1990</p>	<p>Được cấu trúc dựa trên khái niệm về vốn, và đo bằng 4 khía cạnh – kinh tế, thiên nhiên, con người và xã hội – đều liên quan đến tính bền vững. Ý tưởng là biến khái niệm này trở nên hữu ích cho các chính sách công</p>
<p><b>Chỉ số Thịnh vượng</b> Viện Nghiên cứu Vùng, Mỹ 2006</p>	<p>Chỉ số này đo sự thịnh vượng của nền kinh tế vùng và giám sát hiệu quả ở cấp thành phố, đánh giá khả năng cạnh tranh và xác định cơ hội để cải thiện doanh nghiệp. Mặc dù dựa trên sự thịnh vượng của nền kinh tế, chỉ số bao gồm 3 hợp phần chính: doanh nghiệp, con người và địa điểm</p>
<p><b>Ủy ban Đo lường hiệu quả kinh tế và tiến bộ xã hội, Pháp</b> 2008</p>	<p>Ủy ban này đề xuất chuyển đổi từ nhấn mạnh đo lường sản lượng kinh tế sang đo an sinh xã hội của người dân, ngược lại với nền tảng của tính bền vững. Ủy ban kết luận rằng an sinh xã hội nên được đánh giá trên cơ sở thu nhập và tiêu dùng hơn là sản lượng</p>
<p><b>Chỉ số Thịnh vượng Legatum</b> Viện Legatum, Anh 2008</p>	<p>Chỉ số này nhằm đo mức độ thịnh vượng quốc gia dựa trên của cải và an sinh xã hội, sử dụng một chỉ số tổng hợp. Nó xếp hạng 110 quốc gia dựa trên 8 “cột thịnh vượng”: điều kiện kinh tế, kinh doanh và cơ hội, quản trị, giáo dục, sức khỏe, an toàn và an ninh, tự do cá nhân, và vốn xã hội.</p>
<p><b>Định nghĩa lại sự thịnh vượng</b> Ủy ban Phát triển bền vững LHQ 2009</p>	<p>Sự thịnh vượng được định nghĩa lại dựa trên 3 khía cạnh: a) nhu cầu được đáp ứng đầy đủ, b) khía cạnh xã hội và tâm lý góp phần nâng cao nhận thức về bản thân, ý nghĩa, sự lệ thuộc và hy vọng; c) năng lực cá nhân để nở rộ trong môi trường thịnh vượng hơn</p>
<p>27/03/2014 National Well-Being Accounts Index New Economics Foundation, UK</p>	<p>The index measures social progress based on subjective well-being. It combines two types of data: personal (emotional well-being, satisfaction, life vitality, resilience, self-esteem) and</p>

## Bánh xe về sự thịnh vượng đô thị





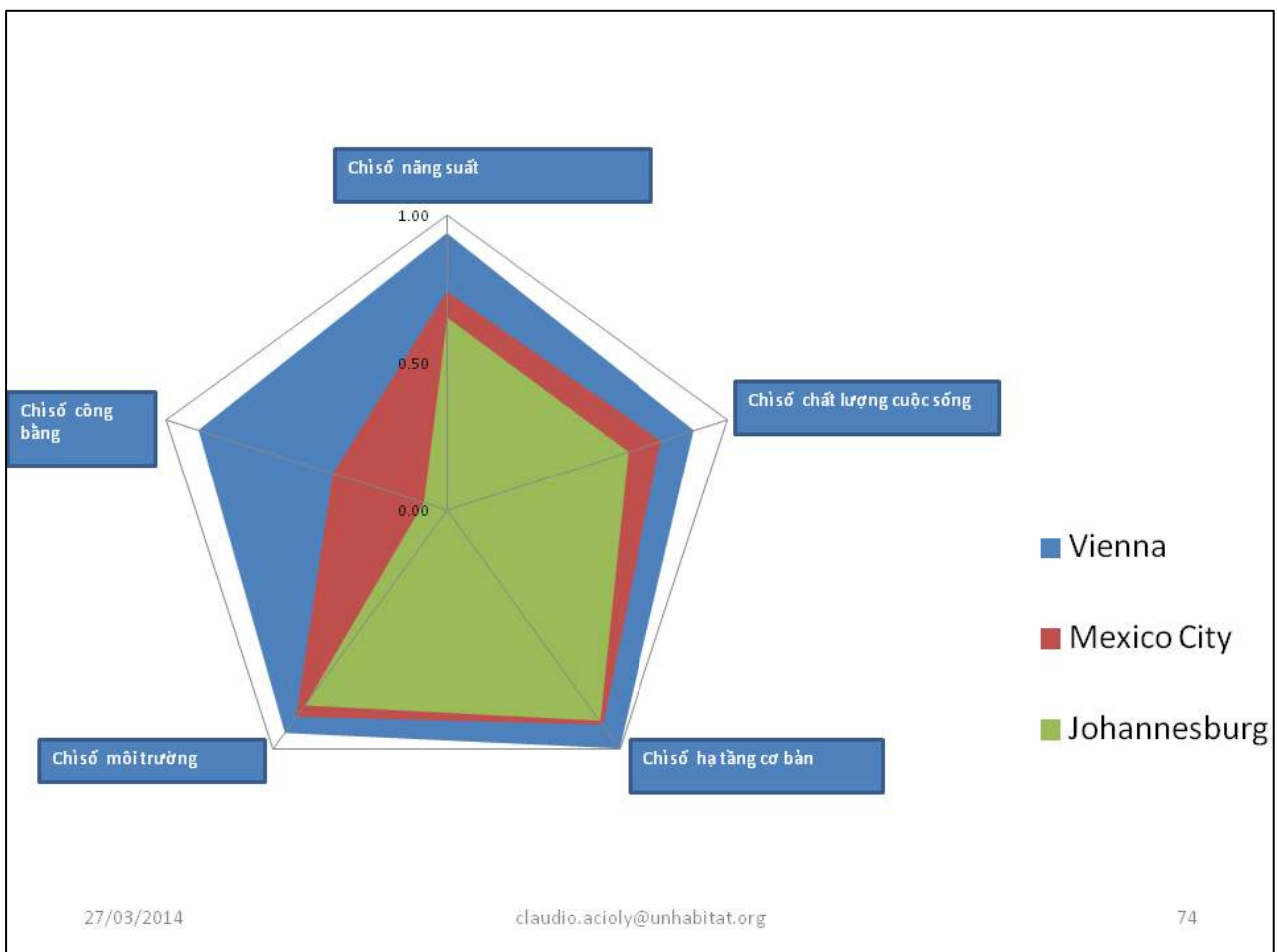
## 5 “nan hoa” của sự Thịnh vượng Đô thị



27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

Nguồn: SWCR<sup>73</sup>, 2012

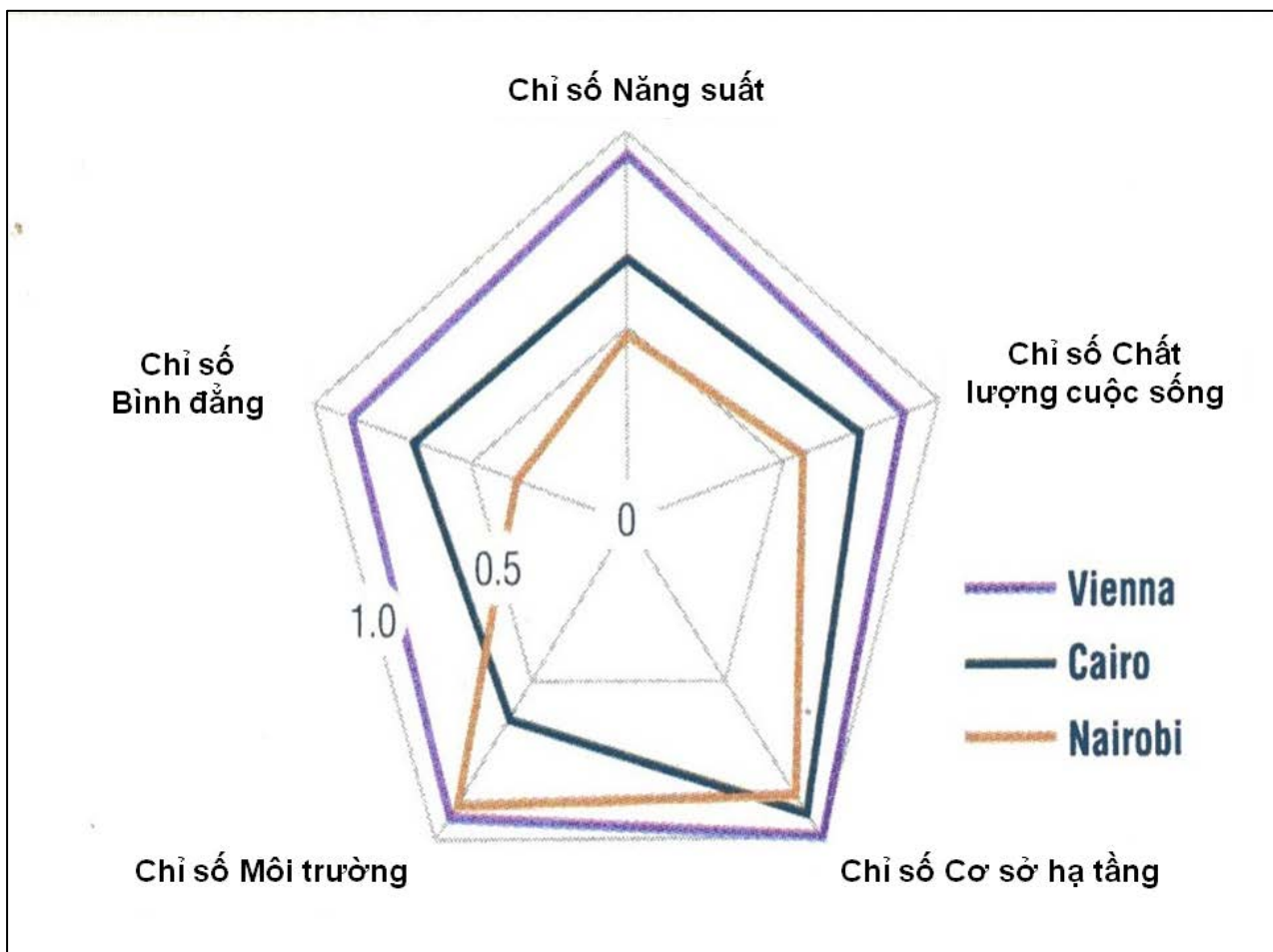
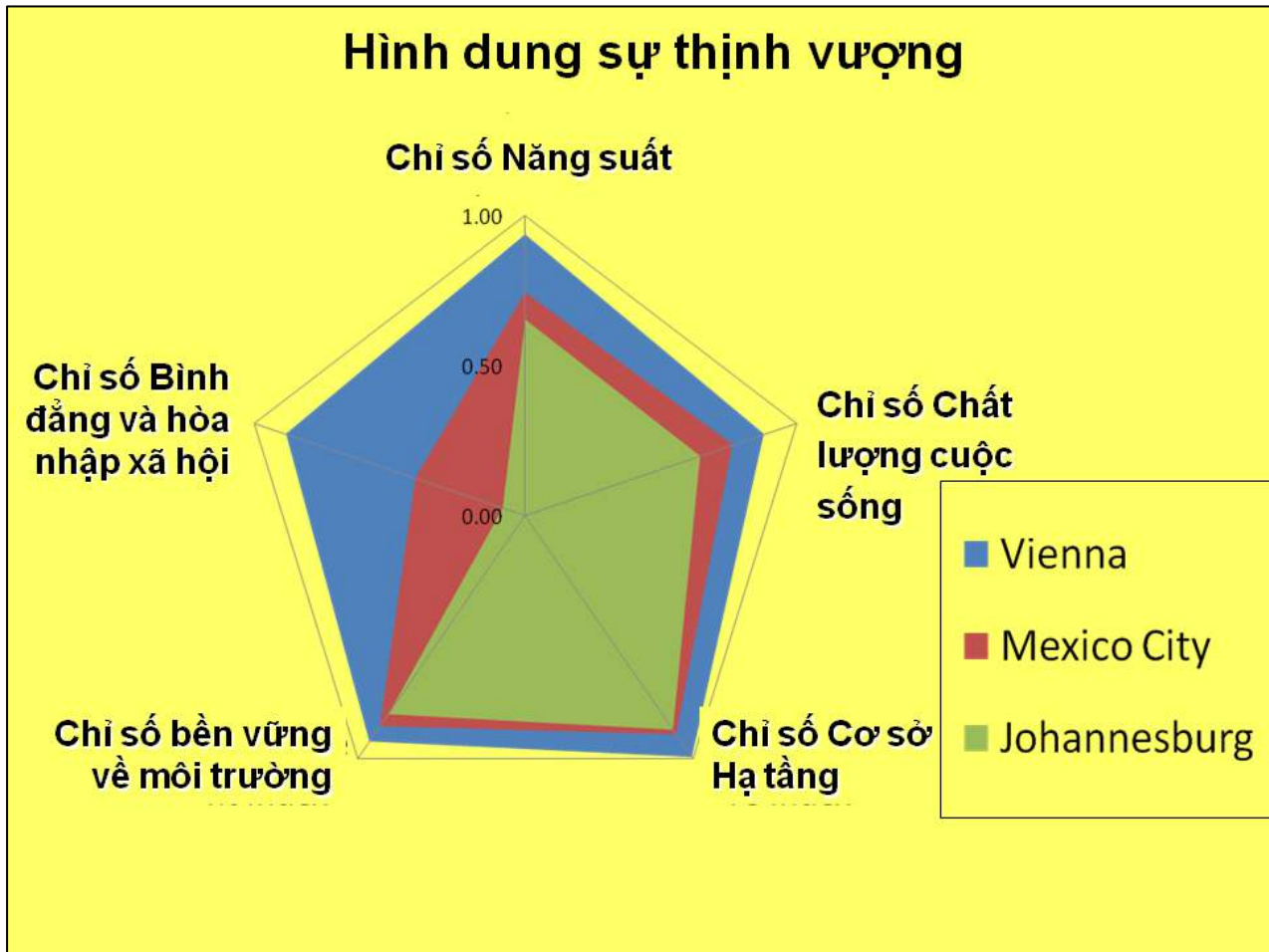


27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

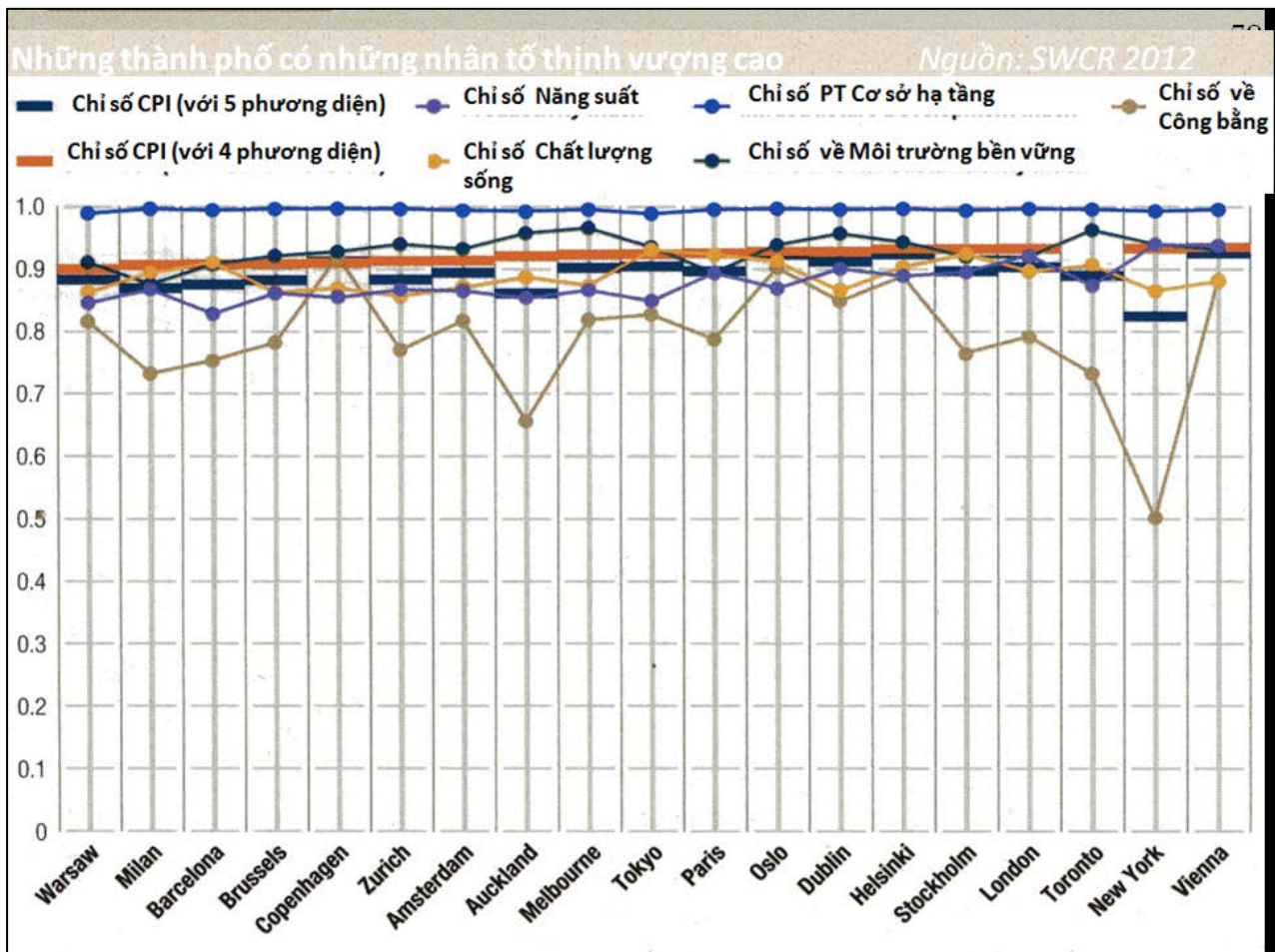
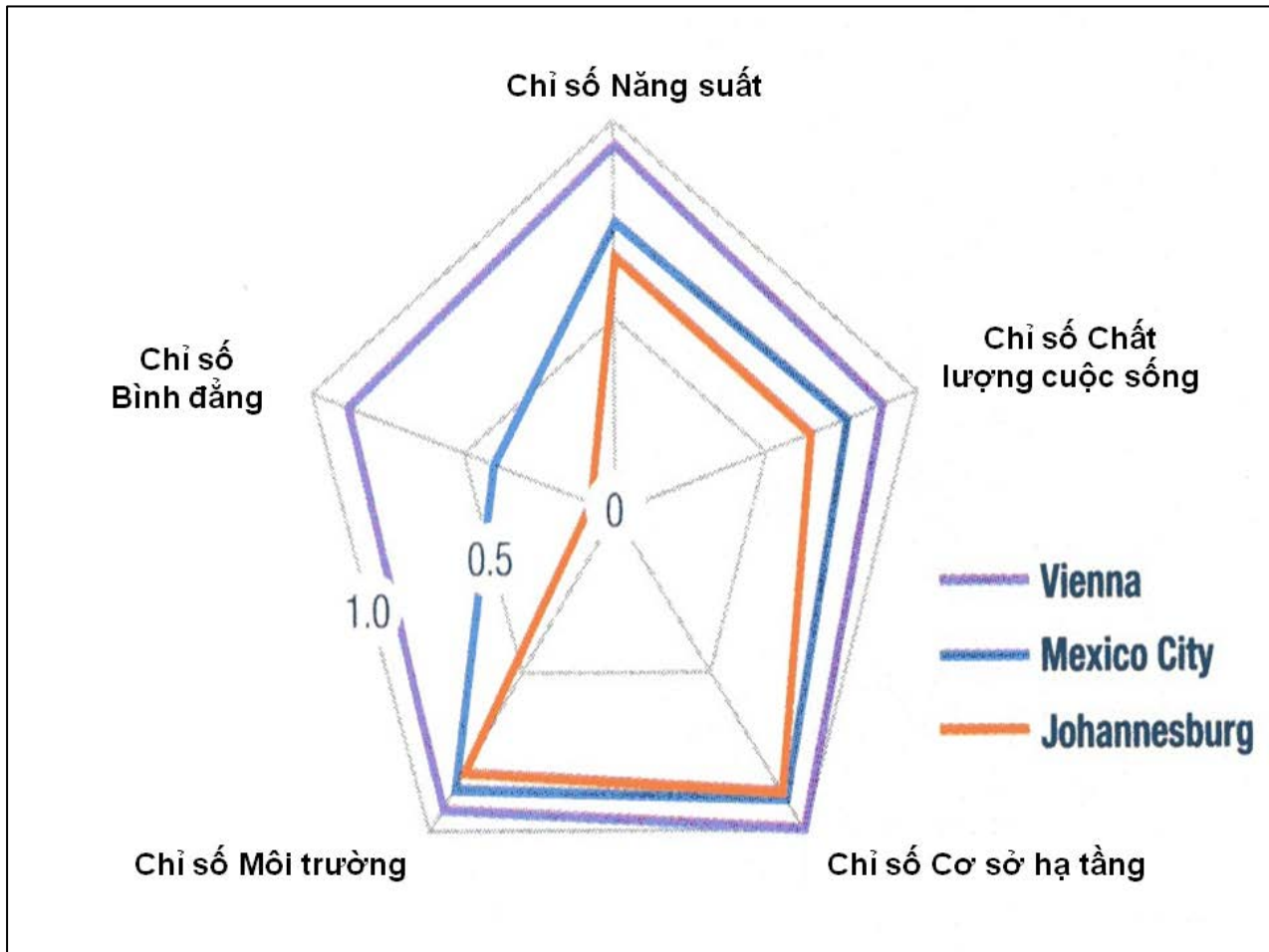
74

## Hình dung sự thịnh vượng



**NGÀY 1-3. Các khái niệm chính và phương pháp luận của hệ thống Quan trắc đô thị (UOS)**

+ Chỉ số Thành phố Thịnh vượng + Các nghiên cứu quốc tế về UOS





# Sự thịnh vượng của đô thị

1. Được quản trị tốt, có quy hoạch đô thị, luật pháp, quy định và khung thể chế cho phép không một phương diện nào của sự thịnh vượng được tập trung mà ảnh hưởng đến các phương diện khác.
2. Có nhiều hàng hóa và dịch vụ
3. Có nền tảng kinh tế vững mạnh và năng suất
4. Người dân sống lâu hơn và được giáo dục tốt
5. Cơ sở hạ tầng sẵn có mà không bóp méo không gian
6. Môi trường đô thị được quản lý tốt

27/03/2014

\*claudio.acioly@unhabitat.org

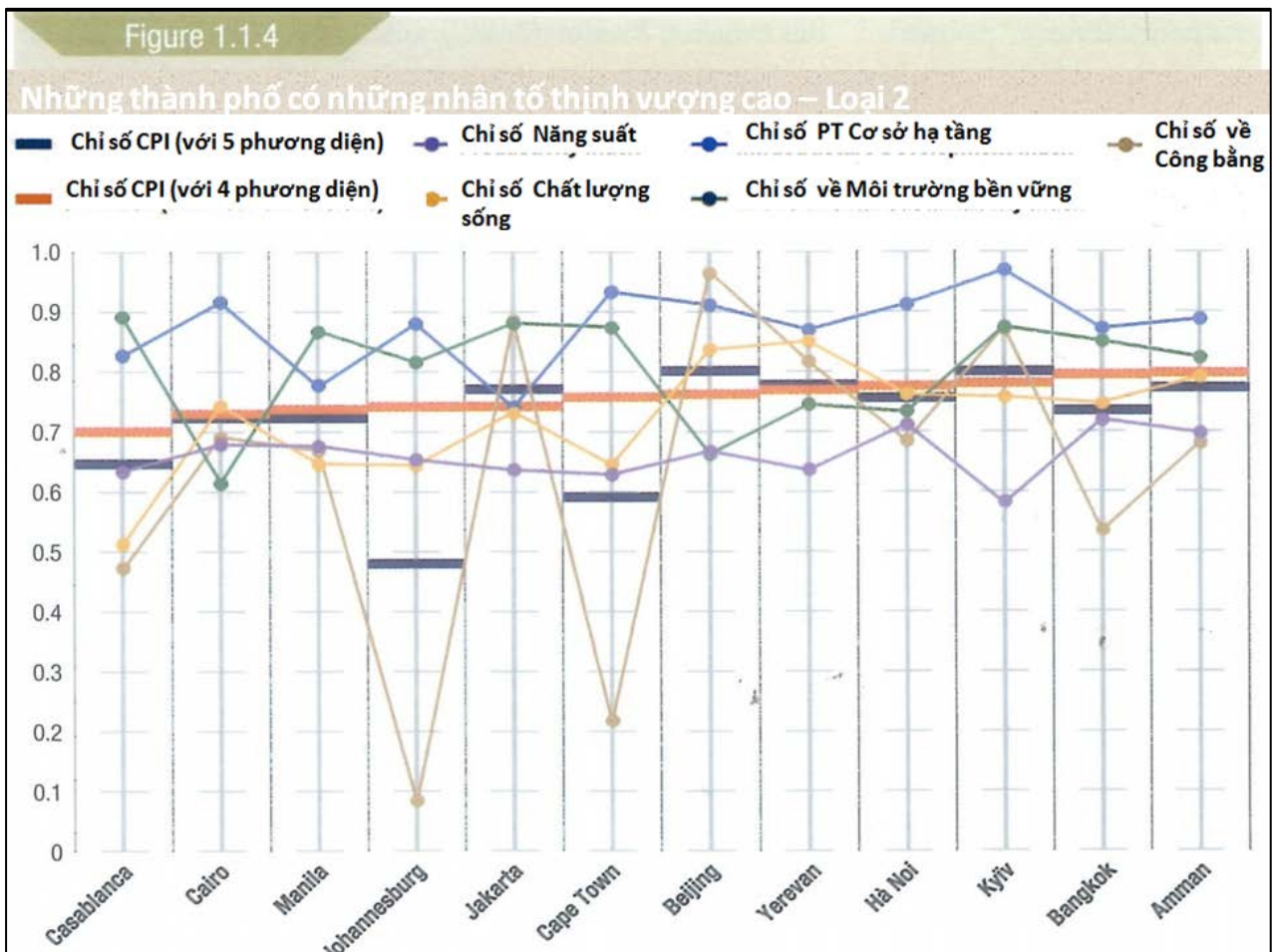
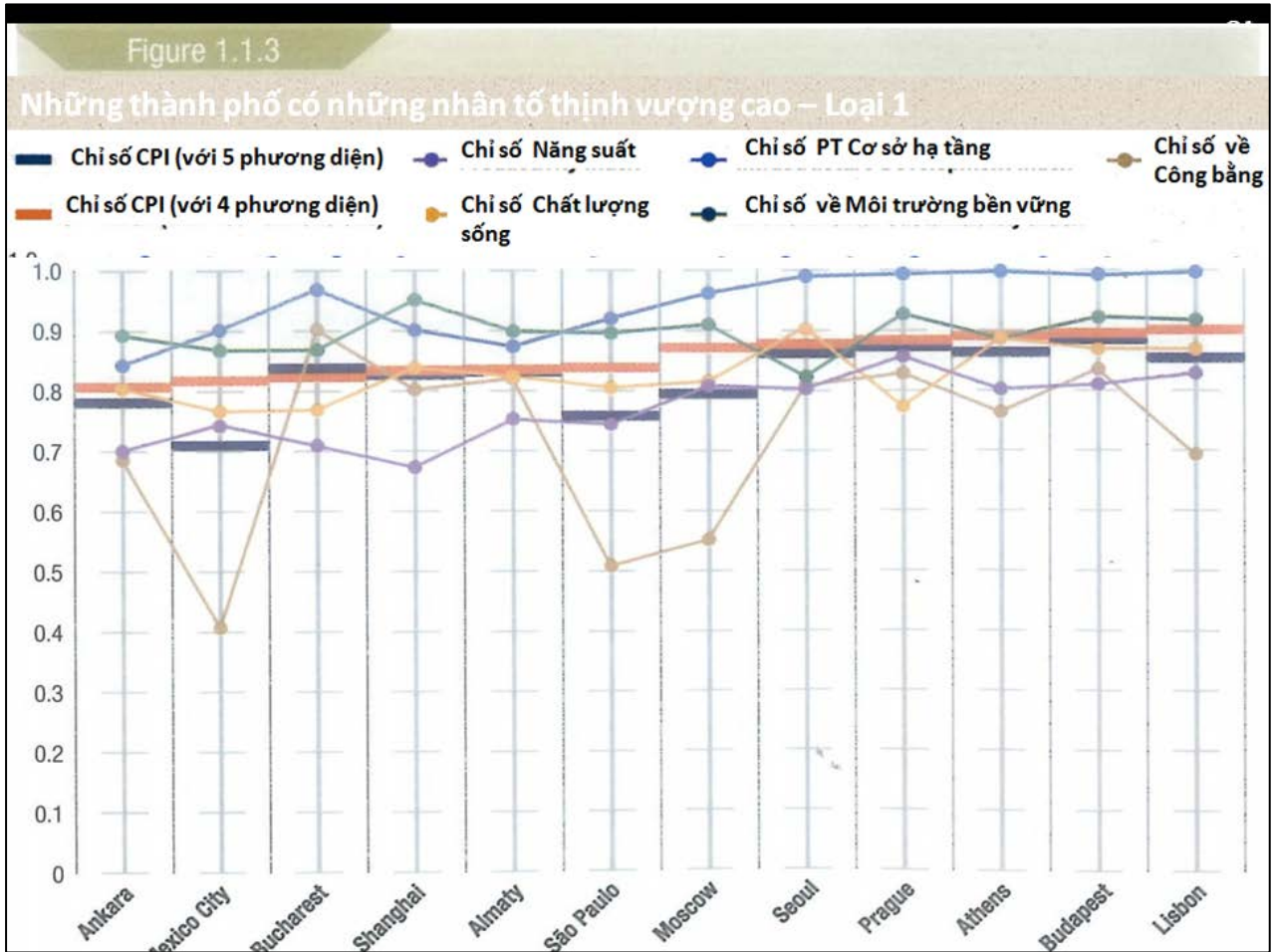
Table 1  
Chỉ số thịnh vượng đô thị và những chỉ số thành phần

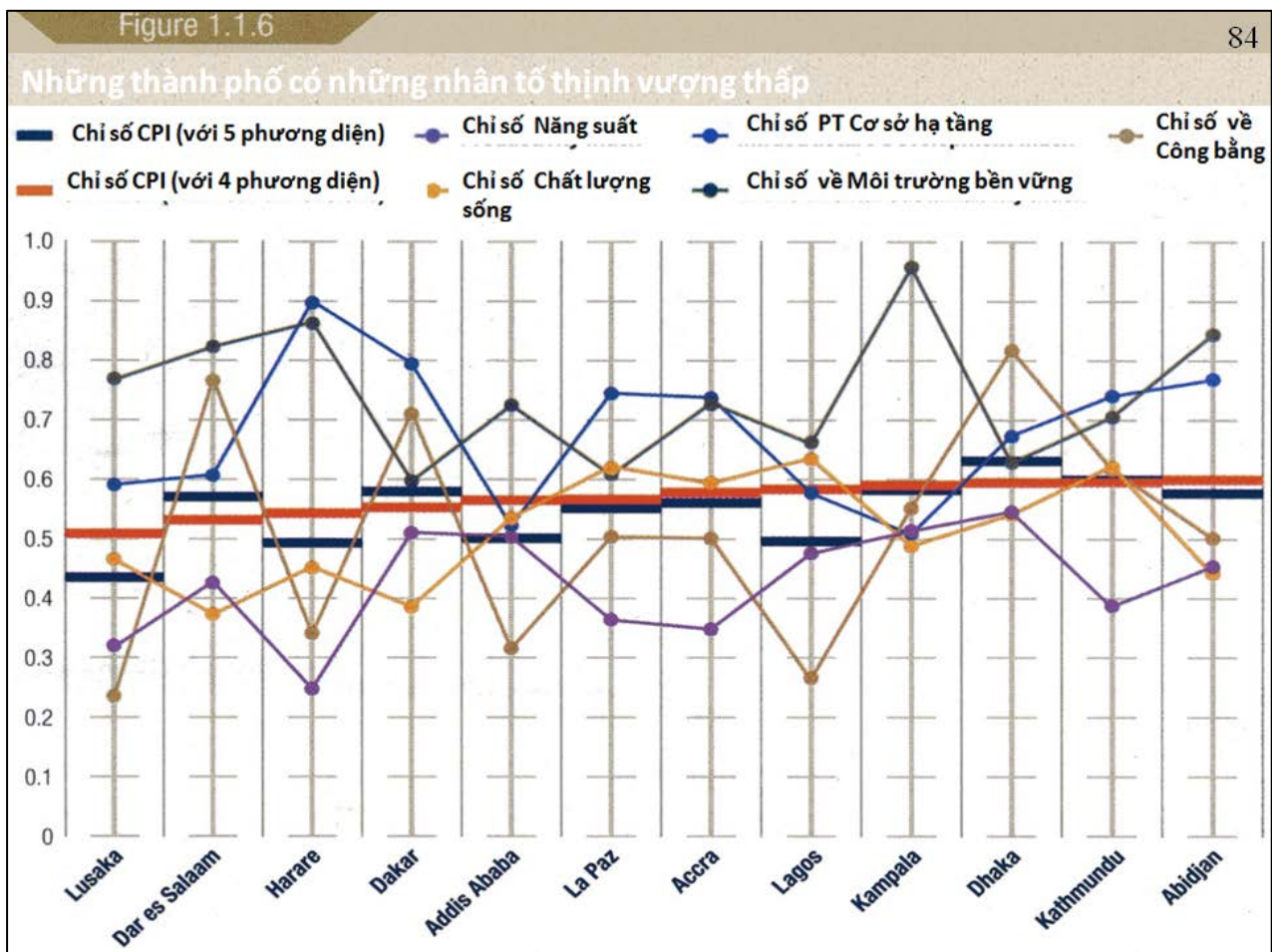
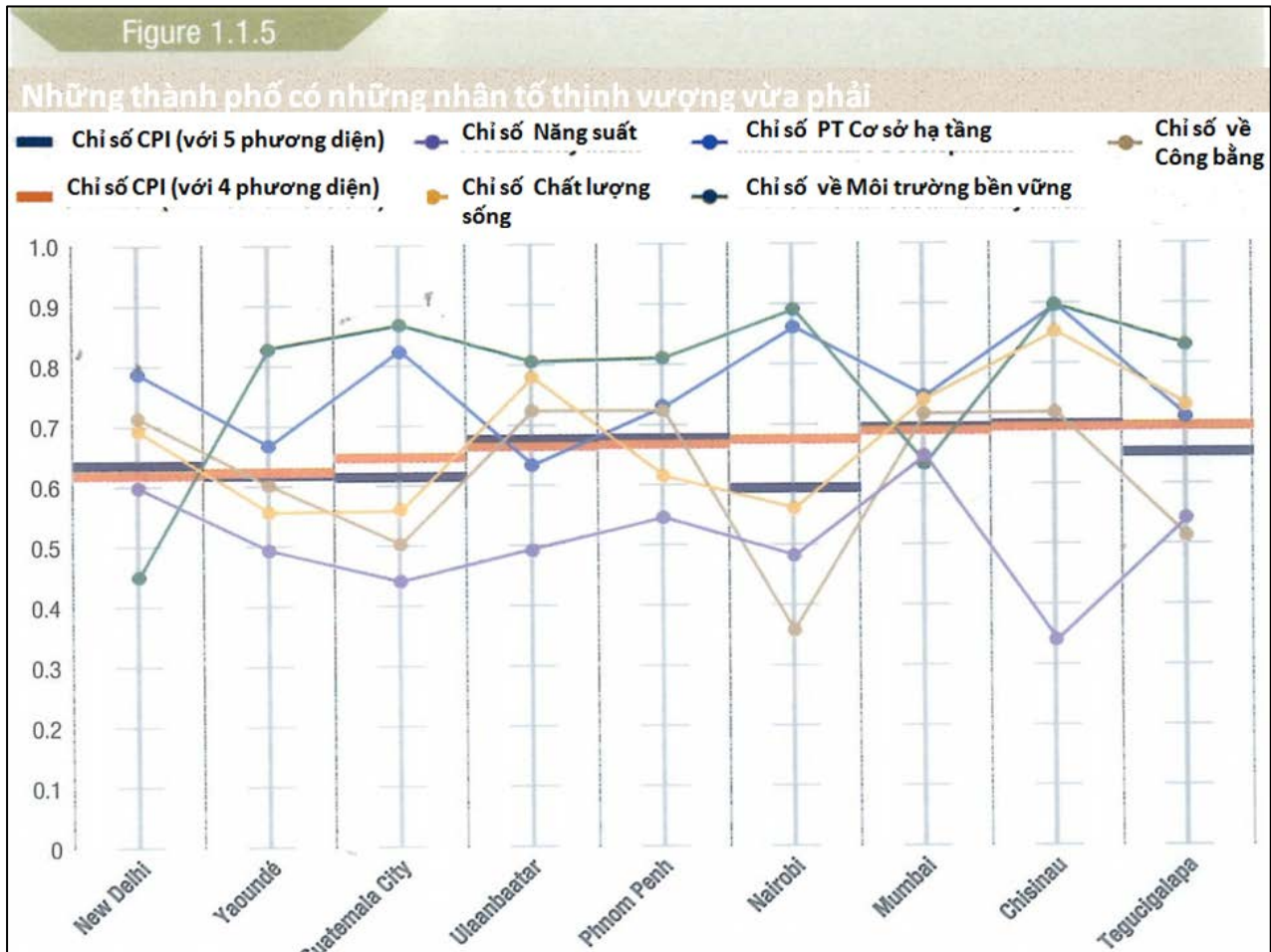
Quốc gia	Thành phố	Chỉ số CPI với 5 phương diện	Chỉ số CPI với 4 phương diện	Chỉ số về Năng suất	Chỉ số về Chất lượng sống	Chỉ số về CSHT	Chỉ số về Môi trường	Chỉ số về Công bằng
Austria	Vienna	0.925	0.936	0.939	0.882	0.996	0.932	0.883
United States	New York	0.825	0.934	0.940	0.866	0.994	0.941	0.502
Canada	Toronto	0.890	0.934	0.874	0.907	0.997	0.963	0.733
United Kingdom	London	0.904	0.934	0.923	0.898	0.997	0.920	0.793
Sweden	Stockholm	0.898	0.934	0.896	0.925	0.995	0.921	0.767
Finland	Helsinki	0.924	0.933	0.890	0.905	0.997	0.944	0.890
Ireland	Dublin	0.913	0.929	0.901	0.867	0.996	0.958	0.850
Norway	Oslo	0.924	0.929	0.870	0.914	0.997	0.939	0.903
France	Paris	0.897	0.927	0.895	0.925	0.996	0.895	0.788
Japan	Tokyo	0.905	0.925	0.850	0.931	0.989	0.936	0.828
Australia	Melbourne	0.903	0.925	0.867	0.875	0.996	0.967	0.820
New Zealand	Auckland	0.862	0.922	0.854	0.889	0.994	0.958	0.657
Netherlands	Amsterdam	0.895	0.915	0.866	0.872	0.995	0.933	0.818
Switzerland	Zurich	0.884	0.914	0.868	0.858	0.997	0.941	0.772
Denmark	Copenhagen	0.913	0.911	0.855	0.871	0.997	0.928	0.922
Belgium	Brussels	0.883	0.910	0.862	0.864	0.997	0.922	0.783
Spain	Barcelona	0.876	0.909	0.829	0.912	0.995	0.908	0.755
Italy	Milan	0.870	0.908	0.868	0.895	0.997	0.876	0.733
Poland	Warsaw	0.883	0.901	0.846	0.864	0.990	0.911	0.817
Portugal	Lisbon	0.853	0.899	0.827	0.867	0.995	0.916	0.692
Hungary	Budapest	0.881	0.894	0.808	0.867	0.990	0.921	0.833
Greece	Athens	0.862	0.889	0.800	0.885	0.996	0.884	0.762



**NGÀY 1-3. Các khái niệm chính và phương pháp luận của hệ thống Quan trắc đô thị (UOS)**

+ Chỉ số Thành phố Thịnh vượng + Các nghiên cứu quốc tế về UOS







# Sự thịnh vượng của Đô thị

Nguồn: SWCR 2012.

## Những thành phố có nhân tố thịnh vượng thấp (CPI: 0.50-0.59).

### ĐẶC ĐIỂM:

1. Nhiều vấn đề phải giải quyết liên quan đến chất lượng cuộc sống, cơ sở hạ tầng và môi trường
2. Có những vấn đề về cơ cấu mang tính lịch sử
3. Bất bình đẳng kéo dài trong việc tiếp cận các cơ hội
4. Đói nghèo trên diện rộng
5. Thiếu đầu tư vào hàng hóa công
6. Thiếu những chương trình xã hội cho người nghèo

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

85

Table 1

Chỉ số Thịnh vượng của TP (CPI) và các hợp phần

Quốc gia	TP	CPI đo theo 5 phương diện	CPI đo theo 4 phương diện	Chỉ số về Năng suất	Chỉ số Chất lượng sống	Chỉ số về Hạ tầng	Chỉ số về Môi trường	Chỉ số Bình đẳng
Kazakhstan	Almaty	0.830	0.833	0.751	0.822	0.872	0.897	0.818
China	Shanghai	0.826	0.832	0.671	0.836	0.900	0.950	0.800
Romania	Bucharest	0.836	0.821	0.707	0.767	0.968	0.867	0.900
Mexico	Mexico City	0.709	0.816	0.743	0.764	0.900	0.866	0.405
Turkey	Ankara	0.780	0.806	0.699	0.802	0.842	0.891	0.683
Jordan	Amman	0.771	0.796	0.697	0.790	0.887	0.824	0.680
Thailand	Bangkok	0.733	0.794	0.719	0.747	0.871	0.850	0.533
Ukraine	Kyiv	0.798	0.781	0.579	0.757	0.968	0.874	0.873
Viet Nam	Hà Nội	0.756	0.776	0.712	0.761	0.912	0.733	0.683
Armenia	Yerevan	0.779	0.769	0.635	0.850	0.870	0.745	0.817
China	Beijing	0.799	0.762	0.667	0.836	0.911	0.663	0.967
South Africa	Cape Town	0.590	0.758	0.628	0.645	0.933	0.875	0.217
Indonesia	Jakarta	0.769	0.743	0.636	0.733	0.741	0.881	0.885
South Africa	Johannesburg	0.479	0.742	0.654	0.645	0.880	0.816	0.083
Philippines	Manila	0.723	0.737	0.676	0.647	0.775	0.868	0.669
Egypt	Cairo	0.722	0.730	0.679	0.743	0.916	0.616	0.692
Morocco	Casablanca	0.647	0.700	0.634	0.513	0.827	0.891	0.472
Honduras	Tegucigalapa	0.652	0.694	0.541	0.729	0.709	0.829	0.510
Moldova	Chisinau	0.698	0.693	0.340	0.850	0.895	0.894	0.717
India	Mumbai	0.694	0.688	0.645	0.739	0.745	0.632	0.715
Kenya	Nairobi	0.593	0.673	0.481	0.559	0.860	0.889	0.357
Cambodia	Phnom Penh	0.677	0.666	0.544	0.613	0.728	0.809	0.722
Mongolia	Ulaanbaatar	0.675	0.664	0.488	0.737	0.888	0.881	0.722

**+ Chỉ số Thành phố Thịnh vượng + Các nghiên cứu quốc tế về UOS**

Egypt	Cairo	0.722	0.730	0.679	0.743	0.916	0.616	0.692
Morocco	Casablanca	0.647	0.700	0.634	0.513	0.827	0.891	0.472
Honduras	Tegucigalapa	0.652	0.694	0.541	0.729	0.709	0.829	0.510
Moldova	Chisinau	0.698	0.693	0.340	0.850	0.895	0.894	0.717
India	Mumbai	0.694	0.688	0.645	0.739	0.745	0.632	0.715
Kenya	Nairobi	0.593	0.673	0.481	0.559	0.860	0.889	0.357
Cambodia	Phnom Penh	0.677	0.666	0.544	0.613	0.728	0.809	0.722
Mongolia	Ulaanbaatar	0.675	0.664	0.493	0.777	0.632	0.804	0.722
Guatemala	Guatemala City	0.614	0.646	0.440	0.556	0.823	0.866	0.502
Cameroon	Yaoundé	0.618	0.623	0.492	0.555	0.666	0.827	0.600
India	New Delhi	0.635	0.617	0.596	0.690	0.786	0.448	0.712
Côte d'Ivoire	Abidjan	0.578	0.599	0.452	0.440	0.767	0.842	0.500
Nepal	Kathmandu	0.598	0.594	0.385	0.621	0.740	0.704	0.617
Bangladesh	Dhaka	0.633	0.593	0.545	0.539	0.673	0.627	0.817
Uganda	Kampala	0.581	0.590	0.512	0.486	0.507	0.956	0.550
Nigeria	Lagos	0.496	0.582	0.475	0.634	0.576	0.659	0.262
Ghana	Accra	0.560	0.576	0.347	0.592	0.737	0.728	0.500
Bolivia	La Paz	0.551	0.565	0.363	0.621	0.745	0.606	0.502
Ethiopia	Addis Ababa	0.501	0.564	0.503	0.534	0.521	0.724	0.313
Senegal	Dakar	0.581	0.552	0.510	0.384	0.794	0.596	0.712
Zimbabwe	Harare	0.493	0.542	0.246	0.451	0.899	0.864	0.338
United Republic of Tanzania	Dar es Salaam	0.571	0.530	0.427	0.371	0.607	0.822	0.767
Zambia	Lusaka	0.434	0.507	0.316	0.463	0.590	0.766	0.233
Niger	Niamey	0.482	0.456	0.402	0.426	0.485	0.521	0.602
Mali	Bamako	0.491	0.452	0.401	0.416	0.544	0.460	0.683
Madagascar	Antananarivo	0.465	0.446	0.171	0.558	0.511	0.812	0.552
Guinea	Conakry	0.449	0.416	0.133	0.461	0.607	0.809	0.612
Liberia	Monrovia	0.313	0.285	0.048	0.381	0.411	0.886	0.457

\* The CPI with 4 dimensions does not include the equity index  
 Source: United Nations Human Settlements Programme (UN-Habitat), Global Urban Indicators Database 2012.

# 5

## Tìm hiểu về Sự thịnh vượng của TP:

**Các kết quả và đề xuất chính sách về những tiêu chí thịnh vượng cụ thể**



## Mở rộng Tiêu chí Thịnh vượng cho Tất cả

**CÁC NHÂN TỐ CỤ**

**CHÍNH SÁCH ĐỔI MỚI ĐỔI CỬ**

**POLICY** A reinvigorated notion of urban planning would give any city tighter public control over the use of land, change the form and function of cities based on sustainable development principles, as well as expand the provision of, and access to, public goods.

**POLICY** a fresh, different type of urban planning and design – one that has the power to transform city landscapes and expand existing enclaves of prosperity

**POLICY** Promoting prosperity involves deployment of proper laws, regulations and institutions which have a direct or indirect bearing on equity, productivity, infrastructures and living standards, and which

27/03/2014 [chando.woahw@unhabitat.org](mailto:chando.woahw@unhabitat.org)

## Sáng kiến về Chỉ số Thịnh vượng của TP Mục tiêu và Lợi ích

**UN HABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Từ thước đo đến Chính sách: Sáng kiến Chỉ số Thịnh vượng của TP

- Khung chính sách được toàn thế giới công nhận
- Dự đoán chuyên sâu và tùy biến về CPI
- Các đề xuất chính sách để nâng cao sự thịnh vượng (Các Kế hoạch Hành động)
- Chia sẻ các kinh nghiệm
- Kiến thức chuyên sâu của UN-Habitat
- Các giải pháp bền vững
- Cơ chế theo dõi tại địa phương
- Kết nối các TP và đối tác

Báo cáo Tình trạng các TP (Colombia, Pakistan, Egypt, vv)

Các TP đăng ký thực hiện sáng kiến (Mexico, ..)

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

91

## Mức độ thịnh vượng gia tăng



**Thấp**

Chỉ số Thịnh vượng

**Trung bình**  
Chỉ số Thịnh vượng

**Cao**  
Chỉ số Thịnh vượng



27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

## Sáng kiến về Sự Thịnh vượng của TP

### Mục tiêu

1. Nâng cao các chỉ số về sự thịnh vượng với các chính sách và kế hoạch hành động thống nhất và có hiệu quả rõ rệt.
2. Hỗ trợ việc thực hiện hàng loạt các giải pháp kỹ thuật để cải thiện mô hình và chức năng của TP.
3. Hỗ trợ việc chuẩn bị dự án thông qua nghiên cứu tiền khả thi và khả năng cấp vốn.



27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

## Lợi ích từ Sáng kiến này

### UN-Habitat cung cấp

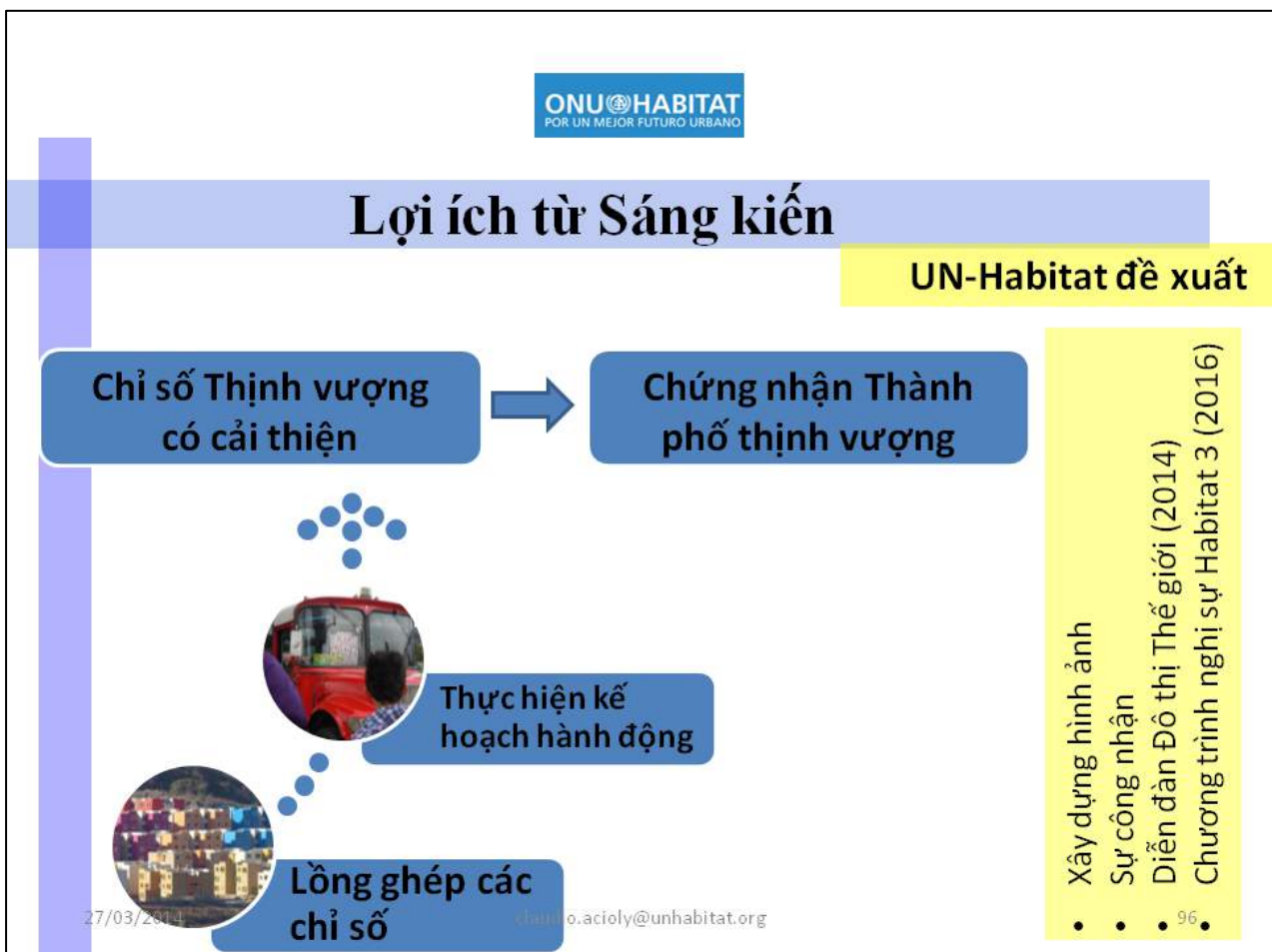
### Hỗ trợ kỹ thuật:

- ✓ Phương pháp giám sát
- ✓ Phân tích thể chế
- ✓ Các chiến lược phát triển
- ✓ Mô phỏng chính sách
- ✓ Phân tích tiềm năng
- ✓ Hỗ trợ quy trình ra quyết định
- ✓ Đưa ra các góp ý chính sách

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

94





# 6

## Các khía cạnh trong phương pháp luận:

**Thu thập số liệu, tính mạch lạc, và hiểu biết sâu về các chỉ số giúp định nghĩa về thịnh vượng và làm cơ sở phân tích chính sách**

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

**Đo Chỉ số Thịnh Vượng Đô thị  
(Tiếp cận mang tính phương pháp luận)**

**UN HABITAT**  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

## Chỉ số Thành phố Thịnh vượng của UN-Habitat

### Năng suất

- Chỉ số thịnh vượng được đo qua sản phẩm của thành phố bao gồm các biến như đầu tư cơ bản, việc làm chính thức/phi chính thức, lạm phát, thương mại, tiết kiệm, xuất/nhập khẩu, thu nhập/tiêu dùng của hộ gia đình. Sản phẩm của thành phố là tổng sản lượng hàng hóa và dịch vụ (giá trị gia tăng) do người dân của thành phố tạo ra trong một năm.

### Chất lượng sống

- Chỉ số tổng hợp bao gồm ba loại chỉ số: **sức khỏe giáo dục, an toàn an ninh và không gian công cộng**

### Phát triển cơ sở hạ tầng

- Chỉ số tổng hợp bao gồm các loại chỉ số: đấu nối tới các dịch vụ (nước sạch, nước thải, điện), dịch vụ thông tin liên lạc (ICT, mobile), nhà ở, **bệnh tật, giao thông; kết nối đường phố**

### Tính bền vững về môi trường

- Danh mục này bao gồm: chất lượng không khí (PM 10) , **khí thải CO2, ô nhiễm bên trong nhà, chất thải và năng lượng**

### Công bằng và hòa nhập xã hội

- Chỉ số này bao gồm các biện pháp thống kê các bất bình đẳng về thu nhập/tiêu dùng (Hệ số Gini), **bất bình đẳng về cách thức tiếp cận tới dịch vụ, cơ sở hạ tầng, bất bình đẳng giới.**

### Quản trị và pháp lý

- Chỉ số này bao gồm: **Pháp lý, Đất đai và Quản trị (TBD)**

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

99

## Tiếp cận tổng hợp CPI

CPI được xây dựng tổng hợp dựa trên ba kịch bản được xác định nhờ có sẵn số liệu:

- **CPI cơ bản**
- **CPI mở rộng**
- **CPI theo bối cảnh (Phát kiến thành phố Thịnh vượng)**

## Chỉ số Thành Phố Thịnh vượng Cơ bản

Thường sử dụng các chỉ số có sẵn đã được xác định để đo đạt sự thịnh vượng tồn tại ở đa phần các thành phố. CPI cơ bản được sử dụng để:

- *Theo dõi, giám sát toàn cầu*
- *Các mục đích so sánh toàn cầu*

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

101

## CPI mở rộng

CPI mở rộng xây dựng dựa trên CPI cơ bản. Cùng với các chỉ số trong CPI cơ bản, CPI mở rộng có thêm các chỉ số được xác định để đo đạt sự thịnh vượng. CPI mở rộng:

- *Bao gồm mô hình CPI cơ bản*
- *Các chỉ số thêm/ các chỉ số khác ngoài chỉ số cơ bản*

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

102

## CPI bối cảnh (Phát kiến Thành phố Thịnh vượng)

UN-Habitat sẽ hỗ trợ thêm cho các thành phố về:

- Đánh giá sâu theo yêu cầu về Chỉ số Thành phố Thịnh Vượng

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

103

## Tiếp cận tổng hợp- Các phát hiện

- Các thành phố có thể thực hiện tốt các CPI cơ bản
- Một số thành phố không làm tốt được các CPI mở rộng

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

104



Cơ sở hạ tầng- Tổng hợp			
PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN TỔNG HỢP ĐO CPI			
CƠ SỞ HẠ TẦNG			
Cơ sở hạ tầng thành phố		Nhà ở	Mạng lưới thành phố & Lưu thông
Nước sạch	Di động	Nhà ở kiên cố	(Đường phố có vỉa hè, quỹ đất phân bổ cho đường phố)
Nước thải	ICT	Khu vực đủ ddk sống	Lưu thông (mạng lưới giao thông công cộng)
Điện		Đảm bảo quyền hưởng dụng	
(Kết nối với các công trình cơ bản)	(Các hệ thống thông tin)	claudio.acioly@unhabitat.org	105

## Đánh giá CPI

**Phương pháp tổng hợp: Trung bình hình học của 5 khía cạnh**

$$CPI = I^{1/5}_{NĂNG SUẤT} \times I^{1/5}_{CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG} \times I^{1/5}_{CƠ SỞ HẠ TẦNG} \times I^{1/5}_{MÔI TRƯỜNG} \times I^{1/5}_{BÌNH ĐẲNG}$$

- Kỹ thuật tiêu chuẩn hóa
- Tổng hợp hình học

27/03/2014
claudio.acioly@unhabitat.org
106

## Trình bày các chỉ số

- Cơ sở lý luận
- Định nghĩa
- Phương pháp luận
- Vấn đề Giới
- Đề xuất và hạn chế
- Mức độ

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

107

### Ví dụ về Dữ liệu Lớn: Chỉ số tiếp cận với nước sạch

**Cơ sở lý luận:** Cung cấp nước sạch rất cần thiết cho cuộc sống và sức khỏe. Nâng cao khả năng tiếp cận tới nước sạch sẽ giảm gánh nặng cho người dân, đặc biệt là phụ nữ, lấy nước từ các nguồn có sẵn. Đồng thời có nghĩa giảm gánh nặng toàn cầu về các bệnh liên quan tới nước và nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Định nghĩa:** Tỷ lệ dân số có sự tiếp cận bền vững tới nguồn nước có chất lượng là tỷ lệ người dân đô thị sử dụng: nước sạch, nước tại các vòi công cộng, từ máy bơm, giếng, nước mưa hoặc nước suối.

**Phương pháp luận:** Chỉ số được tính tỷ lệ là số lượng người dân sử dụng nước sạch trên tổng số dân đô thị, đơn vị %.

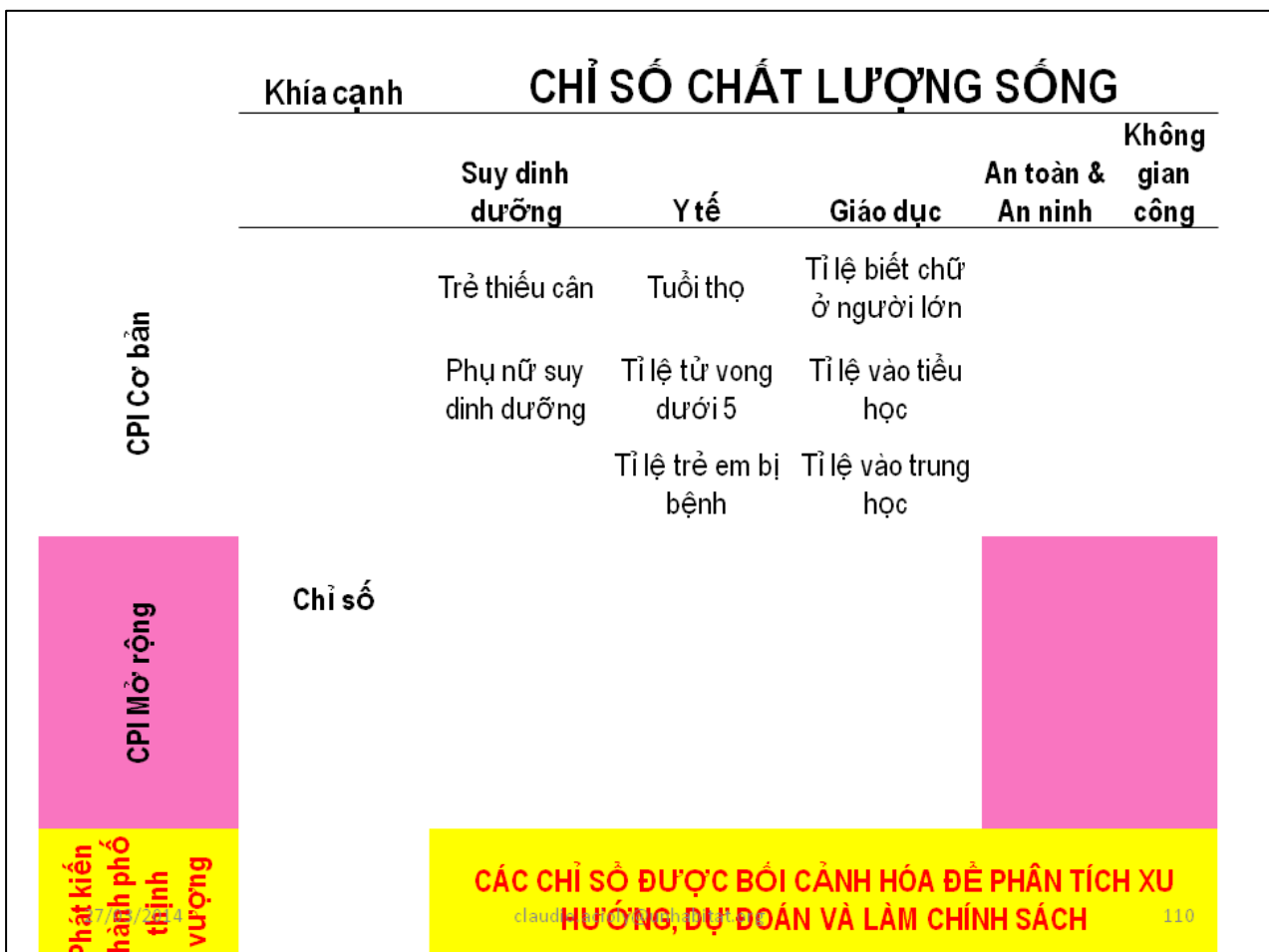
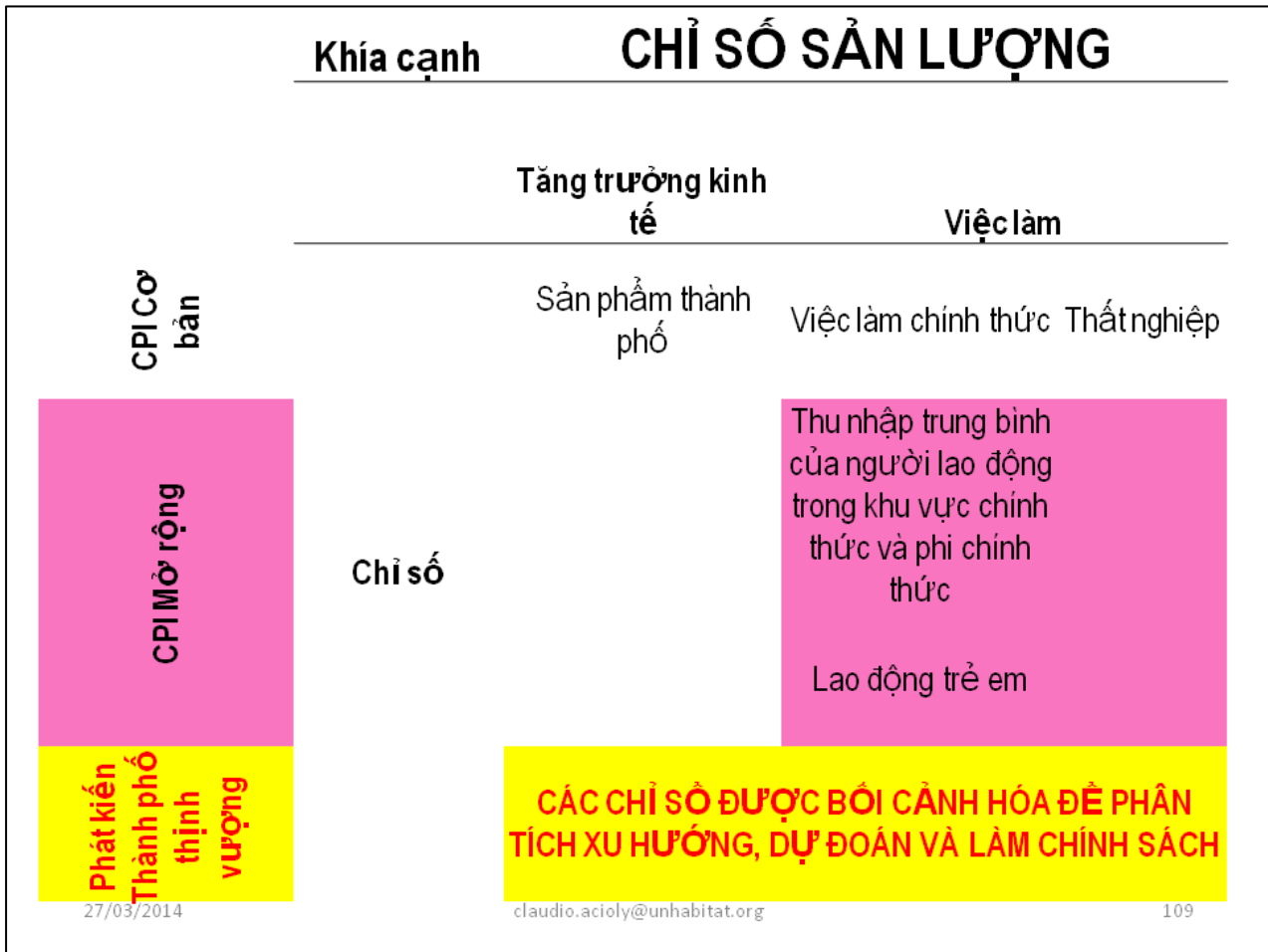
Hai nguồn số liệu phổ biến: số liệu cơ sở hạ tầng hoặc hành chính, và số liệu lấy từ các cuộc khảo sát nhà ở, bao gồm DHS, MICS và LSMS.

**Giới:** Phụ nữ đa phần là người sử dụng, cung cấp, và quản lý vệ sinh của các hộ gia đình. Nếu hệ thống nước sạch bị hỏng, phụ nữ bị ảnh hưởng hơn nam giới vì họ phải sử dụng các công cụ và đi lấy nước nhằm đáp ứng nhu cầu về nước của hộ gia đình.

### Các đề xuất và hạn chế

**Mức độ:** Thành phố, đô thị quốc gia

108



# NGÀY 1-3. Các khái niệm chính và phương pháp luận của hệ thống Quản trắc đô thị (UOS)

+ Chỉ số Thành phố Thịnh vượng + Các nghiên cứu quốc tế về UOS

		CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG					
Khía cạnh		Cơ sở hạ tầng thành phố		Cơ sở hạ tầng kiến thức	Cơ sở hạ tầng sức khỏe	Lưu thông đô thị	Hình thức đô thị
CPI Cơ bản		Nước sạch	Điện thoại Di động	Nhà kiên cố			
		Nước thải	Điện thoại cố định	Nhà quá tải			
CPI Mở rộng	Chỉ số	Điện	Thời lượng/Giờ cấp điện	Người sử dụng Internet	Đảm bảo quyền sử dụng	Tỷ lệ vào cấp ba	Tỷ lệ phụ nữ được nhân viên có tay nghề chăm sóc
			Tốc độ truy cập Internet	Thuê bao băng thông Internet cố định	Số lượng trường đại học, các trung tâm, cơ sở giáo dục sau đại học	Số lượng giường bệnh	Số lượng phòng khám tư nhân trên 1000 người
					Số lượng nhân viên y tế	Số lượng mô tô trên 1000 người	Số lượng phương tiện giao thông công cộng trên 1000 người
					Chi phí giáo dục sau đại học tỷ lệ % trên GDP	Số lượng trạm xá công và tư	Hình thức giao thông (công, đi bộ, xe đạp, tư nhân)
						Thời gian đi lại	Mật độ đường phố (Km/Km <sup>2</sup> )
							Mật độ ngã tư (int/km <sup>2</sup> )
							Chỉ số Kết nối phố Hỗn hợp
							Mật độ đô thị (người/Km <sup>2</sup> )

**CÁC CHỈ SỐ ĐƯỢC BỐI CẢNH HÓA ĐỂ PHÂN TÍCH XU HƯỚNG, DỰ ĐOÁN VÀ LÀM CHÍNH SÁCH**

Phát kiến Thành phố thịnh vượng 2014

claudio.acioly@unhabitat.org

		CHỈ SỐ BỀN VỮNG MÔI TRƯỜNG		
Khía cạnh		Chất lượng		
		Không khí	Chất thải	Năng lượng
CPI Cơ bản		Cô cạn các hạt phân tử	Thu gom chất thải rắn	Năng lượng dùng để nấu ăn
				Năng lượng chiếu sáng
CPI Mở rộng	Chỉ số	Khí thải nhà kính	Xử lý nước thải	Năng lượng công nghiệp
		Ô nhiễm không khí bên trong		

**CÁC CHỈ SỐ ĐƯỢC BỐI CẢNH HÓA ĐỂ PHÂN TÍCH XU HƯỚNG, DỰ ĐOÁN VÀ LÀM CHÍNH SÁCH**

Phát kiến Thành phố thịnh vượng 2014

claudio.acioly@unhabitat.org



Khía cạnh		<b>CHỈ SỐ CÔNG BẰNG VÀ HÒA NHẬP XÃ HỘI</b>	
		Bất bình đẳng thu nhập/tiêu thụ	Các chỉ số công bằng & hòa nhập xã hội
CPI Cơ bản	CPI Mở rộng	Hệ số Gini	Tỷ lệ Nữ so với Nam ở bậc tiểu học Tỷ lệ Nữ so với Nam ở bậc trung học Phụ nữ làm việc trong khu vực chính phủ Tỷ lệ mắc bệnh ở trẻ sống trong và ngoài khu ổ chuột Tỷ lệ ngoại
		Chỉ số	
Phát triển Thành phố thịnh vượng		<b>CÁC CHỈ SỐ ĐƯỢC BỐI CẢNH HÓA ĐỂ PHÂN TÍCH XU HƯỚNG, DỰ ĐOÁN VÀ LÀM CHÍNH SÁCH</b>	

Khía cạnh		<b>CHỈ SỐ QUẢN TRỊ &amp; LẬP PHÁP</b>	
		<b>ĐƯỢC XÂY DỰNG Ở TỪNG ĐỊA PHƯƠNG</b>	
CPI Cơ bản	CPI Mở rộng	Chỉ số	<b>CÁC CHỈ SỐ ĐƯỢC BỐI CẢNH HÓA ĐỂ PHÂN TÍCH XU HƯỚNG, DỰ ĐOÁN VÀ LÀM CHÍNH SÁCH</b>

## Trình bày các chỉ số

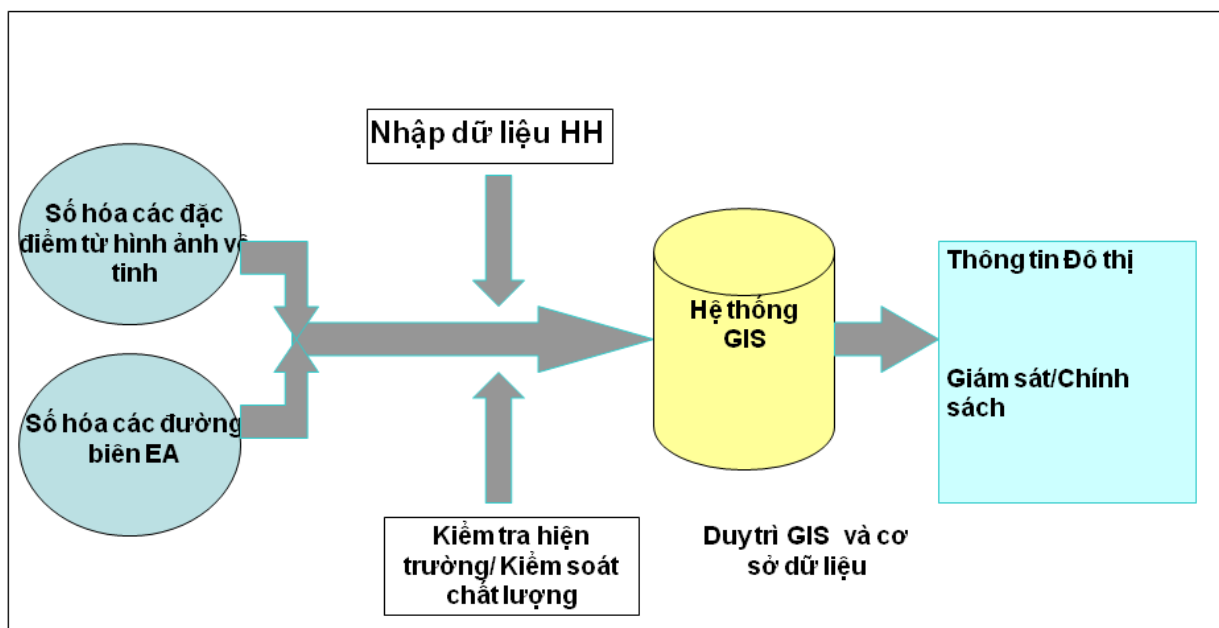
- Cơ sở lý luận
- Định nghĩa
- Phương pháp luận
- Vấn đề Giới
- Đề xuất và hạn chế
- Mức độ

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

115

## Cơ sở dữ liệu tổng hợp



27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

116

# Đánh giá toàn cầu CPI của 69 thành phố đã xuất bản tới nay



## Giới thiệu Chỉ số Thành phố Thịnh Vượng (CPI)

- Đo từng khía cạnh thịnh vượng (5) tại mỗi thành phố
- Đánh giá tiến trình hiện tại và tương lai của thành phố hướng tới lộ trình thịnh vượng
- Hỗ trợ người ra quyết định nhận diện các cơ hội và khu vực có tiềm năng can thiệp



Xu hướng trong khu vực (6 nhóm)

Các nước phát triển: Các thành phố có chỉ số thịnh vượng cao (Nhóm 1)

Các nước châu Phi: Đa phần các thành phố có chỉ số thịnh vượng yếu (Nhóm 5 & 6)

Châu Á & Mỹ La tinh: Các thành phố có chỉ số đô thị trung bình (Nhóm 3 & 4)

## Phát kiến Thành phố Thịnh Vượng

- Khung chính sách được công nhận rộng rãi
- Đánh giá sâu và theo yêu cầu CPI
- Các khuyến nghị về chính sách nhằm thúc đẩy sự thịnh vượng (Các kế hoạch hành động)
- Chia sẻ các thực tiễn Tốt nhất
- Kiến thức rộng của UN-Habitat
- Các giải pháp bền vững
- Cơ chế theo dõi tại địa phương
- Kết nối các thành phố và đối tác

Tình trạng báo cáo Các thành phố Quốc gia (Colombia, Pakistan, Egypt,...)

Các thành phố tán thành Phát kiến (Mexico..)

27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

119

## CHỈ SỐ THỊNH VƯỢNG ĐÔ THỊ

### Cảm ơn



27/03/2014

claudio.acioly@unhabitat.org

120



Cục Phát triển Đô thị - Bộ Xây dựng



## Cách tiếp cận dựa trên kết quả trong việc triển khai các dự án **đô thị**

TS. KTS. Trần Quốc Thái  
Phó Cục trưởng  
Cục Phát triển Đô thị, Bộ Xây dựng  
Hà Nội, Tháng Ba/2014



### Nội dung

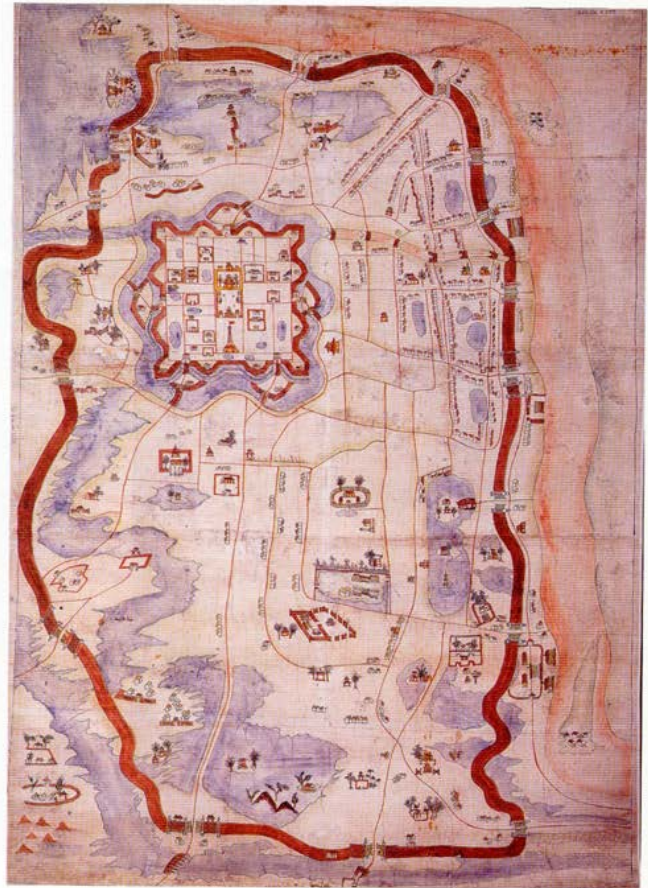
1. Bối cảnh
2. Các chương trình quốc gia về Phát triển Đô thị
3. Các dự án đô thị - từ phương pháp giám sát đến cách tiếp cận theo quá trình



Hồ Chí Minh City

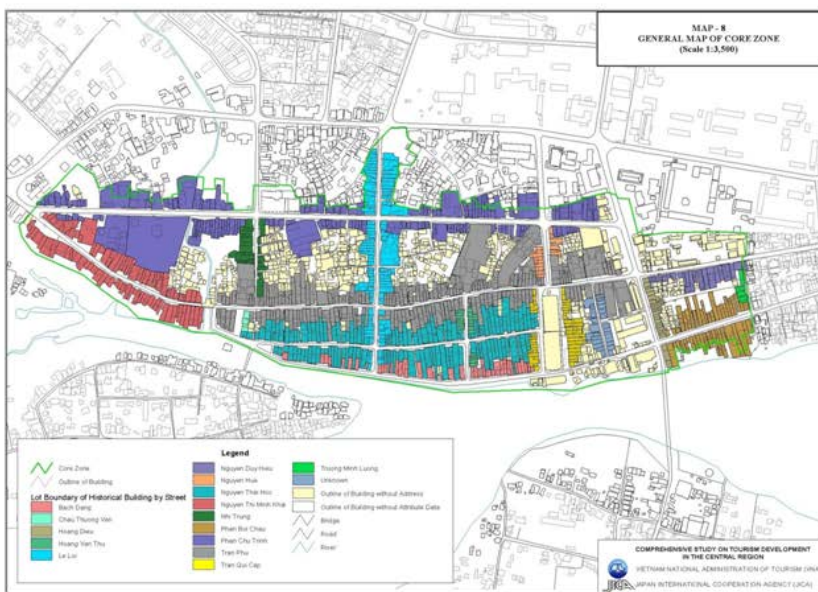


**Bối cảnh:**  
1000 năm lịch sử



Seite 3

**Bối cảnh:**  
Đan xen và cùng tồn tại



Seite 4



## Bối cảnh: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Đô thị hóa „nóng“ sau Đổi mới năm 1986: 125 đô thị mới trong vòng 10 năm
- Các đô thị loại nhỏ và phân tán (đô thị loại V),
- Mở rộng đô thị, nhu cầu về đất đai, nhà ở, cơ sở hạ tầng và dịch vụ gia tăng
- Nhu cầu đa dạng từ phía nhà đầu tư, chính quyền, cộng đồng
- Quá trình phân cấp đang tiếp diễn
- Từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý

- Các thách thức trong quá trình phát triển: môi trường – xã hội – kinh tế
  - Các tác động của BĐKH
- Cơ sở tài khóa yếu và nguồn thu ngân sách địa phương/ nguồn thu của các công ty dịch vụ còn kém
  - Thiếu năng lực quản lý
  - Thiếu sự hợp tác và phối hợp



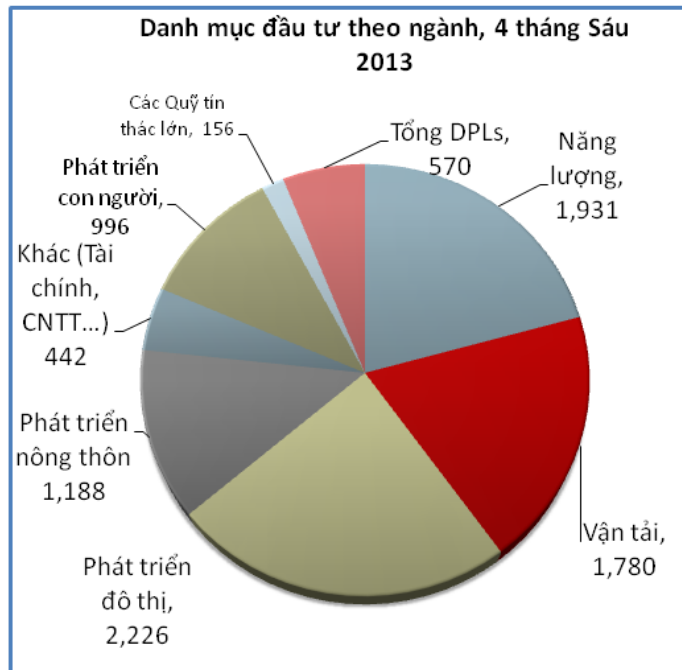
Seite 5

## Các chính sách và chương trình quốc gia về phát triển đô thị

1. Điều chỉnh Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam năm 2009
2. Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia 2009 và Chương trình phát triển đô thị quốc gia 2012
3. Nghị định 11/2013/NĐ-CP về quản lý đầu tư phát triển đô thị năm 2013



## Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam: Những đóng góp trong lĩnh vực đô thị



- Tỷ lệ giải ngân tăng từ 13% năm 2012 lên 14% trong năm 2013.
- Tăng cường năng lực và thể chế.
- Cung cấp cơ sở hạ tầng trọng yếu, cải thiện tiếp cận dịch vụ vì sự phát triển bền vững của đô thị và nền kinh tế.

Seite 7

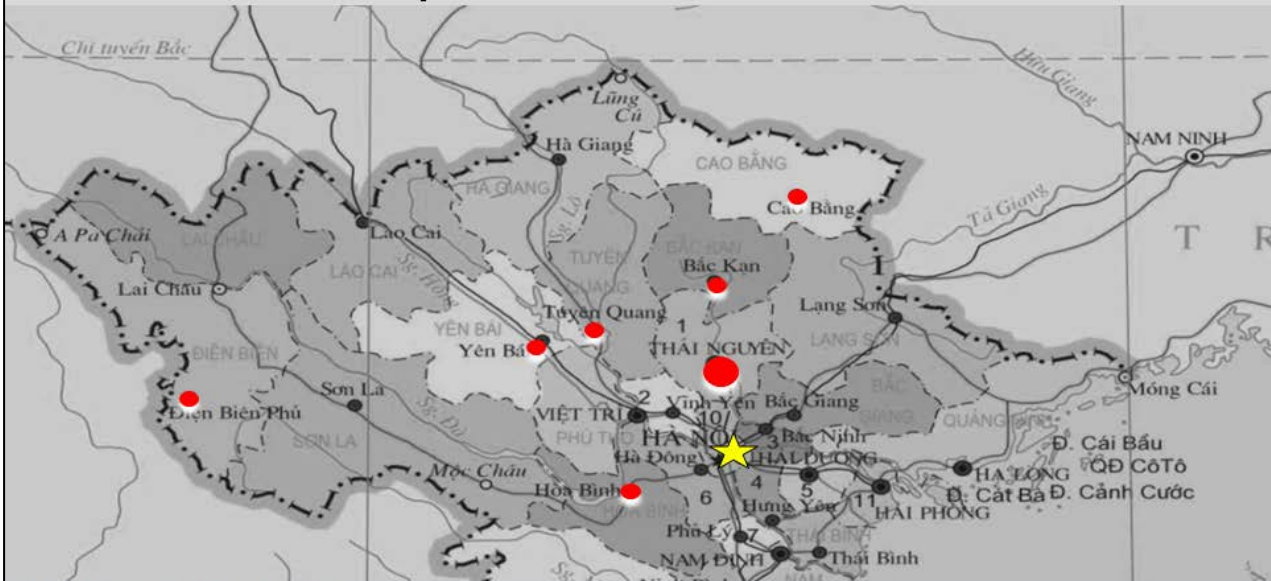
## Các dự án đô thị – từ giám sát đến cách tiếp cận theo quá trình

1. Giám sát: DỰ ÁN CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ MIỀN TRUNG- VIE 2034 – 2004 - 2011
2. Phối hợp: DỰ ÁN NÂNG CẤP ĐÔ THỊ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG – P113904 2012 -2017
3. Theo quá trình: CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC





## CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC



### Khái quát dự án

1. Phạm vi: 7 thành phố khu vực miền núi phía Bắc.
2. Thực hiện dự án: dự kiến trong giai đoạn 2015-2020.
3. Vốn dự án: ~ 250 triệu USD vốn vay từ Ngân hàng Thế giới

### Cách tiếp cận

1. Cách tiếp cận theo quá trình
2. Định hướng kết quả (PforR)
3. Cơ quan phối hợp ở cấp trung ương

Seite 9

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC: Đặc điểm chính

1. Chương trình thực hiện trong 6 năm 2015 – 2020
2. Các chỉ số giải ngân (DLIs)
3. Các Đánh giá và Kế hoạch thực hiện Chương trình
4. Xác nhận kết quả độc lập

Seite 10

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC:**  
**Tổ chức thực hiện chung**

**Các thành phố**

- Lựa chọn tiểu dự án, chính thức phê duyệt ngân sách, thực hiện và phân rõ trách nhiệm
- Đồng tài trợ các tiểu dự án

**Các Bộ ngành Trung ương**

Seite 11

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC: Phạm vi chương trình**  
**Bốn lĩnh vực tổng hợp để đạt được mục tiêu chương trình**

**1. Tăng cường thể chế**

**2. Đầu tư cơ sở hạ tầng**

**3. Duy trì CSHT bền vững**

**4. Chính sách quốc gia, Hỗ trợ và Giám sát**

Seite 12

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC: Đặc điểm chính

1. Chương trình thực hiện trong 6 năm 2015 – 2020
2. Các chỉ số giải ngân (DLIs)
3. Các Đánh giá và Kế hoạch thực hiện Chương trình
4. Xác nhận kết quả độc lập

Seite 13

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC:

### Các chỉ số liên quan đến Giải ngân

Lưu ý: Các số liệu dưới đây chỉ là ví dụ

<b>DLI 1. Tăng cường thể chế tại cấp Thành phố (TP)</b>	<b>50 triệu USD</b>
DLI 1.1 Kế hoạch hàng năm đã được cải thiện của TP được phê duyệt	
DLI 1.2 Kế hoạch hàng năm đã được cải thiện của TP được công bố công khai	
DLI 1.3 Các ban quản lý dự án có đầy đủ cán bộ chuyên môn	
DLI 1.4 Báo cáo kiểm toán tài chính được đánh giá là unqualified opinion	
<b>DLI 2. Đầu tư cơ sở hạ tầng (CSHT)</b>	<b>150 triệu USD</b>
DLI 2 CSHT đô thị của địa phương được đưa vào hoạt động theo kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt của thành phố	
<b>DLI 3. Duy trì cơ sở hạ tầng bền vững</b>	<b>30 triệu USD</b>
DLI 3.1 CSHT vận hành hết công suất sau 2 năm đưa vào hoạt động	
DLI 3.2 Tăng nguồn thu ngân sách hàng năm của thành phố	
<b>DLI 4. Chính sách quốc gia, Hỗ trợ và Giám sát</b>	<b>20 triệu USD</b>
DLI 4.1 Chính sách phát triển đô thị quốc gia được phê duyệt	
DLI 4.2 Hỗ trợ năng lực cho các thành phố được thực hiện theo kế hoạch	
DLI 4.3 Báo cáo của Chương trình về công tác theo dõi, giám sát và xác nhận kết quả	

Seite 14

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC: Các điểm khác biệt

1. Tính cam kết, trách nhiệm cao ở tất cả các cấp chính quyền tham gia trong Chương trình.
2. Ưu tiên đầu tư và phối hợp đầu tư đa ngành được thực hiện nghiêm túc để đảm bảo kết quả đạt được đáp ứng các chỉ số giải ngân và các yêu cầu khác.
3. Tránh việc đầu tư dàn trải bằng cách lên kế hoạch thực tế và theo quy trình, đồng thời rà soát các mục tiêu chiến lược

Seite 15

**Trân trọng cảm ơn!**



Seite 16



# **CÁC BÀI THUYẾT TRÌNH (NGÀY 2)**

**21/03/2014**

# Nghiên cứu điểm: Hệ thống thống kê đô thị và chỉ số tổng hợp về tính bền vững đô thị của Trung Quốc

Văn phòng UN-Habitat tại Việt Nam

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

THE STATE OF CHINA'S CITIES 2010/2011

## THE STATE OF CHINA'S CITIES 2010/2011

Better City, Better Life



UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

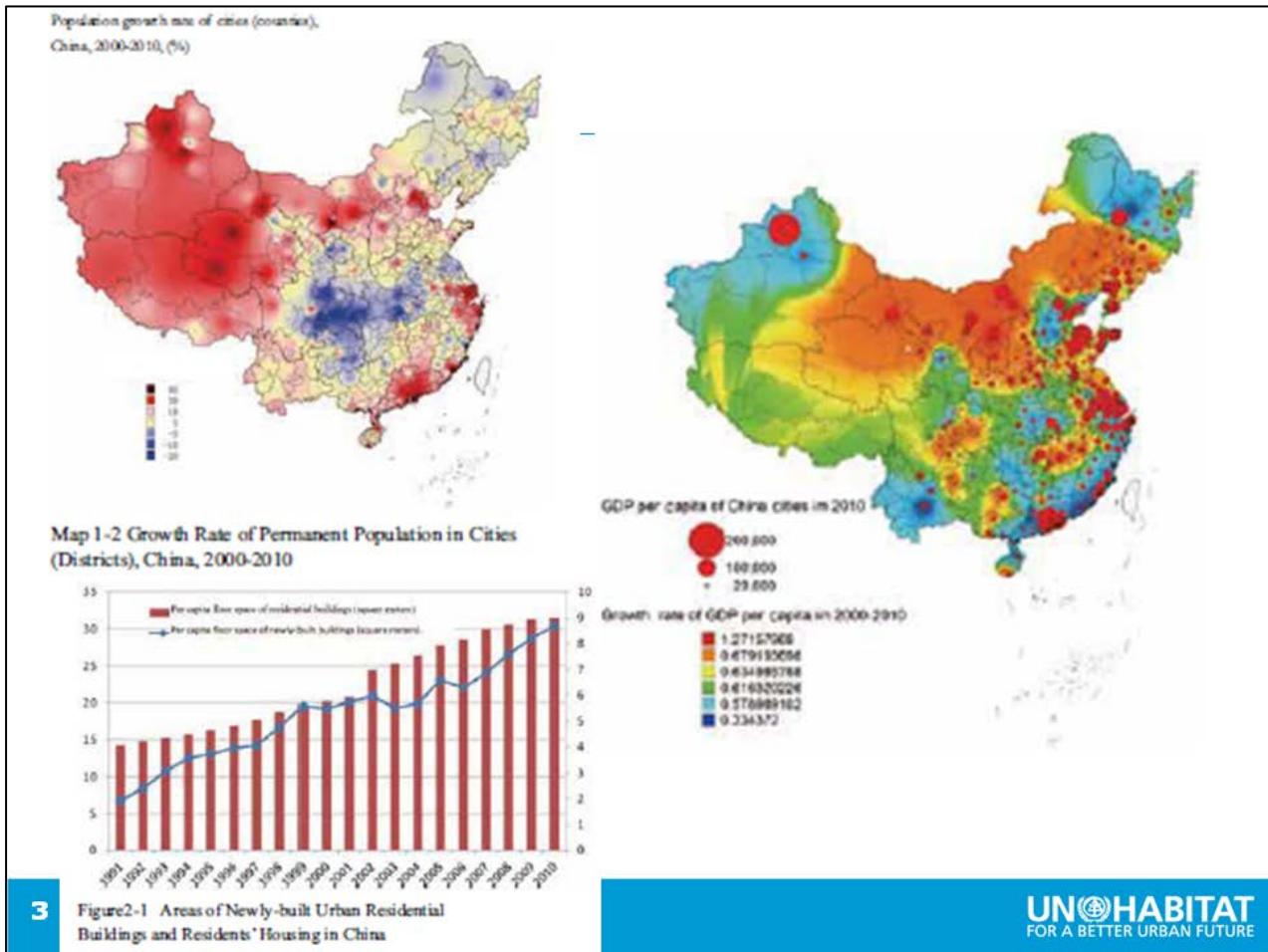
FOREIGN LANGUAGES PRESS

## THE STATE OF CHINA'S CITIES 2012/2013



UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

FOREIGN LANGUAGES PRESS



### I. Basic Data of China's 287 Cities at and above Prefecture Level in 2010

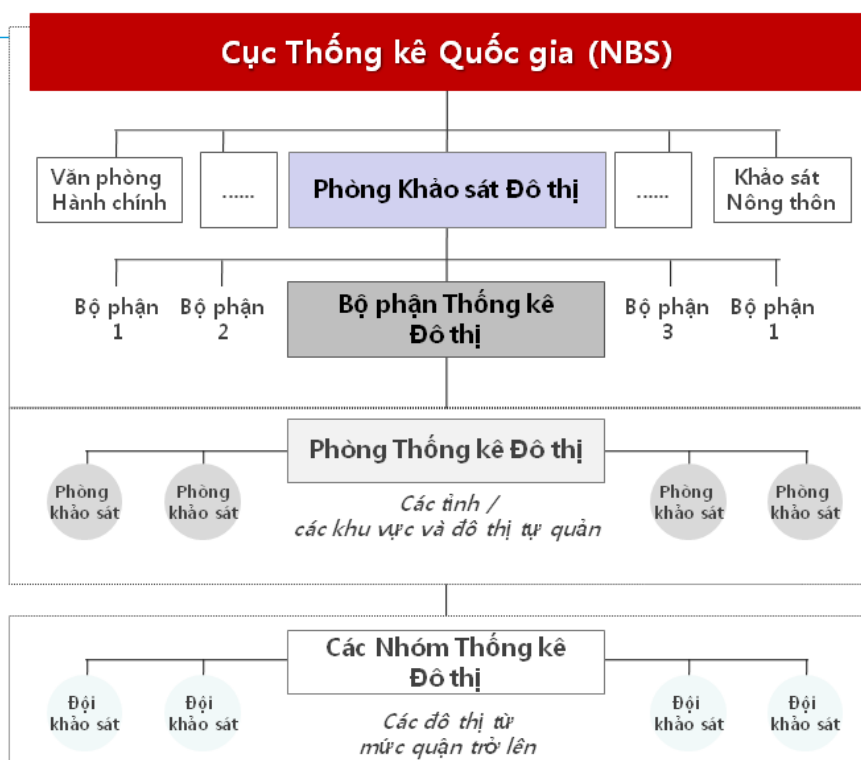
Name of Cities	Area of Administrative Regions (km <sup>2</sup> )	Total Population (year-end) (10,000)	Permanent Population in the Sixth National Population Census (10,000)	Built-up Area(km <sup>2</sup> )	GDP (10,000Yuan)	Per Capita GDP(Yuan)	Tap Water Access Rate (%)	Wastewater Treatment Rate (%)	Domestic Garbage Treatment Rate (%)	Per Capita Public Green Space (m <sup>2</sup> )
Beijing	16,411	1,237.80	1,061.20	1,186.00	141,136,900	75,943	100.00	82.09	96.95	11.28
Tianjin	11,760	984.85	1,293.80	687.00	92,244,600	72,994	100.00	85.30	94.31	8.59
Shanghai	6,340	1,412.32	2,301.90	866.00	171,659,200	76,074	100.00	83.29	81.86	6.97
Chongqing	82,829	3,303.45	2,884.60	870.00	79,255,800	27,596	94.05	91.65	99.13	13.24
<b>Hubei Province</b>										
Shijiazhuang	15,848	989.16	1,016.40	203.00	34,010,186	33,915	100.00	95.38	100.00	14.39
Tangshan	13,472	735.00	757.70	234.00	44,691,588	59,389	100.00	94.10	100.00	15.13
Qinhuangdao	7,523	288.30	298.80	89.00	9,304,969	31,182	100.00	92.10	100.00	19.90
Handan	12,092	963.50	917.50	111.00	23,615,569	26,143	100.00	91.74	100.00	19.61
Xingtai	12,486	732.03	710.40	70.00	12,120,943	17,189	100.00	84.51	100.00	15.74
Baoding	20,584	1,161.01	1,119.40	132.00	20,503,000	18,451	100.00	89.88	100.00	13.25
Zhangjiaokou	36,873	465.97	434.50	84.00	9,664,158	22,517	100.00	87.50	80.13	11.03
Changde	39,548	372.03	347.30	100.00	8,889,619	25,699	100.00	86.67	99.02	27.20
Cangzhou	14,053	730.89	713.40	46.00	22,031,199	31,091	100.00	85.08	79.30	10.03
Langfang	6,429	419.02	435.90	59.00	13,510,982	31,844	100.00	86.10	95.79	13.01
Hengshui	8,815	440.20	434.10	44.00	7,817,229	18,076	100.00	86.51	100.00	11.34
<b>Shanxi Province</b>										
Taiyuan	6,963	365.50	420.20	245.00	17,780,539	50,225	100.00	83.86	100.00	8.57
Datong	14,127	317.51	331.80	108.00	6,959,095	21,369	100.00	78.18	83.08	6.84

## Đánh giá tính Sẵn sàng

- **Động cơ xây dựng hệ thống chỉ số đô thị**
  - Cung cấp căn cứ khoa học cho các phòng ban chính phủ để thiết lập kế hoạch phát triển
  - Giám sát việc thực hiện chính sách, so sánh mức độ phát triển giữa các khu vực khác nhau
  - Cung cấp dịch vụ tư vấn để giúp các doanh nghiệp đưa ra quyết định
- **Vai trò, trách nhiệm và năng lực**
  - **Cục Thống kê Quốc gia** (12 phòng ban chức năng và 3 cơ quan thực hiện khảo sát)
  - **Tổ chức Khảo sát kinh tế - xã hội Đô thị**: Chịu trách nhiệm thu thập, xử lý và cung cấp dữ liệu thống kê về giá cả thị trường, thu nhập và mức chi tiêu của các hộ gia đình tại đô thị và sự phát triển đô thị, cũng như chịu trách nhiệm thực hiện phân tích các dữ liệu thống kê
  - **Niên giám Thống kê Đô thị của Trung Quốc** là một ấn phẩm thống kê thường niên, phản ánh đầy đủ sự tăng trưởng kinh tế và xã hội tại các đô thị của Trung Quốc. Niên giám này tổng hợp nhiều dữ liệu thống kê khác nhau về phát triển kinh tế, xã hội và mức độ xây dựng thành thị (bao gồm những đô thị từ cấp độ quận và tỉnh trở lên)

5

## Các cơ quan chính phủ Trung Quốc về thống kê đô thị



6



## Nhất trí về những Kết quả được chọn để Giám sát và Đánh giá

### • Ưu tiên chiến lược

- Sự bền vững của môi trường tại các đô thị
- Đáp ứng những nguyện vọng ngày càng tăng của nhóm dân cư đô thị đang phát triển
- Giải quyết những áp lực về thay đổi và tài nguyên xã hội

### • Quy trình tham gia

- **Hầu hết các bộ ngành** đều tham gia xây dựng các chỉ số đô thị
- **Tổ chức Sáng kiến Đô thị Trung Quốc (UCI)**, một nhóm chuyên viên đa ngành được thành lập vào năm 2010 bởi Đại học Columbia, McKinsey & Company, và Đại học Tsinghua.

7

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

#### The Urban China Initiative

A joint initiative of Columbia University, Tsinghua University, and McKinsey & Company



The Urban Sustainability Index:  
A New Tool for Measuring China's Cities

McKinsey & Company

#### Urban China Initiative



2011 Urban Sustainability Index

8

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Lựa chọn những Chỉ số chính về Đánh giá hiệu quả hoạt động

- **Chỉ số tổng hợp về tính Bền vững Đô thị** định nghĩa tính bền vững là sự tăng trưởng kinh tế có tác dụng cải thiện mức sống của người dân mà không làm cạn kiệt môi trường hay các nguồn tài nguyên khác. Để đo lường khái niệm tính bền vững này, một mô hình với bốn khía cạnh đã được thiết lập:
  - **Tính bền vững Xã hội:** Cung cấp mức an sinh xã hội cơ bản cho người dân
  - **Tính bền vững Kinh tế:** Sự tăng trưởng kinh tế cân bằng với tác dụng hỗ trợ tăng thu nhập cho toàn bộ dân số.
  - **Tính bền vững Môi trường:** Mức trong sạch của môi trường và bảo vệ môi trường, và một môi trường nhân tạo có tính năng khuyến khích những thói quen mang tính bền vững
  - **Tính bền vững về Nguồn tài nguyên:** Việc sử dụng hiệu quả những nguồn tài nguyên sẵn có.

9

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Xây dựng Chỉ số

**Tính bền vững Môi trường** được chia nhỏ thành **bốn hạng mục** – chất lượng không khí, chất lượng nước, xử lý chất thải và môi trường nhân tạo – để phản ánh chi tiết hơn phạm vi rộng lớn của những tác động môi trường trong mục này.

**Mỗi hạng mục** lại có những **yếu tố thành phần** và những chỉ số được xác định sẽ phản ánh chính xác nhất hiệu quả hoạt động của một đô thị

Trong một số trường hợp thì các chỉ số này được đo lường trực tiếp; trong một số trường hợp khác, những **chỉ số thay thế hợp lý** sẽ được sử dụng; và, trong một số trường hợp cụ thể, một số chỉ số bị loại bỏ bởi vì không thể tìm thấy hoặc xây dựng một phương pháp đo lường hợp lý nào.

10

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Những chỉ số cấu thành chỉ số tổng hợp của năm 2011

Lĩnh vực		Các hợp phần	Chỉ số
Xã hội	Đầu tư vào phúc lợi xã hội	Phúc lợi xã hội	Chỉ tiêu công cho an sinh xã hội (trên đầu người)
		Giáo dục	Chỉ tiêu công cho giáo dục (trên đầu người)
		Y tế	Chỉ tiêu công cho y tế (trên đầu người)
Kinh tế	Phát triển kinh tế	Chênh lệch thu nhập	Hệ số GINI
		Phụ thuộc vào công nghiệp nặng	GDP từ khu vực dịch vụ (%)
		Đầu tư nâng cao năng lực	Đầu tư của chính phủ vào Nghiên cứu và Phát triển
Môi trường	Chất lượng không khí	Ô nhiễm không khí	Tập trung SO <sub>x</sub> , NO <sub>x</sub> , PM <sub>10</sub> (mg/m <sup>3</sup> )
		Ô nhiễm công nghiệp	Phát thải SO <sub>2</sub> công nghiệp/1 đơn vị GDP (tấn/Nhân dân tệ)
	Xử lý chất thải	Xử lý chất thải công nghiệp	Tỷ lệ chất thải công nghiệp được xử lý (%)
		Xử lý nước thải	Tỷ lệ nước thải được xử lý (%)
		Quản lý chất thải sinh hoạt	Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được xử lý (%)
	Môi trường xây dựng	Mật độ dân số đô thị	Số người/km <sup>2</sup> diện tích đất đô thị
Sử dụng phương tiện giao thông công cộng		Số người sử dụng phương tiện giao thông công cộng (m <sup>2</sup> /người)	
Không gian xanh công cộng		Diện tích không gian xanh	
Nguồn lực	Sử dụng nguồn lực	Tiêu thụ năng lượng	Tiêu thụ năng lượng (SCE/1 đơn vị GDP)
		Hiệu quả công trình xây dựng	Tiêu dùng điện cho sinh hoạt (kwh/m <sup>2</sup> )
		Sử dụng nước	Tiêu dùng nước (lit/người)

## Thiết lập Cơ sở và Thu thập Dữ liệu về Chỉ số

- Nguồn dữ liệu
  - Những dữ liệu thống kê đô thị được thu thập mỗi năm một lần. Tất cả các Chi Cục thống kê Đô thị trên toàn quốc sẽ thu thập những dữ liệu liên quan và gửi chúng qua Internet về cho Tổng cục Thống kê Quốc gia theo những yêu cầu của hệ thống quốc gia.
  - Để có thể đánh giá các đô thị dựa trên Chỉ số tổng hợp, tập hợp dữ liệu từ năm 2004-2008
  - Các nguồn bao gồm Niên giám Thống kê Đô thị Trung Quốc, các niên giám của từng đô thị, các Niên giám Quản lý và Bảo vệ Môi trường và các Niên giám về Xây dựng Đô thị.
  - Vẫn có một số hạn chế đáng kể về dữ liệu khiến cho không thể có được thông tin đáng tin cậy cho một số chỉ số, mặc dù đã có những cải thiện về chất lượng và tính sẵn có của dữ liệu công gần đây.

## Đánh giá và báo cáo kết quả

- Phân tích chuyên sâu các chính sách và chương trình của một số đô thị có hiệu quả hoạt động tốt nhất và nghiên cứu những đặc tính của những đô thị này
- Xác định những dự án chung giữa các đô thị có thực tiễn tốt để duy trì tính bền vững
- Đề cao một số dự án, sáng kiến có hiệu quả để có thể giúp các đô thị khác đạt được sự phát triển bền vững.

13

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Phương pháp Đánh giá

- Thực hiện một phân tích chuyên sâu các kết quả thu thập được để nghiên cứu những đặc tính của riêng các đô thị có hiệu quả hoạt động cao.
- Trao đổi, thảo luận cùng các chuyên gia, các cơ quan chính phủ, kiến trúc sư, và nhà quy hoạch đô thị Trung Quốc để xem xét, nghiên cứu dữ liệu từ các khía cạnh sau:
  - **Phân nhóm đô thị:** Theo quy mô dân số (dưới 2 triệu người, 2 triệu đến 10 triệu người, và trên 10 triệu người) để giúp cho việc phân tích và so sánh được phù hợp
  - **Kết quả hạng mục:** Phân tích điểm số của các đô thị theo từng chỉ số, để tìm kiếm những xu hướng không nhận thấy được từ xếp hạng theo chỉ số tổng hợp.
  - **Cải tiến:** Những bài học quan trọng được rút ra từ những đô thị đã có sự cải thiện lớn và rõ rệt và những đô thị xếp hàng đầu theo Chỉ số tổng hợp

14

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE



## Những đô thị hàng đầu theo hạng mục

Top ranked cities in each category

City size (population)

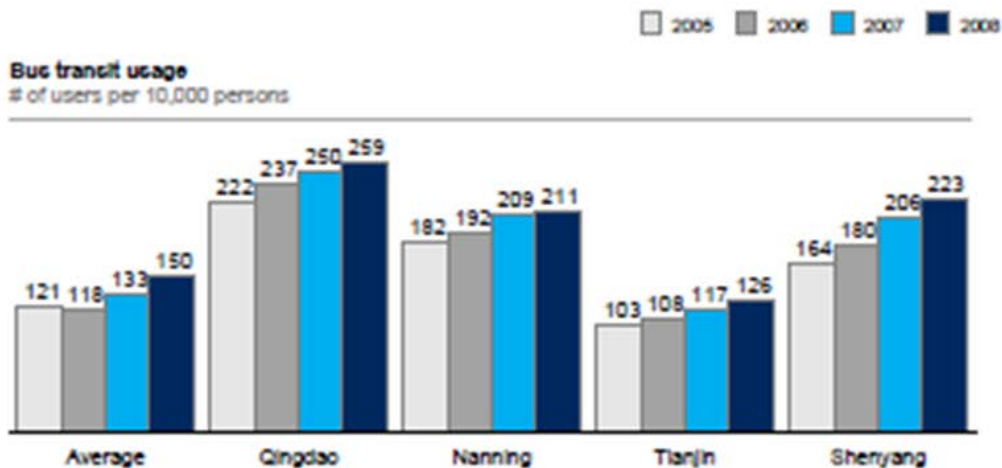
■ L (>10 MM) ■ M (2-10 MM) ■ S (<10 MM)

Rank	Overall score	Investment in social welfare	Economic development	Air quality	Waste treatment	Built environment	Resource utilization
1	Beijing	Beijing	Beijing	Haikou	Hefei	Xining	Taizhou
2	Xiamen	Zhongshan	Guangzhou	Shantou	Wuxi	Changsha	Rizhao
3	Haikou	Suzhou	Shenzhen	Zhanjiang	Jining	Nanchang	Yan'an
4	Dalian	Yan'an	Shanghai	Shenzhen	Anyang	Handan	Yantai
5	Shanghai	Xiamen	Xiamen	Zhuhai	Nantong	Shijiazhuang	Tai'an
6	Suzhou	Sanya	Zhengzhou	Karamay	Suzhou	Qingdao	Baoji
7	Guangzhou	Karamay	Shenyang	Wuhu	Yangzhou	Baoding	Zhangjiajie
8	Tianjin	Hohhot	Suzhou	Nanchang	Hangzhou	Hefei	Tongchuan
9	Zhongshan	Yinchuan	Shijiazhuang	Xiamen	Xiamen	Suzhou	Mudanjiang
10	Wuxi	Ningbo	Nanchang	Dalian	Changzhou	Weihai	Luzhou

15

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Những đô thị có mức sử dụng giao thông công cộng tăng cao



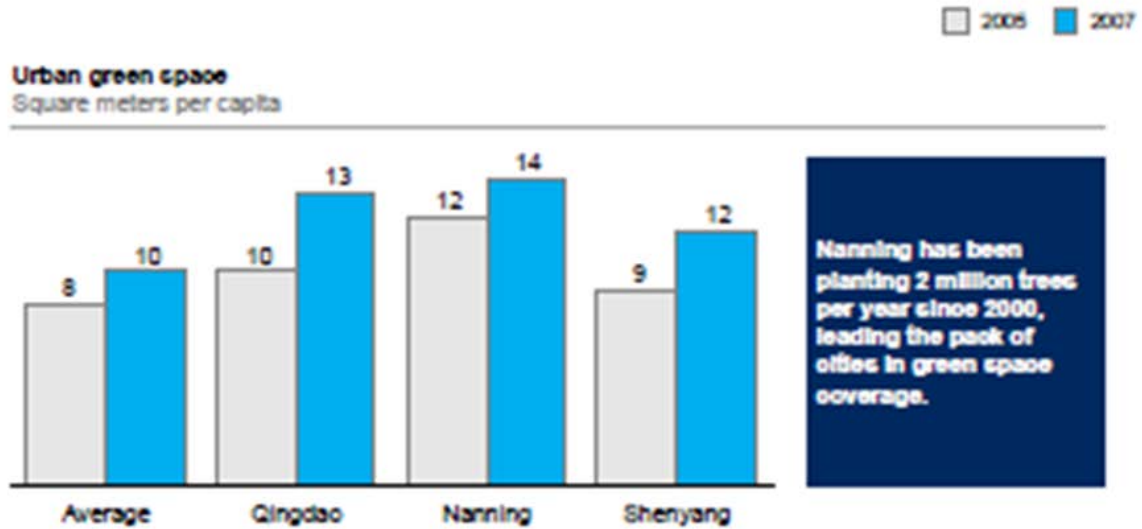
Tianjin faces the challenge of coordinating urban development amongst various departments in a complex administrative structure, as reflected in relatively underdeveloped mass transit between downtown and Binhai.

SOURCE: Team analysis

16

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

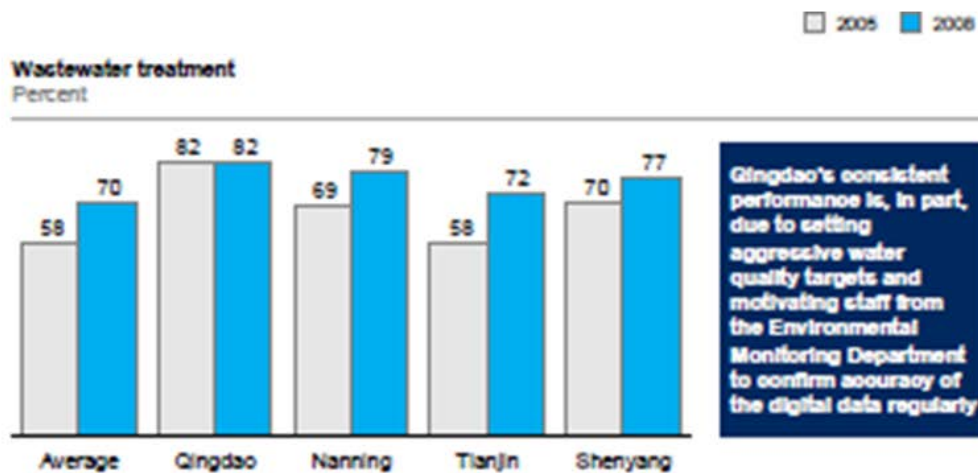
## đô thị có số lượng không gian xanh tăng cao



17

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Các đô thị có cải thiện về tỷ lệ nước thải được xử lý



18

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Mức tăng trưởng và tính bền vững của đô thị



19

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Nghiên cứu những đặc tính của các đô thị có hiệu quả hoạt động cao – Những mối tương quan với tính bền vững

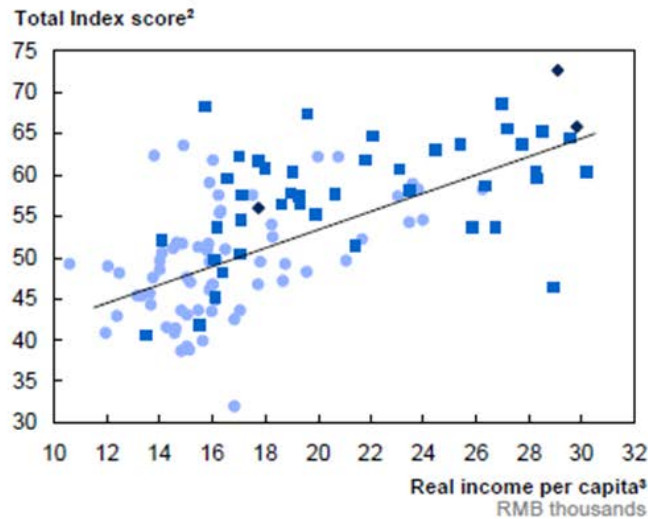
- **Kiểm chứng một vài đặc tính để tìm kiếm mối tương quan với điểm số Chỉ số tổng hợp:** dân số, GDP, mức tăng trưởng GDP, thu nhập thực tế trên đầu người, chi tiêu của chính phủ, dân số nhập cư ước tính, đóng góp vào GDP của các lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng
- **Nghiên cứu đặc tính địa lý,** cụ thể là so sánh các đô thị ven biển với các đô thị miền núi, và so sánh khu vực phía nam với phần còn lại của đất nước.
- **Kiểm chứng mối tương quan của từng đặc tính với điểm số Chỉ số tổng hợp chung, cũng như với điểm số trong từng hạng mục,** phân tích dữ liệu về các đô thị theo từng hạng mục cũng như theo chỉ số tổng hợp

20

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Thu nhập tương quan với điểm số Chỉ số tổng hợp chung

**Income is correlated with overall Index score**  
Relationship of per capita income to Index score<sup>1</sup>

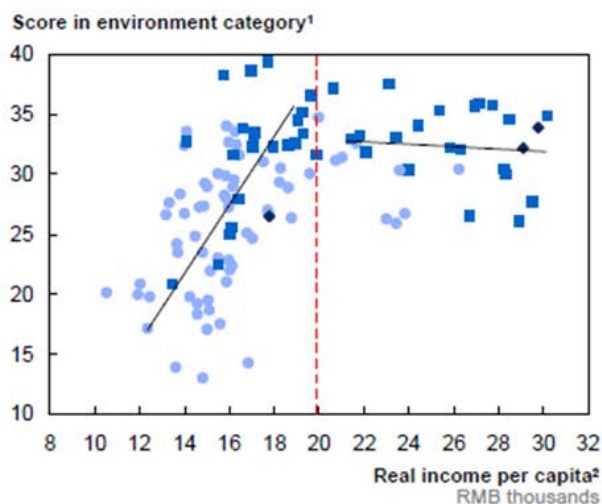


21

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Thu nhập tương quan với điểm số môi trường trong nhóm các đô thị có thu nhập thấp

**Income is correlated with environment score among lower income cities**  
Relationship of per capita income to Index environment category score



22

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE



## Phân tích chính sách và chương trình của các đô thị có hiệu quả hoạt động cao

- Các đô thị được lựa chọn cho **một cuộc phân tích chuyên sâu về cách thức các lãnh đạo địa phương đã quảng bá về vấn đề tăng trưởng bền vững và đối phó với thử thách của quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Những cuộc phỏng vấn chi tiết với các lãnh đạo đô thị đã xác định được ba xu hướng liên quan đến đô thị hóa bền vững ở Trung Quốc:**
  - **Những trung tâm đô thị mới**
  - **Cải cách chính sách đô thị-nông thôn**
  - **Đầu tư vào sự bền vững**

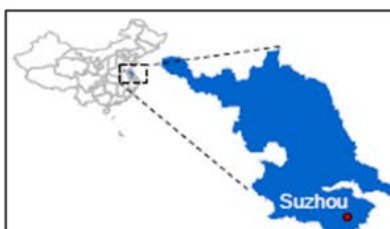
23

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

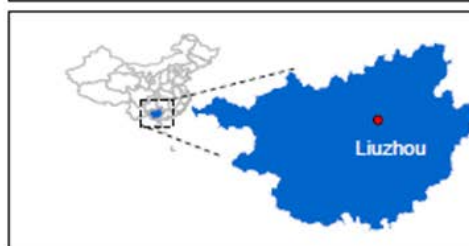
## Những đô thị được chọn cho nghiên cứu tình huống



Urban population (2009): 7.4 million  
 Urban population density: 3,405 persons/km  
 Real GDP<sup>1</sup> (2009): USD31.9 billion  
 Real GDP annual growth (2005-09): 14.6%  
 Average real income per capita: USD2,421



Urban population (2009): 3.9 million  
 Urban population density: 2,352 persons/km  
 Real GDP<sup>1</sup> (2009): USD30.4 billion  
 Real GDP annual growth (2005-09): 11.2%  
 Average real income per capita: USD3,415



Urban population (2009): 1.4 million  
 Urban population density: 2,150 persons/km  
 Real GDP<sup>1</sup> (2009): USD7.2 billion  
 Real GDP annual growth (2005-09): 13.2%  
 Average real income per capita: USD1,998

24

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Những đô thị được chọn cho nghiên cứu tình huống

- Chengdu:
  - Trung tâm đô thị mới và khu công nghệ cao mới
  - Văn phòng quản lý nhập cư và Ủy ban về phát triển cân bằng đô thị và nông thôn
  - Hệ thống tàu điện ngầm, mạng lưới xe buýt, chương trình chia sẻ xe đạp và chương trình giới hạn phương tiện giao thông tư nhân
  - Chuyển đổi chất thải thành năng lượng và áp dụng xử lý nước thải đồng bộ
- Suzhou:
  - Khu Công nghiệp Suzhou-Singapore với các khu sinh thái
  - Cấp phép thường trú hukou trong khu công nghiệp cho những người nhập cư có kỹ năng cần thiết
  - Chuyển đổi chất thải thành năng lượng và ban hành luật lệ về xử lý nước thải đồng bộ cũng như đầu tư vào lĩnh vực này
- Liuzhou:
  - Trung tâm đô thị mới và Trung tâm công nghiệp mới
  - Hệ thống xe buýt nhanh
  - Quảng bá cho việc tái chế rác và đầu tư vào cơ sở xử lý nước thải

25

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

## Các nghiên cứu chính sách sâu hơn để hỗ trợ phát triển bền vững

- Các đô thị làm gì để duy trì những lợi ích vừa đạt được?
- Lãnh đạo địa phương làm gì để đảm bảo rằng các kế hoạch ưu tiên tính bền vững trong phát triển đô thị được thực hiện?
- Những đô thị chưa đạt được tiêu chuẩn bền vững cơ bản có thể rút ra bài học gì từ những đô thị thành công hơn?

26

UN HABITAT  
FOR A BETTER URBAN FUTURE

**Cảm ơn sự chú ý của Quý vị!**

**BỘ XÂY DỰNG  
CỤC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

**ĐỊNH HƯỚNG, CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM  
HIỆN TRẠNG THU THẬP VÀ BÁO CÁO SỐ LIỆU ĐÔ THỊ**



**Võ Chí Toàn- Phó Cục trưởng  
Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng**

**MỤC LỤC**

- **Phần 1. Giới thiệu vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Cục Phát triển đô thị**
- **Phần 2. Phát triển đô thị Việt Nam**
- **Phần 3. Hệ thống chỉ số đánh giá đô thị ở Việt Nam**



## Phần 1: Giới thiệu tóm tắt về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Cục PTĐT



## Phần 1: Giới thiệu tóm tắt về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Cục PTĐT theo QĐ 996/QĐ-BXD ngày 09/10/2013

### Vị trí, chức năng:

Cục Phát triển đô thị là tổ chức thuộc Bộ Xây dựng, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và thực thi pháp luật đối với lĩnh vực phát triển đô thị; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về lĩnh vực phát triển đô thị do Bộ làm chủ đầu tư hoặc chủ quản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo phân công, ủy quyền của Bộ trưởng.







**Nhiệm vụ Quyền hạn:** Trong 13 nhiệm vụ được Bộ Xây dựng giao, có nhiệm vụ:

1. Chủ trì xây dựng để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **các chỉ tiêu về lĩnh vực phát triển đô thị** trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo từng giai đoạn
2. Chủ trì xây dựng để Bộ trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc Bộ ban hành theo thẩm quyền **các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư phát triển đô thị**
5. Chủ trì xây dựng để Bộ trình Chính phủ ban hành **quy định hệ thống các tiêu chí đánh giá, phân loại đô thị** theo từng giai đoạn phù hợp với tiến trình phát triển chung của đất nước; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm theo các tiêu chí đã được Chính phủ quy định
11. **Theo dõi, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình phát triển đô thị** trên phạm vi cả nước; **tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu**, cung cấp thông tin về phát triển đô thị.

## Cơ cấu tổ chức

1

- Văn phòng

2

- Phòng Chiến lược và kế hoạch phát triển đô thị

3

- Phòng Quản lý phát triển đô thị

4

- Phòng Thẩm định dự án đầu tư phát triển đô thị

5

- Trung tâm Thông tin, Hợp tác quốc tế và Tư vấn phát triển đô thị

6

- Ban quản lý dự án Phát triển đô thị

## PHẦN 2

### PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TẠI VIỆT NAM



## Phần 2. Phát triển đô thị tại Việt Nam

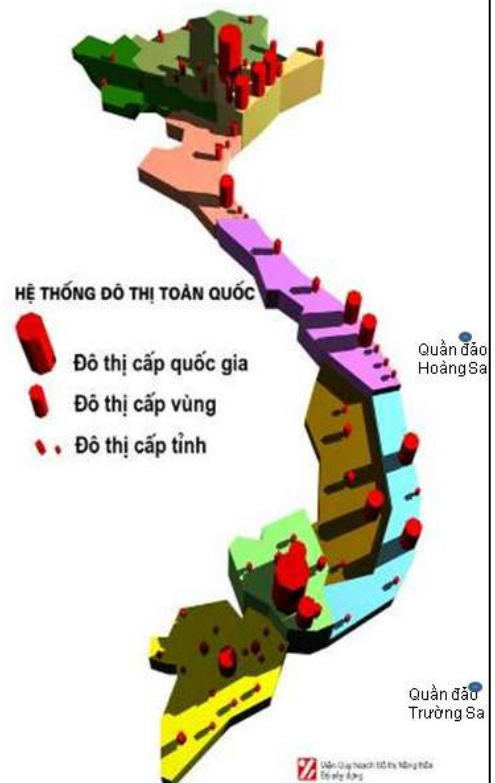
63 tỉnh thành

6 vùng đô thị hóa

### a) Về số lượng đô thị phân theo loại đô thị.

Cả nước có 770 đô thị, trong đó có 2 đô thị đặc biệt, 12 đô thị loại I, 10 đô thị loại II, 52 đô thị loại III, 59 đô thị loại IV và 630 đô thị loại V.

Về đơn vị hành chính đô thị, cả nước có 5 thành phố trực thuộc Trung ương, 62 thành phố thuộc tỉnh, 47 thị xã thuộc tỉnh, 613 thị trấn (trong đó 27 thị trấn là đô thị loại IV).





**b) Về dân số đô thị và tỷ lệ đô thị hóa:**

Dân số toàn quốc đạt trên 90 triệu người. Dân số thành thị (gồm các khu vực: nội thành, nội thị và thị trấn) đạt khoảng 30 triệu người.

Tỷ lệ đô thị hóa trung bình cả nước đạt 33,47 %.

Đô thị hóa tập trung cao nhất tại vùng Đông Nam Bộ (64,15%), thấp nhất tại vùng Trung Du miền núi phía Bắc (21,72%).

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có tỷ lệ dân số thành thị cao, cao nhất cả nước nước là TP. HCM 83%, Bình Dương 71,59%, Quảng Ninh 68,86%, ...

Các tỉnh có tỷ lệ dân số thành thị thấp gồm, trong đó thấp nhất cả nước là Thái Bình 10,7%, Bắc Giang: 13,05%, Tuyên Quang 12,41%, Sơn la 13,7%, ...



- d) Về đất đô thị:** Tổng diện tích cả nước 331. 698 km<sup>2</sup>. Đến nay, tổng diện tích đất tự nhiên toàn đô thị đạt 34,017 km<sup>2</sup> chiếm khoảng 10,26% diện tích đất tự nhiên của cả nước; nội thành nội thị 14.760 km<sup>2</sup> chiếm khoảng 4,42% diện tích đất tự nhiên của cả nước;
- Nhiều khu vực nội thành nội thị vẫn còn 50-60% diện tích đất nông nghiệp hoặc để trống chưa sử dụng phát triển đô thị. Hiện tượng chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất đặc biệt vùng ven đô đang rất cần quản lý chặt chẽ.





## THỰC TRẠNG VỀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Cấp nước đô thị có nhiều chương trình, dự án đầu tư, cơ bản đảm bảo nước sạch cấp cho đô thị
- Tỷ lệ dân đô thị được cấp nước sạch còn thấp.
- Thoát nước còn nhiều hạn chế, phần lớn đô thị chưa có hệ thống xử lý nước thải
- Tình trạng úng ngập cục bộ trong mùa mưa, ô nhiễm môi trường, ách tắc giao thông, lấn chiếm đất công, xây dựng không phép còn diễn ra ở nhiều đô thị.



### ➤ Cấp điện và chiếu sáng đô thị

- Chiếu sáng công cộng ở phần lớn các đô thị từ loại III trở lên đạt tỷ lệ trên 90%. Riêng các đô thị loại IV, V đã tập trung chiếu sáng được phần lớn các trục đường chính qua đô thị.
- Chưa quan tâm hạ ngầm đường dây đi nổi.

## THỰC TRẠNG VỀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT



### ➤ Quản lý chất thải

- 60% chất thải rắn được chôn lấp hợp vệ sinh
- 82% CTR sinh hoạt cả nước được thu gom
- 20-30% tỷ lệ thu hồi các chất có khả năng tái chế và sử dụng
- 15% số bãi chôn lấp đạt vệ sinh

### ➤ Cây xanh đô thị

- Cây xanh đô thị được chú trọng cả về chủng loại, số lượng tạo sự đổi mới cảnh quan, môi trường đô thị.
- Đất cây xanh công cộng và cây xanh khu dân dụng còn đạt thấp.
- Quy hoạch cây xanh và các chuyên gia được đào tạo về chuyên ngành cây xanh đô thị còn rất thiếu.



## PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ BẤT CẬP

- - Sự phát triển mất cân đối, thiếu bền vững: Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội phát triển chậm không theo kịp với tốc độ tăng dân số đô thị.
- - Bất cập trong quản lý sử dụng đất đai đô thị: Công tác quản lý sử dụng đất đai đô thị trong bối cảnh nền kinh tế thị trường còn thiếu kinh nghiệm, tạo tiền đề cho việc sử dụng đất đai kém hiệu quả
- - An toàn xã hội, đói nghèo đô thị: Vấn đề đói nghèo và thất nghiệp thường diễn ra ở những đô thị phát triển nhanh nhưng thiếu cơ sở hạ tầng kinh tế-kỹ thuật vững chắc
- - Năng lực, trình độ quản đô thị: Tuy đã có một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật được nghiên cứu công phu và có hiệu lực thi hành, đã từng bước đi vào cuộc sống nhưng còn chậm;
- - Ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu: Theo cảnh báo của các nhà khoa học, Việt Nam là một trong nhiều nước bị ảnh hưởng mực nước biển dâng cao.

### Phần 3: Hệ thống chỉ số đánh giá đô thị Việt Nam







## 1. Hiện trạng hệ thống đánh giá đô thị

- Việc đánh giá để phân loại đô thị tại Việt Nam được tiến hành từ năm 1990 theo Quyết định số 132/HĐBT ngày 5/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị, khi đó đô thị được phân thành 05 loại (từ loại V cho đến loại I) và được đánh giá trên 5 tiêu chuẩn:
  - Chức năng đô thị,
  - Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp,
  - Quy mô dân số đô thị,
  - Mật độ dân số đô thị,
  - Hệ thống hạ tầng đô thị (Tuy nhiên, tiêu chuẩn về hạ tầng đô thị chưa quy định các chỉ tiêu cụ thể).

- Ngày 05/10/2001, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2001/NĐ-CP về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị và Thông tư liên tịch của Bộ xây dựng và Ban tổ chức cán bộ Chính phủ số 02/2002/TTLT-BXD-TCCBCP ngày 08/03/2002 hướng dẫn về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị. Theo quy định đô thị được phân thành 6 loại (từ loại V cho đến loại đặc biệt), giữ 5 tiêu chuẩn đánh giá phân loại như trên. Tuy nhiên nhiều tiêu chí được điều chỉnh phù hợp với thực tế phát triển đô thị của các địa phương, cụ thể: tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tăng từ 60% lên 65%, hạ tầng đô thị quy định đối với từng loại đô thị tối thiểu phải đạt 70% mức tiêu chuẩn.
- Sau gần 5 năm thực hiện Nghị định 42/2009/NĐ-CP, đã có 59 đô thị từ loại I, II, III, IV được Bộ Xây dựng thẩm định, công nhận hoặc thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ công nhận loại đô thị. Riêng đối với đô thị loại V, UBND cấp tỉnh, theo quy định đã thẩm định, công nhận được 36 đô thị, trở thành các đô thị loại V.

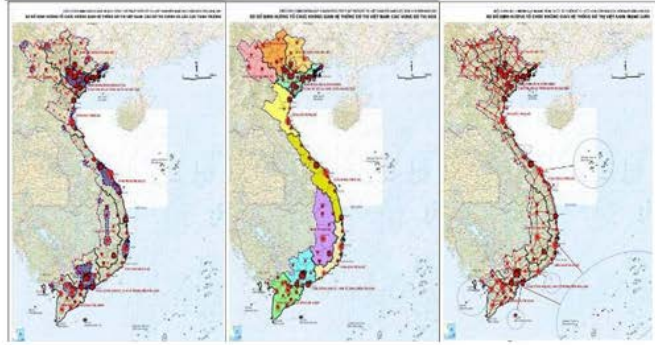




## Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính Phủ về việc phân loại đô thị

- Đô thị loại Đặc biệt
- Đô thị loại I
- Đô thị loại II
- Đô thị loại III
- Đô thị loại IV
- Đô thị loại V

Số liệu thống kê đầy đủ và chính xác phục vụ công tác quản lý nhà nước về phát triển đô thị để từ đó có định hướng, dự báo cũng như đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp nhằm đảm bảo phát triển đô thị bền vững.



**Điều 6. Các tiêu chuẩn cơ bản để phân loại đô thị**  
 Các tiêu chuẩn cơ bản để phân loại đô thị được xem xét, đánh giá trên cơ sở hiện trạng phát triển đô thị tại năm trước liền kề năm lập đề án phân loại đô thị hoặc tại thời điểm lập đề án phân loại đô thị, bao gồm:

1. Chức năng đô thị  
 Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành, cấp quốc gia, cấp vùng liên tỉnh, cấp tỉnh, cấp huyện hoặc là một trung tâm của vùng trong tỉnh; có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc một vùng lãnh thổ nhất định.
2. Quy mô dân số toàn đô thị tối thiểu phải đạt 4 nghìn người trở lên.
3. Mật độ dân số phù hợp với quy mô, tính chất và đặc điểm của từng loại đô thị và được tính trong phạm vi nội thành, nội thị và khu phố xây dựng tập trung của thị trấn.
4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp được tính trong phạm vi ranh giới nội thành, nội thị, khu vực xây dựng tập trung phải đạt tối thiểu 65% so với tổng số lao động.
5. Hệ thống công trình hạ tầng đô thị gồm hệ thống công trình hạ tầng xã hội và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:
  - a) Đối với khu vực nội thành, nội thị phải được đầu tư xây dựng đồng bộ và có mức độ hoàn chỉnh theo từng loại đô thị;
  - b) Đối với khu vực ngoại thành, ngoại thị phải được đầu tư xây dựng đồng bộ mạng hạ tầng và bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường và phát triển đô thị bền vững.
6. Kiến trúc, cảnh quan đô thị: việc xây dựng phát triển đô thị phải theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị được duyệt, có các khu đô thị kiểu mẫu, các tuyến phố văn minh đô thị, có các không gian công cộng phục vụ đời sống tinh thần của dân cư đô thị; có tổ hợp kiến trúc hoặc công trình kiến trúc tiêu biểu và phù hợp với môi trường, cảnh quan thiên nhiên.

## - Thông tư 34 /2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của BXD Quy định chi tiết nội dung Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính Phủ về Việc phân loại đô thị.

1. Tiêu chuẩn chức năng đô thị
2. Tiêu chuẩn Quy mô dân số đô thị
3. Tiêu chuẩn Mật độ dân số đô thị
4. Tiêu chuẩn Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp
5. Tiêu chuẩn Hệ thống công trình hạ tầng đô thị
6. Tiêu chuẩn Kiến trúc, cảnh quan đô thị

**6** tiêu chuẩn  
**49** chỉ tiêu

LIÊN QUỐC PHỐ YÊN  
 CHI CỤC THỐNG KÊ HUYỆN PHỐ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phố Yên, ngày 23 tháng 5 năm 2013

BIỂU 1: CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN BA HANG MỞ RỘNG  
 NĂM 2010, NĂM 2011 VÀ NĂM 2012  
 (TT Ba Hàng, TT Bãi Bằng, các xã Nam Tiến, Trung Thành, Thuận Thành, một phần các xã Hồng Tiến, Đức Sơn, Đông Tiến, Nam Tiến, Tân Hưng, Đông Cao theo Quy hoạch chung đã được phê duyệt)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	95.608.320	112.624.036	155.533.978
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	87.878.961	102.026.331	144.622.849
3	Trong đó: Chi thường xuyên	Tỷ đồng	83.190.443	91.761.128	124.845.585
4	GDP bình quân đầu người	Triệu đồng	35,00	45,00	50,00
5	Tăng trưởng kinh tế	%	17,60	17,60	17,80
6	Tỷ lệ hộ nghèo trong khu vực	%	2,63	11,33	8,03
7	Tỷ lệ tăng dân số	%	2,6000	2,6000	2,8000
7.1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,0000	1,0000	1,0000
7.2	Tỷ lệ tăng dân số cơ học	%	1,6000	1,6000	1,8000

CHI CỤC THỐNG KÊ HUYỆN PHỐ YÊN  
 TRƯỞNG LĨNH  
 U. PHỐ YÊN

CHỦ TỊCH  
 Lê Thanh Tuyền

- Chỉ tiêu chức năng đô thị: 1
- Chỉ tiêu dân số lao động: 5
- Chỉ tiêu kinh tế: 6
- Chỉ tiêu hạ tầng xã hội: 10
- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: 20
- Chỉ tiêu kiến trúc cảnh quan: 7



## Thông tư 34 /2009/TT-BXD

- Tỷ lệ % nhà kiên cố
- Tỷ lệ hộ nghèo (%)
- Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người (m<sup>2</sup> sàn/người).
- Cơ sở y tế (giường/1.000 dân)

*Các chỉ tiêu cần có các phép tính toán và phân tích*

.....

1. Cân đối thu chi ngân sách (dư/đủ);
2. Dân số toàn đô thị (người);
3. Dân số nội thị (người);
4. Cơ sở GDĐT (cơ sở);
5. Trung tâm văn hóa (công trình);
6. Trung tâm TDTT (công trình);
7. Trung tâm Thương mại (công trình);
8. Nhà tang lễ (Nhà); Khu ĐTM (khu);
9. Quy chế quản lý QH&KT
10. Khu cải tạo, chỉnh trang đô thị (khu);
11. Không gian công cộng (khu);
12. Công trình kiến trúc tiêu biểu.

*Chỉ tiêu thể hiện dạng dữ liệu thô.  
Chủ yếu là liệt kê.*

## 2. Bứt cập trong hệ thống đánh giá đô thị

### - Tiêu chuẩn 1: Chức năng đô thị

- Điều 6 Nghị định 42 quy định: “*Các tiêu chuẩn cơ bản để phân loại đô thị được xem xét, đánh giá trên cơ sở hiện trạng phát triển đô thị*”. Tuy nhiên trong thực tế nâng loại đô thị, các chỉ tiêu vị trí, tình chất, chức năng đô thị rất khó đánh giá chỉ trên cơ sở hiện trạng phát triển đô thị, các chỉ tiêu này nên được xác định trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng vùng.

### - Tiêu chuẩn 2: Quy mô dân số toàn đô thị

- Quy mô dân số toàn đô thị được quy định tại Nghị định 42 áp dụng cho từng loại đô thị lớn hơn nhiều so với thực tế phát triển của các đô thị Việt Nam trong giai đoạn vừa qua và lớn hơn so với quy định của Nghị định 72/2001/NĐ-CP. Đánh giá 59 đô thị được nâng loại trong thời gian qua, hầu hết không đạt tiêu chuẩn này: 74% đô thị không đạt hoặc còn thấp so với tiêu chuẩn. Không có đô thị loại I và loại III nào đạt mức tối thiểu quy định. Chỉ có 32% đô thị loại IV đạt mức tối thiểu quy định. Dự báo, với tốc độ tăng dân số như hiện nay thì trong 10 năm tới các đô thị không đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số toàn đô thị (nợ tiêu chuẩn) nói trên vẫn không có khả năng khắc phục.

**Bảng So sánh Quy mô dân số toàn đô thị quy định trong Nghị định 72/2001/NĐ-CP, 42/2009/NĐ-CP và thực tế của 765 đô thị trên toàn quốc.**

Việc so sánh quy mô dân số toàn đô thị quy định trong hai Nghị định 72 và 42 với quy mô dân số thực tế của 770 đô thị toàn quốc cũng cho thấy: Thực tế dân số toàn đô thị trung bình của các đô thị loại I và loại III thấp hơn so với quy định trong các Nghị định.

Loại đô thị	Nghị định 72/2001/NĐ-CP	Nghị định 42/2009/NĐ-CP	Dân số trung bình thực tế (số liệu của Tổng cục thống kê)	Dân số đề xuất cho Nghị định 42 sửa đổi
Đô thị loại đặc biệt	> 1.500.000	> 5.000.000	7.311.000	> 5.000.000
Đô thị loại I (TW)		> 1.000.000	1.344.000	> 1.000.000
Đô thị loại I	> 500.000	> 500.000	<b>341.000</b>	> <b>300.000</b>
Đô thị loại II	> 250.000	> 300.000	319.000	> <b>200.000</b>
Đô thị loại III	> 100.000	> 150.000	<b>87.000</b>	> <b>100.000</b>
Đô thị loại IV	> 50.000	> 50.000	46.000	> 50.000
Đô thị loại IV	> 4000	> 4000	10.000	> 4.000

**a) Các tiêu chuẩn đánh giá phân loại đô thị**

- **Tiêu chuẩn 3: Mật độ dân số:** Nghị định 42 quy định: “Mật độ dân số phù hợp với quy mô, tính chất và đặc điểm của từng loại đô thị và được tính trong phạm vi nội thành, nội thị và *khu phố xây dựng tập trung của thị trấn*”. Quy định này chưa chính xác.
- Nhiều đô thị được nâng loại trong thời gian qua đã tính mật độ dân số đô thị bằng cách lấy số dân trong ranh giới hành chính toàn đô thị được xét nâng loại cộng với dân số quy đổi theo đặc thù rồi chia cho diện tích đất xây dựng đô thị.
- Đánh giá các đô thị được nâng loại cho thấy các đô thị mở rộng diện tích nhanh (tăng trưởng đất đai nhanh hơn tăng trưởng dân số) gây lãng phí tài nguyên, thu hẹp diện tích đất nông nghiệp. Hơn nữa khi diện tích đô thị lớn, vốn đầu tư cho hạ tầng tăng theo vượt xa khả năng huy động của chính quyền các đô thị.

**Bảng So sánh Mật độ dân số khu vực nội thành quy định trong Nghị định 72/2001/NĐ-CP,**

42/2009/NĐ-CP và số liệu thực tế của Tổng cục thống kê (đơn vị: Người/km<sup>2</sup>).  
Việc so sánh cho thấy: mật độ dân số khu vực nội thành quy định trong hai Nghị định 72 và 42 cao hơn nhiều so với mật độ dân số trung bình thực tế của 770 đô thị toàn quốc.

Loại đô thị	Nghị định 72/2001/NĐ-CP	Nghị định 42/2009/NĐ-CP	Mật độ dân số trung bình thực tế (số liệu của Tổng cục thống kê)	Mật độ dân số đề xuất cho Nghị định 42 sửa đổi
Đô thị loại đặc biệt	> 15.000	> 15.000	9.890	> 15.000
Đô thị loại I (TW)		12.000 – 14.999	2.790	12.000 – 14.999
Đô thị loại I	12.000 - 14.999	10.000 - 11.999	4.723	<b>8.000 - 11.999</b>
Đô thị loại II	10.000 - 11.999	8.000 – 9.999	4.367	<b>6.000 – 7.999</b>
Đô thị loại III	8.000 - 9.999	6.000 – 7.999	2.940	<b>4.000 – 5.999</b>
Đô thị loại IV	6.000 – 7.999	4.000 – 5.999	2.524	<b>3.000 – 3.999</b>
Đô thị loại V	2.000 – 5.999	2.000 – 3.999	816	<b>1.500 – 2.999</b>

**a) Các tiêu chuẩn đánh giá phân loại đô thị**

- **Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:** Khoản 4 điều 6 Nghị định 42 quy định: “Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp được tính trong phạm vi ranh giới nội thành, nội thị, khu vực xây dựng tập trung” là chưa chính xác. Theo nguyên tắc quốc tế, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là để đánh giá cơ cấu lao động của một địa phương hay so sánh cơ cấu lao động giữa các địa phương (nhất là so sánh giữa nông thôn và thành thị) và phải được xác định trên ranh giới toàn bộ đất đai của địa phương đó. Tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trong Nghị định cũng cao so với thực tế.
- **Tiêu chuẩn 5: Hệ thống các công trình hạ tầng đô thị:** Nghị định quy định: “đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ, cơ bản hoàn chỉnh, tiến tới cơ bản hoàn chỉnh, nhiều mặt được đầu tư xây dựng đồng bộ...” nhưng không định lượng các chỉ tiêu cho từng loại đô thị.
- Ngoài ra các quy định này chưa phân rõ hai nhóm công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, chưa có các chỉ tiêu đánh giá về môi trường và chưa đưa ra nguyên tắc đánh giá cho khu vực ngoại thành.
- **Tiêu chuẩn 6: Kiến trúc cảnh quan đô thị:** Đây là tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá đô thị nhưng các chỉ tiêu đánh giá về “đô thị kiểu mẫu, tuyến phố văn minh, không gian cộng đồng, công trình kiến trúc tiêu biểu...” chưa định lượng cụ thể, khó nhận diện, kiểm chứng.

- **b. Chưa có chế tài giám sát kiểm soát chất lượng đô thị sau khi được nâng loại**
- Nghị định 42 chưa quy định thời gian kiểm tra đánh giá lại chất lượng đô thị sau khi được công nhận nâng loại đô thị và các biện pháp giám sát việc khắc phục các tiêu chuẩn, tiêu chí còn thiếu nhằm hướng tới một đô thị phát triển đồng bộ và bền vững.
- Tổng hợp đánh giá 59 Đề án công nhận loại đô thị cho thấy một số tiêu chí nhiều đô thị không đạt đó là: Quy mô dân số đô thị, Quy mô dân nội thị, Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý, Số nhà tang lễ khu vực nội thị.
- - Quy mô dân số toàn đô thị: 74% đô thị không đạt hoặc còn thấp so với tiêu chuẩn. Không có đô thị loại I nào đạt mức tối thiểu quy định (đô thị lớn nhất có 363.000 dân trong khi quy định tối thiểu là 500.000 người). Không có đô thị nào loại III đạt (đô thị lớn nhất có 95.600 dân trong khi quy định tối thiểu là 150.000 người). Chỉ có 32% đô thị loại IV đạt mức tối thiểu quy định.
- - Quy mô dân số nội thị: 59% đô thị không đạt, trong đó 60% đô thị loại V không đạt tiêu chí này khi xem xét lên loại IV, 40% đô thị loại III không đạt tiêu chí này.
- - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý: 69% đô thị còn nợ chỉ tiêu và yếu về chỉ tiêu, trong đó 80% đô thị loại I nợ chỉ tiêu này.
- - Số nhà tang lễ khu vực nội thị: 79% đô thị còn nợ hoặc chưa đạt.
- Việc nhiều đô thị đạt tiêu chuẩn phân loại nhưng thiếu các tiêu chí quan trọng (Quy mô dân số đô thị, Quy mô dân nội thị, Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý, Số nhà tang lễ khu vực nội thị) cho thấy sự cần thiết phải có *điều kiện cần* trong nâng loại đô thị, cũng như sự cần thiết phải có công tác tái kiểm tra các báo cáo của địa phương và tái đánh giá sau thời điểm nâng loại.

### 3. Giải pháp khắc phục bất cập

**a. Về dân số:** Làm rõ quy định về dân số đô thị và dân số toàn đô thị phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, phân biệt thông qua định nghĩa: (1) Dân số đô thị là dân số nội thành, nội thị và thị trấn; (2) Dân số toàn đô thị là dân số đô thị và dân số ngoại thành, ngoại thị; Nghiên cứu, điều chỉnh quy mô dân số phù hợp, không khuyến khích quy mô dân số.

Việc đưa ra cơ sở xác định quy mô dân số toàn đô thị trong Nghị định mới dựa trên các yếu tố: (1) tổng kết hiện trạng dân số đô thị theo số liệu Tổng điều tra dân số 2009 của Tổng cục thống kê, (2) đánh giá về tăng dân số đô thị của WB, ADB, (3) phân tích chương trình phát triển đô thị quốc gia 1659.

Trên cơ sở các yếu tố này, quy mô dân số toàn đô thị tối thiểu cho các loại đô thị sẽ là: đô thị loại Đặc biệt: giữ nguyên quy mô dân số toàn đô thị từ 5 triệu người trở lên; loại I (tp TW): 1 triệu người; hạ quy mô dân số của các đô thị từ loại I đến loại V: Loại I (thuộc tỉnh): 300.000 người; loại II: 200.000; loại III: 100.000; loại IV: 50.000 và loại V là 4000 người.



### 3. Giải pháp khắc phục bất cập

*b. Về các tiêu chuẩn đánh giá:* Giữ nguyên 6 tiêu chuẩn đánh giá của Nghị định 42 nhưng bổ sung, xác định rõ nội hàm của từng tiêu chuẩn nhằm nâng cao khả năng kiểm soát việc đánh giá chất lượng đô thị và phù hợp với thực tế phát triển đô thị trong giai đoạn sắp tới: Điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn về quy mô dân số, mật độ dân số, hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, môi trường, kiến trúc cảnh quan đô thị.

*c. Về kiểm tra, giám sát chất lượng đô thị:* Bổ sung quy định, chế tài về thời gian báo cáo, kiểm tra đánh giá việc khắc phục các chỉ tiêu còn chưa đạt, còn thiếu so với quy định (tính từ thời điểm Đề án nâng loại đô thị được thông qua và ra quyết định công nhận).

Quy định việc kiểm tra, giám sát đối với việc công nhận đô thị loại V.  
*d. Về phương pháp tính điểm:* Quy định cụ thể điều kiện cần và đủ, trong đó điều kiện cần là quy mô dân số và mật độ dân số phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu, yêu cầu các đô thị nâng loại phải có Quy hoạch chung xây dựng đô thị và Chương trình phát triển đô thị được duyệt.

# XIN CẢM ƠN



# ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ SỐ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

**Th.S. Nguyễn Hồng Hạnh**  
**Phó Viện trưởng -Viện Nghiên cứu**  
**KTXD và Đô thị**

## ĐẶT VẤN ĐỀ

- Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chiến lược Thống kê Việt Nam đến năm 2020; Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề cương Dự án VN/M8P01 với sự hỗ trợ của Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và Chương trình Định cư con người Liên hợp quốc (UNH) tại văn bản số 1026/TTg-QHQT ngày 19/7/2012.
- Để đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển đô thị của Bộ Xây dựng cũng như của chính quyền các cấp đặc biệt là chính quyền đô thị trong giai đoạn hiện nay nhằm nâng cao năng lực hoạch định chính sách và quy hoạch đô thị với các số liệu đáng tin cậy, việc xây dựng hệ thống chỉ số đô thị VN hiện nay là rất cần thiết.
- Trước hết cần xem xét các quy định hiện hành của pháp luật VN liên quan đến các chỉ số đô thị (chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia và các chỉ tiêu của ngành xây dựng cũng như các ngành có liên quan).

## 1. Phân chia lãnh thổ theo các đơn vị hành chính

- Theo quy định của Hiến pháp 2013 đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 tại Khoản 1 Điều 110 Chương IX Chính quyền địa phương, như sau:

1

- Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

2

- Tỉnh chia thành các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành các quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương;

3

- Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường.

## 2. Khái niệm về đô thị

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009 *“Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn.”*





### 3. Phân loại đô thị và cấp quản lý hành chính đô thị

- Theo quy định của **Nghị định số 42/2009/NĐ-CP** của Chính phủ: Đô thị được phân thành 6 loại như sau: loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III, loại IV và loại V được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định công nhận.

#### Đô thị loại đặc biệt

- là thành phố trực thuộc Trung ương có các quận nội thành, huyện ngoại thành và các đô thị trực thuộc

#### Đô thị loại I, loại II

- là thành phố trực thuộc Trung ương có các quận nội thành, huyện ngoại thành và có thể có các đô thị trực thuộc; đô thị loại I, loại II là thành phố thuộc tỉnh có các phường nội thành và các xã ngoại thành;

#### Đô thị loại III

- là thành phố hoặc thị xã thuộc tỉnh có các phường nội thành, nội thị và các xã ngoại thành, ngoại thị;

#### Đô thị loại IV

- là thị xã thuộc tỉnh có các phường nội thị và các xã ngoại thị;

#### Đô thị loại IV, đô thị loại V

- là thị trấn thuộc huyện có các khu phố xây dựng tập trung và có thể có các điểm dân cư nông thôn.

### 3. Phân loại đô thị và cấp quản lý hành chính đô thị

- Theo quy định **Nghị định số 62/2001/NĐ-CP** về thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, phường, thị trấn, Đô thị gồm 3 cấp quản lý hành chính:

1

- Thành phố trực thuộc Trung ương (gọi là cấp tỉnh);

2

- Thành phố, thị xã thuộc tỉnh/ Thị xã thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (gọi là cấp huyện);

3

- Phường xã trực thuộc Quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh và thị trấn trực thuộc huyện (gọi là cấp xã).



## 4. Các chỉ tiêu về đô thị hiện hành

### a) Hệ thống chỉ tiêu quốc gia

- Ngày 02/6/2010, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ cũng đã giao cho các Bộ, Ngành ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê thuộc Bộ, Ngành, lĩnh vực sau khi có ý kiến thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới được ban hành bao gồm 350 chỉ tiêu; trong đó các Bộ, Ngành chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp 198 chỉ tiêu; Tổng cục Thống kê thu thập, tổng hợp 152 chỉ tiêu với lộ trình thực hiện như sau:
  - - **297** chỉ tiêu được áp dụng bắt đầu từ năm 2011 (nhóm A);
  - - **36** chỉ tiêu áp dụng từ năm 2015 (nhóm B);
  - - **17** chỉ tiêu áp dụng từ năm 2012-2015 (nhóm A, B);

### b) Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành xây dựng

- Thông tư số 05/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng bao gồm các quy định về danh mục Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng, trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng, hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo, thu thập, tổng hợp và công bố thông tin.
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng gồm 33 chỉ tiêu:
  - - 12 chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và giao cho Bộ Xây dựng là cơ quan chính chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp.
  - - 21 chỉ tiêu khác thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.
- Hệ thống chỉ tiêu được chia thành các nhóm chỉ tiêu, các phân tổ chủ yếu, kỳ công bố. Đối với từng chỉ tiêu đều quy định rõ đơn vị nào sẽ chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp tại Bộ Xây dựng.
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê được phân thành 04 nhóm và bao trùm các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng gồm:
  - - *Quản lý đầu tư xây dựng*: 9 chỉ tiêu (trong đó có 1 chỉ tiêu quốc gia);
  - - *Phát triển đô thị và nông thôn*: 15 chỉ tiêu (trong đó có 5 chỉ tiêu quốc gia); nhóm chỉ tiêu này bao gồm các chỉ tiêu liên quan đến lĩnh vực kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đô thị và phát triển đô thị
  - - *Nhà ở và bất động sản*: 8 chỉ tiêu (trong đó có 6 chỉ tiêu quốc gia);
  - - *Vật liệu xây dựng*: 1 chỉ tiêu.

## 5. Các vấn đề cấp cập

### • 5.1. Các chỉ tiêu đã thực hiện được:

- - Chỉ tiêu Tỷ lệ chất thải rắn thu gom, đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;
- - Chỉ tiêu Số lượng sàn giao dịch bất động sản
- - Chỉ tiêu Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch



### • 5.2. Các chỉ tiêu đã thu thập nhưng chưa đầy đủ và lý do

- - Chỉ tiêu **Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết đô thị**: Chỉ tiêu trên đã được thực hiện trong những năm gần đây, nhưng việc thu thập còn chưa được đầy đủ do các địa phương chưa chú trọng việc báo cáo cũng như thiếu cán bộ chuyên trách theo dõi, tổng hợp số liệu.
- - Chỉ tiêu **Tỷ lệ các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu chế xuất xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng**: Để thu thập chỉ tiêu này, cần thiết phải phân chia thành nhiều các chỉ tiêu nhỏ; Trong đó, các chỉ tiêu về đô thị có khả năng thu thập và tổng hợp đến từng tỉnh/thành phố; riêng đối với số liệu các khu công nghiệp, khu chế xuất đang gặp khó khăn vì hệ thống báo cáo, tổng hợp theo ngành dọc của các tỉnh/thành phố không bao gồm hạ tầng khu công nghiệp.
- - Chỉ tiêu **Tổng số căn hộ và diện tích nhà ở xã hội hoàn thành**: Việc thu thập số liệu của các Sở còn chưa đầy đủ.



### • 5.3. Các chỉ tiêu đang trong giai đoạn triển khai thực hiện

- Trong 12 chỉ tiêu thống kê quốc gia Bộ Xây dựng là cơ quan chính chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp có 02 chỉ tiêu thuộc nhóm B triển khai trong các năm 2012-2014 (áp dụng từ năm 2015). Việc thực hiện các chỉ tiêu này như sau:

- Chỉ tiêu Chỉ số giá xây dựng: theo lộ trình quý I/2014.

- Số lượng và **giá trị giao dịch kinh doanh bất động sản qua sàn**. Hiện nay tại các Sở vẫn khó khăn trong việc thu thập chỉ tiêu này, vì chủ yếu phải tiến hành qua điều tra thống kê.

### • 5.4. Các chỉ tiêu chưa thu thập được và nguyên nhân

- - **Chỉ tiêu Chỉ số giá bất động sản**: Ngày 27/10/2010 Bộ Xây dựng đã ban hành phương pháp xác định chỉ số giá bất động sản (BĐS), áp dụng thí điểm tính toán cho 4 địa phương là thành phố Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng và TP. Cần Thơ tại Thông tư số 20/2010/TT-BXD.
- - **Về việc thu thập số liệu phục vụ tính toán**:
  - Các số liệu phục vụ tính toán chỉ số giá BĐS được thu thập trực tiếp tại các khu vực có thị trường BĐS phát triển như thành phố Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng,... theo yêu cầu nội dung của phương pháp tính.
- **Khó khăn trong việc thu thập, xử lý số liệu**
  - - Do tình hình thị trường BĐS đang trong giai đoạn suy thoái nên nguồn số liệu còn hạn chế; Việc thu thập từ thực tế phức tạp xuất phát từ tính đặc thù của hàng hóa BĐS;
  - - Một số số liệu thu thập từ các cơ quan quản lý gặp khó khăn do công tác quản lý, lưu trữ còn nhiều bất cập;
  - - Việc xử lý số liệu mất nhiều thời gian và công sức do đặc điểm của BĐS tại các khu vực rất đa dạng.

## 6. Đề xuất hệ thống chỉ số đô thị Việt Nam

- Kiến nghị sử dụng khung chỉ tiêu đô thị do ADB khuyến cáo, để phù hợp với giai đoạn đầu của quá trình xây dựng bộ chỉ số đô thị, đề nghị các chỉ tiêu như sau:
  - **6.1. Dân số (population), gồm:**
    - 6.1.1 Số dân số đô thị (City population), gồm:
      - - Số lượng dân số đô thị thường trú, trong đó nữ;
      - - Tỷ lệ đô thị hóa dân số (%);
      - - Số dân số đô thị tăng lên hàng năm theo số tuyệt đối và số tương đối (chia ra tăng tự nhiên và tăng cơ học do di dân);
      - - Mật độ dân số đô thị (số dân/ha);
      - - Số hộ đô thị (City households), gồm:
        - - Số hộ thường trú, trong đó chủ hộ là nữ
        - - Số hộ tăng lên hàng năm theo số tuyệt đối và số tương đối (chia ra theo các loại hộ; theo qui mô nhân khẩu của hộ);

- **6.2. Lao động - việc làm và thu nhập (Equity), gồm:**

### 6.2.1 Thu nhập

Thu nhập bình quân hàng năm của hộ (chia theo 5 loại hộ: Hộ có thu nhập cao nhất, hộ thu nhập khá, hộ thu nhập trung bình, hộ thu nhập cận đáy và hộ thu nhập thấp);

### 6.2.2. Lao động - việc làm

- Số lao động trẻ em dưới 15 tuổi
- Số người hoạt động kinh tế từ 15 tuổi trở lên (hoạt động ở khu vực chính thức và phi chính thức);
- Số người thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp (%);



- **6.3. Khả năng sản xuất của đô thị (Urban Productivity)**

- 6.3.1. Sản phẩm của đô thị bình quân đầu người;
- 6.3.2. Tổng số việc làm;
- 6.3.3. Chi tiêu của hộ gia đình;
- 6.3.4. Đầu tư cho các lĩnh vực kinh tế bình quân tính trên đầu người của đô thị;
- 6.3.5. Du lịch, gồm:
  - - Số người đến du lịch (khách trong nước và quốc tế);
  - - Chi tiêu của du khách du lịch thăm đô thị;
- 6.3.6. Chi phí ở lại đô thị/ngày của khách du lịch;

- **6.4. Đất đô thị (UrbanLand)**

- 6.4.1. Tổng diện tích đất đô thị (ha);
- 6.4.2. Giá thuê đất bình quân/m<sup>2</sup>;
- 6.4.3. Chi phí thuê đất;
- 6.4.4. Đất phát triển tổng hợp;
- 6.4.5. Không gian mở công cộng (công viên, vườn, bãi biển,...);



• **6.5. Nhà ở (Housing)**

- 6.5.1. Diện tích ở (Tổng diện tích và bình quân đầu người)
- 6.5.2. Loại hình sở hữu (nhà riêng, nhà thương mại, nhà ở xã hội, ...);
- 6.5.3. Giá nhà so với thu nhập bình quân hộ;
- 6.5.4. Tiền thuê nhà so với thu nhập hộ thuê nhà/năm;
- 6.5.5. Diện tích sàn bình quân đầu người (m<sup>2</sup>/người);
- 6.5.7. Chi cho nhà ở của chính quyền/người;
- 6.5.8. Số người vô gia cư;
- 6.5.9. Số nhà ở xây dựng hàng năm/1000 dân;



• **6.6. Các dịch vụ của đô thị (Municipal Services)**

- 6.6.1. Tỷ lệ số hộ có nước, điện, hệ thống cống thoát nước, xử lý nước thải, điện thoại, chất thải rắn, ...;
- 6.6.2. Chi phí đầu tư mỗi loại dịch vụ (USD/người/năm);
- 6.6.3. Chi cho hoạt động và duy trì mỗi loại dịch vụ (USD/người/năm);
- 6.6.4. Tiêu thụ nước bình quân đầu người (lít/người/ngày);



### • 6.7. Môi trường đô thị (Urban Environment)

- 6.7.1 Tỷ lệ hộ xử lý hệ thống cống rãnh khác nhau (%);
- 6.7.2 Nước thải đã được xử lý (%);
- 6.7.3 Chất thải rắn đã được xử lý (tấn/người/năm);



### • 6.8. Vận tải đô thị (Urban Transport)

- 6.8.1 Tỷ lệ đi làm việc bằng các phương tiện vận tải khác nhau (ô tô riêng, tàu điện, tàu điện ngầm, đường trên cao, xe buýt, mô tô, xe đạp, đi bộ, khác);
- 6.8.2 Thời gian bình quân cho 1 chuyến hành trình đến nơi làm việc (phút);
- 6.8.3 Chi phí đầu tư xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng;
- 6.8.4 Tỷ lệ ô tô riêng so với người lái xe (16 - 18 tuổi);



- **6.9. Chính quyền địa phương (Local Government)**

- 6.9.1. Nguồn lợi tức thường niên (tổng thu NS);
- 6.9.2. Vốn đầu tư và chi phí thường niên;
- 6.9.3. Tổng số lao động của chính quyền địa phương/1000 dân;
- 6.9.4. Tổng số tiền công, tiền lương chi trả của ngân sách;
- 6.9.5. Số giấy phép đăng ký kinh doanh đã cấp trong 5 năm qua;
- 6.9.6. Chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương.

**XIN CẢM ƠN!**



# **ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ SỐ ĐÔ THỊ TẠI VIỆT NAM**

**Th.S. Nguyễn Hồng Hạnh**  
**Phó Viện trưởng - Viện Nghiên cứu KTXD và Đô thị**

Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chiến lược Thống kê Việt Nam đến năm 2020; Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề cương Dự án VNM8P01 với sự hỗ trợ của Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và Chương trình Định cư con người Liên hợp quốc (UNH) tại văn bản số 1026/TTg-QHQT ngày 19/7/2012.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển đô thị của Bộ Xây dựng cũng như của chính quyền các cấp đặc biệt là chính quyền đô thị trong giai đoạn hiện nay nhằm nâng cao năng lực hoạch định chính sách và quy hoạch đô thị với các số liệu đáng tin cậy, việc xây dựng hệ thống chỉ số đô thị VN hiện nay là rất cần thiết.

Trước hết cần xem xét các quy định hiện hành của pháp luật VN liên quan đến các chỉ số đô thị (chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia và các chỉ tiêu của ngành xây dựng cũng như các ngành có liên quan).

## **1. Phân chia lãnh thổ theo các đơn vị hành chính**

Theo quy định của Hiến pháp 2013 đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 tại Khoản 1 Điều 110 Chương IX Chính quyền địa phương, như sau:

- Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tỉnh chia thành các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành các quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương;
- Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường.

## **2. Khái niệm về đô thị**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009 “Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn”.

## **3. Phân loại đô thị và cấp quản lý hành chính đô thị**

Theo quy định của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ: Đô thị được phân thành 6 loại như sau: loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III, loại IV và loại V được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định công nhận.

- Đô thị loại đặc biệt là thành phố trực thuộc Trung ương có các quận nội thành, huyện ngoại thành và các đô thị trực thuộc;
- Đô thị loại I, loại II là thành phố trực thuộc Trung ương có các quận nội thành, huyện ngoại thành và có thể có các đô thị trực thuộc; đô thị loại I, loại II là thành phố thuộc tỉnh có các phường nội thành và các xã ngoại thành;
- Đô thị loại III là thành phố hoặc thị xã thuộc tỉnh có các phường nội thành, nội thị và các xã ngoại thành, ngoại thị;
- Đô thị loại IV là thị xã thuộc tỉnh có các phường nội thị và các xã ngoại thị;
- Đô thị loại IV, đô thị loại V là thị trấn thuộc huyện có các khu phố xây dựng tập trung và có thể có các điểm dân cư nông thôn.

Theo quy định Nghị định số 62/2001/NĐ-CP về thành lập thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, phường, thị trấn, Đô thị gồm 3 cấp quản lý hành chính:

- Thành phố trực thuộc Trung ương (gọi là cấp tỉnh);
- Thành phố, thị xã thuộc tỉnh/ Thị xã thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (gọi là cấp huyện);
- Phường xã trực thuộc Quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh và thị trấn trực thuộc huyện (gọi là cấp xã).

#### 4. Các chỉ tiêu về đô thị hiện hành

##### a) Hệ thống chỉ tiêu quốc gia

Ngày 02/6/2010, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ cũng đã giao cho các Bộ, Ngành ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê thuộc Bộ, Ngành, lĩnh vực sau khi có ý kiến thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới được ban hành bao gồm 350 chỉ tiêu; trong đó các Bộ, Ngành chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp 198 chỉ tiêu; Tổng cục Thống kê thu thập, tổng hợp 152 chỉ tiêu với lộ trình thực hiện như sau:

- 297 chỉ tiêu được áp dụng bắt đầu từ năm 2011 (nhóm A);
- 36 chỉ tiêu áp dụng từ năm 2015 (nhóm B);
- 17 chỉ tiêu áp dụng từ năm 2012-2015 (nhóm A, B);

##### b) Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành xây dựng

Thông tư số 05/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng bao gồm các quy định về danh mục Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng, trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng, hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo, thu thập, tổng hợp và công bố thông tin.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng gồm 33 chỉ tiêu:

- 12 chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và giao cho Bộ Xây dựng là cơ quan chính chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp.
- 21 chỉ tiêu khác thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

Hệ thống chỉ tiêu được chia thành các nhóm chỉ tiêu, các phân tổ chủ yếu, kỳ công bố. Đối với từng chỉ tiêu đều quy định rõ đơn vị nào sẽ chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp tại Bộ Xây dựng.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê được phân thành 04 nhóm và bao trùm các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng gồm:

- *Quản lý đầu tư xây dựng* : 9 chỉ tiêu (trong đó có 1 chỉ tiêu quốc gia);
- *Phát triển đô thị và nông thôn* : 15 chỉ tiêu (trong đó có 5 chỉ tiêu quốc gia); nhóm chỉ tiêu này bao gồm các chỉ tiêu liên quan đến lĩnh vực kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đô thị và phát triển đô thị
- *Nhà ở và bất động sản* : 8 chỉ tiêu (trong đó có 6 chỉ tiêu quốc gia);
- *Vật liệu xây dựng* : 1 chỉ tiêu.

##### c) Các vấn đề cấp cập

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu

###### 1) Các chỉ tiêu đã thực hiện được:

- Chỉ tiêu Tỷ lệ chất thải rắn thu gom, đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;
- Chỉ tiêu Số lượng sản giao dịch bất động sản
- Chỉ tiêu Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch

*2) Các chỉ tiêu đã thu thập nhưng chưa đầy đủ, lý do*

Các chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu Tỷ lệ phù kín quy hoạch chi tiết đô thị: Chỉ tiêu trên đã được thực hiện trong những năm gần đây, nhưng việc thu thập còn chưa được đầy đủ do các địa phương chưa chú trọng việc báo cáo cũng như thiếu cán bộ chuyên trách theo dõi, tổng hợp số liệu.
- Chỉ tiêu Tỷ lệ các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu chế xuất xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng: Để thu thập chỉ tiêu này, cần thiết phải phân chia thành nhiều các chỉ tiêu nhỏ; Trong đó, các chỉ tiêu về đô thị có khả năng thu thập và tổng hợp đến từng tỉnh/thành phố; riêng đối với số liệu các khu công nghiệp, khu chế xuất đang gặp khó khăn vì hệ thống báo cáo, tổng hợp theo ngành dọc của các tỉnh/thành phố không bao gồm hạ tầng khu công nghiệp.
- Chỉ tiêu Tổng số căn hộ và diện tích nhà ở xã hội hoàn thành: Việc thu thập số liệu của các Sở còn chưa đầy đủ.

*3) Các chỉ tiêu đang trong giai đoạn triển khai thực hiện*

Trong 12 chỉ tiêu thống kê quốc gia Bộ Xây dựng là cơ quan chính chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp có 02 chỉ tiêu thuộc nhóm B triển khai trong các năm 2012-2014 (áp dụng từ năm 2015). Việc thực hiện các chỉ tiêu này như sau:

- Chỉ tiêu Chỉ số giá xây dựng: theo lộ trình quý I/2014.
- Số lượng và giá trị giao dịch kinh doanh bất động sản qua sàn. Hiện nay tại các Sở vẫn khó khăn trong việc thu thập chỉ tiêu này, vì chủ yếu phải tiến hành qua điều tra thống kê.

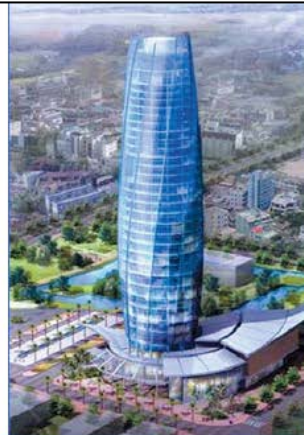
*4) Các chỉ tiêu chưa thu thập được, lý do*

- Chỉ tiêu Chỉ số giá bất động sản: Ngày 27/10/2010 Bộ Xây dựng đã ban hành phương pháp xác định chỉ số giá bất động sản (BDS), áp dụng thí điểm tính toán cho 4 địa phương là thành phố Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng và TP. Cần Thơ tại Thông tư số 20/2010/TT-BXD. Các địa phương trên đều đã triển khai thực hiện nhưng tính đến thời điểm này chưa có địa phương nào công bố chỉ số.
- Về việc thu thập số liệu phục vụ tính toán:

Các số liệu phục vụ tính toán chỉ số giá BDS được thu thập trực tiếp tại các khu vực có thị trường BDS phát triển như thành phố Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng,... theo yêu cầu nội dung của phương pháp tính.

Khó khăn trong việc thu thập, xử lý số liệu

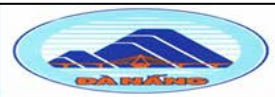
- Do tình hình thị trường BDS đang trong giai đoạn suy thoái nên nguồn số liệu còn hạn chế; Việc thu thập từ thực tế phức tạp xuất phát từ tính đặc thù của hàng hóa BDS;
- Một số số liệu thu thập từ các cơ quan quản lý gặp khó khăn do công tác quản lý, lưu trữ còn nhiều bất cập;
- Việc xử lý số liệu mất nhiều thời gian và công sức do đặc điểm của BDS tại các khu vực rất đa dạng.



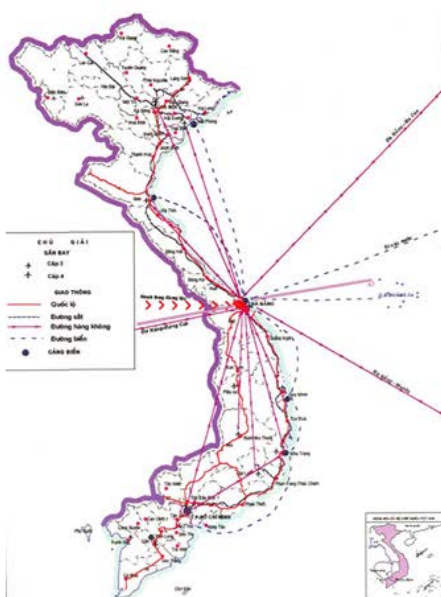
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐÀ NẴNG  
(DISED)

## KHUNG TIÊU CHÍ “THÀNH PHỐ ĐÁNG SỐNG” CHO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2020

Đà Nẵng, Tháng 3 - 2014



### I. TỔNG QUAN VỀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



- Thành phố Đà Nẵng nằm ở vị trí chiến lược của vùng duyên hải miền Trung
- Dân số: 967,930 người (năm 2012). Lao động có trình độ chuyên môn cao chiếm đa số trong nguồn nhân lực của thành phố.
- Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên và văn hóa phong phú và đa dạng.





## TỔNG QUAN VỀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



**Cơ sở hạ tầng:**

- Hệ thống giao thông thuận tiện: đường bộ, đường sắt, đường sông/biển và đường hàng không
- Hệ thống điện nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất đang dần được nâng cấp
- Công nghệ thông tin và truyền thông được đầu tư nâng cấp. Đà Nẵng là trung tâm CNTT lớn thứ 3 ở Việt Nam

3

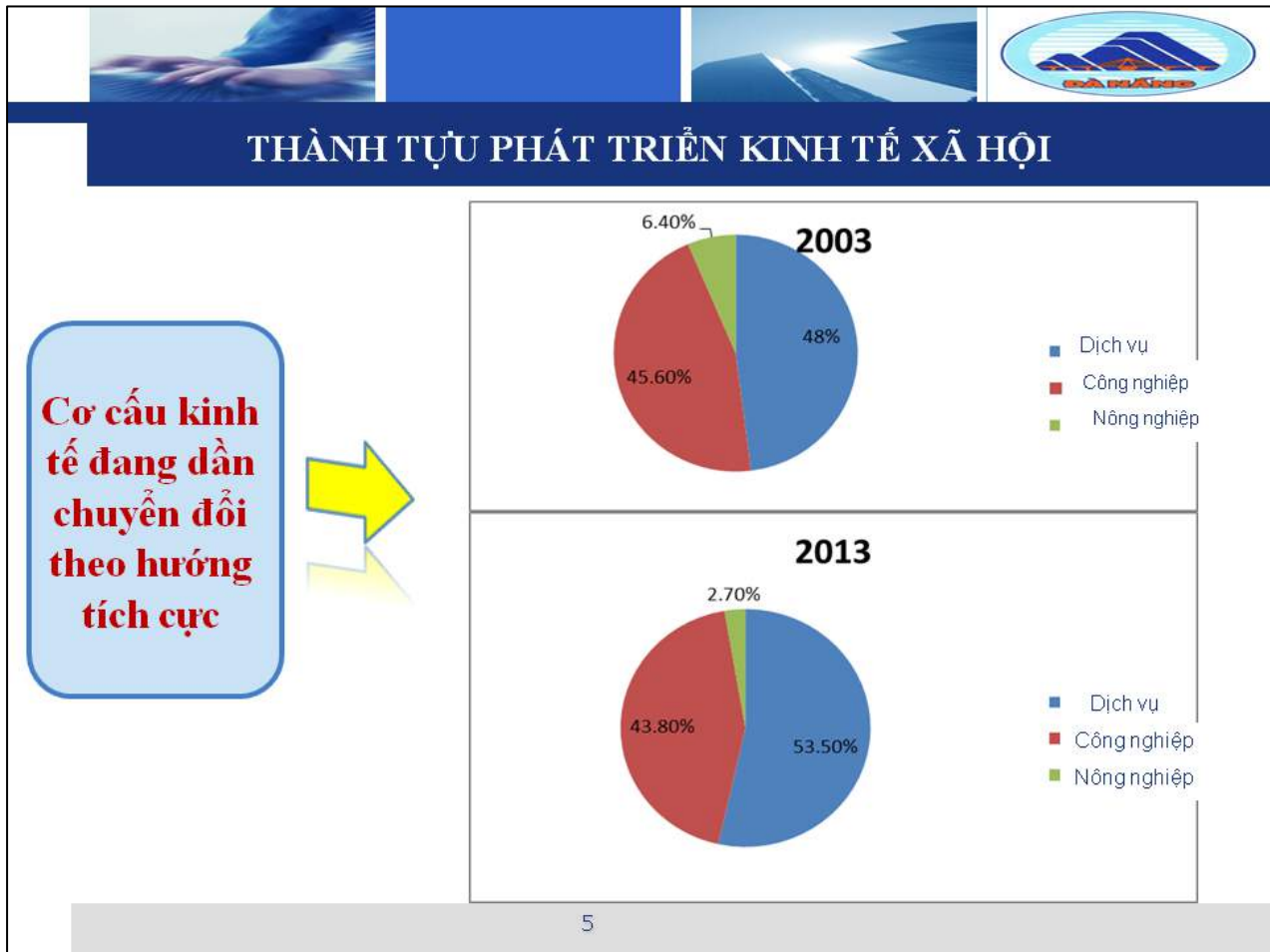


## THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

❖ *Phát triển kinh tế*

- Tỷ lệ tăng trưởng GDP đạt trên 11%, cao hơn mức 6,7% của cả nước
- GDP năm 2013 xấp xỉ 15.681,4 tỉ đồng, gấp 3,3 lần so với năm 2003
- GDP bình quân đầu người năm 2013 vào khoảng 55,98 triệu đồng (tương đương 2.650 USD), gấp 5,4 lần so với năm 2003 và 1,6 lần so với cả nước.
- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2013 ước đạt 41.570 tỉ đồng, tăng 8,1% so với năm 2012.
- Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2013 đạt 38.384 tỉ đồng, tăng 11,39% so với cùng kỳ năm 2010

4



- 
- THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI**
- ❖ Hoạt động đối ngoại và ngoại thương tiếp tục được tăng cường
    - Thành phố đã thiết lập quan hệ đối ngoại với 28 tỉnh/thành phố ở 12 nước
    - Năm 2013, Thành phố thu hút 259 dự án FDI với tổng số vốn đầu tư lên đến 3,8 tỉ USD
    - Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 1.002 triệu USD, tăng 9,99% so với cùng kỳ.
    - Kim ngạch nhập khẩu năm 2013 đạt 991,16 triệu USD, tăng 9,08% so với cùng kỳ năm trước.
- 6





## THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

### ❖ Phát triển xã hội:

- Giáo dục và đào tạo
- Tạo việc làm cho 30.000 lao động. Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 4,45%
- An ninh xã hội

7

## II. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ “THÀNH PHỐ ĐÁNG SỐNG” CHO ĐÀ NẴNG

### II.1. Cơ sở lý luận

#### \* Tham khảo quốc tế

#### 1. Các quan niệm về thành phố đáng sống

- D. Hahlweg trong *The City as a Family* (1997),

- E. Salzano

- A. Casellati

- Mike Douglass

- International Making Cities Livable LLC (IMCL)

## II. CÁC CĂN CỨ (TT)

### 2. Các bộ tiêu chí về thành phố đáng sống

*Bộ tiêu chí của H. L. Lennard:* gồm 9 tiêu chí quan trọng

- Tất cả đều có thể thấy và nghe thấy nhau;
- Đối thoại là quan trọng; Không gian công cộng nối tất cả mọi cư dân lại với nhau ;
- Không bị chi phối bởi sự sợ hãi, hoặc một thế lực tồn tại như cái xấu và thiếu tính người;
- Cung cấp những không gian công cộng như là một nơi để thu nhận kiến thức xã hội và sự hòa nhập xã hội đó là không thể thiếu đối với trẻ em và thanh niên...
- Đáp ứng được nhiều chức năng.
- Tất cả cư dân cần phải củng cố và đánh giá lẫn nhau.
- Cần phải ưu tiên xem xét về tính thẩm mỹ, cái đẹp và ý nghĩa của môi trường tự nhiên.
- Trí tuệ và kiến thức của tất cả cư dân được đánh giá cao và được sử dụng.

*Bộ tiêu chí của Michael Douglas*

*\* Nhóm các yếu tố “môi trường tự nhiên tốt”:*  
 Giao thông thuận lợi; Được cung cấp nước sạch; Giảm ô nhiễm không khí, khói, bụi, tiếng ồn; Chống ngập úng đô thị; Thu gom rác tốt; An toàn vệ sinh thực phẩm.

*\* Nhóm các yếu tố “môi trường sống đô thị”:*  
 Bảo tồn các di sản lịch sử, văn hóa đặc thù của thành phố; Không gian công cộng và các vỉa hè; Tạo mảng xanh đô thị; Tạo điều kiện cho người dân có chỗ ở; Tệ nạn xã hội giảm.

*\* Nhóm các yếu tố phát triển bản thân con người:* Công ăn việc làm; Chăm sóc sức khỏe; Giáo dục; Giảm nghèo.

*\* Nhóm các yếu tố về quản lý:* Cải cách hành chính; Hoạt động của các đoàn thể; Cung cấp và thu thập thông tin từ người dân; Chỉ số hài lòng của người dân qua việc được phục vụ các dịch vụ công.

### 3. Các bộ tiêu chí tương đương

CÁC BỘ TIÊU CHÍ “THÀNH PHỐ ĐÁNG SỐNG” (HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG) CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ

Bảng xếp hạng của The Economist Intelligence Unit (EIU)

Mercer Quality of Living Survey (Bảng xếp hạng chất lượng cuộc sống của Mercer)

Bảng xếp hạng của ECA

Gross National Happiness (Tổng hạnh phúc quốc gia) của Bhutan

Canadian Index of Well-being (Chỉ số thịnh vượng Canada)

Genuine Progress Index (Chỉ số tiến bộ đích thực) của Mỹ



#### 4. Các thành phố được xếp thứ hạng cao trên thế giới



#### Nhận xét về các bộ tiêu chí và bảng xếp hạng

- Sự khác biệt trong các bảng xếp hạng là kết quả từ những tiêu chí khác nhau được sử dụng để đo lường các thành phố.
- Bảng xếp hạng của EIU, Mercer và ECA ngày càng được sử dụng nhiều hơn nhằm mục đích đánh giá *sự đáng sống* và *sức hấp dẫn* của các thành phố.
- Sự khác biệt trong những bảng xếp hạng này là kết quả của các tiêu chí khác nhau được sử dụng để đánh giá, đo lường các thành phố trên thế giới.
  - + Bảng xếp hạng quốc tế của ECA dựa trên các quan điểm của kiều dân châu Á.
  - + Đối với 02 bảng xếp hạng của EIU và Mercer sử dụng các phương pháp điều tra được thiết kế theo tiêu chuẩn châu Âu và Bắc Mỹ. Vì vậy, nó sẽ là không công bằng cho các nước ở khu vực khác.

## \* Tham khảo trong nước

Bộ tiêu chí để xây dựng Hà Nội trở thành “Thành phố sống tốt” của TS. KTS Trương Văn Quảng – Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn quốc gia

Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng quản lý đô thị của nhóm các nhà nghiên cứu thuộc Học viện Hành chính quốc gia do TS. Nguyễn Ngọc Hiếu làm chủ nhiệm

Bộ tiêu chí “Thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh hiện đại” của Thành phố Hồ Chí Minh của Viện Nghiên cứu phát triển TP. Hồ Chí Minh

### 5. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CHUNG PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRỞ THÀNH “THÀNH PHỐ ĐÁNG SỐNG” ĐẾN NĂM 2020

#### 1. Quan điểm phát triển

- Đà Nẵng sẽ là đô thị hạt nhân có một vị trí rất quan trọng với mục tiêu chiến lược phát triển vùng, hướng mô hình tập trung đa cực, không gian mở rộng; liên kết hợp tác chặt chẽ với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước; phát triển trong thể chủ động, tạo bàn đạp để tiến ra biển và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đà Nẵng cần tận dụng thời cơ để phát triển nhanh, có hiệu quả, tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá; xứng đáng là trung tâm kinh tế văn hóa, khoa học - kỹ thuật của Vùng, là một trong những trung tâm thương mại, dịch vụ và du lịch của cả nước. Cùng với các thành phố lân cận, hình thành Hành lang kinh tế Bắc - Nam.

- Gắn phát triển kinh tế với chỉnh trang và nâng cấp đô thị và phát triển không gian đô thị. Coi trọng hàng đầu việc xây dựng kết cấu hạ tầng, chuẩn bị tiền đề tốt cho bước phát triển sau này.

- Phối kết logic giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục... để phát triển ổn định, cải thiện đời sống, nâng cao sức khỏe và dân trí nhân dân, tổ chức thực hiện tốt các cam kết thiên niên kỷ của Việt Nam.

- Kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái, phát triển bền vững. Gắn phát triển kinh tế với thực hiện công bằng xã hội và ổn định chính trị, trật tự xã hội bảo đảm quốc phòng an ninh.

#### 2. Mục tiêu chung phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành “thành phố đáng sống” đến năm 2020

Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, giữ vững ổn định chính trị, phát huy dân chủ và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển kinh tế nhanh và bền vững; xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một đô thị lớn của cả nước; là trung tâm kinh tế-xã hội của miền Trung, là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của miền Trung và cả nước, tạo nền tảng để xây dựng thành phố trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020.

Phấn đấu đến năm 2020, Đà Nẵng có quy mô dân số không vượt quá 2 triệu người, trở thành một thành phố có môi trường đô thị văn minh và giàu tinh thần văn, có thiên nhiên trong lành và đời sống văn hóa cao, làm giàu bằng kinh tế tri thức; một trong những thành phố hài hòa, thân thiện, an bình; một “thành phố hấp dẫn và đáng sống”.



## II.2. CĂN CỨ THỰC TIỄN (KHẢO SAT)

**Đối tượng**

- **Gồm 4 nhóm: người dân; cán bộ công chức; lực lượng an ninh quốc phòng, cán bộ làm công tác Đảng, đoàn thể**

**Phạm vi**

- **Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**Số lượng**

- **300 Phiếu**

### Nội dung câu hỏi

Gồm 5 câu với tổng cộng 99 tiêu chí đề lựa chọn như sau:

#### Các nhóm câu hỏi

Ý kiến của người dân thành phố Đà Nẵng về những tiêu chí của Mercer, gồm 12 nhóm với 39 tiêu chí: chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội, y tế, sức khỏe, giáo dục, dịch vụ công, giao thông, giải trí, tiêu dùng, nhà ở, môi trường

Ý kiến của người dân thành phố Đà Nẵng về những tiêu chí của Giáo sư Mike Douglass gồm 4 nhóm với 20 tiêu chí: cơ sở hạ tầng, môi trường đô thị, môi trường sống, quản lý, phát triển con người

Ý kiến của người dân thành phố Đà Nẵng về những tiêu chí “Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh Xã hội chủ nghĩa, văn minh hiện đại” gồm 6 nhóm với 28 tiêu chí: chính trị và QLNN, kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, hạ tầng kỹ thuật, DV đô thị

Quan điểm của người dân thành phố Đà Nẵng trong việc xây dựng Đà Nẵng trở thành “thành phố đáng sống” gồm 6 nhóm về các môi trường chính trị và QLNN, kinh tế, văn hóa xã hội, y tế và giáo dục, hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đô thị, môi trường tự nhiên.

### III. TIÊU CHÍ “THÀNH PHỐ ĐÁNG SỐNG” CHO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2020

#### 1. Chức năng của bộ tiêu chí

Bộ tiêu chí là hệ thống các tiêu chuẩn để nhận biết thế nào là một “thành phố đáng sống”. Hệ thống tiêu chuẩn này được sử dụng để dự báo, kiểm định, đánh giá mức độ mà thành phố đạt được ở từng giai đoạn nhất định. Đồng thời còn để so sánh đối chiếu sự phát triển của thành phố với các thành phố khác trong khu vực và trên thế giới, hướng đến việc xác định vị thế thành phố Đà Nẵng trong quá trình hội nhập.

#### 2. Tính chất của bộ tiêu chí

Có tất cả 41 tiêu chí được ghép thành 6 nhóm gồm: lĩnh vực chính trị và quản lý nhà nước (6 tiêu chí), lĩnh vực kinh tế (7 tiêu chí), lĩnh vực văn hóa xã hội (7 tiêu chí), lĩnh vực y tế và giáo dục (5 tiêu chí giáo dục và 8 tiêu chí y tế), lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đô thị (6 tiêu chí), lĩnh vực môi trường tự nhiên (2 tiêu chí). Hệ thống các tiêu chí “thành phố đáng sống” cho Đà Nẵng đến năm 2020 bao trùm toàn diện các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, đô thị và môi trường.

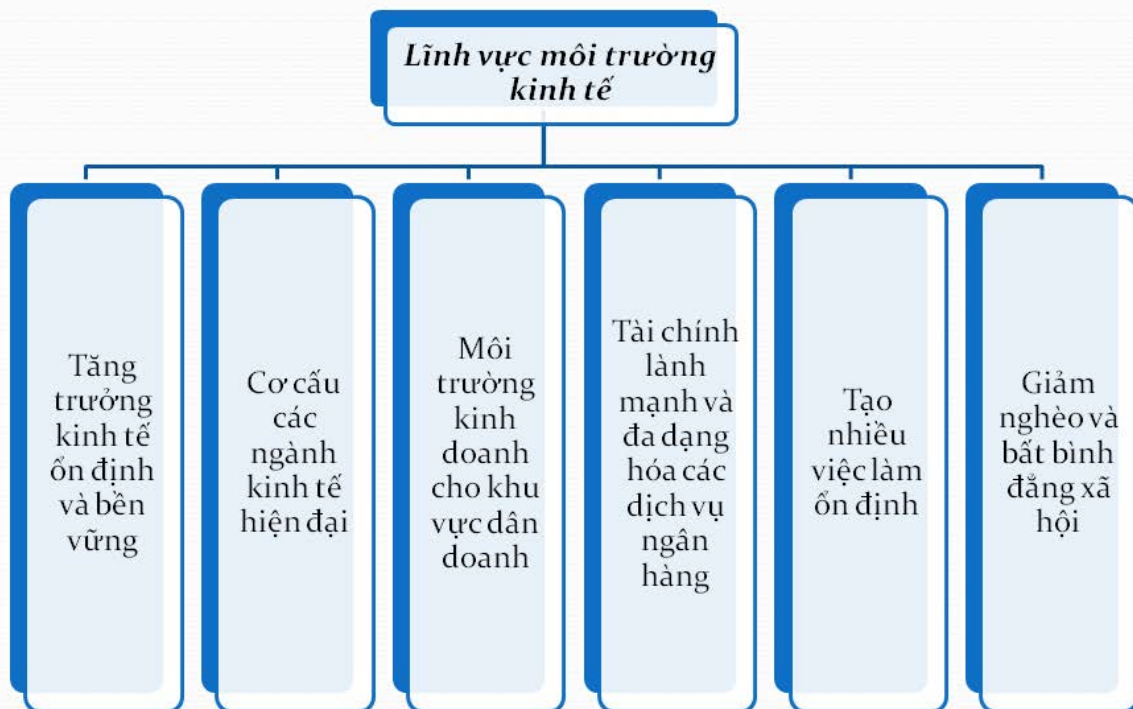
## II. Xây dựng bộ tiêu chí (tt)

### Lĩnh vực môi trường chính trị và quản lý nhà nước

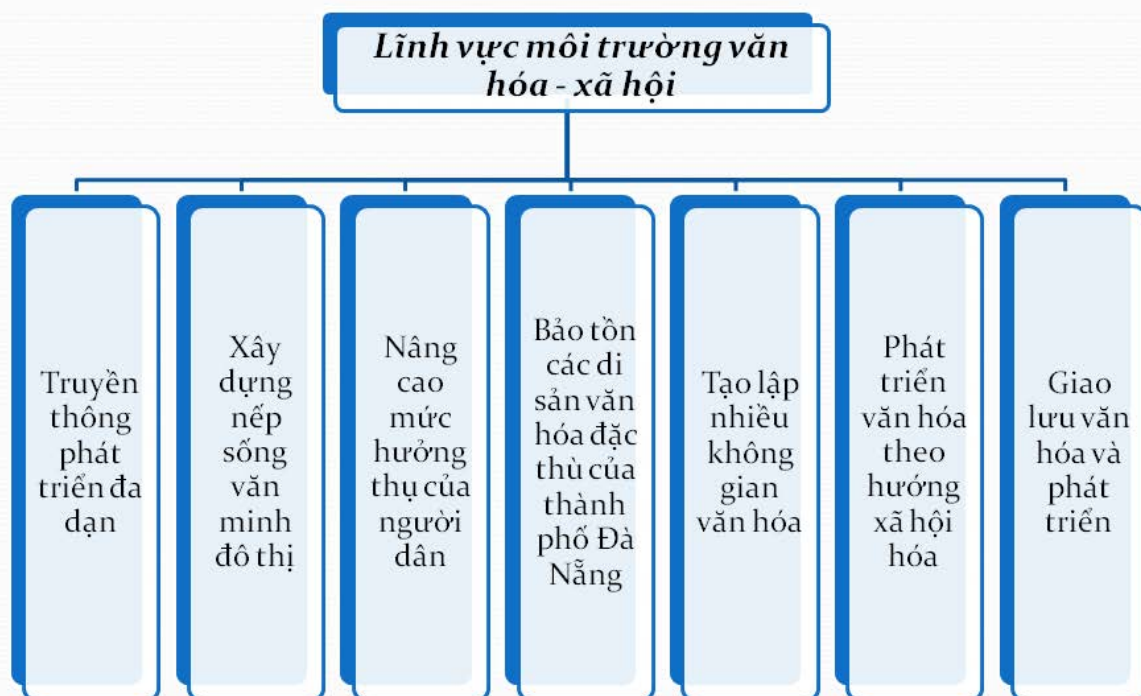




## II. Xây dựng bộ tiêu chí (tt)



## II. Xây dựng bộ tiêu chí (tt)



## II. Xây dựng bộ tiêu chí (tt)

### Lĩnh vực môi trường y tế

Phân bố đồng đều của mạng lưới y tế trên địa bàn thành phố.

Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ y, bác sĩ

Phấn đấu xây dựng một số bệnh viện, trung tâm y tế kỹ thuật cao, đạt chuẩn khu vực Đông Nam Á.

Bảo đảm nguồn cung cấp thuốc men cơ bản, quản lý tốt giá cả.

Bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế cho mọi người.

Tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 75 lên 78 tuổi. Giảm tỷ lệ tăng tự nhiên hàng năm xuống còn khoảng 1% dân số.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển mạng lưới y tế dự phòng, đủ khả năng dự báo, phát hiện và khống chế dịch bệnh.

Bảo đảm việc kiểm soát được an toàn vệ sinh thực phẩm.

## II. Xây dựng bộ tiêu chí (tt)

### Môi trường giáo dục

Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất và kỹ thuật phục vụ cho ngành giáo dục.

Phát triển mạng lưới giáo dục đào tạo và đa dạng hóa các loại hình đào tạo

Nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên theo hướng hiện đại và hoàn thiện.

Tính sẵn có của giáo dục tư thục, chất lượng của giáo dục tư thục và giáo dục công lập nhằm cung cấp đầy đủ và toàn diện hơn.

Tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội

## II. Xây dựng bộ tiêu chí (tt)

### *Lĩnh vực môi trường hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đô thị*

Giao thông an toàn, thuận lợi

Được cung cấp điện đầy đủ

Cung cấp nước sạch và chống ngập úng đô thị

Nhà ở và điều kiện cư trú tốt

Thu gom rác và xử lý nước thải tốt

### *Lĩnh vực môi trường tự nhiên*

Xử lý tốt rác thải, nước thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí

Xây dựng một hệ sinh thái đô thị tốt

**XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN**

# THẢO LUẬN NHÓM



# RỘNG BAY

## Bối cảnh quốc gia

Rộng Bay là một nước thu nhập trung bình, nằm ở Đông Nam Á với dân số 90 triệu người và diện tích 310.070 km<sup>2</sup>. Từ năm 1990, Rộng Bay đã thực hiện chính sách Đổi mới. Chính sách Đổi mới này đã đem lại các thành tựu cả về mặt kinh tế và xã hội, với mức tăng trưởng trung bình hàng năm vào khoảng 5% trong vòng 2 thập kỷ qua. Sự tăng trưởng này phần lớn là do sự gia tăng các hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản, dầu mỏ và nhiên liệu. Rộng Bay có GDP bình quân đầu người 2.000\$.

Đất nước phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng, rất nhiều hộ gia đình sống dưới ngưỡng nghèo (2\$ một ngày). Còn rất nhiều khoảng cách giữa các khu vực và nhóm dân tộc, và đô thị - nông thôn ngày càng mở rộng. Ngày càng có nhiều người thất nghiệp và sức ép từ vấn đề đất đai dẫn đến xung đột, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Đất nông nghiệp nhanh chóng chuyển đổi thành đất đô thị và các khu công nghiệp. Kết quả là nhiều người trẻ tuổi lên thành phố để tìm phương kế tốt hơn để sinh sống và tồn tại.

Tỷ lệ hoàn thành cấp học ở học sinh nữ thấp hơn nhiều so với học sinh A. Tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng, tỷ lệ tử vong mẹ và tỷ lệ mắc bệnh sốt rét vẫn còn cao. Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS ngày càng tăng ở các khu vực, với tỷ lệ tử vong cao nhất ở phụ nữ..

## Đô thị hóa

Đô thị hóa được đẩy mạnh tại Rộng Bay trong những năm Đổi Mới. Năm 1986, chỉ có khoảng 12 triệu người sống trong các thành phố, chiếm khoảng 19,3 tổng dân số. Tuy nhiên, số dân đô thị đạt năm 2006 đạt 22,82 triệu người (27,12%), gấp đôi năm 1986. Theo dự báo gần đây của UNFPA, năm 2020, dân số của Rộng Bay sẽ vượt ngưỡng 104 triệu người, 40% (41,6 triệu) trong số đó sẽ sinh sống ở khu vực đô thị.

Một loạt các thách thức phát triển kèm theo tăng trưởng đô thị trong quá trình đô thị hóa. Đô thị hóa trong nước không đồng đều, tập trung nhiều ở các khu kinh tế và các thành phố lớn mà không có một hệ thống quản lý phù hợp, hiệu quả. Điều này đã dẫn đến cách biệt lớn về phát triển giữa các khu vực, giữa khu vực đô thị và nông thôn, giữa phát triển và bảo vệ môi trường.

Dân số đô thị đang tăng nhanh với tốc độ trung bình 3% một năm trong khi tổng dân số tăng khoảng 1,9% trong giai đoạn 1975 - 2005. Mật độ dân số là một vấn đề khác với một nửa dân số đô thị hiện nay tập trung ở 2 thành phố lớn nhất.

Mặt khác, tốc độ đô thị hóa nhanh có xu hướng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, nghèo đói đô thị là một thách thức lớn, đi kèm theo nó là các thách thức đô thị khác như thất nghiệp, tệ nạn, dịch bệnh, suy thoái môi trường, và cơ sở hạ tầng xuống cấp.

Nỗ lực của Chính phủ Rộng Bay và các tác nhân phát triển khác để quản lý quá trình đô thị hóa không hiệu quả, vì một loạt các tác nhân, bao gồm: (i) năng lực quản lý thành phố thấp và thể chế không phù hợp để phát triển lĩnh vực đô thị, (ii) thiếu sự tham gia và quyền sở hữu từ các bên liên quan chủ chốt, (iii) nghèo đói, và, (iv) thiếu cơ sở dữ liệu để xây dựng cơ sở can thiệp thích hợp. Hiện nay, việc xây dựng một chiến lược vững chắc cho Rộng Bay là vô cùng cần thiết.

### Quản lý và quy hoạch đô thị

Trong những năm qua, chính phủ và các đối tác phát triển đã xây dựng các chính sách và chiến lược cho đô thị hóa. Tuy nhiên, có rất ít đánh giá cho tác động tích lũy của các quyết định ảnh hưởng đến quá trình đô thị hóa, và dữ liệu thiếu hoặc không đầy đủ để hỗ trợ việc xác định thứ tự ưu tiên các biện pháp can thiệp để xây dựng các chiến lược và chính sách thống nhất.

Trách nhiệm quy hoạch đô thị là liên ngành, tuy nhiên, trách nhiệm chính thuộc về Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Các học viện xây dựng có xây dựng một số kế hoạch đơn giản, nhưng không đầy đủ. Không có hoặc có rất ít sự tham gia, tham vấn của tập thể.

Hiện không có khung chiến lược để giám sát và đánh giá hiệu quả hay ảnh hưởng của bất kỳ biện pháp can thiệp nào. Các dự án được lựa chọn để thực hiện thường không được điều phối và/ hoặc gắn với mối quan hệ cá nhân so với nhu cầu phù hợp. Kết quả là các khu định cư lộn xộn, không quy hoạch xuất hiện và theo đó là đô thị hóa không chính thức: sự suy thoái môi trường, bất bình đẳng và xã hội; và, nghèo đói ngày càng trầm trọng.

### Nghèo đô thị

Nghèo đói và thất nghiệp luôn luôn đi kèm các thành phố phát triển không bền vững. Điều tra nâng cấp đô thị chỉ ra rằng rất nhiều hộ dân thu nhập thấp xuất hiện ngày càng nhiều tại các thành phố, trong đó hộ nghèo chiếm tới 30%. Tình trạng này đặc biệt nghiêm trọng tại các làng chài.

Tỷ lệ nghèo đói tại 95 đô thị được điều tra (từ cấp huyện) vào khoảng 6,61 (2007). Tuy nhiên, tỷ lệ này không bao gồm dân di cư không chính thức vì họ chiếm phần lớn dân số nghèo đô thị. Từ năm 1994 đến 1999, có khoảng 2,1 triệu dân nhập cư từ nông thôn vào đô thị trong khi giai đoạn năm 2004 – 2005 có tới 2,5 triệu người.

### Đất đai và nhà ở đô thị

Bất đầu xuất hiện thị trường bất động sản, nhưng hoạt động không hiệu quả. Quyết định phân bổ đất là tập trung, Nhà nước vẫn giữ chính sách phân biệt với những ưu đãi cho đất và nhà ở với mục đích sử dụng thương mại.

Dự kiến đến năm 2010, tổng diện tích đất đô thị sẽ vào khoảng 243.000 ha, chiếm 0,74% tổng diện tích cả nước. Nhưng, diện tích thực dành cho các thành phố năm 2005 đã gấp 1,8 lần (325.200 ha) so với dự báo trước, và tăng dân số quốc gia thấp hơn nhiều so với dự báo. Điều này có nghĩa là đất không được sử dụng và quản lý hiệu quả. Theo Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, giai đoạn 2001 – 2005, nông dân hàng năm mất tới 74.000 ha đất trồng trọt do đô thị hóa, ảnh hưởng tới cuộc sống của 2,5 triệu nông dân, gây ra tình trạng thất nghiệp và đẩy họ vào điều kiện dễ bị tổn thương hơn.

Có khoảng 1,8 triệu căn nhà tạm và tổng diện tích nhà ở toàn quốc hiện là 900 triệu m<sup>2</sup>, trung bình khoảng 10,7 m<sup>2</sup> trên đầu người. Diện tích bình quân đầu người cho dân cư đô thị được ước tính, thấp hơn 5,8 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, gần 80% diện tích mới xây dựng là phi chính thức. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội của khu đô thị mới vẫn không đồng bộ.

Hộ thu nhập thấp không đủ khả năng chi trả, thuê nhà mới, hoặc nâng cấp hay cải thiện chỗ ở hiện tại. Hỗ trợ cho vay và tín dụng nhà ở chỉ dành cho doanh nghiệp thương mại, mà hiếm khi dành cho cá nhân nghèo. Tất cả các vấn đề trên đem lại tác động tiêu cực tới nhà ở, làm biến dạng hoạt động của thị trường và cạnh tranh trên thị trường bị đình trệ.

### Giao thông đô thị

Tắc nghẽn và tai nạn giao thông là các mối quan tâm nghiêm trọng, đặc biệt ở các thành phố lớn của Rông Bay. Đường nội đô chỉ đáp ứng 55% cầu. Tỷ lệ đất dự trữ cho giao thông nhỏ hơn 10% trong khu đô thị được xây dựng. Đất dành cho đỗ xe ít được quan tâm, tổng diện tích đỗ xe trong thành phố hiện nay chỉ dưới 1%.

### Các vấn đề môi trường

Thiếu các dịch vụ xử lý các vấn đề ô nhiễm và môi trường, hậu quả là chất lượng cuộc sống thấp, hiệu suất đô thị giảm, các vấn đề sức khỏe và ô nhiễm môi trường gia tăng.

### Các vấn đề về chất thải rắn

Chất thải rắn không được thu gom và xử lý hiệu quả trong nước. Theo số liệu của Bộ Xây dựng, khoảng 80% chất thải rắn đô thị được thu gom trên toàn quốc với tỷ lệ thu hồi vật liệu tái chế/ tái sử dụng là 23%. Số liệu báo cáo theo điều tra gần đây của Ngân hàng Thế giới tại 95 thành phố cho thấy tỷ lệ này tại tất cả các thành phố đều thấp hơn 71%, một số thành phố nghèo tỷ lệ này còn thấp hơn, ở mức 10 – 20%. Trên cả nước, chỉ có 17 bãi rác hoạt động hiệu quả trong khi 74 bãi rác còn lại đều hoạt động kém hiệu quả hoặc quá tải.

### Các vấn đề xử lý nước thải

Hầu hết các thành phố đang sử dụng cùng một hệ thống thoát nước cho tất cả từ nước mưa, nước thải sinh hoạt đến nước thải công nghiệp và không có nhà máy xử lý nước thải. Điều này đã gây ra vấn đề "ngập lụt trong đô thị" nghiêm trọng khi mùa mưa đến và thậm chí cả trong mùa khô đối với một số thành phố, gây ra các tác động xấu đến môi trường. Ngân hàng Thế giới ước tính rằng hệ thống thoát nước đô thị của các thành phố hiện chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu. Tuy nhiên, có điểm khả quan khi 32 trong số 64 thành phố ở quốc gia này đã khởi động các dự án thoát nước sử dụng nguồn vốn ODA với tổng vốn đầu tư khoảng 3 tỷ USD để cải thiện tình hình.

### Vấn đề về cấp nước

Báo cáo về việc tiếp cận nước sạch cho thấy, chỉ có khoảng 70% nhu cầu về nước sạch được đáp ứng trong khu vực đô thị của Rông Bay. Theo ước tính của Bộ Xây dựng, tỷ lệ thất thoát nước cao và ở mức 31%.

### Mục tiêu của Rông Bay đến năm 2020

Rông Bay đặt ra mục tiêu đầy tham vọng cho năm 2020: 100% hộ gia đình ở khu vực đô thị được tiếp cận với nước sạch, 45% nước thải được thu gom và xử lý, 100% hộ gia đình tại các đô thị có nhà vệ sinh hợp vệ sinh; 100% chất thải rắn được thu gom; khôi phục và lắp đặt hệ thống thoát nước, xây dựng các khu đô thị đạt tiêu chuẩn mật độ đường giao thông và hệ thống chiếu sáng. Về nhà ở, quốc gia này lập kế hoạch đạt 14-15m<sup>2</sup> sàn/người, 100% hộ gia đình có nhà ở thích hợp, phá bỏ 100% nhà ở không an toàn và không đạt tiêu chuẩn; tạo điều kiện cho các hộ gia đình vay tín dụng để nâng cấp nhà riêng đáp ứng tiêu chuẩn. 100% các khu công nghiệp và khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải.

## BÀI TẬP

### **Bài tập nhóm về Hệ thống Giám sát và Đánh giá dựa trên kết quả bao gồm: Thu thập dữ liệu, phân tích và báo cáo**

Thủ tướng của nước Rông Bay gần đây đã đắc cử nhiệm kỳ 05 năm. Ông đã bổ nhiệm nội các mới với 24 Bộ trưởng. Thủ tướng tin tưởng rằng Chính phủ mới sẽ ủng hộ ông trong nỗ lực đạt được kế hoạch đầy tham vọng trong 05 năm bao gồm năm mục tiêu chính: (i) cải thiện quy hoạch và quản lý đô thị, (ii) nhà ở tốt hơn cho tất cả người dân, (iii) cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ các dịch vụ cơ bản bao gồm giao thông vận tải, (iv) giảm bất bình đẳng và cải thiện phúc lợi xã hội, và (v) cải thiện điều kiện môi trường.

Trong khi Thủ tướng lạc quan tin rằng những mục tiêu này sẽ cải thiện cuộc sống cho các công dân của nước Rông Bay, ông vẫn lo ngại Chính phủ của mình sẽ không thực hiện được lời hứa đó như trường hợp của nhiệm kỳ Thủ tướng trước. Do đó, một Hội nghị Bộ trưởng được tổ chức để thảo luận cách thức thực hiện kế hoạch của ông và đạt được kết quả như mong đợi.

Tại buổi làm việc, năm trong số các Bộ trưởng mới được bổ nhiệm phải đối mặt với các câu hỏi đặc biệt khó khăn liên quan đến những gì họ sẽ làm để đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

**Vụ Quy hoạch và Kiến trúc Đô thị trực thuộc Bộ Xây dựng** thảo luận những thách thức của đô thị hóa và nhắc nhở Thủ tướng về vấn đề tăng trưởng dân số đô thị hàng năm trên 6%, kéo theo sự gia tăng của các khu định cư bất hợp pháp và không có quy hoạch, sự đi xuống của các dịch vụ xã hội, giảm việc làm chính thức và tăng vai trò của khu vực phi chính thức trong sinh kế của người dân đô thị. Ông hứa sẽ cải thiện việc quy hoạch và quản lý đô thị.

**Cục Nhà ở trực thuộc Bộ Xây dựng** thảo luận về kế hoạch để giảm hạn chế trong tiếp cận đất đai và khu xây dựng, điều này buộc người dân phải xây dựng các khu định cư bất hợp pháp và không theo quy hoạch. Ông hứa với Thủ tướng sẽ tăng quỹ nhà ở lên 30% trong vòng 5 năm.

**Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải** hứa sẽ giải quyết những con đường chưa được trải nhựa và tăng cường giao thông vận tải vận chuyển với mục tiêu giảm ùn tắc giao thông trong khu vực đô thị.

**Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội** thảo luận về nghèo đô thị và việc thiếu dữ liệu cơ sở cho việc xây dựng các can thiệp chính sách thích hợp để giải quyết vấn đề này.

**Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường** nói về vấn đề môi trường ở các thành phố và ý định của ông nhằm giải quyết những vấn đề đó.

**Bài tập nhóm:** Chọn cam kết do một trong số năm bộ trưởng đề ra, xây dựng kế hoạch quản lý dựa trên bằng chứng theo bảng mẫu dưới đây, bao gồm các mục tiêu, tác động, đầu ra và kết quả, xây dựng bộ chỉ số, dữ liệu hiện trạng và chỉ tiêu; và giám sát quy trình trong 5 năm.

**Mỗi nhóm sẽ chọn ra một Bộ trưởng để báo cáo với Thủ tướng về Kế hoạch Giám sát Dựa trên bằng chứng, đồng thời làm rõ cách thu thập, phân tích và báo cáo số liệu cho nội các Chính phủ trên cơ sở 06 tháng để thể hiện tiến độ thực hiện mục tiêu đã đề ra của Thủ tướng.**

- Xác định các hợp phần khác nhau trong giải pháp của nhóm, xác định các hoạt động ưu tiên cần thực hiện để đạt được kết quả ngắn hạn.
- Tham khảo sơ đồ dưới đây về “Áp lực lên khu vực đô thị” khi nhóm anh/chị chọn các ưu tiên cụ thể.



## ÁP LỰC LÊN KHU VỰC ĐÔ THỊ

### NHÀ Ở

- Thiếu nhà ở trầm trọng
- Hoạt động xây dựng tự phát khó kiểm soát
- Nhà ở thiếu kiên cố và dưới chuẩn
- Việc đầu cơ lan rộng
- Các hộ dân thu nhập thấp không thể tiếp cận nhà ở giá rẻ

### NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

- Tiếp cận nước sạch bị hạn chế ở các thị xã, huyện ngoại thành
- Thiếu trầm trọng các điểm thu gom và xử lý rác, hệ thống thoát nước
- Không có hệ thống thoát nước hay cống thoát
- Suy thoái môi trường
- Ngập lụt và ô nhiễm nghiêm trọng ở các thành phố lớn

CÁCH THỨC VỀ THỂ CHẾ



TÁC ĐỘNG CỦA ĐKKH

### GIAO THÔNG VẬN TẢI

- Tắc đường
- Ô nhiễm không khí
- Các tai nạn nghiêm trọng
- Không đủ đường nội đô
- Ít lưu ý đến các bãi đỗ xe
- Thiếu đất giao thông đô thị

### NGHÈO ĐÓI

- Mật độ nghèo đói tăng cao
- Nhóm thu nhập thấp lan rộng ở các khu dân cư trong thành phố (30% diện tích dân cư)
- Gia tăng các vấn đề xã hội
- Nông dân mất đất

### CHẤT THẢI RẮN

- Các bãi rác không đảm bảo
- Mâu thuẫn giữa chất lượng dịch vụ và ngân sách trợ cấp
- Các thách thức trong việc giữ vững và nâng cấp hay mở rộng dịch vụ một cách hợp lý

# Bài tập nhóm về Khung Quản lý dựa trên kết quả

## ÁP LỰC LÊN KHU VỰC ĐÔ THỊ

### NHÀ Ở

- Thiếu nhà ở trầm trọng
- Hoạt động xây dựng tự phát khó kiểm soát
- Nhà ở thiếu kiên cố và dưới chuẩn
- Việc đầu cơ lan rộng
- Các hộ dân thu nhập thấp không thể tiếp cận nhà ở giá rẻ

### NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

- Tiếp cận nước sạch bị hạn chế ở các thị xã, huyện ngoại thành
- Thiếu trầm trọng các điểm thu gom và xử lý rác, hệ thống thoát nước
- Không có hệ thống thoát nước hay cống thoát
- Suy thoái môi trường
- Ngập lụt và ô nhiễm nghiêm trọng ở các thành phố lớn

### CÁCH THỨC THỨC VỆ THỂ CHẾ

### GIAO THÔNG VẬN TẢI

- Tắc đường
- Ô nhiễm không khí
- Các tai nạn nghiêm trọng
- Không đủ đường nội đô
- Ít lưu ý đến các bãi đỗ xe
- Thiếu đất giao thông đô thị

### NGHÈO ĐÓI

- Mật độ nghèo đói tăng cao
- Nhóm thu nhập thấp lan rộng ở các khu dân cư trong thành phố (30% diện tích dân cư)
- Gia tăng các vấn đề xã hội
- Nông dân mất đất

### TÁC ĐỘNG CỦA BĐKH

### CHẤT THẢI RẮN

- Các bãi rác không đảm bảo
- Mâu thuẫn giữa chất lượng dịch vụ và ngân sách trợ cấp
- Các thách thức trong việc giữ vững và nâng cấp hay mở rộng dịch vụ một cách hợp lý



## Bài tập I

**Mục tiêu:** (ghi lại ý kiến của nhóm)

STT	Kết quả	Đầu ra

## Bài tập II

Tiếp tục từ bài tập I

STT	Chỉ số về các thành tựu	Dữ liệu hiện trạng	Chỉ tiêu trong 5 năm

## Bài tập III

Tiếp tục phần bài tập I và II

STT	Phương pháp thu thập dữ liệu	Ai sẽ thu thập dữ liệu?	Mức độ thường xuyên của việc thu thập	Chi phí và khó khăn khi thu thập dữ liệu?

## Bài tập IV

Tiếp tục phần bài tập I, II và III

STT	Ai sẽ phân tích dữ liệu	Ai sẽ báo cáo số liệu?	Ai sẽ sử dụng số liệu?



## **Thảo luận:**

**Xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng: cách tiếp cận theo quy trình để hỗ trợ chiến lược phát triển đô thị**

Ngày 1 – 20/03/2014

**Bài tập nhóm về Quản lý dựa trên kết quả:**

Thảo luận lý do phải thiết lập hệ thống quan trắc đô thị tại Việt Nam và bài tập về quản lý dựa trên kết quả.

**NHÓM 1: BỘ LAO ĐỘNG VÀ THƯƠNG BINH XÃ HỘI**

**Thuyết trình nhóm :**

Xây dựng chính sách liên quan vấn đề giảm nghèo của đô thị. Giúp cho giảm nghèo, chi tiêu hiệu quả. Vấn đề là từ phía nhà nước và bộ ngành cần hiểu rõ và nhận diện tốt hơn, cần nghiên cứu cơ quan giúp đánh giá đúng vì chưa có chuẩn nghèo cho khu vực.

- Nhận diện thách thức khác biệt về khu vực, phương pháp tiếp cận, nguyên nhân để nâng cao hiệu quả việc chi tiêu đồng tiền -> giảm nghèo tốt hơn.
- Tập trung vào nhóm đối tượng có khả năng lâu dài sẽ thoát nghèo: nhóm mất đất, chuyển đổi nghề để hòa nhập trong môi trường đô thị. Cần có cách thức quản lý nguồn tiền hỗ trợ; nhóm chi phí xã hội cần chương trình nâng cấp điều kiện cơ bản cho khu nghèo như điện nước sau đó là các dịch vụ y tế...; nhóm có cơ hội nhưng bị bóc lột vì không tìm được việc làm xứng đáng.

**Kết quả:**

- Cơ hội thoát nghèo về lâu dài, cải thiện hạ tầng đô thị, tác động lâu dài đến thu nhập và chi tiêu.

**Nhận xét:**

- Quá nhiều mục tiêu và kết quả. Chưa nêu rõ ra được đầu ra, kết quả. Cần giải quyết bài toán đầu ra như thế nào?

**NHÓM 2: BỘ XÂY DỰNG**

**Thuyết trình nhóm:**



Mục tiêu chương trình nhà ở xã hội là giúp thu hẹp khoảng cách giàu nghèo đô thị. Đánh giá các chỉ số về thu nhập để chỉ ra đâu là đối tượng thu nhập thấp, đâu là người nghèo; chỉ số về nhu cầu và khả năng của người thu nhập thấp trong việc mua và thuê nhà; Chỉ số số lượng căn hộ nhà nước có thể cung cấp.

**Hỏi đáp:**

- Hỏi: Nhà ở xã hội gồm 8 đối tượng chiếm 40% dân số Việt Nam. Vậy mục tiêu sản phẩm cụ thể muốn đạt được là gì? Phải chăng là tất cả các nhóm đối tượng này đều được tiếp cận?
- Trả lời: Chọn ra đối tượng ưu tiên được tiếp cận trước vì ngân sách có giới hạn. Đối tượng được chọn phải có yếu tố muốn thoát nghèo, có kế hoạch cụ thể.
- Hỏi: Đầu ra nào mà các ngài cần để thực hiện mục tiêu đấy?
- Trả lời: Chọn những đối tượng ít cơ hội nhất như tuổi tác hoàn cảnh. Sẽ có chỉ số cho từng năm để biết đáp ứng được bao nhiêu % số lượng đối tượng đó.

**Nhận xét:**

- Chưa nhận được ý kiến chính xác về đối tượng nào? Nhận được theo cách nào và bao nhiêu?

**NHÓM 3: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**Thuyết trình nhóm:**

Xác định mục đích là giảm tình trạng ách tắc trong giao thông đô thị

	Kết quả (outcome)	Đầu ra (output)
1	Quy hoạch giao thông được cải thiện	Tăng 10 – 20% đất Giao thông đô thị
2	Xây dựng hệ thống Giao thông công cộng (bus, tàu thông minh..)	50% dân cư sử dụng hệ thống Giao thông công cộng
3	Ý thức cộng đồng tham gia Giao thông đô thị	Có chính sách, tuyên truyền, giáo dục
4	Giảm số lượng phương tiện cá nhân vào giờ cao điểm	Thay đổi khung giờ làm việc

Nhóm xác định 4 kết quả:

- Quy hoạch giao thông được cải thiện: tăng đất giao thông đô thị lên 15-20% (với đô thị lớn), đô thị cấp thấp hơn thì % nhỏ hơn. Tỷ lệ đất giao thông động và tĩnh tăng lên.
- Xây dựng hệ thống giao thông công cộng hoàn thiện cải thiện hệ thống giao thông đô thị. Vì hệ thống giao thông đường mới đáp ứng được 30% nhu cầu.
- Tăng cường ý thức cộng đồng khi tham gia giao thông: chính sách, văn bản, chủ trương nâng cao ý thức.
- Giảm số lượng phương tiện cá nhân vào giờ cao điểm: nghiên cứu thay đổi khung giờ làm việc hợp lý; chính sách về thuế khi tham gia giao thông vào khu vực nội đô. VD: Hồng Kông , Singapore.

**Kết quả:**

- Giảm áp lực lên hệ thống giao thông đô thị.

**Nhận xét:**

- Chưa phù hợp với toàn quốc, chỉ nên áp dụng cho Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.
- Cần tham khảo ý kiến của cộng đồng nhiều hơn về kế hoạch.

#### **NHÓM 4: BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

- **Thuyết trình nhóm:**

Quản lý về vấn đề môi trường đô thị và nông thôn dựa trên chính sách, nguồn vốn đầu tư. Bao gồm: ..bảo tồn; xây dựng; quy hoạch

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng, công nghệ, kêu gọi đầu tư từ các đối tác.

Theo dõi cần 3 công tác:

- thống kê; ngân sách thực hiện và đánh giá.

Điều quan trọng nhất với chính sách là đầu tư cho quy hoạch môi trường và kinh tế xã hội. Đầu tư chuyển sang lĩnh vực khác vì nguồn vốn giới hạn, nên đầu tư lĩnh vực theo dõi.

- **Nhận xét:**

- Chưa thấy kết quả chương trình đầu tư cụ thể và làm rõ những sản phẩm cần đạt được là gì?



**Ngày 2 – 21/03/2014**

*Chọn 1 kết quả của bài tập 1, nêu lý do lựa chọn kết quả đó.*

## **NHÓM 1: BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

- **Thuyết trình nhóm:**

Thích ứng với biến đổi khí hậu trong việc thoát nước mặt đô thị (thoát nước mưa). Kết quả mong đạt được là quản lý nước mặt một cách hiệu quả nhất.

Sản phẩm: Quy hoạch thoát lũ; Quy hoạch cốt san nền chuẩn, tránh ngập lụt, tăng khả năng tự thoát; Ưu tiên giải quyết các dự án hạ tầng trọng điểm; Nâng cao khả năng quản lý nước mặt đô thị.

Chúng tôi đặt ra sự ưu tiên trong nguồn vốn hạn hẹp của mình: có quy hoạch thoát lũ hoàn chỉnh. Thông qua 3 chỉ số chính: chỉ số thoát nước; chỉ số thẩm thấu nước mặt; khả năng dung chứa nước mặt của đô thị đó. (dựa vào nhánh thẩm thấu vào lòng đô thị; nhánh thoát nước ra khỏi đô thị; nhánh lưu trữ trong các hồ chứa nước đô thị). Dựa vào đó tổng hợp và rút ra kết luận đô thị đó công suất thoát nước chỉ được 60%, 40% còn lại cần được giải quyết bằng 3 hệ thống kể trên. Trong vòng 5 năm tới, hệ suất thoát nước cần được đảm bảo thêm 20% nữa lượng nước mưa chảy xuống đô thị; thêm 10% lượng trữ nước

- **Hỏi Đáp:**

Hỏi:

- Đô thị chỉ mới tính đến chống lượng nước mưa, thế còn lượng nước từ bên ngoài vào như nước sông hồ dâng cao (Hà Nội), nước triều cường (TP. Hồ Chí Minh) thì sao??

Trả lời:

- Đây là vấn đề kỹ thuật, cụm từ “thoát nước đô thị” là đã bao gồm tất cả các lượng nước đổ vào đô thị (do mưa, triều cường..). Thiên tai thì ta được biết là thường do từ thượng nguồn đổ xuống, vùng đồng bằng cần có quy hoạch lãnh thổ tốt hơn, quản lý được lưu vực nước từ thượng nguồn xuống hạ lưu, xây dựng hồ trữ nước ở thượng nguồn sẽ hiệu quả hơn là hạ lưu. Đây là chiến lược mang tầm vóc quốc gia, nếu giải quyết dưới tầm vóc đô thị thì có hiệu quả thấp hơn.

- **Nhận xét:**

- Ý nghĩa của câu hỏi bao gồm nhiều yếu tố có thể gây ra. Đô thị là một công trình lâu bền, cần ưu tiên mạng lưới đường quốc gia vì các chỉ số cao độ của đường đều nằm trong chiến lược chung để đô thị thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu và thiệt hại do thiên tai gây ra.

## NHÓM 2: BỘ LAO ĐỘNG VÀ THƯƠNG BINH XÃ HỘI

- **Thuyết trình nhóm:**

Nâng cấp hệ thống thông tin, hệ thống kết nối giữa người lao động và nhà tuyển dụng. Các dự án chiến lược: xây dựng trung tâm cung cấp thông tin về việc làm dựa trên nền tảng phát triển các ứng dụng thông tin địa lý, điện toán đám mây. Trung tâm này sẽ tổ chức các khóa tập huấn để nâng cao năng lực, làm các sổ tay hướng dẫn giới thiệu các kỹ năng cơ bản với người lao động, chương trình truyền thông (truyền hình, radio, internet). Người có nhu cầu truy cập đó là người tìm việc làm; các tổ chức, công ty có nhu cầu tuyển dụng.. Chỉ tiêu hướng đến sau 5 năm là khoảng 500.000 người tiếp cận được đến mảng thông tin này, con số này là kết quả số lượng người tham gia vào các khóa đào tạo; download sổ tay hướng dẫn. Và mong muốn 200.000 người trong số đó sẽ tìm được việc làm. Mục tiêu nữa là hướng đến tương lai nơi đây sẽ trở thành trung tâm dữ liệu về người lao động, có thể giới thiệu họ đến nhiều nhà tuyển dụng một lúc => tiết kiệm thời gian quản lý hồ sơ. Đồng thời người tuyển dụng cũng có thể truy cập để tìm hiểu thêm về thông tin người lao động như năng lực, kinh nghiệm..

- **Hỏi Đáp:**

Hỏi:

- Với tầm nhìn của cơ quan quản lý cấp nhà nước thì dự án như thế này chưa đầy đủ, cần thêm kích ứng để người làm thuê và đi thuê có thêm sự đào tạo, cải cách giáo dục việc làm -> xã hội được kích ứng phát triển hơn.
- Quản lý dữ liệu trên đầu hồ sơ người lao động, nhưng sau 1 thời gian dữ liệu đó không được update tự động. Vậy có ý tưởng gì để quản lý dữ liệu đó hay không?

Trả lời:

- Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi gặp một số khó khăn vì có rất nhiều tiêu chí, chúng tôi lựa chọn nhóm người nghèo đô thị. Nhóm này có 1 khiếm khuyết nhất định là chưa hoàn thiện thông tin khi tìm việc. Dự án này hướng vào đối tượng đó nên chúng tôi nghĩ mình có thể nâng cao cơ hội, tạo việc làm cho người nghèo đô thị. Hướng tới mục tiêu tạo cửa sổ cơ hội tìm việc, trc mắt là cơ hội thoát nghèo.

Nhận xét

- Dự án này có kết quả và đầu ra khá hiệu quả cho phát triển xã hội. Tuy nhiên nếu không phân cấp đối tượng thì sẽ có một vài thách thức rất lớn trong quá trình triển khai dự án. Vì nhiều đối tượng nghèo không có cơ hội tiếp cận trực tiếp kênh thông tin các bạn cung cấp.

Trả lời:

- Chúng tôi muốn dùng nhiều kênh thông tin truyền thông khác nhau, một số kênh không chỉ là internet mà miễn phí như truyền hình, video..

### NHÓM 3: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

- **Thuyết trình nhóm:**

Mục đích của chúng tôi là giảm tình trạng ách tắc giao thông, tăng cường ý thức tham gia giao thông và hạn chế phương tiện vào giờ cao điểm

Ưu tiên được chọn là cải thiện hệ thống giao thông công cộng. Chúng tôi mong muốn áp dụng ở đô thị >200.000 dân, mật độ >10.000. có rất nhiều chỉ tiêu, nhưng chọn được 3 chỉ tiêu:

- Chi số người tham gia giao thông: dưới 10% mục tiêu, thực hiện trong 20 năm
- Số lượng các loại hình giao thông công cộng: các phương tiện sẵn có để người dân có thể sử dụng là xe buýt. Mục tiêu trong 5 năm tới, đầu tư phát triển tuyến xe buýt nhanh với chi phí đầu tư ban đầu thấp mà phục vụ được lượng lớn khách. Với các đô thị đặc biệt thì xây dựng 1 đến 2 tuyến tàu trên cao, 1 tuyến metro.
- Tỷ lệ % đất giao thông công cộng: chưa có số liệu cụ thể, khoảng dưới 1%. Muốn cải thiện giao thông công cộng thì cần quỹ đất lớn. Do đó cần tăng lượng quỹ đất lên.

- **Hỏi Đáp:**

Nhận xét:

- Bộ Giao thông vận tải có chút nhầm lẫn về phương pháp luận. Mục đích của chúng ta là giảm ách tắc nhưng outcome thì phải là tình trạng ách tắc được cải thiện. nhưng output mới chỉ là kết quả dự án. Khi giao thông được cải thiện rồi thì cải thiện lâu dài của nó là chất lượng sống được lâu dài.
- Nếu sử dụng xe buýt nhiều hơn thì ta cần tìm đến chỉ số chuyển giao phương tiện giao thông từ phương tiện giao thông cá nhân sang phương tiện công cộng?
- Đất giao thông công cộng tăng lên chưa chắc chất lượng sống đã tốt lên. Số lượng phương tiện tham gia trong giờ cao điểm mới đánh giá đúng chứ không phải giờ thấp điểm.
- Đầu tư phát triển cần đáp ứng các nhu cầu khác gộp lại, cần thời gian thời điểm và thời cơ. Vậy cần chiến lược như thế nào để đảm bảo được tính thời gian, thời điểm, thời cơ đó?

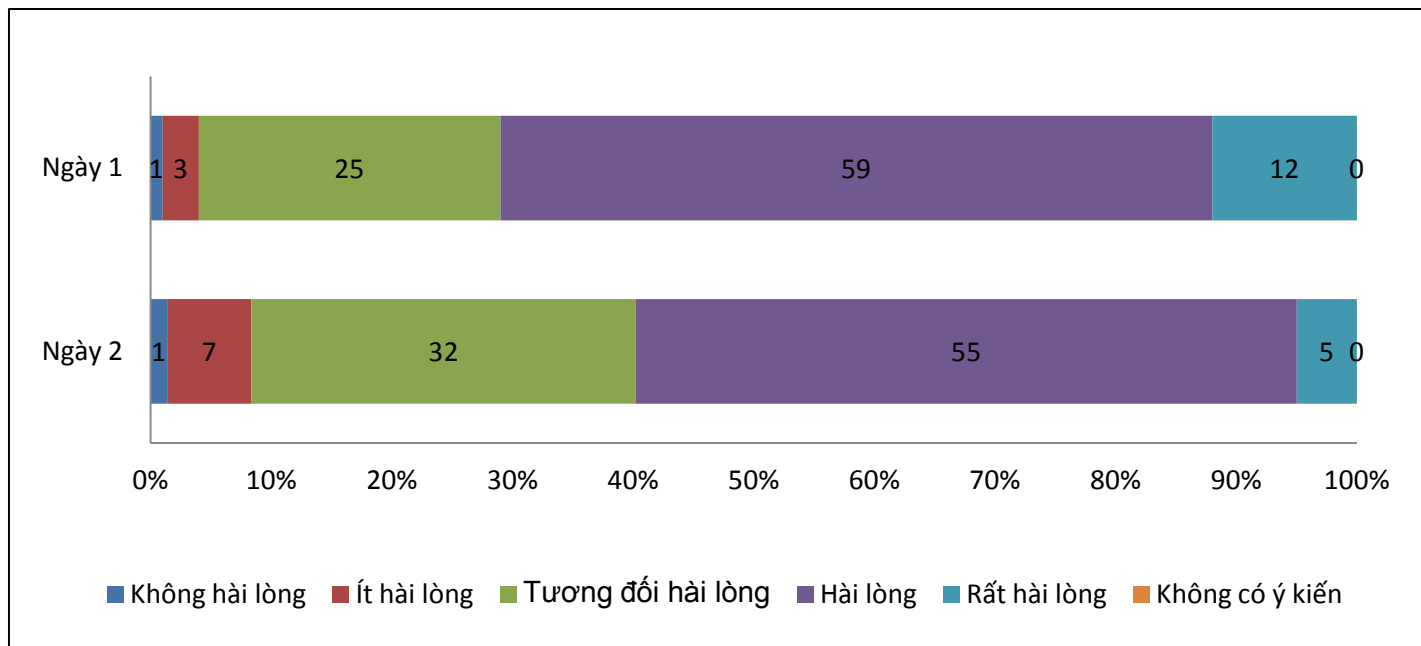
Trả lời:

- Về vấn đề phương pháp luận: tất cả các kết quả này đều đóng góp cho tình trạng ách tắc giao thông, có thể là định lượng và định tính. Đầu ra chủ yếu cho kết quả thì chúng tôi đã trình bày được.

# ĐÁNH GIÁ KHÓA HỌC



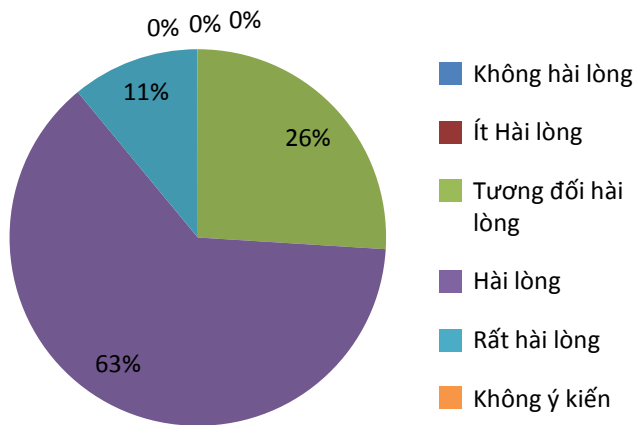
## 1. Mức độ hài lòng về nội dung các bài trình bày



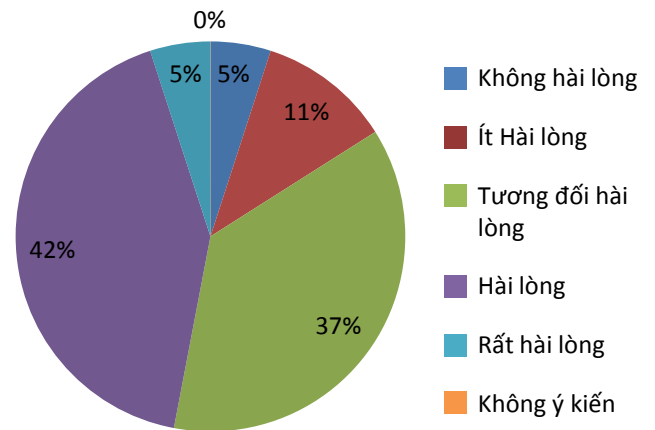
- Ngày I – 20/03/2014**

	Không hài lòng	Ít hài lòng	Tương đối HL	Hài lòng	Rất HL	Ko ý kiến
1. Các bước xây dựng một hệ thống theo dõi và đánh giá đô thị dựa trên kết quả	0	0	5	12	2	0
2. Theo dõi và đánh giá thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	1	2	7	8	1	0
3. Các khái niệm chính và phương pháp luận của hệ thống Quan trắc đô thị (UOS) + Chỉ số Thành phố Thịnh vượng + Các nghiên cứu quốc tế về UOS	0	0	4	13	2	0
4. Phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả trong việc thực hiện các dự án đô thị	0	0	3	12	4	0
<b>TỔNG</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>19</b>	<b>45</b>	<b>9</b>	<b>0</b>

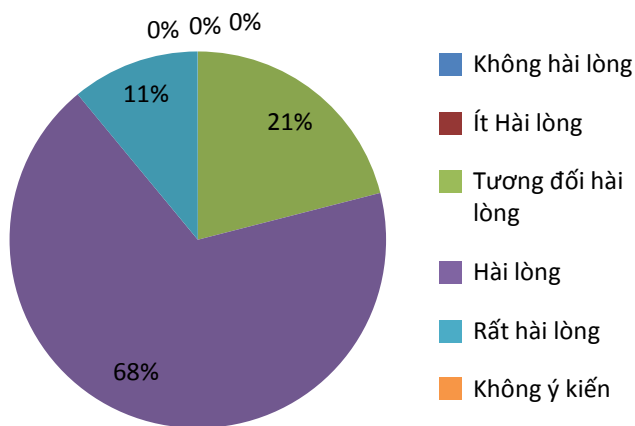
**Các bước xây dựng một hệ thống theo dõi và đánh giá đô thị dựa trên kết quả**



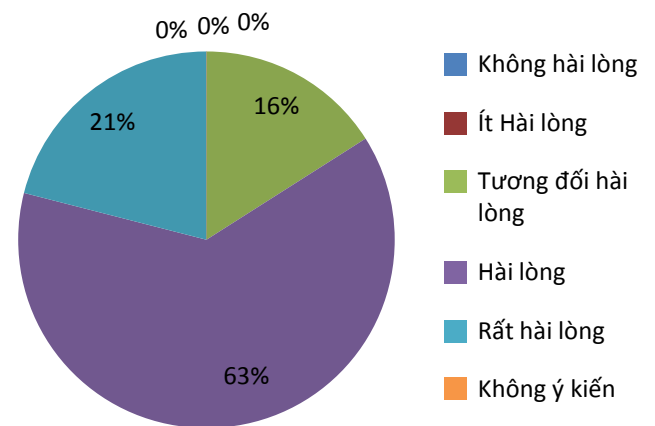
**Theo dõi và đánh giá thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**



**Các khái niệm chính và phương pháp luận của hệ thống Quan trắc đô thị (UOS) + Chỉ số Thành phố Thịnh vượng + Các nghiên cứu quốc tế về UOS**



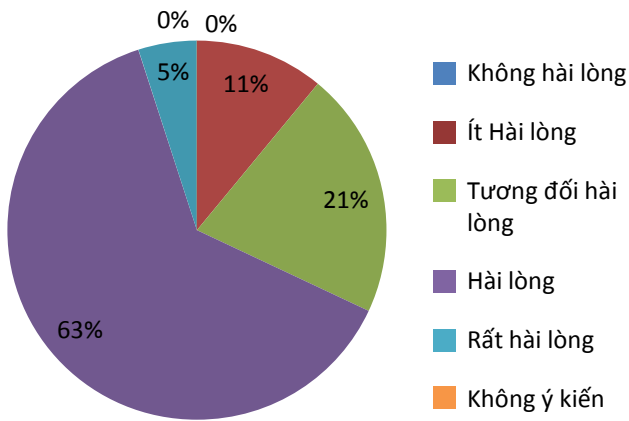
**Phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả trong việc thực hiện các dự án đô thị**



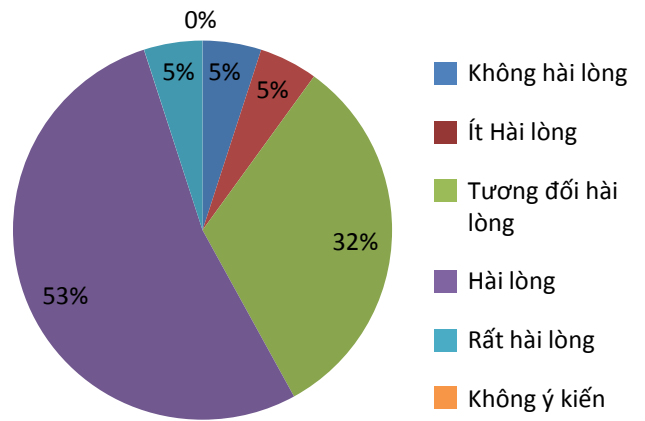
• **Ngày II – 21/03/2014**

	Không hài lòng	Ít hài lòng	Tương đổi HL	Hài lòng	Rất HL	Ko ý kiến
5. Nghiên cứu điểm về hệ thống thống kê đô thị và chỉ số đô thị bền vững	0	2	4	12	1	0
6. Đề xuất từ phía Bộ Xây dựng về xây dựng hệ thống chỉ số đô thị tại Việt Nam	1	1	6	10	1	0
7. Đề xuất xây dựng hệ thống chỉ số đô thị tại Việt Nam	0	0	6	12	1	0
8. Khung tiêu chí “Thành phố đáng sống” cho thành phố Đà Nẵng đến năm 2020	0	2	8	8	1	0
<b>TỔNG</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>24</b>	<b>42</b>	<b>4</b>	<b>0</b>

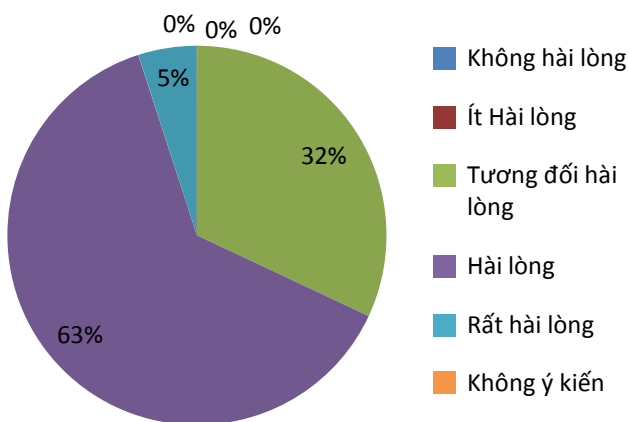
**Nghiên cứu điểm về hệ thống thống kê đô thị và chỉ số đô thị bền vững**



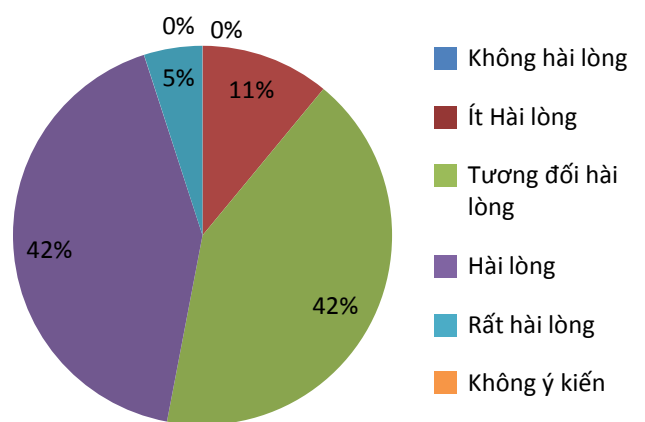
**Đề xuất từ phía Bộ Xây dựng về xây dựng hệ thống chỉ số đô thị tại Việt Nam**



**Đề xuất xây dựng hệ thống chỉ số đô thị tại Việt Nam**

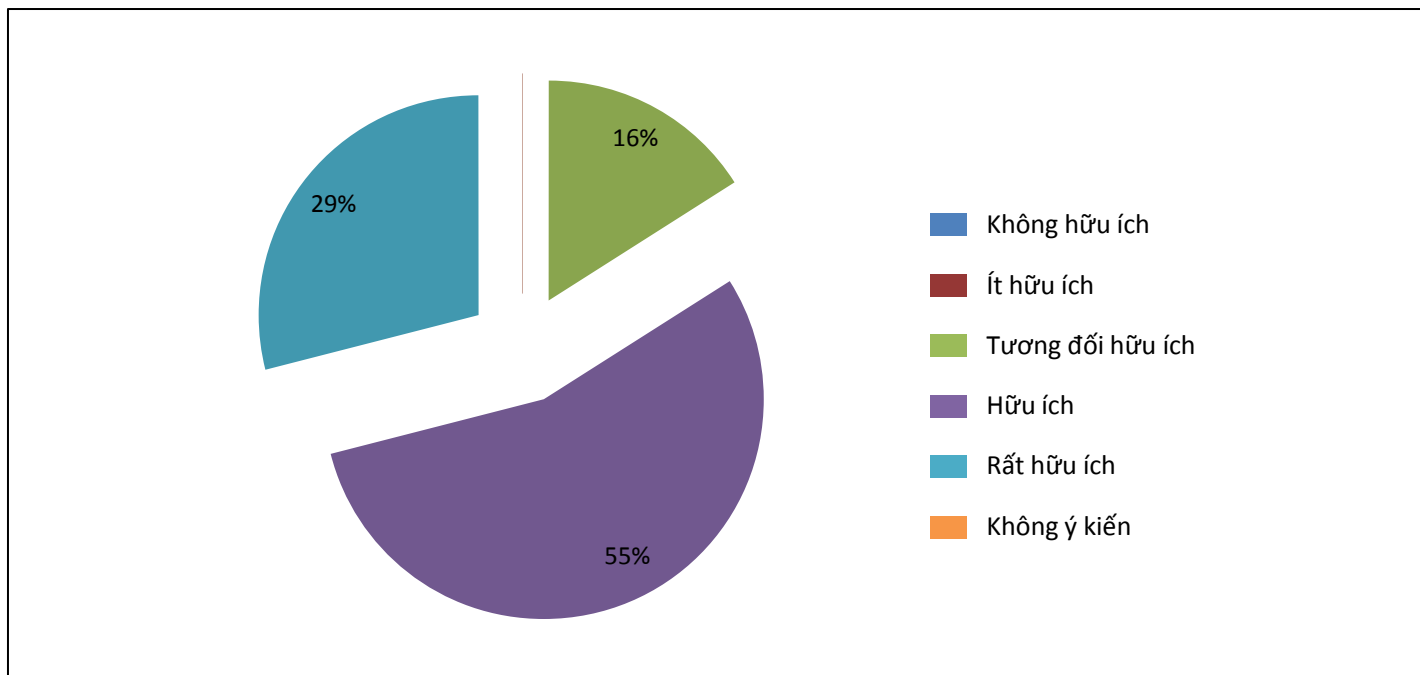


**Khung tiêu chí “Thành phố đáng sống” cho thành phố Đà Nẵng đến năm 2020**



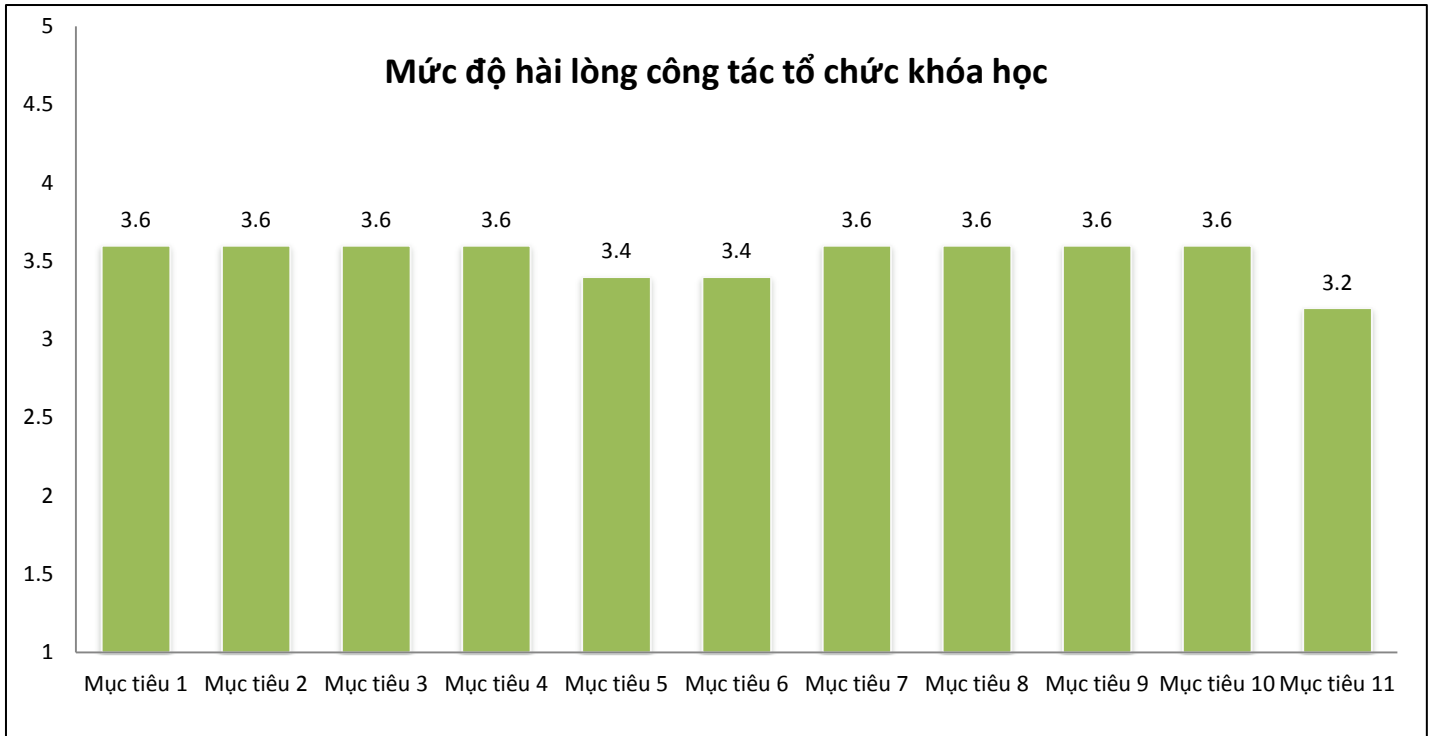


## 2. Mức độ hữu ích của bài tập nhóm



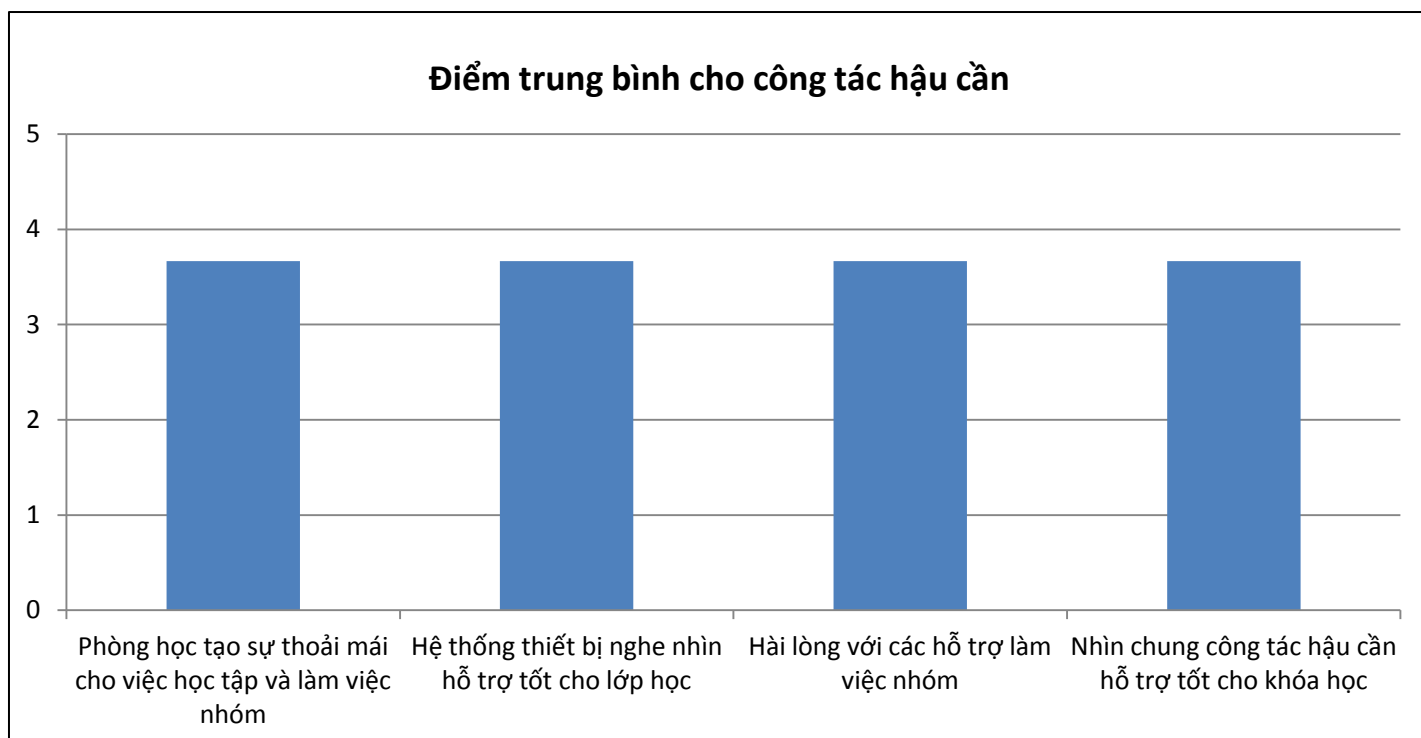
	Không hữu ích	Ít hữu ích	Tương đối hữu ích	Hữu ích	Rất hữu ích	Không ý kiến
<b>Bài tập nhóm 1:</b> Làm rõ các khái niệm mục tiêu, đầu ra, kết quả	0	0	2	11	6	0
<b>Bài tập nhóm 2:</b> Xác định các chỉ số đo lường kết quả	0	0	3	10	6	0
<b>Bài tập nhóm 3:</b> Làm rõ cơ sở và mục tiêu, phương pháp thu thập dữ liệu, tần suất thu thập dữ liệu	0	0	3	10	5	0
<b>Bài tập nhóm 4:</b> Ai phân tích, báo cáo, sử dụng dữ liệu	0	0	4	9	4	0
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>40</b>	<b>21</b>	<b>0</b>

### 3. Mức độ hài lòng công tác tổ chức khóa học



	1	2	3	4	5	TB
1) Cung cấp tài liệu phù hợp với mong muốn	0	0	5	7	6	3.6
2) Toàn bộ khóa học được điều phối tốt	0	1	2	5	10	3.6
3) Thời gian được phân bổ hợp lý cho từng nội dung đào tạo	1	0	5	7	5	3.6
4) Thông tin truyền đạt có tính logic và dễ theo dõi	0	1	4	6	7	3.6
5) Đã trình bày các kiến thức về lý thuyết trong tài liệu khóa học	0	0	1	12	4	3.4
6) Đã trình bày các kiến thức về thực tiễn trong tài liệu khóa học	0	2	2	10	3	3.4
7) Tài liệu khóa học hữu ích và được sắp xếp hợp lý	0	0	5	9	4	3.6
8) Khóa học rất hữu ích cho công việc của tôi	0	0	5	6	7	3.6
9) Nhìn chung, các khái niệm được trình bày dễ hiểu	0	0	3	9	6	3.6
10) Người hướng dẫn truyền đạt thông tin rõ ràng	0	0	3	10	5	3.6
11) Powerpoint hỗ trợ tốt việc trình bày các nội dung	0	0	1	10	5	3.2

#### 4. Đánh giá công tác hậu cần



	1	2	3	4	5	TB
1) Phòng học tạo sự thoải mái cho việc học tập và làm việc nhóm	0	0	2	4	12	3.6
2) Hệ thống thiết bị nghe nhìn hỗ trợ tốt cho lớp học	0	1	1	4	12	3.6
3) Hài lòng với các hỗ trợ làm việc nhóm	0	0	1	6	11	3.6
4) Nhìn chung công tác hậu cần hỗ trợ tốt cho khóa học	0	0	0	5	13	3.6

## **5. Khía cạnh nội dung mà học viên cho là giá trị nhất**

- Đánh giá dựa trên bằng chứng kết quả, cho thấy một cách tiếp cận các bộ chỉ số khoa học : 2
- Hệ thống đánh giá dựa trên kết quả.
- Hệ thống chỉ tiêu về thành phố sống tốt của UN-Habitat, Trung Quốc.
- Bài tập nhóm : 3
- Phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả trong việc thực hiện các dự án.
- Các khái niệm chính và phương pháp luận của hệ thống Quan trắc đô thị (UOS) + Chỉ số Thành phố Thịnh vượng + Các nghiên cứu quốc tế về UOS : 2
- Các bài tập thực hành có giá trị cao trong việc giúp học viên hiểu rõ hơn nội dung lý thuyết, các phần phản biện có tính đóng góp tốt.
- Phương pháp xây dựng Bộ chỉ số đánh giá về đô thị.
- Theo dõi, đánh giá dựa trên kết quả
- Xây dựng hệ thống theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả : 3
- Đưa ra chỉ số Thành phố đáng sống
- Phân tích mục đích ưu tiên.
- Các kiến thức về hệ thống thống kê về chỉ số đô thị bền vững.
- Không ý kiến: 2



## 6. Ý kiến để cải thiện các khóa học sắp tới

- Gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn
- Tăng cường bài tập
- Cung cấp tài liệu trước 2-3 ngày
- Mỗi nhóm cần có hướng dẫn tốt hơn trong điều phối
- Có phương pháp không chế thời gian cho phù hợp với chương trình
- Cần mở rộng đối tượng tham gia
- Cần có ví dụ minh họa cụ thể hơn
- Nên có những Case study hiệu quả hơn và mời được những người trực tiếp tham gia thực hiện những case study đã thành công
- Tăng cường sự tham gia của cá nhân, đơn vị thẩm quyền nhà nước liên qua khả năng thể chế hóa các chỉ tiêu
- Những nội dung, kiến thức mới cần được trình bày rõ ràng và có ví dụ cụ thể
- Mời thêm một số bộ ngành có liên quan
- Phân tích cụ thể một vài chính sách/chương trình của Việt Nam
- Tăng thêm thời gian khóa học, đưa ra nhiều tình huống
- Cần đi vào phân tích các thông tin chỉ số đô thị cho Việt Nam, các biện pháp về thể chế, chuyên môn kỹ thuật để phát triển bộ chỉ số Đô thị Việt Nam
- Cần sắp xếp thời gian hợp lý hơn, bài diễn thuyết quá dài và quá nhiều thông tin.
- Không có ý kiến: 3

## 7. Tính ứng dụng của khóa đào tạo

### 7.1 Mong muốn áp dụng những kiến thức đã học vào công việc như thế nào?

- Hiểu hơn về các thuật ngữ và các cách tiếp cận vấn đề từ nhiều góc nhìn
- Xác định được kết quả, mục tiêu của một đồ án quy hoạch, từ đó xác định được lộ trình kiểm soát việc thực hiện đồ án quy hoạch
- Tôi mong muốn áp dụng những kiến thức đã được tiếp cận vào công việc xây dựng những công việc được giao, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực mình quản lý
- Đưa ra được bộ chỉ số về công tác quản lý đô thị
- Nâng cao kiến thức để hoàn thiện trong công việc nghiên cứu
- Áp dụng cụ thể về phương pháp luận vào đánh giá, theo dõi dự án
- Hiểu về mục đích, yêu cầu, sự cần thiết xây dựng chỉ tiêu đánh giá đô thị. Bước đầu xây dựng bộ chỉ tiêu cho địa phương với mức độ chấp nhận được
- Áp dụng vào các nghiên cứu đang thực hiện, áp dụng vào giảng dạy tại bậc đại học
- Ngay sau khi hoàn thành khóa tập huấn
- Không có ý kiến : 5

### 7.2 Khó khăn trong việc áp dụng các kiến thức và kinh nghiệm học được từ khóa đào tạo vào trong công việc hiện tại

- Vấn đề thể chế để áp dụng
- Thông tin về các chỉ số đô thị tại các thành phố tại Việt Nam
- Nguồn kinh phí và nhân lực
- Không phù hợp với quy trình Việt Nam
- Ít ví dụ thành công được trình bày
- Kiến thức tổng quan, kinh nghiệm cá nhân còn thiếu, cần trang bị thêm
- Kinh nghiệm còn chưa đủ để phát triển rộng rãi, chưa có mạng lưới chuyên gia và môi trường ủng hộ
- Thuyết phục được mọi người sử dụng trong công việc
- Số liệu thống kê đang rời rạc, không đầy đủ và liên tục, công nghệ chưa cao
- Không có ý kiến: 7

## 8. Các ý kiến khác:

- Nên giảm bớt lượng kiến thức trong các tham luận và làm rõ nội dung đơn giản và dễ tiếp cận hơn
- Rất mong các khóa học được tổ chức thường xuyên.
- Khóa học nhìn chung là thành công, mang tính gợi mở tốt
- Khóa học rất bổ ích.

# TƯ LIỆU ẢNH CỦA KHÓA HỌC





